NĂM THỨ MƯỜI HAI • # 142 • FEBRUARY 2001

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL: (714) 839-8746 • FAX: (714) 839-8215

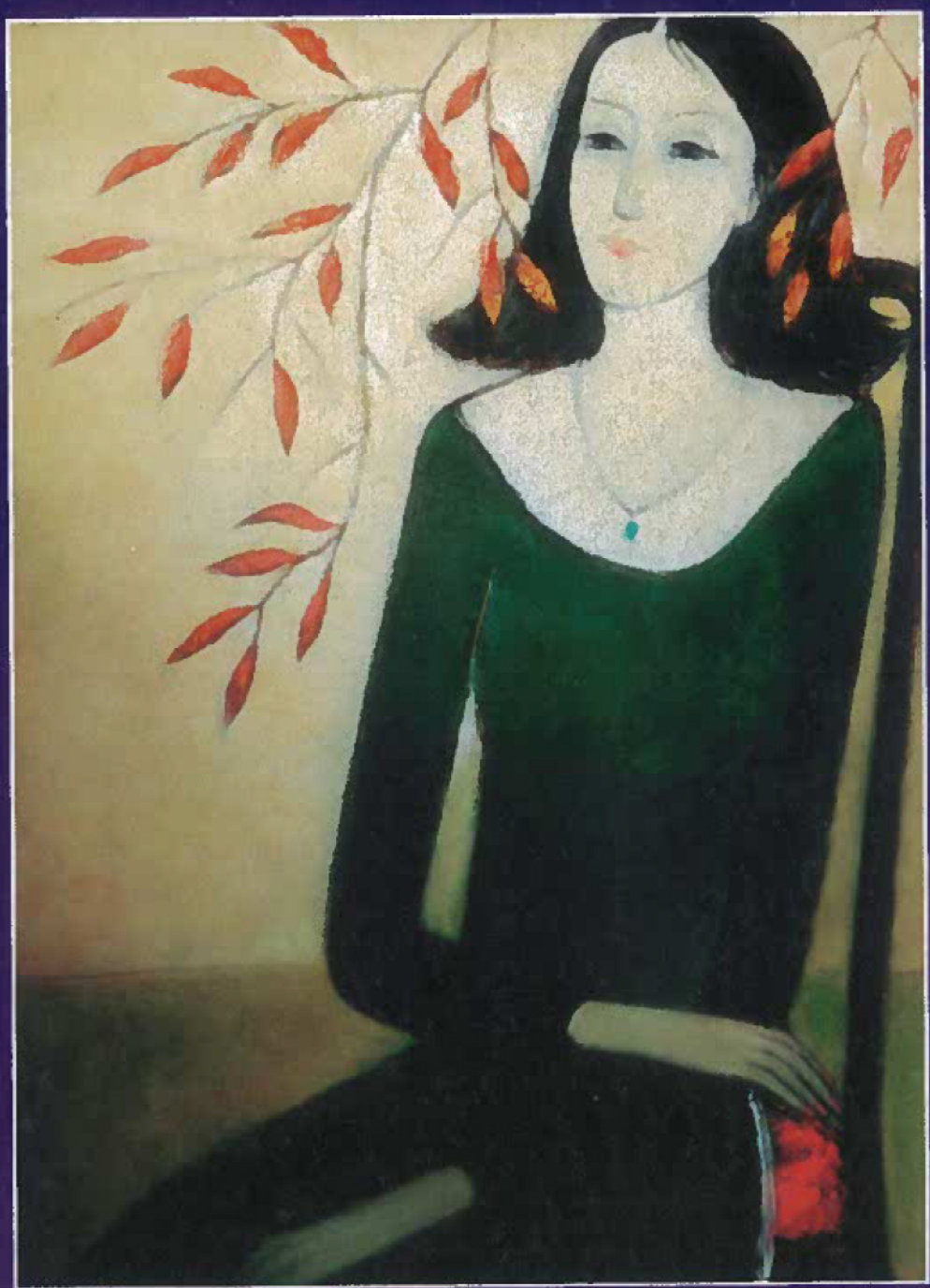

Số Tân Niên

Cơ Hội Ngàn Vàng Lại Đến Với Qúy Bạn!

KHÔNG LẼ BẠN BỎ LỠ CƠ HỘI KHÔNG GIA NHẬP MỘT CƠ SỞ VỚI 155 NĂM KINH NGHIỆM VÀ CÓ KHẢ NĂNG GIÚP BẠN NÂNG CAO TAY NGHỀ MÀ CÒN ĐƯỢC THÊM VÔ SỐ LỢI NHUẬN HẤP DẪN KHÁC NỮA SAO?

New York Life. Thành lập từ năm 1845, New York Life là một trong những cơ sở bảo hiểm và dịch vụ tài chánh hàng đầu tại Hoa Kỳ ngày nay. New York Life hiện đang tuyển mộ những vị đại diện có tài tháo vát và nhiệt tình để bổ sung vào lực lượng rao hàng của chúng tôi. Hiện nay, cơ hội ngàn vàng lại đến với qúy bạn. Hãy gia nhập ngay đội ngũ của một hãng uy tín nhất có khả năng đem lại cho qúy bạn không những tay nghề cao mà còn nhiều dịch vụ đầy lợi lộc hấp dẫn khác nữa!

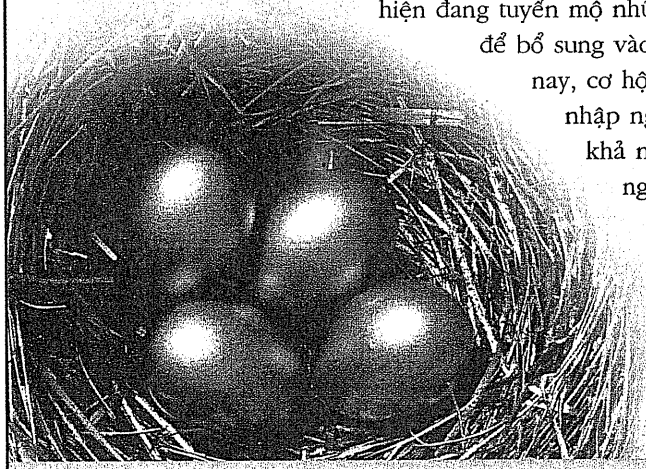

Còn chần chờ gì nữa?
Gọi ngay cho chúng tôi!

EOE M/F/D/V

NEW YORK LIFE INSURANCE COMPANY

Cung ứng bảo hiểm và những dịch vụ tài chánh khác

IRVINE
2020 S. Main St., Suite 200
Irvine, CA 92614 • (949) 797-2441

BREA
3230 E. Imperial Hwy, Suite 100
Brea, CA 92621 • (714) 572-2100

LONG BEACH
6700 E. Pacific Coast Hwy, Suite 180
Long Beach, CA 90803 • (562) 493-2571

LA PALMA
6 Centerpointe Dr., Suite 600
La Palma, CA 90623 • (714) 228-2779

POMONA
3201 Temple Ave., Suite 200
Pomona, CA 91768 • (909) 598-2333

NEW YORK LIFE
The Company You Keep.®

©2000 New York Life Insurance Company, 51 Madison Avenue, New York, New York 10010. All rights reserved

www.newyorklife.com

MERRY CHRISTMAS
HAPPY NEW YEAR 2001

*** Quý vị đã hài lòng, khen ngợi Video Paris by Night 52, Long Beach 1999, chủ đề *Giã Từ Thế Kỷ*.**
*** Quý vị sẽ vô cùng thích thú khi thưởng ngoạn chương trình tuyệt vời Video Paris by Night 57, Long Beach 2001 thật sáng giá chào đón Thiên niên kỷ mới.**

*** Tưng bừng phát hành khắp thế giới vào Mùa Giáng Sinh December 2000.**
*** Món quà đặc sắc, tặng phẩm nghệ thuật mang niềm vui và hạnh phúc cho mọi gia đình trong mùa lễ Christmas 2000 và New Year 2001.**

MERRY CHRISTMAS
HAPPY NEW YEAR
2001

QUÀ TẶNG ĐẦY Ý NGHĨA

Một món quà tặng bạn bè, người thân mà suốt năm vẫn nhận được đều đều, suốt đời vẫn thưởng thức được, đó là **một năm báo THẾ KỶ 21.**

Nhân dịp đầu xuân, quý vị độc giả có thể tặng bất cứ ai một năm báo *Thế Kỷ 21* với giá đặc biệt, nếu người được tặng chưa phải độc giả dài hạn của TK 21.

PHIẾU TẶNG BÁO

Họ tên người tặng: .....

Họ tên người nhận: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....
Một năm báo *Thế Kỷ 21* (12 số) bắt đầu từ số .....
Giá đặc biệt: Bớt 10% so với giá bình thường.
Xin tham khảo nơi Phiếu Dài Hạn (Subscription Form) dưới đây.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name:*..... *ĐT. / Phone:*.....
Địa chỉ / *Address:*.....
Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me*:
□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #* .....

Gửi Bulk Rate	□ 1 năm / 1 year US$50.00	□ 2 năm / 2 years US$90.00
Gửi First Class:	□ 1 năm / 1 year US$64.00	□ 2 năm / 2 years US$120.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail) CANADA	□ 1 năm / 1 year US$68.00	□ 2 năm / 2 years US$130.00
ÂU CHÂU / *EUROPE*	□ 1 năm / 1 year US$90.00	□ 2 năm / 2 years US$170.00
Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*	□ 1 năm / 1 year US$106.00	□ 2 năm / 2 years US$196.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 15 tháng Giêng 1998. / *Effective from January 15, 1998.*
(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*
(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*
(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*
(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA. TEL. (714) 839-8746 FAX (714) 839-8215

"Đôi Mắt Là Cửa Sổ Của Tâm Hồn"

ThanhThảo đã được Bác Sĩ Michael Rose điều chỉnh thị giác bằng phương pháp LAZIK và nay đã có thị giác toàn hảo. Cuộc sống của Thanh Thảo đã có nhiều thay đổi tốt đẹp hơn từ ngày không còn bị lệ thuộc vào kính cận và contact lenses.

Nếu quý vị muốn có thị giác toàn hảo và khỏi phải lệ thuộc vào kính mắt hoặc contact lenses, xin hãy đến với những bác sĩ chuyên nghiệp. ***Bác sĩ Michael Rose*** và ***Bác sĩ Marc Rose*** là hai bác sĩ chuyên ngành về phương pháp ***LAZIK*** với trên 10 năm kinh nghiệm và đã hoàn tất trên 20,000 cuộc giải phẫu Laser và điều chỉnh thị giác. ***Bác sĩ Michael Rose*** là vị bác sĩ thứ nhì được chứng nhận được phép áp dụng phương pháp giải phẫu ***LAZIK*** tại miền Nam California.

SOUTH COAST LASER CENTER

3420 Bristol Street, Ste. 700
Costa Mesa, CA 92626
(714) 957-0272

ROSE EYE MEDICAL GROUP

3325 North Broadway
Los Angeles *(Lincoln Heights)*, CA 90031
Tel: 1-888-LASER-03

Để được tham khảo miễn phí, xin gọi:

(714) 957-0272

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA

NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

(714) 531-2773

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10 AM - 7 PM
Chủ Nhật: nghỉ

*** CHUYÊN MÔN CHỮA RĂNG TRẺ EM TỪ 2 TUỔI TRỞ LÊN.**
*** HƯỚNG DẪN ĐÁNH RĂNG ĐÚNG CÁCH ĐỂ CHỮA BỆNH CHẢY MÁU NƯỚU RĂNG VÀ HÔI MIỆNG.**

** Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*

** Phòng Nha Khoa luôn luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

NHA KHOA TỔNG QUÁT
** TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG*
** LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*
*** NHA KHOA THẨM MỸ**
*** NHA KHOA NHI ĐỒNG**

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92843
(Giữa Westminster & Hazard, bên cạnh nhà hàng Viễn Đông)

THẾ KỶ vừa phát hành

TÀ ÁO VĂN QUÂN

Tập truyện
NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

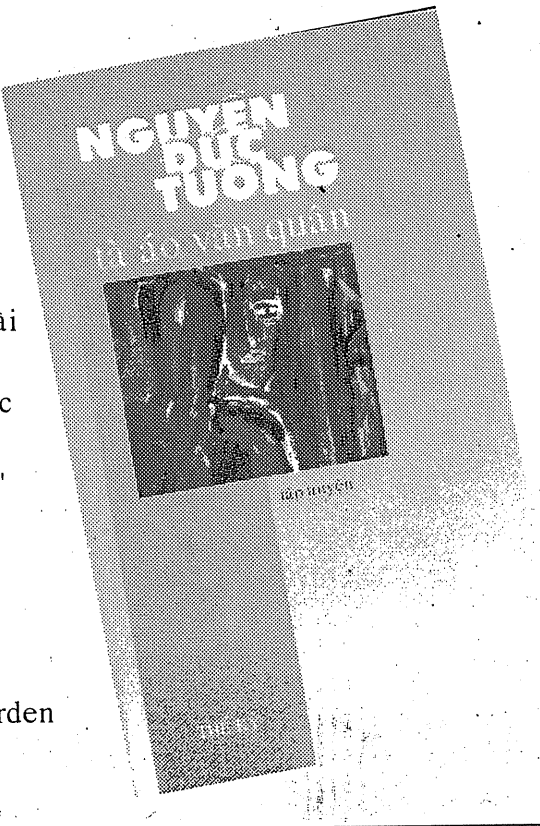

Một tập truyện tình. Tình từ thuở mới từ Bắc vào Huế. Huế vào Sài Gòn. Sài Gòn đi du học Mỹ, từ mấy mươi năm trước. Đậm chất cổ truyền của dân tộc hoặc lãng đãng với những cô gái Tây phương. Hoặc tái ngộ với "người xưa" trên đất lạ...
Tình chập chờn như tà áo bay.
TÀ ÁO VĂN QUÂN.
Giá US$16.00

THẾ KỶ
11022 Acacia Parkway #A Garden Grove CA 92840 - USA
Tel: (714) 839-8746.

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

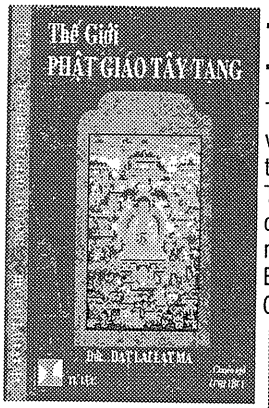

THẾ GIỚI PHẬT GIÁO TÂY TẠNG

Trình bày chính xác, uyên bác và uy tín nhất về toàn bộ truyền thống Phật giáo Tây Tạng của vị thẩm quyền tối cao trên thế giới về lãnh vực này: Đức ĐẠT LAI LẠT MA. Bản dịch của LINH THỤY. Giá 14 MK, ngoài Mỹ 16 MK.

ĐẶNG TIỂU BÌNH,

Nhà chính trị lỗi lạc Trung Quốc

biên khảo của THIỆN NGỘ, giá 18 MK.

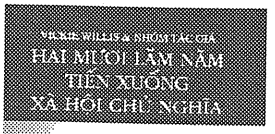

HAI MƯƠI LĂM NĂM TIẾN XUỐNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Hồi ký của những người yêu nước lưu vong: VICKIE WILLIS & Nhóm Tác Giả. Giá 12 MK.

HOA CỎ

Tuyển tập truyện ngắn của LINH THỤY. Chín truyện ngắn dẫn người đọc vào chín thế giới khác nhau, phong phú, sống động và đa dạng. Giá 15 MK, ngoài Mỹ 17 MK.

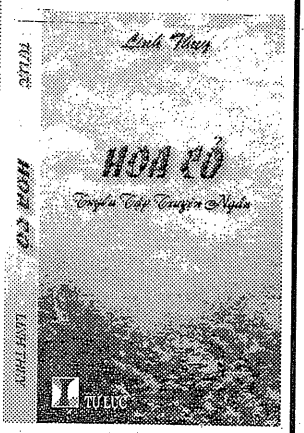

SÁCH TUYỂN CHỌN - MỚI XUẤT BẢN / TÁI BẢN

- Đại dự đoán Trung Quốc thế kỷ 21 (bìa cứng,984 trang , khổ 19x 24cm) (Phùng Lâm)	$29.00
- Đạo làm người trong tục ngữ ca dao VN (Nguyễn Nghĩa Dân)	$12.00
- Để người bạn đời vui thật là dễ (Văn Tuấn)	$7.00
- Địa lý toàn thư (bìa cứng, khổ 16x 24cm,662 trang) (Lưu Bá Ôn)	$24.00
- Giáo trình tin học căn bản (Bùi Thế Tâm)	$8.00
- Hán học danh ngôn (Triệu Quang Dung)	$7.00
- Kho tàng truyện Nôm khuyết danh (bộ 2 tập, bìa cứng, 2169 trang, khổ 1405x 20.5cam (Nhiều T.G)	$49.00
- Làm thế nào để chinh phục đối phương (Hoàng Văn Tuấn)	$6.00
- Liệt pháo tân biên (bộ 2 tập_ (Công Sĩ)	$14.00
- Lịch sử VN giản yếu (sách tham khảo) (nhiều T.G)	$22.00
- Lịch vạn niên (Nguyễn Hoàng Điệp)	$32.00
- Mối tình đầu của Napoleopn (bộ 2 Tập) (Annemarie Selinko)	$25.00
- Nghìn xưa văn hiến (bộ 3 tập) (Trần Quốc Vượng)	$16.00
- Nghệ thuật chế biến món ăn đặc sản (Nguyễn Quân)	$4.50
- Nghệ thuật hiểu thấu tâm lý người khác (Nguyễn Công Khanh)	$7.00
- Nguyễn Công Hoan- Cây bút hiện thực xuất sắc (nhiều T.G)	$14.00
- Nguyễn Trãi- về tác giả, tác phẩm (Nguyễn Hữu Sơn)	$27.00
- Nguyễn Tuân- Câu bút tài hoa và độc đáo (Nhiều T.G)	$16.00
- Những ông vua nổi tiếng Trung Quốc (bộ 3 tập) (Tiên Lê)	$46.00
- Những bài thuốc dân gian cổ truyền Trung Hoa (bộ 3 tập) (Tiểu Sinh)	$28.00
- Những bài thuốc phòng và trị bệnh (Phan Văn Chiêu)	$13.00
- Những gương mặt tiêu biểu (Unesco)	$11.00
- Những nhạc khúc cổ điển của đàn Piano (Nhiều T.G)	$8.00
- Phóng sự VN (bộ 3 tập)(Nhiều T.G)	$29.00
- Phong Lari VN (Trần Hợp)	$24.00
- Phong tục tập quán các dân tộc VN (Nhiều T.G)	$29.00
- Tình Sử hậu cung Trung Quốc (Lê Toan)	$8.00
- Tam Quốc diễn nghĩa (bộ 2 tập) (La Quán Trung)	$48.00
- Thơ mới lãng mạn và những lời bình (Vũ Thanh Việt)	$16.00
- Thành lũy phố phường con người Hà Nội trong lịch sử (Nguyễn Khắc Đạm)	$9.00
- Thú ăn chơi của người Hà Nội (Bộ 2 Tập)	$9.00
- Thức ăn chữa bệnh tim mạch (Lương Tú Vân)	$7.50
- Thủy hử (bộ 2 tập, bìa cứng, 1432 trang) (Thi Nại Am)	$48.00
- Tự điển Phật học Hán Việt (Giáo Hội Phật Giáo VN)	$49.00
- Túi Khôn Trung Hoa (bộ 2 tập) (Đường Kỳ)	$42.00
- Truyện hay 10 thế kỷ (3 tập/bộ) (Phạm Minh Thảo)	$36.00
- Truyện Kiều (bìa cứng, khổ 21x31cm, giấy láng, hình màu) (Bùi Kí-Trần Trọng Kim)	$22.00
- Tuyển tập văn học dân gian VN (Bộ 7 tập) (bìa cứng, khổ 16x 24cm, 5977 trang (Viện Văn Học)	$168.00
- Văn học sử Trung Quốc (Bộ 3 Tập) (bìa cứng, khổ 13x 19cm, 2500 trang) (Chương Bồi Hoàn)	$69.00
- Xuân thu chiến quốc (Mộng Bình Sơn)	$19.00
- Yêu đương chuyện của muôn đời (Nhiều T.g)	$24.00
- Dưới tàn cây thưa lá (Truyện ngắn tùy bút) (Bùi Ngọc)	$12.00
- Chữ nghĩa bể bể (Đặng Trần Huân)	$12.00
- Trở lại mật khu sinh lầy (Nguyễn Bửu Thoại)	$20.00
- Bè bạn gần xa (Bút ký)(Phan Lạc Phúc)	$22.00
- Viết về nước Mỹ (Giải thưởng Việt Báo)	$20.00
- Chiến Tranh Vn Toàn Tập (Nguyễn Đức Phương)	$45.00
- Quê nội quê ngoại (Xuân Vũ)	$18.00
- Trăm hoa đua nở trên đất bắc	$18.00
- Việt Nam 1920- 1945 Cách mạng & phản cách mạng đô hộ thuộc địa (Ngô Văn)	$18.00
- Cửu Long cạn dòng, biển đông dậy sóng (Ngô Thế Vinh)	$25.00
- Binh biến 11-11-60 Khởi điểm hành trình (Vương Văn Đông)	$18.00
- Đổi mới niềm vui chưa trọn (hồi ký) (Trần Độ)	$14.00
- Văn học Việt Nam Từ điển nhìn hậu hiện đại (Nguyễn Hưng Quốc)	$17.00
- VAn học và thời gian (Nguyễn Vy Khanh)	$15.00
- Bói toán số mệnh của mỗi người (Đoàn Văn Thông)	$16.00
- Kỹ thuật nấu món nhậu (Thu Vân)	$10.00
- Nổi trôi theo mệnh nước (Phạm Ngọc Lũy)	$20.00
- Tập truyện ma (Hồ Trường An)	$14.00
- Chân dung những tiếng hát tập II (Hồ Trường An)	$18.00
- Anh ngữ đàm thoại, sinh hoạt bằng Anh ngữ (Trần Hoài Bắc)	$15.00

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
www.tuluc.com

Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ

Vietnamse American Arts & Letters Association (VAALA)

hân hạnh giới thiệu

Đặng Thái Sơn

Huy Chương Vàng Giải Dương Cầm Quốc tế Chopin 1980

F. Chopin 1810-1849

Trong một buổi trình tấu dương cầm đặc biệt với các
Nhạc khúc nổi tiếng của Chopin, Bach-Busoni, Ravel và Mendelssohn

Chủ Nhật 18 tháng 2, 2001 lúc 4:00PM

tại La Mirada Theater for the Performing Arts

14900 La Mirada Blvd, La Mirada, South California (góc Mirada & Rosecrans)

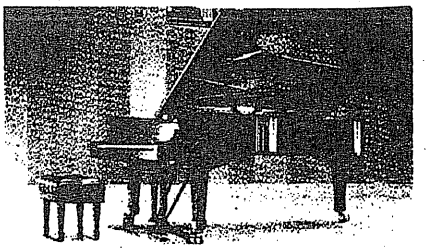

Vietnamese American Arts & Letters Association (VAALA)
proudly presents a Piano Recital
performed by

Dang Thai Son

Gold Medalist, International Chopin Piano Competition, Varsaw, 1980
at La Mirada Theater for the Performing Arts, Sunday February 18, 2001 at 4:00PM

Giá vé/Ticket price: $30-$50-$100.00
(20 % off for students & VAALA members)

Mua vé/ ticket purchase at:
Bích Thu Vân Music Store 714-897-4519
VAALA: 714-537-7686 or 714-534-9431 or 9430
(11am- 7 pm PT M-F)
Ticket on-line: http://kicon.com

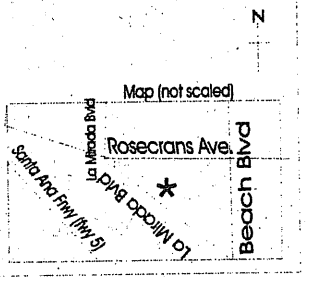

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 839-8746
Fax: (714) 839-8215
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ , Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoàng, Trần Văn Ngô

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-)
Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:

Phát hành & Quảng cáo:
Phan Mỹ Sương

Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
Lê Tất Luyện: 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương 01 39 84 00 84
Tr. T. Diệu Tâm: 01 45 70 72 35
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895
Western Australia: *Bình Anson*
(61- 8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

Hình bìa: tranh của họa sĩ **Đinh Cường**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Hí họa: **Babui, Etcetera**
Ảnh: **Anh Thành**

MỤC LỤC

Số 142 . Tháng Hai 2001

THỜI SỰ - CHÍNH TRỊ
12 Hãy đọc lại truyện Linh Nghiệm - **Nguyễn Minh Cần**
16 Chuyện chẩu chuộc - **Ngô Nhân Dụng**
29 Chuyện Indonesia - **Xuân Quang**
115 Vài cảm nghĩ khi đọc cuốn "The Tiananmen Papers" - **Lê Mạnh Hùng**

TÔN GIÁO - LỊCH SỬ
20 Phật giáo Hòa Hảo và nông dân miền Nam - **Trần Ngươn Phiêu**
54 Vài nét về tín ngưỡng phồn thực... - **Thúc Nguyên**
86 Tổ tiên tộc Việt cổ tại Triết giang - **Nguyễn Quang Trọng**

TIỂU LUẬN
26 Sách lược đào tạo và phát huy chất xám ở Việt Nam - **Phạm Cao Dương**
34 Năm con Rắn và Thế kỷ 21 - **Nguyễn Văn Tuấn**
68 Hành trình của một người trí thức CSVN - **Hoàng Hoa Khôi**, bản dịch Việt ngữ của **Phan Thị Trọng Tuyến**
82 Nghĩ về thời gian - **Võ Doãn Nhẫn**

VĂN
58 Vòng ngựa gỗ - **Bùi Bích Hà**
60 Người thích nhìn vú - **Nguyễn Văn Thà**
73 Ông cố vấn - **Tư Cầu Kho**
89 Linh nghiệm - **Trần Huy Quang**
91 Seamen's Club - **Nguyễn Lê Hồng Hưng**
95 Đi chợ hoa Sài Gòn... - **Văn Quang**
99 Hoa tuyết đêm xuân - **Việt Dương Nhân**
105 Chuyến tàu - **Trần Doãn Nho**

THƠ
63 Khi bước tình đi qua - **Hà Nguyên Du.** 77. Xứ cao - **Cao Xuân Tứ.** 85. Lạ nghe quà Tết - **Đạm Thạch.** 93. Khai bút năm Con Rắn - **Luân Hoán.** 97. Không có mùa Xuân - **Huệ Thu.** 103. Thảo nguyên buồn - **Nguyễn Ngọc Bội.** 107. Thơ viết trong lòng sa mạc - **Trần Huy Sao**

MỤC THƯỜNG LỆ
8 Bạn đọc viết
11 Tòa soạn và Bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
11 Thư Trị sự - **Phan Mỹ Sương**
40 Sổ tay - **Vương Hữu Bột**
46 Đời sống quanh ta - **Thanh Thảo, Trần Quán Niệm**
113 Chân trời Văn học Nghệ thuật - **Anh Thành**
117 Sách báo trong tháng - **Nguyễn Hùng Vũ**

Bức hình của một thi sĩ

(Thư gửi tác giả bài *Tấm Hình Của Một Thi Sĩ*, đăng trên *Thế Kỷ 21* số 141, Xuân Tân Tỵ)

Đọc bài "Tấm hình của một thi sĩ," xin góp với anh mấy chuyện:

Cái tên ông thi sĩ ngồi ở bờ sông Duna thực ra, là József Attila. Chắc tác giả quên không nêu một chi tiết "đắt" là ông này cũng chết trẻ (ba mấy tuổi) và chết vì tự sát. Đến giờ người ta vẫn tranh cãi về lý do vụ tự tử, nhưng em nghĩ, thi sĩ mà chọn cách chết bằng tự tử, nhất là lại chết trẻ, là hợp rồi! (Không phải em hô hào, cổ động các ông thi sĩ như thế đâu nhé!)

Petofi Sándor, chẳng những là một nhà cách mạng, một nhà thơ ái quốc, mà trước hết là một thi sĩ rất vĩ đại của dân tộc Hung. Tuy nhiên, bài "Nemzeti dal" (em không biết dịch thế nào; "nemzeti" nghĩa là thuộc về dân tộc, quốc gia; "dal": bài hát, khúc ca...) mở đầu bằng mấy câu *"Talpra magyar - Hí a haza - Itt az ido - Most vagy soha - Rabok leszunk - Vagy szabadok - Ez a kérdés - Válasszatok!..."* (Vùng lên, dân Hung - Tổ quốc kêu gọi - Thời cơ đến rồi - Bây giờ hay không bao giờ - Chúng ta sẽ là tù nhân - Hay những kẻ tự do - Đó là câu hỏi - Hãy trả lời...) không phải là lời bản quốc ca Hung. Lời quốc ca Hung (có trước) của thi sĩ Kolcsey Ferenc, về sau được nhạc sĩ Kodály Zoltán phổ nhạc và trúng giải trong cuộc thi tìm quốc ca.

Cuộc cách mạng dân chủ nhân quyền (15-3-1848) của Hung coi như được mở đầu khi Petofi, đứng trước Viện Bảo tàng Quốc gia, sang sảng đọc bài thơ đó. Đó là một mẫu mực của văn thơ chính luận, thấm đậm cái bi, cái hùng và cái trữ tình, lãng mạn của một cuộc cách mạng. "Nemzeti dal" nổi tiếng đến nỗi vào đầu thập niên 70, khi "Illés" - ban nhạc nhẹ nổi tiếng nhất ở Hung (thường được gọi là "The Beatles của Hung") - phổ nhạc nó thì họ đã bị liệt vào tội "bất kính," "phạm thượng" (vì dám dùng phương tiện nhạc nhẹ để "tải" những vần thơ kinh điển) và nhiều lúc, bài hát đã bị cấm vì người ta cho rằng nó có thể kích động thanh niên nổi dậy chống lại thể chế của Kádár. Một sự kết hợp tuyệt vời như thế giữa nhạc và lời của một thi phẩm, một ca khúc hoành tráng!) Petofi còn sáng tác một bài thơ ngắn mà dân Việt rất nhiều người biết: "Szabadság, szerelem (Tự do và ái tình) E ketto kell nekem (Vì các ngươi ta sống) A szerelemért (Vì tình yêu lồng lộng) feláldozom az egész életemet (Tôi xin hiến đời tôi) A szabadságért (Vì tự do muôn đời) feláldozom a szerelmemet" (Tôi hi sinh tình ái). Bài này, Petofi sáng tác vào những ngày của cuộc cách mạng Hung. Vì sự lựa chọn "tự do," "ái tình" mang đậm vẻ "lý tưởng cách mạng" như thế, trong sổ thơ của "bộ đội" miền Bắc, bài thơ rất hay có mặt với bản dịch (rất sát và đạt) nói trên (của Tế Hanh thì phải). Bài này cũng đã được phổ nhạc (nghe hùng tráng như nhạc kịch) và được in bằng hơn một trăm thứ tiếng (có cả tiếng Việt) trong một cuốn sách rất đẹp, chỉ nhỏ bằng nửa bàn tay.

Cái hay trong thơ Petofi là cạnh cái bi, cái hùng của một nhà thơ, một chiến sĩ, ông có rất nhiều những trăn trở, buồn bã của một con người bình thường với những ái, ố, hỉ, nộ cũng rất thường nhật. Chính vì thế mà Petofi đã đi vào văn học sử Hung, không chỉ vì ông là một nhà thơ ái quốc vĩ đại. Điều này cũng đúng với cả Nagy Imre. Nagy Imre không hề là một vị Thánh tử vì đạo, một chiến sĩ lúc nào cũng kiên cường, không chút sai lầm. Ông có rất nhiều sai lầm vì những chần chừ, lưỡng lự, do dự mà ông đã phạm phải trong cuộc đời cách mạng của mình.

Đại đa số các vĩ nhân trong lịch sử Hung đều thế. Kể cả Kádár. Không chút lên gân, cường điệu giả tạo...

Sau khi nhận được hình anh Tuệ gửi (cuối tháng 11-2000), em đã gửi ngay hình cho anh chàng tù nhân nọ, theo địa chỉ anh ta cho. Nhưng đến giờ, em vẫn chưa có hồi âm. Phải chăng anh ta không ở đó nữa? Hay cái địa chỉ anh ta cho, chỉ là một địa chỉ nào đó trong quá khứ, còn đọng lại trong đầu anh? Số phận những bức ảnh (và lá thư dài em viết gửi anh ta) không biết ra sao?

Hoang Linh
(Budapest)

Mang thơ vào computer

Giá thử biết làm thơ chắc tôi phải nổi điên khi thấy ông Nguyễn Văn Tuấn mang nàng thơ vào computer! Vì chẳng là nhà thơ nên tôi đọc bài "đọc truyện Kiều bằng thống kê học" với niềm hứng thú và muốn đóng góp vài ý nhỏ sau đây. Chẳng hiểu mọi người nghĩ sao chứ đối với tôi "thơ mới" cứ như văn xuôi mà... xuống hàng loạn xạ. Thế nhưng nó vẫn là "thơ"! Và có bài sống mãi trong lòng người. Với "thống kê" biết đâu ta chẳng tìm ra mối liên hệ nào đó giữa thơ mới và cũ? Nếu ông Tuấn mang cả "thơ mới," những bài thơ đã "đứng" được với thời gian, vào máy tính của ông thì biết đâu chả là điều hay?

Tien Nguyen
(Cupertino, CA)

"Đọc" Truyện Kiều bằng Thống Kê học?

TK 21 số tháng 1-01 có bài của ông Nguyễn Văn Tuấn viết về cách "đọc" truyện Kiều bằng kỹ thuật toán học, một phát kiến mới mẻ và một khám phá tài tình của một nhà thống kê. Tôi đã kiên nhẫn đọc đi đọc lại ba lần bài ấy nhưng vẫn chưa hiểu được những tương quan, mà lại nảy ra một số thắc mắc, nếu có thể xin tác giả giúp làm sáng tỏ:

1. Toán học là một "khoa học định lượng"?

2. Câu chuyện dân gian về ông chồng tham ăn được xem là một bài nhập môn cho "information theory," xin ông giải thích thêm cho rõ nghĩa tại sao thế?

3. Những tương quan giữa thống kê học và ngôn ngữ chuyện Kiều đưa đến một kiến thức gì mới mẻ và một nhận thức gì sâu xa hơn cho ngôn ngữ Việt sử dụng trong văn chương và những gì ta chưa từng biết về khả năng văn chương cũng như toán học của Nguyễn Du qua chuyện Kiều?

4. Trong lịch sử, không ít khoa học gia đã "khảo cứu" với thống kê, số học, tiêu biểu là Balmer, Bode, Eddington, hay những nhà nhiên cứu kích thước kim tự tháp Ai cập v.v... Phải chăng việc làm này của ông Tuấn muốn tìm hiểu ẩn ý và tâm sự của Nguyễn Du qua "thống kê học và số học" hay một mục đích nào khác? (và như thế ông Tuấn có thể phát hiện ra thêm một vài điều mới mẻ mà những người yếu toán vô tình bỏ qua?)

Thú thật, tôi chưa hiểu ra việc làm của ông Tuấn và những điều mà ông cho là "những khám phá thú vị." Hy vọng ông Tuấn sẽ giải thích rõ thêm và đưa ra được những chứng minh là những điều ông tìm ra quả thật là những khám phá thú vị đáng cho những nhà thống kê và toán học khảo sát thêm.

Nguyễn Hùng Vũ
(Chino Hills, CA)

Núi liền núi, sông liền sông

Số báo Xuân Tân Tỵ của *Thế Kỷ 21* vừa rồi có vẻ nặng tài liệu hơn là vui xuân. Nhưng khi đọc được một tài liệu quý hiếm độc đáo thì cái vui có khi còn hơn vui xuân nữa, nhất là ở cái tuổi gần gần cổ lai hy như chúng tôi thì cái "tình xuân" thật sự cũng chẳng còn bao nhiêu mà vui.

Bài "Ai tài trợ cho Pháp trong chiến tranh Đông Dương?" do Thụy Khuê phỏng vấn cụ Lê Văn Lâu đã làm cho tôi sửng sốt, và cảm thấy mình đang đứng trước cửa một kho tàng bí mật. Toàn bộ tài liệu được phát giác đó nói lên một điều rất quan trọng mà lâu nay không ai biết tới: vai trò người Tàu đứng bên cạnh người Pháp trong cuộc chiến tranh Đông Dương.

Vai trò của Trung Hoa cộng sản đứng bên cạnh phía Việt Minh trong cuộc chiến đó thì ngày nay ai nấy đều thấy rõ. Sau khi Mao Trạch Đông toàn thắng tại Trung Hoa thì Việt Minh mở chiến dịch biên giới, giải phóng tất cả cứ điểm của Pháp trên biên giới Việt Trung, và bắt đầu từ đó thì "núi liền núi sông liền sông, môi hở răng lạnh" v.v... Từ khi biên giới khai thông, từng đoàn cố vấn Trung Cộng bắt đầu vào Việt Nam, hướng dẫn từ cải cách ruộng đất đến cải tạo tư tưởng, và dĩ nhiên cố vấn và viện trợ quân sự thì rất đông đảo và dồi dào. Trọng pháo dùng trong trận địa pháo tại Điện Biên Phủ toàn là mang từ bên Tàu sang.

Nhưng không ngờ phía Pháp cũng có bàn tay của người Tàu! Toàn bộ bài phỏng vấn cụ Lê Văn Lâu cho biết điều đó: Pháp Hoa ngân hàng, mà vốn 51% của người Pháp, 49% của người Hoa, đã tài trợ cho các phí tổn của cuộc chiến, từ năm 1945 đến năm 1953. Ai là đại diện cho phía người Hoa trong ban quản trị của Pháp Hoa ngân hàng? *Không ai*

khác hơn là một trong những người em hay anh của bà Tưởng Giới Thạch (Tống Mỹ Linh), như lời cụ Lê Văn Lâu. Như vậy là phe Trung Hoa Dân Quốc, qua Pháp Hoa ngân hàng, cũng đã "viện trợ" cho bên phía Pháp vậy! Phía nào trong cuộc chiến ấy cũng có bàn tay người Tàu cả! Thật là lạnh xương sống!

Thì ra, "tính chất quốc tế" đã có từ cuộc chiến Pháp Việt chín năm, nhưng một cách kín đáo chứ chưa rõ rệt ào ạt như cuộc chiến với Mỹ sau này.

Hoàng Đình Trọng
(Australia)

Tai nạn tàu lửa ở Xuân Lộc

Sau năm 1975 gia đình tôi dời về ở Bàu Cá (Xuân Lộc) để làm rẫy, do đó mà tôi được chứng kiến tai nạn xe lửa khủng khiếp mà truyện *Chuyến Tàu* của Trần Doãn Nho đã mô tả trong số báo Thế Kỷ 21 xuân vừa rồi. Đây là lần đầu tiên tôi thấy tai nạn đó được ghi lại dưới dạng văn học. Một việc cần thiết để cho người đời nhớ đến, không chỉ một tai nạn thảm khốc, mà quan trọng là thái độ của nhà cầm quyền cộng sản đối với nhân dân khi có những sự việc như thế xảy ra.

Sau tiếng "ầm!" vang dội trong đêm hôm ấy, cả xóm tối nhốn nháo chạy ra phía đường sắt xem chuyện gì xảy ra. Cả một đống ngổn ngang các toa tàu, cái nằm ngang, cái nằm dọc, cái chổng gọng lên trời, và tiếng kêu la vang lên thật là rùng rợn. Sau phút bàng hoàng, người dân quanh vùng bắt đầu xông vào kéo các người bị nạn ra. Tất cả xe lam, máy cày trong vùng đều tình nguyện chở người bị thương đi bệnh viện, không cần lệnh trưng dụng của ai hết, vì chẳng có ma nào của chính quyền vào giờ phút đó cả. Cả đời tôi chưa bao giờ tôi thấy nhiều người chết như đêm hôm đó, hình như chết nhiều hơn cả bị thương, kéo ra mãi vẫn không hết.

Khi chính quyền có mặt thì việc sơ cứu do dân thực hiện đã hầu xong, và chính quyền bắt đầu ra mặt cửa quyền *nhà nước lúc nào cũng chăm lo cho đời sống nhân dân, không được để kẻ địch lợi dụng xuyên tạc, không được loan truyền tin tai nạn này v.v...*, dân chúng nghe rất bực, nhưng cũng hài lòng là chính mình đã làm ngay được những việc cần làm cho đồng bào ruột thịt của mình khi lâm nạn. Còn chính quyền là một cái gì khác rồi, một vật thể trơ trơ, *lúc nào cũng lo chuyện bảo vệ cho chính nó,* còn tất cả chuyện khác chỉ là phụ, ngay cả mạng sống của con người.

Tai nạn xảy ra đã gần hai mươi năm, nay đọc *Chuyến tàu* của Trần Doãn Nho, tôi bồi hồi với các kỷ niệm kéo về. Quê hương thì không thiếu gì tai họa, lụt lội bão tố liên miên, thế mà chính quyền vẫn là chính quyền đó! (Các vị về nước cứu trợ chắc thấm thía với những điều tôi vừa nói trên kia).

Trần Văn Quân
(Seattle WA)

Người bạn hàng tháng

Mỗi tháng tôi vẫn chờ *Thế Kỷ 21* như chờ một người bạn. Tôi tìm thấy nơi tạp chí này sự bình an cho đời sống nội tâm vì gặp ở đây chữ nghĩa của những người uyên bác, cho tôi thêm kiến thức. Chẳng hạn: loạt bài "Công cuộc nghiên cứu Việt sử tại Bắc Mỹ" của Trần Anh Tuấn, bài "Lột trần huyền thoại Hồ Chí Minh" của sử gia Trần Gia Phụng, mục "Đời Sống Quanh Ta" với Thanh Thảo và Trần Quán Niệm, và nhiều bài giá trị khác... Một tác giả tôi ưa thích là nhà văn Lê Tất Điều lâu nay ít thấy xuất hiện. Gần đây được đọc Tưởng Năng Tiến, nghe "sướng lỗ tai" lắm! Ước gì mỗi tháng được đọc bài của họ Tưởng!

Võ Đình Tuyết
(Hatfield PA)

Văn học và luật pháp

Trước khi đọc bài "Sự quan hệ giữa luật pháp và văn học nghệ thuật" của tác giả Nguyễn Văn Thành đăng trên *Thế Kỷ 21* số Xuân Tân Tỵ, tôi hoàn toàn không biết đến một "mảng văn học" liên quan đến luật pháp. Thì ra cái chuyện viết lách phong phú thật, chỉ mới đọc qua "Tội phạm của Han" đã thấy rất hấp dẫn, thú vị rồi. Đề tài luật pháp trong văn học phong phú là phải, vì phô bày nhiều khía cạnh phức tạp của con người phạm tội, từ ý nghĩ, tâm lý đến hành vi đều vượt qua khỏi tình trạng của một người bình thường sống trong xã hội. Nhưng thú vị nhất vẫn là chỗ những người gọi là bình thường như chúng ta cũng có thể tìm thấy một phần nào đấy của chính mình trong các trường hợp gọi là phạm tội. Nên "văn học của pháp luật" có công đào sâu thêm, phanh phui đưa ra ánh sáng những cái lắt léo tiềm ẩn trong con người nói chung.

Văn học Trung Hoa cũng có loại này, tuy hầu hết chỉ là những câu chuyện kể về tài xử án của Bao Công, nhưng mỗi vụ án cũng cho chúng ta hiểu sâu hơn về tâm lý, về hoàn cảnh xã hội, và nhất là sự khôn khéo mưu mô, đấu trí giữa quan tòa và tội phạm, do đó rất thú vị và hấp dẫn (hình như cái gì liên quan đến tội phạm, đến những gì khác thường cũng kích thích người đọc, dù kim hay cổ, Đông hay Tây).

Ngoài tính cách giải trí, thiết tưởng đề tài văn học này cũng mang lại lợi ích tích cực cho người đọc, ít ra cũng trên khía cạnh "làm lành lánh dữ." Cái lành cũng như cái dữ hình như đều có sẵn trong mỗi chúng ta, nhờ tài năng của nhà văn mà ta nhìn thấy rõ được, đó là một điều rất hay, nhất là luôn luôn có khía cạnh luật pháp đi kèm bên cạnh để giúp phân biệt chính tà.

Bài của tác giả Nguyễn Văn Thành rất hay, tuy có một vài sơ suất nho nhỏ trong cách dịch, chẳng hạn: *"...năm vừa qua, Hạn theo Ki Tô Giáo. Đương sự học Anh Văn và những lúc rảnh rỗi thường có vẻ đọc những sưu tầm về thuyết pháp, Kinh Thánh hoặc những sách thuộc vấn đề đó."* Theo thiển ý, khi nói một người *theo Ki Tô giáo* là muốn chỉ người ấy ở trong đạo đó đã lâu rồi, còn để chỉ hành động mới vào đạo thì người ta thường dùng tiếng *trở lại đạo.* Và chữ *thuyết pháp* xưa nay chỉ dùng trong đạo Phật, để ở đây hoàn toàn không đúng chỗ. Ngoài ra cụm từ *thường có vẻ đọc* nghe ra không được Việt Nam lắm.

Tôi rất mong được tiếp tục đọc các câu truyện về đề tài này, mà đối với tôi vừa mới lạ, vừa hấp dẫn.

Lê Mộng Lan
(San Jose, CA)

Thời gian qua Tòa soạn nhận được bài vở của những tác giả sau:

Phạm Cây Trâm, Lưu Văn Vịnh, Nguyễn Văn Cường, Hàn Trúc, Nguyễn Tường Tứ, Lê Minh Hà, Cao Xuân Tứ, Trần Gia Phụng, Dy Sỹ, Cao Tiêu, Đỗ Thì Kênh G, Trần Doãn Nho, Lê Đình Thông, Trần Văn Ngô, Thụy Khuê, Trần Hồng Châu, Nguyên Lập, Lương Phạm, Trần Vấn Lệ, Nguyễn Gia Tiến, Trần Huy Sao, Phan Thị Trọng Tuyến, Phạm cao Dương, Đặng Hữu Cần, Lan Hương, Lê Mạnh Hùng, Nguyễn Minh Cần, Nguyễn Văn Tuấn.

Đính chính:

Xin quý độc giả vui lòng sửa lại cho đúng:

Bài *Tổ tiên tộc Việt cổ tại Triết Giang* trên Thế Kỷ 21 số 141, trang 17, cột 2:

- Dòng thứ 5 và 6 từ trên xuống, xin đọc: đậy chặt một đầu bằng **lá** (in thiếu chữ lá)
- Dòng cuối: là kè, xin đọc: là **kê**

Xin cáo lỗi cùng tác giả và bạn đọc.

Độc giả mới và độc giả gia hạn

Tran Minh Khoi (Pittsburgh PA), Tran N. Phieu (Amarillo TX), Khanh Duong (Pearland TX), Pham Trung Chanh (GERMANY), Dang Dong My (CANADA), Nguyen Hung Vu (Chino Hills CA), Nguyen Dinh Khanh (Wichita KS), Nguyen Van Quynh (San Jose CA), Pham De (Dayton OH), Huynh Van Ly (GERMANY), Nguyen Gia An (CANADA), Lai The Hung (CANADA), Nguyen Thi Suoi Khiet (CANADA), VH: Phan Lac Tiep (San Diego CA), Karen Nguyen (Winter Springs FL), Luu Cam Ngan Ha (Claymont DE),Tran Thi Hang (Lake Forest CA),Duong Minh Chau (CANADA),Phan Nguyen (Hawaii HI), Huynh Hong Mai (Taroon Springs FL), Tri Dinh (San Jose), Bui Hanh Nghi (GERMANY), Vu Van Thanh (GERMANY), Hoàng Thị Trang (Garden Grove CA), Nathalie Donge (Potomac MD), Tran Thanh Lich (Austin TX), Phạm Văn Hưng (St. Petersburg FL), Diep Luu (Centerville OH), Nguyen Nhu Hung (Santa Clara CA), Trần Thế Tiếu (Wichita KS), Vo Hung Hai (SWITZERLAND).

Độc giả thay đổi địa chỉ

Le Huu Chi (Anaheim CA), Nguyen Dinh Khanh (Wichita KS), Sang Van Le (Midway City CA).

HÃY ĐỌC LẠI TRUYỆN LINH NGHIỆM*

THANH PHONG

Gửi quý vị đại biểu đại hội IX ĐCSVN

Có thể là trong quý vị đại biểu, vài người còn nhớ, hồi tháng 7 năm 1992, ở đất Thăng Long ngàn năm văn vật, nơi quý vị sắp đến họp đại hội IX, đã xảy ra một sự kiện văn học làm xôn xao dư luận nước ta. Mà chuyện động trời đó gây nên bởi một truyện rất ngắn và hay, đăng trên báo Văn Nghệ số 27, nhan đề "Linh Nghiệm" của nhà văn Trần Huy Quang. Truyện chỉ chừng hai nghìn từ thôi, nhưng nó làm người đọc giật mình nghĩ đến tình cảnh của đất nước và dân tộc trong nhiều thập niên qua. Nó đặt ra những vấn đề lớn mà mỗi người tâm huyết đối với đất nước và dân tộc đều phải suy nghĩ. Chính vì thế, hôm nay, tôi muốn thưa chuyện cùng quý vị về cái truyện ngắn đó.

Ngay cái tên Hinh, nhân vật chính, và câu mở đầu truyện ngắn: *"Hinh là con trai thứ ba trong một gia đình nông dân không nghèo nhưng cũng không giàu có gì lắm,"* đã gợi cho bạn đọc tinh ý nghĩ đến ông Hồ Chí Minh. Ông cũng là con trai thứ ba trong nhà, sau ông anh Nguyễn Sinh Khiêm và bà chị Nguyễn Thị Thanh. Gia cảnh của ông cũng na ná như vậy. Đến câu thứ hai: *"Cha anh ta có đỗ đạt, đã từng làm quan, nhưng tính khí thất thường, lòng đầy ham hố nên quan trên không mặn mà gì nên đã bỏ quan, khi đi dạy ở chốn kinh kỳ, khi ngồi bốc thuốc ở vùng sơn cước."* Có thể là trong quý vị ít người biết sự thật về cụ thân sinh ông Hồ, vì những người viết sử của đảng đã tung ra nhiều huyền thoại về tinh thần cách mạng chống Pháp, chống Triều đình của cụ, về việc cụ đã treo ấn từ quan, nên chính nhà văn cũng bị "tung hỏa mù" mới dùng chữ "đã bỏ quan." Nhưng đó chỉ là tiểu tiết, còn đại thể thì khớp với thực tế. Cụ Nguyễn Sinh Sắc, sau đổi tên là Sinh Huy, thân sinh ông Hồ, hồi năm 1901 đỗ phó bảng, năm 1906 được bổ làm thừa biện Bộ Lễ, ba năm sau lại được bổ làm tri huyện Bình Khê ở tỉnh Bình Định. Khi làm tri huyện, cụ đã lạm quyền đánh chết người nên bị phạt trăm trượng, giáng bốn cấp và giải về Huế. Chuyện này có ghi rõ trọng Tờ trình của Bộ Hình ngày 19 tháng 8 năm Duy Tân thứ tư (tức là ngày 22.9.1910). Về sau cụ Sắc khi đi dạy, khi bốc thuốc, hệt như bố của Hinh vậy. Những câu sau, nhà văn mô tả tính tình của nhân vật chính: *"Hinh thừa hưởng ở dòng họ và khí chất của vùng chôn rau cắt rốn cái nết cơ bản cần cho kẻ có hoài bão tham chính là tính đa mưu túc kế, lòng dạ thật không bao giờ lộ ra mặt, bạn bè cùng lứa không ai dám kết thân làm bằng hữu. Hinh sáng dạ, lại có chí, học đâu biết đó, hai mươi tuổi làm thơ chữ Hán, đọc Rút-xô, Mông-tét-ski-ơ... bằng nguyên bản nhưng Hinh chán học, chỉ nhăm nhăm một dạ xuất ngoại."* Phác họa sắc sảo của nhà văn gợi lên những đường nét độc đáo của ông Hồ. *"Hinh ngước cái nhìn mong đợi lên bầu trời, hoài vọng bóng dáng một con tàu, tìm kiếm một phép thần thông... Tháng ngày như sợi chỉ căng mà lòng*

khao khát làm trai hải hồ, khắc khoải mong một phút được quỳ dưới chân bậc Chí Thánh và nói: 'Ơn Người, Người là nguồn ánh sáng dẫn dắt chúng con... Lũ chúng sinh con khao khát được gặp Người'..." Đọc những dòng này, chắc quý vị nhớ lại là chàng Nguyễn Sinh Cung, tức Nguyễn Tất Thành, tức ông Hồ sau này, hồi đầu những năm 20 của thế kỷ trước, trong một bài đăng trên tờ Sự Thật (27.1.1924), đã tôn vinh Lenin cũng với giọng văn hệt như thế: "Khi còn sống, Người là cha, thầy học, đồng chí và cố vấn của chúng ta. Ngày nay, Người là ngôi sao dẫn đường cho chúng ta đi tới cuộc cách mạng xã hội". Nhà văn kể tiếp: *"Thế rồi như sự linh nghiệm của lời nguyện cầu, một đêm giông tố bão bùng... Hinh đã lên chín tầng Thánh địa để được gặp đấng Chí Linh."* Cũng như thế, năm 1923, ông Hồ đã đặt chân lên Miền Đất Hứa của ông là nước Nga Xô-viết những mong được gặp đấng Chí Thánh cộng sản. Truyện kể rằng Hinh không gặp được đấng Chí Thánh, mà gặp "một cô gái tóc vàng" (hình tượng hay biết bao!), sứ giả của đấng Lập Đạo... trao cho Hinh đạo thư quý giá... rồi biến mất giữa bao la... Hai tay đỡ cuốn sách trước trán, Hinh vẫn quỳ và thành kính đặt lên đó một cái hôn, rồi anh run run dở ra đọc. Đạo thư đó dạy anh làm thế nào để "có được thiên hạ." Hinh ấp cuốn đạo thư vào ngực tức tưởi *"Trời ơi, bảo bối, bảo bối... Hinh sung sướng hét toáng lên. Tiếng anh vang rất to trong đêm... Anh sung sướng và cảm động đến mức nước mắt giàn giụa. Ôi chúng sinh nhọc nhằn và tăm tối của ta, bảo bối này sẽ soi sáng đường chúng ta đi..."* Hẳn quý vị còn nhớ, chính ông Hồ đã kể lại trong một bài viết, là hồi đầu thập niên 20, lần đầu tiên đọc "Luận cương về các vấn đề

dân tộc và thuộc địa" của Lenin, ông không hiểu hết, chỉ nắm được điểm chính, nhưng... : "Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: Hỡi đồng bào đang bị đọa đày đau khổ! đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta! Từ đó tôi hoàn toàn tin theo Lenin, tin theo Quốc tế thứ ba." Ông Hồ đã nói: "Chủ nghĩa Lenin đối với chúng ta, những người cách mạng và nhân dân Việt Nam, không những là cái cẩm nang thần kỳ, không những là cái kim chỉ nam, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản."

Truyện kể rằng: Có được bảo bối trong tay, Hinh lên đường "đi về phía Nam" tìm đến vườn hoa và làm đúng như lời chỉ giáo trong "đạo thư": anh *"khom người xuống, đi chậm từng bước một, mắt nhìn xuống mặt đất để tìm cái này..."* 'Tìm cái này' là tìm cái gì, anh không hiểu nhưng không dám nghi ngờ lời vàng ngọc của đấng Tiên tri... *"Anh như bị thôi miên, không biết mình đang tìm cái gì, nhưng anh cứ trung thành với lời chỉ giáo, người cúi lom khom, mắt dán xuống đất và từng bước một chậm rãi..."* Ai hỏi anh, anh chỉ buột miệng trả lời: 'Tìm cái này...' Thế là *"một nhóm học sinh cấp ba, mấy đứa con trai vốn hiếu kỳ,"* tiếp đến *"dân lang thang thất nghiệp, dân nhà quê bỏ ra thành phố kiếm cơm, đang đói rách hy vọng vớ được một chút may mắn,"* rồi đến *"dân xích lô, ba gác, dân ăn xin, trẻ mồ côi bán báo, dăm cô điếm, đám bụi đời móc túi"*... đã đi theo Hinh. Cứ thế, *"số người hy vọng có một chút no ấm bò lê trên vườn hoa để tìm vật báu... đông như một đàn kiến." "Hinh chợt nhận ra tiếng ồn của đám đông và anh ngạc nhiên đứng lên nhìn họ, hóa ra thiên hạ đã bu lại xung quanh mình."* Anh đã có được thiên hạ!

Truyện kể tiếp: *"Cái đám đông ấy cứ như dòng nước trong lòng sông, trôi đi chứ không cạn. Người đến trước, thất vọng ra về trước, người đến sau, thất vọng ra về sau. Tìm cái này là cái gì thì không ai biết "nhưng cứ hy vọng có chút no ấm mờ mờ phía trước cũng đã hấp dẫn để họ trở thành một dòng nước."* Rồi nhà văn đột ngột kết thúc:

"Trưa.

Rồi chiều.

Và... vẫn còn đám đông xúm xít giữa vườn hoa Mùa Xuân."

Đoạn kết thật xót xa! Ngay cái tên vườn hoa trong truyện cũng có tính biểu tượng sâu sắc. Chẳng phải là quý vị vẫn thường tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản là Mùa Xuân Nhân Loại đấy ư? Và đúng là nhiều người dân Việt Nam, một số ít tự nguyện còn tuyệt đại đa số thì bị bắt buộc, đã đi theo ông Hồ và đảng cộng sản hàng mấy chục năm trời để mong có được "chủ nghĩa xã hội" và tới Mùa Xuân Nhân Loại, thế mà nào có ai biết được mặt mũi, hình dong "chủ nghĩa xã hội" là cái chi chi, chính ngay ông Hồ và các lãnh tụ khác của đảng ông cũng không biết. Có khác gì "thiên hạ" đi theo Hinh để *"tìm cái này"* mà chẳng một ai biết là cái gì cả, nên hết lớp người này đến lớp người khác đã thất vọng ê

chề.

Tuy nhiên, hậu quả việc làm vớ vẩn của chàng Hinh không lớn lắm: anh ta làm mất thì giờ của nhiều người và gây thất vọng cho họ. Của đáng tội, anh không hề dùng "bạo lực" để bắt buộc ai làm theo mình cả. Cái xấu của việc Hinh làm không thể nào sánh được với cái nguy hại tầy đình, khủng khiếp mà ông Hồ Chí Minh và đảng của ông đã gây ra cho dân tộc Việt Nam trong rất nhiều thập niên.

Xin quý vị cứ nghĩ lại mà xem! Ông Hồ và đảng của ông đã đi theo chủ nghĩa Marx-Lenin, lợi dụng việc giải phóng dân tộc để cướp chính quyền vào tay mình, rồi bắt dân ta tiến lên "chủ nghĩa xã hội," mà chính ông Hồ và các lãnh tụ khác của đảng cũng không ai biết "chủ nghĩa xã hội" đó là cái gì. Dù vậy, ông Hồ và đảng ông cứ dùng "chuyên chính vô sản," tức là dùng quyền độc tài của đảng cộng sản kề dao vào cổ mỗi người bắt phải theo, không theo thì "chuyên chính," tức là cho công an bao vây, theo dõi, bắt bớ, tù đày, quản chế, thậm chí có khi còn thủ tiêu bí mật hay lập tòa án phi pháp để bắn bỏ. Quý vị hãy khách quan xét xem có đúng như vậy không?

Tuân theo "cẩm nang Marx-Lenin," ông Hồ và đảng của ông đã bắt dân chúng làm "cách mạng vô sản," bắt đấu tranh giai cấp để giải quyết vấn đề "ai thắng ai" ở miền Bắc nước ta. Cụ thể là làm "cải cách ruộng đất" gây ra biết bao bạo hành, biết bao đau thương cho người dân vô tội, làm đảo lộn cả đạo đức truyền thống khi bắt con cháu "đấu tố" cha mẹ và ông bà, vợ chồng, anh em, bà con "đấu tố" lẫn nhau. (Lố bịch nhất là hiện nay lại xuất những tên "bồi bút," "sử gia," "nhà báo," "nhà văn" được đảng bật đèn xanh cho "tiết lộ" những phát hiện đầy cảm động rằng "ông Hồ không tán thành làm cải cách ruộng đất, không tán thành bắn bà địa chủ kháng chiến Nguyễn Thị Năm, không tán thành tỷ lệ 5% địa chủ, không tán thành chính sách đối với các tổ chức cũ" của đảng, ông đã khóc lóc tại cuộc họp nhân dân thủ đô khi đảng nhận những sai lầm trong cải cách ruộng đất, vân vân và vân vân. Làm như tuồng ông chưa từng làm chủ tịch đảng cộng sản, chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, chưa từng "huấn thị" cho cán bộ, đảng viên, cho các "anh đội," "chị đội" về cải cách ruộng đất!). Tiếp đó, đảng lại bắt nông dân "làm hợp tác hóa nông nghiệp," có nơi còn bắt dân chuyển xóm làng từ đồng bằng lên đồi núi để lấy đất sản xuất làm xáo trộn cả cuộc sống an bình của người dân. Ở thành thị thì bắt dân làm "hợp tác hóa thợ thủ công và tiểu thương," thậm chí bắt thợ hớt tóc, dân chữa xe đạp, dân bán hàng rong đều phải tập trung lại một chỗ trong những "tập đoàn," "hợp tác." Vẫn chưa đủ, còn bắt "cải tạo xã hội chủ nghĩa công thương nghiệp tư doanh" để tước đoạt tài sản của những người tạo ra của cải xã hội. Vừa phá hoại nền kinh tế đất nước, đảng cộng sản lại vừa triệt hạ nền văn hóa truyền thống của dân tộc bằng việc tự ý loại bỏ văn hóa cổ truyền bị đảng quy là thực dân, phong kiến, tư sản, bằng việc xảo quyệt triệt tiêu các tôn giáo truyền thống, việc "cải tạo trí thức" bắt họ theo ý thức hệ Marx-Lenin, việc cưỡng ép văn học, nghệ thuật phải cúi đầu sáng tác theo lệnh đảng và dựng lên một nền giáo dục nhồi sọ, ngu dân... Người dân bị đảng tước đoạt mọi quyền tự do, dân chủ mà đảng đã hứa hẹn khi chưa cướp được chính quyền. Cả nước bị đặt dưới một nền đảng trị độc tài, nền cảnh sát trị cực kỳ khắc nghiệt với chế độ đăng ký hộ khẩu, chế độ tem phiếu, chế độ kỳ thị giai cấp chưa từng thấy trong lịch sử nước nhà. Dưới chế độ mới, cuộc sống của người dân thật vô cùng bi đát. Những điều vừa nói là sự thật, quý vị đều đã biết rõ, nếu bản thân không "được" nếm trải như người dân thường thấp cổ bé họng. Đó là chưa nói đến biết bao vụ khủng bố đảng đã tiến hành với người dân, như vụ đàn áp đẫm máu nông dân Quỳnh Lưu nổi dậy vì bất bình những bạo hành của cuộc cải cách ruộng đất, vụ án "Nhân Văn - Giai Phẩm" để trấn áp những giáo sư, văn nghệ sĩ, trí thức thèm khát tự do, vụ án "Xét lại chống Đảng" để trừng trị những cán bộ đảng viên của đảng không đồng quan điểm với nhóm cầm quyền... Dưới lưỡi gươm "chuyên chính vô sản" của đảng, biết bao sinh mạng đã ngã xuống, biết bao số phận bị giày xéo, biết bao gia đình tan nát, tinh thần tự cường, tự tại của lớp sĩ phu Bắc Hà bị đánh gục. Hơn thế nữa, cả một nền đạo đức truyền thống của dân tộc bị suy đồi, cả một nền văn hóa, văn học, nghệ thuật bị thui chột. Thế mà đảng của quý vị cứ khăng khăng nói là sự lựa chọn của Bác Hồ là duy nhất đúng đắn! Hoặc có khi còn nói điêu là "nhân dân Việt Nam đã chọn con đường xã hội chủ nghĩa!" Làm như tuồng dân ta có được cái quyền ấy!

Thế vẫn chưa đủ, nấp dưới khẩu hiệu "đấu tranh thống nhất đất nước," ông Hồ và đảng của ông còn tiến hành một cuộc chiến tranh

huynh đệ tương tàn vô cùng ác liệt trong hàng chục năm để chiếm đoạt miền Nam. Hàng triệu người dân ở cả hai phía đã ngã xuống trên chiến trường, hàng chục triệu người khác bị thương tật suốt đời, bao nhiêu tang tóc đau thương mà toàn dân tộc đã phải gánh chịu trong hàng chục năm ròng. Chỉ riêng cái mưu đồ "tổng tấn công" hồi Tết Mậu Thân (1968) với câu thơ giục giã "Tiến lên! Toàn thắng ắt về ta!" của ông Hồ (mà báo đảng ngợi ca là: tiếng kèn xung trận) đã làm cho hàng chục ngàn người của cả hai phía phải bỏ mạng oan uổng.

Đến khi chiếm được miền Nam, đảng đã lặp lại mọi bước đi của "chuyên chính vô sản" trên miền Bắc. Lần này thì đảng công nhiên gọi tên thật của nó, chứ không còn che giấu dưới cái tên chuyên chính dân chủ nhân dân nữa. Từ việc bắt tập trung hàng mấy chục vạn người đã sống và làm việc dưới chế độ cũ nhốt vào các trại tù rải trên khắp đất nước, đến việc "đánh tư sản mại bản," việc "cải tạo công thương nghiệp," việc "hợp tác hóa nông dân, thợ thủ công, tiểu thương, diêm dân, ngư dân," cho đến việc đày ải dân đi các khu kinh tế mới, việc triệt tiêu giáo hội các tôn giáo truyền thống, việc cướp đoạt sản phẩm lao động của nông dân... Bao nhiêu đau thương, bao nhiêu tan nát do những việc này gây ra. Đảng càng tiến nhanh, tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội, càng đẩy cả nước ta vào một cuộc khủng hoảng trầm trọng, toàn diện, và toàn dân tộc phải chịu cảnh điêu linh đến cùng cực chưa từng thấy. Mấy triệu người phải liều chết chạy khỏi cái thiên đường "xã hội chủ nghĩa"! Trên đường vượt biên, hàng chục vạn sinh mệnh của con dân Việt Nam đã bị chết thảm trong rừng sâu hay dưới đáy biển! Kết quả nổi bật nhất của mấy chục năm dưới quyền cai trị của đảng ông Hồ là Việt Nam ta bị xếp vào hàng những nước nghèo khổ nhất thế giới. Ngày nay, chế độ nước ta do bọn cường hào ác bá mang "thẻ đỏ" làm chủ, nạn tham nhũng, nạn thất nghiệp, nạn đói nghèo hoành hành làm khốn đốn người dân lao động.

Chính vì thế, kẻ viết bài này thiết tha đề nghị với quý vị đại biểu đại hội IX của đảng sắp họp: thay vì nghe cái báo cáo chính trị đầy hoang tưởng và láo toét của ông tổng Phiêu, đại hội của quý vị nên để thì giờ đọc lại một lần nữa truyện ngắn "Linh Nghiệm," và trên cơ sở nhận thức mới, hãy bàn và quyết định những biện pháp cứu nguy dân tộc và đất nước.

Lẽ nào sau những bài học lịch sử đầy nước mắt và xương máu của cả dân tộc trong hàng chục năm trời, mà giờ đây quý vị vẫn còn giơ tay biểu quyết hùa theo tập đoàn cầm quyền đang làm ra vẻ mộng du cứ ra rả thốt lên những điều mê sảng chỉ cốt để bảo vệ cái "ghế quyền lực" của họ? Toàn nhân loại đã bước vào thế kỷ 21, cả thế giới đã đổi thay, chủ nghĩa Marx-Lenin đã bị thực tiễn đào thải, chủ nghĩa xã hội đã sụp đổ tan tành, vài nơi chỉ còn lại cái "chủ nghĩa giả cầy" mà thôi. Thế thì lẽ nào quý vị cứ hùa theo tập đoàn thống trị mà hô hoài: "kiên trì theo chủ nghĩa Marx-Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên trì định hướng xã hội chủ nghĩa bất di bất dịch"? Quý vị đã biết rồi đấy, cả nước phì cười khi nghe ông tổng Phiêu phùng mang trợn mắt tuyên bố "đanh thép": dù 10 năm, 50 năm hay 100 năm nữa thì ông ta và đảng của ông vẫn cứ kiên quyết đi tới "chủ nghĩa xã hội"!

Chuẩn bị cho đại hội lần này, trong đảng của quý vị có một số đảng viên đầu óc tỉnh táo hơn đã đề nghị đại hội đảng vứt bỏ "chủ nghĩa Marx-Lenin" ra khỏi cơ sở tư tưởng của đảng và ném vào sọt rác cái mục tiêu "chủ nghĩa xã hội" đi. Mong rằng quý vị hãy sáng suốt và dũng cảm ủng hộ những đề nghị đó. Và một khi đã ủng hộ những đề nghị đó, thì quý vị không còn lý do gì để duy trì "chuyên chính vô sản," nguyên tắc "tập trung dân chủ" và "độc quyền lãnh đạo của đảng cộng sản," tức là điều 4 Hiến Pháp hiện hành nữa. Và quý vị hãy ra quyết định về việc dân chủ hóa nước nhà, trước nhất là thực hiện nghiêm chỉnh các quyền tự do, dân chủ, các quyền công dân, quyền con người đã được long trọng ghi trong Hiến Pháp, ra quyết định về những biện pháp hữu hiệu chống nạn tham nhũng, nạn cường hào ác bá mới, nhất là trong cán bộ của đảng. Làm được bấy nhiêu việc thiết thực đó, đại hội đảng của quý vị sẽ xứng đáng được ghi vào lịch sử nước nhà như một đại hội dân chủ hóa đất nước. Còn nếu không thì đại hội của quý vị chỉ là nơi tán phét để cho bọn tham quyền cố vị đấu đá nhau, tranh giành địa vị chứ chẳng ích gì cho nước, cho dân. Mong rằng nhiều người trong quý vị hãy còn có lương tâm, còn có lòng yêu nước, thương dân. Xin hãy tỏ rõ lòng can đảm ngay tại đại hội IX này.●

Đầu năm 2001

* Xin xem nguyên văn truyện *Linh Nghiệm* đăng lại trong số báo này.

CHUYỆN CHẪU CHUỘC

NGÔ NHÂN DỤNG

Đọc tựa đề trên đây nếu quý vị thấy khó phát âm xin tha lỗi, vì câu chuyện cũng rất khó nghe, như các tiếng cãi cọ "Chuộc! Chẳng chuộc!"; "Chuộc! Chẳng chuộc!"; "Chuộc! Chẳng chuộc!" của hai vợ chồng bất đồng ý kiến với nhau, kết thúc sự tích con chẫu chuộc trong kho tàng truyện cổ tích Việt Nam.

Sau ngày Tết phải kể chuyện vui, cho nên chúng tôi xin trích đăng một bản tin ngày 18 tháng Giêng năm 2001 trên báo *Lao Động* ở Việt Nam.

Bản tin của phóng viên Phạm Hiếu có tực đề là: **Chẫu chuộc và rắn nước có phải là động vật hoang dã?**

Để quý vị thưởng thức chuyện vui đầu xuân, phải đăng nguyên văn nhiều đoạn, nếu không thì không lột hết được vẻ đẹp của văn chương chẫu chuộc trong những cơ quan chính quyền rất chẫu chuộc.

Chẫu chuộc và rắn nước có phải là động vật hoang dã?

Ngày 28.12.2000, trên đường vận chuyển lô động vật lên Lạng Sơn, Trung tâm Hướng dẫn nuôi và tiêu thụ thủy đặc sản Dĩnh Kế - Bắc Giang đã bị Hạt kiểm lâm Hữu Lũng bắt giữ và tịch thu toàn bộ 804kg chẫu chuộc, 105kg rắn nước vì cơ quan này cho rằng, đây là hành vi vận chuyển buôn bán động vật hoang dã trái phép. Tuy nhiên, chỉ sau đó một ngày, Phó Cục trưởng Cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản thuộc Bộ Thủy sản đã chính thức có công văn gửi Cục Kiểm lâm, khẳng định: Chẫu chuộc và rắn nước là động vật lưỡng cư, không thuộc danh mục cấm khai thác và tiêu thụ. Đồng thời, Cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản cũng đề nghị Cục Kiểm lâm xem xét cho ý kiến để giải tỏa lô hàng trên. Song, cơ quan kiểm lâm vẫn cương quyết: "Đây là hành vi buôn bán trái phép..."

"Sáng đúng, chiều sai, ngày mai... lại đúng"

Theo ông Nguyễn Mạnh Quyết - Giám đốc TT Dĩnh Kế - Bắc Giang - sự việc có thể tóm tắt như sau: Với chức năng nuôi và kinh doanh ngành nghề thủy sản, ngày 18.12.2000 TT này có vận chuyển 480kg chẫu chuộc từ Nghệ An đi Lạng Sơn. Đến khu vực Dốc Mới, thị trấn Hữu Lũng thì xe của TT bị Hạt kiểm lâm huyện kiểm tra và phạt tịch thu toàn bộ số hàng nói trên với lý do: Vi phạm Chỉ thị 359/TTg của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời, UBND huyện ra quyết định xử phạt 10.000.000đ vì đã vận chuyển buôn bán động vật hoang dã trái phép.

Toàn bộ số hàng thủy sản trên xe đã bị Hạt kiểm lâm bán đấu giá. Giải thích về lý do của việc xử lý này, hạt kiểm lâm cho rằng, lô hàng trên không đủ giấy tờ hợp lệ, muốn vận chuyển động vật này thì chủ hàng phải có giấy phép của ngành thủy sản... Ông Quyết đã báo cáo với lãnh đạo Ban đại diện T.Ư. Hội Nuôi thủy sản miền Bắc, đề nghị Bộ Thủy sản có hướng dẫn. Sau đó ngày 26.12, TT Dĩnh Kế tiếp tục vận chuyển 1.000kg chẫu chuộc đi Lạng Sơn. Tại Hạt kiểm lâm Hữu Lũng, sau khi xuất trình các giấy tờ thủ tục theo yêu cầu, đã được hạt kiểm lâm này cho phép đi. Sau chuyến hàng này, những tưởng với các thủ tục đã có, TT có thể ung dung chuyển các lô hàng tiếp theo lên Lạng Sơn theo những hợp đồng đã ký kết, thế nhưng oái oăm thay, chỉ sau đó hai ngày, khi chuyến xe chở động vật tiếp theo đến khu vực của chính Hạt kiểm lâm Hữu Lũng, thì toàn bộ số động vật trên xe bao gồm: 105kg rắn nước và 803kg chẫu chuộc lại bị hạt kiểm lâm này lập biên bản bắt giữ và tịch thu. UBND huyện ra quyết định xử phạt hành chính 25 triệu đồng vì: Vận chuyển trái phép lâm sản và động vật hoang dã. Quá uất ức vì những thủ tục "sáng đúng, chiều sai"... này, ông Nguyễn Mạnh Quyết đã làm đơn đến các cơ quan chức năng cầu cứu.

"Ông nói gà, bà nói vịt"

Sau khi nhận được khiếu nại của ông Quyết, và ý kiến đề nghị của Ban đại diện T.Ư

Hội Nuôi thủy sản, ngày 29.12.2000, ông Vũ Huy Thủ - Phó Cục trưởng Cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản thuộc Bộ Thủy sản - đã có công văn 464/BVNL-TS gửi Cục Kiểm lâm, khẳng định: "Chẫu chuộc và rắn nước là động vật lưỡng cư, thuộc Bộ Thuỷ sản quản lý." Theo các văn bản quy định hiện hành thì hai loài động vật này không thuộc danh mục hàng cấm khai thác và tiêu thụ. Cục Bảo vệ NLTS cũng đề nghị Cục Kiểm lâm xem xét cho ý kiến để Hạt kiểm lâm Hữu Lũng giải tỏa lô hàng của TT Dĩnh Kế - Bắc Giang.

Với "cây gậy pháp lý" này, TT Dĩnh Kế chắc mẩm mình sẽ được "giải oan," được nhận lại số hàng hoặc chí ít cũng là quyết định thu hồi quyết định xử phạt trước đây của UBND huyện Hữu Lũng. Thế nhưng, sự việc lại không hề đơn giản như vậy. Cơ quan kiểm lâm vẫn cương quyết, và khẳng định việc vận chuyển trên là trái phép! Vì sao? Phóng viên chúng tôi đã có buổi làm việc với ông Trần Quốc Bảo - Trưởng phòng Bảo tồn thiên nhiên của Cục Kiểm lâm.

Đánh giá về công văn số 464/BVNL-TS của ông Cục phó Cục Bảo vệ NLTS, ông Bảo cho rằng công văn này đã "nhập nhèm" khi đánh đồng chẫu chuộc và rắn nước vào loại động vật lưỡng cư. Bởi theo ông, trong hai loại này chỉ có chẫu chuộc là lưỡng cư, còn rắn nước là bò sát. Trả lời câu hỏi của chúng tôi: Hai loại động vật này có nằm trong danh mục cấm vận chuyển tiêu thụ, ông Bảo cho biết, Nhà nước chỉ cấm săn bắt các loại động vật từ hoang dã, còn khuyến khích việc nuôi sinh sản tại các trại. Tuy nhiên để vận chuyển, tiêu thụ loại này thì phải có giấy xác nhận nguồn gốc sinh sản từ trại chăn nuôi của cơ quan kiểm lâm sở tại. Trong trường hợp của TT Dĩnh Kế, nếu không có giấy xác nhận nguồn gốc động vật của hạt kiểm lâm sở tại thì coi như số động vật này được săn bắt từ hoang dã và việc vận chuyển bị coi là trái phép.

Thế nhưng, Cục Bảo vệ NLTS lại có quan điểm khác. Công văn 464/BVNL-TS đã khẳng định: Theo Nghị định số 30/2000/NĐ-CP về việc bãi bỏ một số giấy phép, Cục Bảo vệ NLTS đã chấm dứt việc cấp giấy chứng nhận đăng ký sản xuất và kinh doanh giống thủy sản. Do đó, kể từ ngày 26.8.2000, các doanh nghiệp khi vận chuyển hàng thủy sản lưu thông trong nước chỉ cần có giấy chứng nhận kiểm dịch do chi cục bảo vệ NLTS nơi xuất phát cấp. Đáp lại, một đại diện Cục Kiểm lâm "bắt bẻ": Rắn nước và chẫu chuộc có đúng là động vật thuộc Bộ Thuỷ sản quản lý như công văn 464 khẳng định hay không thì cũng chưa thấy có văn bản nào khẳng định (!). Ngoài ra, ông Bảo - Trưởng phòng Bảo tồn thiên nhiên - còn cho rằng, trong công văn của Cục Bảo vệ NLTS không nói rõ rắn nước là loại rắn nào. Bởi theo ông, có những loại được phép nuôi tiêu thụ, còn với những loại là thiên địch của chuột (loài ăn chuột) thì không được phép. Ông Bảo cho rằng, sự không rõ ràng của văn bản này sẽ khó có thể dẫn tới giá trị thực thi!

Nhà báo Phạm Hiếu kết luận: "Như vậy, việc tưởng như đơn giản lại hoá thành phức tạp. Cùng là cơ quan quản lý nhà nước, song mỗi nơi hướng dẫn, vận dụng pháp luật một kiểu. Chưa biết ai đúng, ai sai. Chỉ có điều chắc chắn rằng, trong khi các cơ quan quản lý nhà nước mải mê với những lý luận và quan điểm vận dụng riêng của mình, thì ở giữa, người kinh doanh đã phải thiệt đơn thiệt kép: Chờ được vạ chắc hẳn má đã sưng. Và không biết sẽ có bao nhiêu đơn vị rơi vào cảnh nghịch lý như TT Dĩnh Kế - Bắc Giang?"

CHÚ GIẢI CHUYỆN CHẪU CHUỘC

Đọc chuyện để cười vui trong ba ngày Tết, nhưng cũng có mấy điều đáng suy nghĩ. Xin tóm tắt cho dễ nhớ.

Có một cái "Trung tâm" tên là Dĩnh Kế. Trung tâm Dĩnh Kế chở 480 ký chẫu chuộc từ Nghệ An lên Lạng Sơn, có thể đem bán sang Tàu lắm. Hạt Kiểm Lâm ở Hữu Lũng tịch thu 480 ký chẫu chuộc đem bán đấu giá. Lý do: Vi phạm chỉ thị số nào đó "của Thủ tướng chính phủ." Huyện Hữu Lũng phạt thêm 10 triệu đồng vì "vận chuyển buôn bán động vật hoang dã trái phép." Chẫu chuộc là một loài giống như ếch nhái, xưa nay ít ai ăn nhưng dưới ánh sáng xã hội chủ nghĩa chắc đã được vận dụng sáng tạo thành một món nhậu hay làm thuốc không chừng. Giống này hay kêu, nghe như tiếng ếch, nên ở miền Bắc hai chữ "chẳng chuộc" có nghĩa là cãi nhau chẳng ra đâu cả.

Trung tâm Dĩnh Kế thuộc Bộ Thủy sản, bèn lên bộ này xin giúp. Một tuần sau, họ chở 1000 ký chẫu chuộc đi lần nữa, có giấy phép đàng hoàng, được đi thoát. Hai ngày sau làm chuyến nữa, 803 ký chẫu chuộc, thêm 105 ký rắn nước, lại bị bắt, bị tịch thâu, và Huyện lại ăn có, phạt thêm 25 triệu đồng.

Trung tâm Dĩnh Kế lại lên xin Cục Bảo vệ Thủy sản. Ở đó gửi công văn cho Cục Kiểm

Lâm, nói "chẫu chuộc và rắn nước thuộc loại lưỡng cư (vừa ở trên cạn, vừa ở dưới nước) thuộc bộ Thủy sản quản lý, không bị cấm." Bây giờ đến lượt hai cục "chẳng chuộc" với nhau. Cục Kiểm Lâm nói Cục Thủy sản nhập nhèm. Chẫu chuộc là loài lưỡng cư, còn rắn nước là loài bò sát (nghĩa là Cục Thủy sản không được quản lý, dù nó có sống dưới nước.) Hỏi: hai loài này có bị cấm đem bán hay không? Cục Kiểm lâm nói chỉ cấm bán những con bắt từ nơi hoang dã, nếu muốn đem bán con nào thì phải "có giấy xác nhận nguồn gốc sinh sản" do cơ quan Kiểm lâm phát cho. Đúng rồi, chẫu chuộc đi đường mà không mang theo giấy khai sinh là bị bắt đáng đời. Tưởng con người mới phải có hộ khẩu, ai ngờ loài chẫu chuộc cũng vậy!

Cục Thủy sản cãi lại, nói họ đã có công văn 464 bãi bỏ các loại giấy phép sản xuất, kinh doanh thủy sản. Và đó là do một nghị định của ông Thủ tướng Phan Văn Khải bảo phải bỏ bớt các giấy phép. Cục Kiểm lâm không chịu thua, cãi rằng rắn nước và chẫu chuộc có thuộc quyền "quản lý" của Cục Thủy sản hay không "thì cũng chưa thấy văn bản nào khẳng định." Lý luận này hay lắm, nó bênh vực quyền sống của loài chẫu chuộc, không phải Cục Thủy sản muốn quản lý ai thì quản lý! Nhiều người Việt Nam nếu thấy mình có giá trị bằng những con chẫu chuộc và rắn nước chắc có lúc cũng nên tự đặt câu hỏi như vậy: tại sao giống người Việt có hai chân lại thuộc quyền quản lý của Nhà nước nhỉ?

Đại khái câu chuyện chẫu chuộc là như thế.

Cục là cấp lớn, chỉ thua có Bộ trong guồng máy hành chánh. Hai cục còn lớn hơn nữa, nay hai cục cãi nhau trên báo về những con chẫu chuộc, trong lúc cả nước đang bước vững chắc trên con đường tiến tới Chủ nghĩa Xã hội quang vinh, cho nên phải coi đây là một chuyện quan trọng. Về vấn đề quan trọng như thế này, Tư tưởng Hồ Chí Minh hướng dẫn thế nào? Bác Hồ từng nói nhiều lần, bảo ai có thể sai chứ các đồng chí Stalin và Mao Trạch Đông không thể sai. Vậy các đồng chí Mao, Xít nói gì về loài chẫu chuộc? Con chẫu chuộc và con rắn nước có gọi là thủy sản hay không? Rắn nước có ở dưới nước hay không? Tất cả

những câu hỏi quan trọng đó cần đưa cho Ban Văn hóa Tư tưởng, dùng Chủ nghĩa Mác Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh mà soi sáng, rồi đem ra trước Đại hội Đảng kỳ này để nghị quyết một cái cho rõ ràng mới được.

Chuyện 1000 ký chẩu chuộc mà như vậy, không biết còn những chuyện khác thì được "Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý" ra sao? Chỉ có Ủy ban Nhân dân huyện Hữu Lũng là có lợi. Trong lúc hai Cục cãi nhau không biết ai phải ai trái, ai cãi cứ cãi, mình biên phạt kiếm 35 triệu đồng đã. Đó mới là thắng lợi ròn rã của chính quyền vô sản xã hội chủ nghĩa. Bởi vì nếu việc vận chuyển, mua bán chẩu chuộc là sai luật, thì nó vi phạm luật lệ của chính quyền trung ương chứ không phải luật lệ của một huyện nào cả. Ấy thế mà huyện cứ thế phạt tiền được. Và điều đáng ngạc nhiên là người ta cũng cứ thế mà líu ríu đóng tiền mới hay chứ! Bây giờ bất cứ ông cảnh sát lưu thông nào gặp nhà khoa học Hà Sĩ Phu lúc nào cũng biên phạt được. Vì ông Nguyễn Xuân Tụ này cũng đang bị coi là vi phạm cái luật hình sự gì về chống chính quyền vô sản xã hội chủ nghĩa đó. Ai phạt mà chẳng được?

Chuyện chẩu chuộc còn có một điều lạ nữa, là khi bị oan ức không thấy ai kiện ai để nhờ tòa án phân xử cả. Khi một xí nghiệp buôn bán, như buôn chẩu chuộc chẳng hạn, thấy mình bị mất của oan thì họ làm gì? Bình thường, ở những xứ bình thường, các con người bình thường sẽ kiện nhau ra tòa, để quan tòa xét theo luật lệ đang thi hành mà xử ai phải ai trái. Ở Việt Nam thì không, không ai nghĩ đến có tòa án, không có cái óc gọi là "tinh thần pháp trị." Họ chẩu chuộc với nhau bằng những công văn hành chánh bên nọ gửi bên kia, bên kia cãi miệng với bên nọ bắt bẻ các công văn, vặn vẹo các nghị định. Rồi thôi. Mà nghị định, công văn thì nhiều khi chỉ nói rất đại cương, tha hồ bên dưới giải thích, áp dụng theo ý mình. Thủ tướng bảo giảm bớt giấy phép, thế thì ta giảm bớt, miễn sao có lợi thì thôi. Nhưng anh này bỏ một thứ giấy, anh kia vẫn đòi phải có giấy đó, thế là chẩu chuộc với nhau hết ngày hết tháng.

Nhưng khi bị oan ức mà không kiện thì làm gì? Thì họ lên cấp trên nhờ can thiệp, tiếng Việt gọi là "mách bu." Cấp trên bên này nói chuyện với cấp trên bên kia, chính họ sẽ quyết định đàn em anh nào thắng. Nếu ông đứng đầu Cục này mạnh hơn ông Cục kia (thí dụ có ông anh vợ làm Ủy viên Trung ương Đảng,) thì chắc mọi chuyện dễ xử rồi. Ý kiến của ông lớn, hay dựa thế ông lớn, bao giờ cũng đúng luật hơn ý ông nhỏ, đó là quy luật xã hội chủ nghĩa "miệng nhà quan có gang có thép." Nếu hai cục bất đồng ý kiến mà miệng rộng bằng nhau thì phải làm gì? Trong bài báo về chẩu chuộc không thấy ai nói gì cả. Ở các nước pháp trị, hai cơ quan cũng có thể kiện nhau ra tòa án hành chánh. Hai văn bản lập quy mà mâu thuẫn nhau cũng được đem xử coi bên nào đúng luật hơn. Nhưng vô sản chuyên chính không có thói quen kiện nhau. Chỉ có cách là Cục phải mách bu lên cấp Bộ, lúc đó lại coi ông Bộ trưởng nào mạnh miệng hơn. Không lẽ lại phải nhờ đến ông Phan Văn Khải xử, xin ông thủ tướng phán một câu coi con rắn nước có ở dưới nước và đáng gọi là thủy sản hay không!

Tất cả là di sản của 50 năm chuyên chính vô sản xây dựng Chủ nghĩa Xã hội. Nó tập cho người ta thói sứ quân, giang sơn nào anh hùng nấy. Nó tập cho cán bộ thói quen sinh hoạt, hành động theo lệnh miệng của cấp trên chứ không biết dùng luật pháp. Nó tập cho người ta coi tòa án cũng là một dụng cụ của chuyên chính vô sản chứ không độc lập và vô tư. Cho nên tòa án cũng bị khinh rẻ, chỉ được đem dùng để buộc tội bọn "phản động chống lại nhân dân." Chuyên chính vô sản bất chấp cả các thủ tục hành chánh, vì ngay trong nền hành chánh cũng như guồng máy kinh tế, "trình độ chính trị," tức là óc phục tùng cấp trên của cán bộ quan trọng hơn khả năng chuyên môn hay tất cả các luật lệ hành chánh.

Các cán bộ đảng càng không có thói quen nhờ tòa án phân xử, vì bao nhiêu năm nay họ quen thói "xử lý nội bộ" với nhau rồi. Tranh nhau miếng ăn mấy con chẩu chuộc, không được ăn ức quá thì cũng nhờ "trên" xử, việc gì phải đi nhờ người ngoài! Cán bộ không thể đi nhờ quan tòa đứng giữa giải thích các luật lệ, nghị định, công văn, xem có ăn khớp với nhau không, so sánh lý luận bên nọ với bên kia coi ai đúng. Vì quan tòa là để xét xử "bọn phản động," cùng lắm xét xử dân chứ đâu có quyền xét xử mấy cán bộ, công văn, nghị định!

Đó là những điều suy ngẫm về chuyện chẩu chuộc để quý vị mua vui lúc đầu năm. Chắc đại hội Đảng kỳ này không có thời giờ bàn chuyện chẩu chuộc ở TT Dinh Kế. Nhưng chắc các vụ khác thì cũng chẩu chuộc như vậy.●

PHẬT GIÁO HÒA HẢO VÀ NÔNG DÂN MIỀN NAM

TRẦN NGUƠN PHIÊU

Kể từ ngày Lễ Kỷ Niệm 60 năm Khai Sáng Phật Giáo Hòa Hảo, không khí sinh hoạt của nền đạo lý Hòa Hảo bỗng nổi lên ào ạt ở khắp các miền đồng bằng sông Cửu Long, như vào thuở những ngày trước tháng Tư năm 1975. Sau khi cưỡng chiếm được miền Nam, những người trong tập đoàn Cộng sản Đệ tam đã có chủ trương sẽ dẹp tan Phật Giáo Hòa Hảo trong vòng 15 năm. Hơn 40 năm về trước, khi lấy quyết định ám hại Đức Thầy, họ cũng có chủ trương như vậy nhưng đã mang lấy thất bại trong âm mưu này. Sau ngày toàn thắng nắm lấy vận mạng cả nước, với toàn quyền sinh sát trong tay, họ tin chắc sẽ thành công phen này, nhưng rồi cuối cùng họ vẫn thấy dân chúng nông thôn Nam bộ vẫn kiên trì âm thầm nuôi giữ niềm tin vào giáo lý đã được Đức Thầy rao giảng từ 50 năm trước. Chúng ta hãy thử tìm hiểu vì sao Phật Giáo Hòa Hảo đã có cơ hội phát triển thâm sâu trong vùng đất phì nhiêu này của đất nước Việt Nam, nhất là trong những lúc gần đây, mặc dầu bị bao vây, đàn áp, có khi nguy hiểm đến tính mạng, các tín đồ Hòa Hảo vẫn bạo dạn tổ chức các lễ truyền thống của giáo phái.

Những bậc trí thức phần đông ít chú trọng đến hiện tượng Phật Giáo Hòa Hảo ở miền Nam, nhất là các trí thức miền Bắc. Người viết bài đã có rất nhiều bạn bè thân thích di cư vào Nam sau ngày phân chia đất nước năm 1954. Phần lớn đều thú thật: khi vào miền nam, họ cứ tưởng Hòa Hào là những nông dân cường khấu, chuyên ăn gan uống mật kẻ thù, như Cộng sản vẫn tuyên truyền trong bao năm ở Bắc.

Việc này thật ra không có gì đáng trách vì trong tình thế nhiễu nhương thời kháng chiến, cũng như sau này dưới thời Đệ nhứt Cộng hòa của Tổng thống Ngô Đình Diệm, một người theo Thiên Chúa giáo, việc tìm hiểu giáo lý PGHH không được cơ hội khai triển.

Trong khi đó, ngay cả những người theo tín ngưỡng Phật giáo truyền thống, khi có được cơ hội tìm hiểu giáo lý do Đức Thầy rao giảng cho dân chúng Nam bộ, đã thường phải giật mình chợt hiểu vì sao một Giáo chủ trẻ tuy chỉ thọ có 27 tuổi, thời gian khai sáng đạo và hoạt động ngắn ngủi trong vòng bảy năm, lại có thể gây được những ảnh hưởng sâu đậm, bền vững cho bao thế hệ về sau.

Vào thuở khởi đầu, Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ đã được biết tiếng như người có khả năng huyền bí chữa trị được nhiều bịnh tật. Thời gian này chỉ kéo dài vào khoảng hai năm. Sau đó thực dân Pháp đã tìm các biện pháp cách ly Đức Thầy với dân chúng, quản thúc Thầy ở các vùng Cần Thơ, Sa Đéc, Sóc Trăng, Bạc Liêu... và cuối cùng bắt nhốt vào Bịnh viện Tâm trí Chợ Quán! Trong thời gian này, Đức Thầy vẫn tìm cơ hội giao truyền giáo lý, nhất là viết các Sấm Giảng để phổ biến trong dân chúng.

Khi đề cập đến một tôn giáo, có hai vấn đề chánh cần tìm hiểu: phần giáo lý là nội dung căn bản và phần hình thức là việc thực hành tín ngưỡng. Chúng ta hãy tìm xem các đặc thù của nền PGHH. Người viết bài vốn chỉ là một người theo đạo Phật nhưng không phải là một tín đồ Phật giáo Hòa Hảo, nên chắc sẽ có những sai sót trong phần trình bày. Mong các vị cao kiến trong PGHH niệm tình tha thứ và chỉ giáo nếu có những gì thiếu sót hay sai trái.

Giáo lý Phật giáo Hòa Hảo

Đạo Phật là đạo giác ngộ, chỉ lối đưa đường dẫn dắt con người từ cõi đau khổ đến cõi an lạc. Đức Phật tức đức giác ngộ đã vì lòng thương xót chúng sanh, khai ngộ cho tất cả mọi người được giác ngộ như chính đức Phật.

Ông Huỳnh Phú Sổ đã giảng dạy cho tín đồ

một nội dung Phật pháp đúng theo lời chuyển Pháp Luân của Đức Phật. Những ai đã có dịp đọc lại các thuyết giảng của Đức Thầy đều phải khâm phục vì Ông đã đem giáo lý nhà Phật đến đại chúng nông dân, một cách rất gần gũi nhưng rất trọn vẹn, từ con đường trung đạo đến tam nghiệp, tứ diệu đế, tứ vô lượng tâm, tứ ân, ngũ giới, lục độ, bát chánh đạo, thập thiện, thập nhị nhân duyên!

Đức Thầy chỉ có chút phần thay đổi trong thứ tự Tứ Ân. Ngoài ra, trọn vẹn nội dung là đúng với những lời Đức Phật đã dạy cho đệ tử của Ngài trong Phật giáo nguyên thủy. Ông Huỳnh Phú Sổ không hề có chủ trương một nền Phật giáo nào khác.

Đường vào cõi Phật có ngàn Pháp môn. Đức Thầy là người thấu hiểu căn cơ chất phác của người nông dân, là những người ít học, không thể tự lực hành trì các pháp tu tối thắng, tối cao để vượt ra khỏi tam giới, thoát nạn trầm luân trong tam đồ, lục đạo. Vì thế nên Ông Huỳnh Phú Sổ đã chọn Pháp môn Tịnh Độ là một pháp tu phù hạp với căn cơ của người nông dân Nam Bộ. Ông khuyên đạo hữu:

Môn Tịnh Độ là phương cứu cánh
Ráng phụng hành kẻo phụ Phật xưa

Khi chỉ mới 23 tuổi, Ông đã viết bài "Phật là gì?" để tín đồ hiểu rõ hình ảnh Đức Phật như Ngài đã tự giới thiệu khi còn tại thế: Ngài là người giác ngộ, một đạo sư chỉ dắt chúng sanh con đường và phương pháp đi đến giải thoát. Ông Huỳnh Phú Sổ đã cho tín đồ sự hiểu biết để họ không bị mê hoặc, tôn sùng Đức Phật như một vị thần linh.

Thử đọc lại bài nói trên như một thí dụ điển hình, để biết rõ những lời văn thực tiễn, gần gũi của Ông Huỳnh Phú Sổ, những lời dạy dễ lãnh hội, đã ăn sâu vào tâm hồn chất phác của người nông dân miền Nam:

"Phật giả là Giác giả (Người giác ngộ). Giác giả là Tỉnh giả (Người tỉnh thức).

Khi Đức Thích Ca thành Phật thì Ngài nói pháp Tứ đế mà độ đời trước hơn các pháp, và chỉ con đường Trung Đạo cho người hành theo.

Đường Trung Đạo của Phật:

Không trưởng dưỡng xác thịt quá ư sung sướng như: ăn nhiều, ngủ nhiều, chẳng lo làm công chuyện, chẳng học hỏi, vì sung sướng thái quá thì sanh nhiều dục vọng mê đắm, làm cho trí đạo tối tăm, không đạt huệ được.

Không nên hành xác hay ép xác thái quá như: phơi nắng dầm sương, bỏ ăn, bỏ ngủ, làm lụng quá sức lực của mình, vì ép xác quá độ hay sanh bịnh hoạn nhiều, người mà đa mang bịnh tật rồi, tinh thần kém cỏi, nhọc mệt, trí hóa lu mờ, không đủ sức mà học Đạo đặng.

Nên người biết Đạo chẳng ép xác thái quá, mà cũng chẳng để nó sung sướng quá độ, chỉ ăn ngủ có chừng mực, làm việc vừa với sức mình, giữ gìn sức khỏe mới mong được Đạo Pháp.

Vậy Phật chẳng buộc ai phải ăn ở khổ hạnh và cũng chẳng biểu ai ăn ở sung sướng, chẳng ép ai ăn chay, chẳng xúi ai ăn mặn, tùy theo trình độ và lòng nhơn của mình.

Điều cần yếu là phải:
LÀM HẾT CÁC VIỆC THIỆN
TRÁNH TẤT CÁC ĐIỀU ĐỘC ÁC
QUYẾT RỬA TẤM LÒNG CHO TRONG SẠCH."

Ông Huỳnh Phú Sổ đã có cả triệu tín đồ hưởng ứng tu hành vì Ông đã thuyết giảng đúng trình độ đại chúng bình dân trong đó phần lớn là nông dân, đúng thực trạng xã hội Việt Nam phần đông là ít học, ít hiểu biết. Tuy nhiên những bài giảng của Ông vẫn đúng theo giáo pháp, lại được Ông khai triển đúng căn cơ của tín đồ bình dân.

Trong những thập niên gần đây, Hòa thượng Thích Nhất Hạnh là người đã nổi danh chẳng những trong giới Phật tử người Việt mà còn là một Thiền sư được các giới Âu Mỹ thán phục. Mỗi khóa tu của Hòa thượng và Tăng đoàn Làng Mai đến từ Pháp để tổ chức ở Bắc Mỹ thường có khoảng từ 700 đến 2000 thiền sinh tham dự. Vào cuối khóa tu, thường có khoảng từ 100 đến 700 người tiếp nhận Ba quy và Năm giới. Những người theo học phần lớn thuộc thành phần có học thức và trình độ khá cao. Thiền sư Nhất Hạnh đã thành công ở ngoại quốc vì Ông đã thích ứng việc giảng dạy cho đại chúng khác với đại chúng ở Việt Nam. Văn bản Ngũ giới hiện nay của Ông là kết quả của sự hành trì trên 25 năm giảng dạy. Thay vì theo Giới bản xưa: " Không được sát sinh, Không được trộm cắp, Không được tà dâm, Không được nói dối, Không được uống rượu," Hòa thượng Nhất Hạnh đã giảng lại như sau: (Xin chỉ kể hai giới về Sát sinh và Tà dâm để làm thí dụ tiêu biểu)

"Giới Thứ Nhất: Ý thức được những khổ đau do sự sát hại gây ra, con xin học theo hạnh Đại bi để bảo vệ sự sống của mọi người và mọi loài. Con nguyện không giết hại sinh mạng, không tán thành sự giết chóc và không để kẻ khác giết hại, dù là trong tâm tưởng hay trong cách sống hằng

ngày của con.

.....

Giới Thứ Ba: Ý thức được những khổ đau do thói tà dâm gây ra, con xin học theo tinh thần trách nhiệm để giúp bảo vệ tiết hạnh và sự an toàn của mọi người và mọi gia đình trong xã hội. Con nguyện không ăn nằm với những người không phải là vợ hay chồng của con. Con ý thức được rằng những hành động bất chánh sẽ gây ra đau khổ cho kẻ khác và cho chính con. Con biết muốn bảo vệ hạnh phúc của mình và của kẻ khác thì phải biết tôn trọng những lời cam kết của mình và của kẻ khác. Con sẽ làm mọi cách có thể để bảo vệ trẻ em, không cho nạn tà dâm tiếp tục gây nên sự đổ vỡ của các gia đình và của đời sống đôi lứa."

Thông cảm được tâm trạng giới trẻ và nhất là giới trẻ Tây phương vốn không ưa thích các công thức ra lệnh, cấm cản hoặc ép buộc, Thầy Nhất Hạnh đã trình bày lại Năm Giới trong một hình thức nhẹ nhàng, thoải mái hơn, nhưng vẫn giữ được nguyên vẹn bản chất của giới pháp.

Văn bản Ngũ Giới của Thầy Nhất Hạnh với hình thức mới đã được các giới trẻ Tây phương chấp nhận dễ dàng hơn. Thầy đã trở thành một danh tăng truyền bá Phật pháp ở hải ngoại, nhờ vào việc cách mạng và hiện đại hóa trong việc hoằng pháp. Văn bản Năm Giới của Thầy là kết quả của sự hành trì và giảng dạy trong 25 năm. Văn bản không có danh từ Phật học chuyên môn này đã phải trải qua ba lần tu chỉnh.

Bây giờ xin chúng ta hãy trở lại xem hơn 50 năm về trước, khi còn trong lứa tuổi hơn hai mươi, Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ đã thuyết giảng cho giới nông dân chất phác và ít học vùng Cửu Long ra sao.

Xin được trích dẫn làm thí dụ, để so sánh, những gì Đức Thầy đã dạy trong "Tam Nghiệp và Thập Ác" về hai giới: Sát sanh và Tà dâm.

"SÁT SANH: Con người mới sanh ra ở đời đều có tánh hiền lành cả. Song đến lúc lớn khôn, vì phải sống chung chạ với thế giới người hung tàn, bạo ngược, tánh nết liền ô nhiễm những sự xấu xa hèn kém, trở nên độc ác dữ dằn.

Loài người giết nhau vì tiền bạc, vì sắc đẹp, vì lợi danh, vì quyền thế, vì thù hiềm, vì hiếu thắng... nghĩa là họ giết nhau vì sự lợi ích của một người, của một nhóm người, của một đẳng cấp xã hội, của một quốc gia... Đó là người đối với người.

Người đối với thú cầm sanh vật còn tàn nhẫn gấp mấy nữa: họ giết thú vật vì miếng ăn, vì sự dị đoan mê tín,... sát hại sanh vật cúng tế... vì sự vui thích... kẻ bắn chim đang bay trên trời, người chặt cá đang lội dưới nước. Họ bắt thú vật làm tấm bia cho nhắm trong những lúc cao hứng, quên hẳn rằng sanh vật cũng có linh hồn, cũng có thân xác, cũng biết tìm lẽ sống còn như nhân loại vậy... Khi gặp tai nạn bất ngờ hay rủi ro đau ốm, con người không chịu thuốc thang, khẩn vái Phật Trời cầu cho tai qua nạn khỏi, lại giết các thú vật tế thần cúng thánh, kêu cốt kêu đồng. Họ không tìm nguyên nhân các sự họa hoạn, không chịu tìm hiểu rằng những tai biến xảy ra đều do căn tiền báo quả hậu, và không chịu ăn năn chừa lỗi, tạo tác phước điền. Trong khi giết các thú vật đặng tế lễ, họ đã phạm thêm một tội ác lúc họ chưa đền bồi các tội ác trước được.

Thế nên hãy tha thứ cho chúng, hãy dung dưỡng chúng và nhứt là đối với các gia súc: trâu, bò, ngựa, chó, mèo... chẳng khá sát hại vì chúng đã giúp ích cho ta trong các việc sanh hoạt hằng ngày. Tóm lại, không có sự sát sanh vô cớ nào có thể tha thứ được và trong những ngày chay lạt hãy cử hẳn."

TÀ DÂM: "Muôn việc lành, hiếu thuận đứng đầu, ngàn việc dữ, tà dâm đứng trước." Sách sử thường bảo như thế. Lần dở xem sử sách, thời thấy tội ác ấy lan diễn khắp nơi, từ trào nội cho đến thứ dân, từ trong gia đình đến kẻ xa người lạ. Nó là mầm gây ra biết bao thảm trạng. Gương của vua Tề với vợ Thôi Tử, An Lộc Sơn với Dương Quý Phi há chẳng còn lưu liên hậu thế? Giàu ỷ của, hiếp dâm kẻ khó, quan ỷ quyền cưỡng bức đám dân hèn. Gian phu dâm phụ, từ xưa đến nay luôn luôn đều có.

Muốn tránh sự bại hoại nền luân lý nước nhà, muốn giữ gìn tiếng tăm của gia thế, phải đừng để dục tình lôi cuốn, bắt chước gương xưa trau dồi lòng hiếu trung trinh tiết."

Những lời thuyết giảng của Ông Huỳnh Phú Sổ vì mang tính cách bình dân nên không khỏi bị một số tăng, ni chê là kém cỏi, tầm thường, hoặc giáo lý PGHH không có gì là cao siêu, là chân chánh. Nhưng những ai hiểu đạo Phật đều phải công nhận là các bài thuyết pháp của Ông tuy giản dị nhưng rất trong sáng và chan hòa tư tưởng Phật giáo. Ông chỉ đặc biệt chú trọng nhiều đến Tứ Ân như Phật Thầy Tây An. Ngoài ra Ông không có chủ trương đưa ra những tư tưởng Phật học gì mới lạ.

Trình độ nông dân của 90 phần trăm tín đồ của Ông vào thời khoảng nhiễu nhương 1940

khó có thể thông hiểu được các tư tưởng cao siêu chứa đựng trong thiên kinh, vạn quyển của triết lý Phật giáo. Hoằng pháp bằng những bài thơ chuyên chở đạo Phật vào sâu trong tâm não tín đồ là một thành công sâu đậm, bền vững. Trong một thời gian ngắn ngủi độ bảy năm, ngoài những việc khó khăn khác phải đương đầu, quả thật trong lịch sử miền Nam, chưa thấy có một giáo chủ nào có thể có được hơn hai triệu tín đồ trên một dân số khoảng 10 triệu vào thời đó.

Hình thức tín ngưỡng PGHH

Sự thành công đặc thù của PGHH, đưa đến sự hiện diện trường tồn ở miền Nam cho đến ngày hôm nay, mặc dầu đã phải trải qua bao nhiêu biến cố, tưởng cần phải được suy gẫm cặn kẽ hơn.

Hình thức tín ngưỡng của PGHH là một yếu tố quan trọng. Đây quả thật là một cuộc cách mạng, đang được nhiều học giả về tôn giáo nghiên cứu.

Ông Huỳnh Phú Sổ đã thố lộ trọng trách lâm phàm của Ông là việc phải chấn hưng Phật pháp: Từ ngày chư Tổ bặt truyền y bát đến nay, chơn pháp của Phật bị người đời làm sai tinh nghĩa nên một ngày một suy đồi. Ông tự nhận là đệ tử trung thành của Phật Thích Ca, lãnh sứ mạng giáo truyền một nền đạo vô vi, khác với lối âm thinh sắc tướng của phái Thần Tú. Ông kêu gọi:

"Khuyên sư vãi mau mau cải hối,
Làm vô vi chánh đạo mới mầu;
Đạo Thích Ca nhiều nẻo cao sâu,
Hãy tìm kiếm cái không mới có"

Vì thế Ông Huỳnh Phú Sổ chủ trương:

"Theo Lục Tổ chớ theo Thần Tú"

.....

"Đạo vô vi của Phật ân cần,
Nối theo chí Thích Ca ngày trước"

Ông Huỳnh Phú Sổ đã đặc biệt tạo nên một nền Phật giáo mới lạ, một nền Phật giáo do các giới Phật tử tại gia điều hành, một nền Phật giáo cấp tiến, không có giới tăng lữ tham gia.

Đức Thầy tuy không chủ trương xây chùa, đúc tượng nhưng trong "Lời khuyên bổn đạo," Ông vẫn khuyên tín đồ phải kính trọng giới tăng sĩ, vẫn khuyến khích đi chùa vào các ngày rằm, ngày vía của Đức Phật... Ông đã khéo léo tránh tạo sự bất hòa giữa giới tăng sĩ và cư sĩ tại gia. Đức Thầy đã viết: *"Hạng tại gia gồm tất cả thiện nam tín nữ chưa đủ điều kiện xuất gia, vì cảm thấy mình còn nặng nợ với non sông tổ quốc, với gia đình, với đồng bào xã hội, nên chưa thể làm như các nhà sư hay ni cô đặng. Thế nên ở tại nhà, họ phượng thờ Đức Phật, phát nguyện quy y, giữ gìn giới luật, hằng coi kinh sách, sửa tánh, răn lòng, ủng hộ các sư."* Ông đặt trọng tâm vào việc tu tâm sửa tánh, khuyên không nên dựa vào hình tướng, lễ nghi. Hình tướng như tượng Phật, chuông, mõ chỉ là những trợ lực, những phương tiện giúp để dễ tu tập nhưng lắm khi sự chấp vào hình

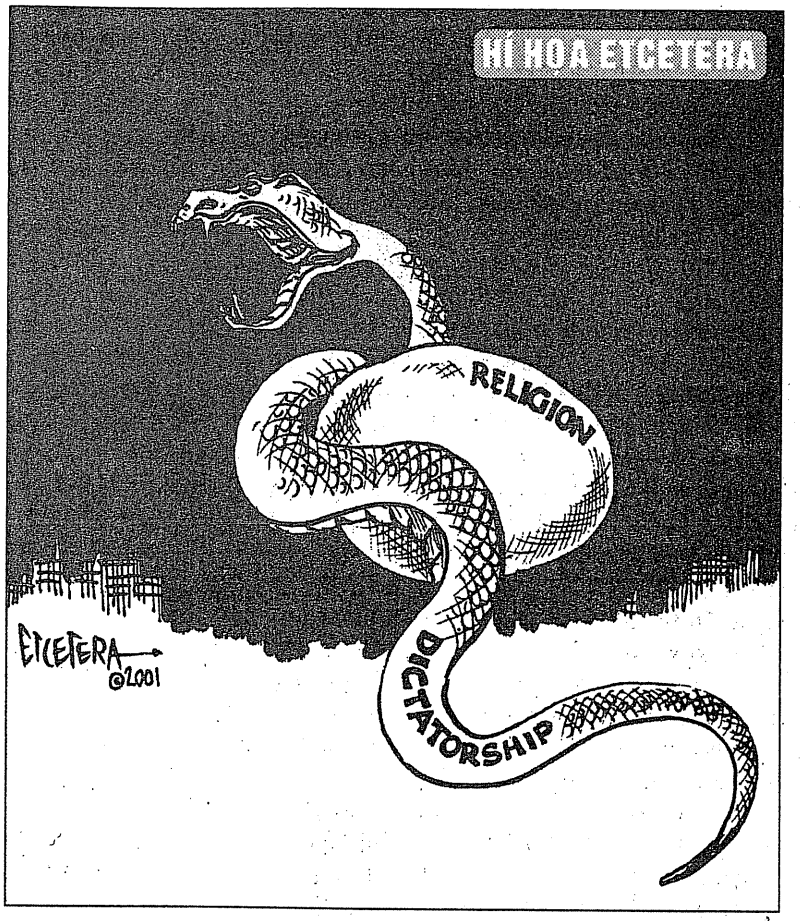

tướng lại dẫn đến sự sai lệch đạo pháp.

Về thờ phượng, PGHH chủ trương các cư sĩ tại gia nên "thờ đơn giản cho lòng tin tưởng trở lại tâm hồn... chỉ thờ một tấm trần màu dà... Màu ấy là sự kết hợp của tất cả các màu sắc khác nên có thể tượng trưng cho sự hòa hiệp của nhân loại không phân biệt chủng tộc cá nhơn... Màu ấy tiêu biểu cho tinh thần vô thượng của nhà Phật."

Ông Huỳnh Phú Sổ trong bài "Cách thờ phượng, hành lễ và sự ăn ở của một tín đồ PGHH" đã hướng dẫn rõ ràng để thống nhất hình thức thờ phượng, lễ bái, là một việc mà giới Phật tử truyền thống lắm khi còn bị lúng túng. Những vấn đề thực tế như học vấn, vệ sinh thân thể, tập thể dục... cũng được đề cập trong bài này. Đặc biệt "Đối với các tôn giáo khác," Đức Thầy đã khuyên tín đồ *"không nên đụng chạm đến cách thức tu hành của họ; Nhứt là không ỷ đông hiếp đáp hoặc nói xấu người ta ... phải luôn luôn làm lành với họ."*

Tiến sĩ Lê Hiếu Liêm của Trường Phật Học Lý Trần có viết: *"PGHH không xây dựng thêm chùa chiền mới nhưng đã thật sự xây dựng nhiều ngôi chùa nhất trong lịch sử Phật giáo Việt Nam: mỗi mái nhà của tín đồ là một ngôi chùa, mỗi gia đình Phật tử là một tăng thân tu học. PGHH đưa đạo Phật đến tận mỗi con người, mỗi gia đình, mỗi mái nhà. Mỗi người tự trực tiếp thực hành đạo Phật trong mỗi giây phút của cuộc đời mình, không cần trung gian của tăng ni và không cần hình tướng của chùa chiền, hình tượng, chuông mõ."* Thật là một cuộc cách mạng lớn trong lịch sử Phật giáo VN!

Sấm giảng, thi, kệ của Huỳnh Phú Sổ

Trong việc lễ bái ở các chùa, các thi, kệ, thường được viết dưới dạng Hán văn hay Phạn văn. Trong thập niên 1980 gần đây, Thiền sư Thích Nhất Hạnh và Tăng đoàn Làng Mai lần đầu tiên đã cho xuất bản "Thiền Môn Nhật Dụng" toàn bằng Việt ngữ để giới Phật tử sử dụng. Thiền sư Nhất Hạnh cũng đã nổi tiếng về các thi kệ do Ông sáng tác hay chuyển ngữ.

Có rất ít bậc trí thức được biết là 40 năm về trước, Ông Huỳnh Phú Sổ đã dịch nhiều thi kệ từ tiếng Hán ra Việt ngữ cho tín đồ của Ông.

Xin được nhân dịp này, thử đọc lại các câu Chú thường được niệm, trích ra từ tập Sấm Giảng Thi Văn của Ông Huỳnh Phú Sổ.

Các buổi lễ Phật giáo thường được khởi sự bằng bài Quán Tưởng, tóm gọn tinh hoa Phật giáo của bộ kinh Hoa Nghiêm danh tiếng:

"Năng lễ, sở lễ, tánh Không tịch
Cảm ứng tương giao nan tư nghị
Ngã thử đạo tràng như đế châu
Thập phương chư Phật ảnh hiện trung
Ngã thân ảnh hiện chư Phật tiền
Đầu diện tiếp túc qui mang lễ."

Dịch nghĩa là: Con, người đang lạy Phật, và Phật, người đang được lạy, cả hai cùng một bản tánh Không, nghĩa là không có tự thể bất biến, nghĩa là cùng do nhân duyên trùng trùng tác động lẫn nhau mà có. Vì cùng một bản tánh nên sự cảm ứng giữa Ngài và con không thể nghĩ bàn. Con ở trong đạo tràng rực rỡ, đẹp đẽ, sáng lạn như viên ngọc quý vô giá vô cùng. Trong đạo tràng này có sự hiện diện của chư Phật mười phương. Cũng trong đạo tràng này thân con hiện ra trước mười phương chư Phật.

Bài thi kệ này nay được một danh tăng dịch ra Việt ngữ và được đưa vào Nghi Thức Tụng Niệm của PGVN:

"Phật, chúng sanh tánh thường rỗng lặng
Đạo cảm thông không thể nghĩ bàn
Lưới đế châu ví đạo tràng
Mười phương Phật bảo hào quang sáng ngời
Trước bảo tọa thân con ảnh hiện
Cúi đầu xin thệ nguyện quy y."

Ông Huỳnh Phú Sổ đã dịch thành thơ như sau, một cách rất sát nghĩa:

"Sự lạy Phật vốn Không, yên tĩnh
Đạo cảm giao khó tính khôn bàn
Nay tôi ở trong đạo tràng
Cũng như kết chặt vào đoàn ngọc châu
Mười phương Phật hiện bầu hình ảnh
Có bóng tôi cũng sánh cùng Ngài
Từ chơn cho chí mặt mày
Cúi đầu làm lễ nguyện rày quy y."

Xin thú thật là riêng người viết bài, từ ngày biết được bài của Ông Huỳnh Phú Sổ, mỗi bận đọc kệ Quán Tưởng, sự cảm thông với lời kinh đã được thấy trọn vẹn hơn.

Nay thử xét thêm về các thi kệ của Thiền sư Nhất Hạnh và của Ông Huỳnh Phú Sổ, cùng đề cập đến chung một số vấn đề.

Thiền sư Nhất hạnh đã nổi tiếng về những Thi kệ Nhật dụng như:

THỨC DẬY:
Thức dậy miệng mỉm cười
Hăm bốn giờ tinh khôi
Xin nguyện sống trọn vẹn
Mắt thương nhìn cuộc đời.

RỬA TAY:
Múc nước để rửa tay

Xin nguyện cho mọi người
Có đôi bàn tay khéo
Gìn giữ trái đất này
ĐIỀU TỨC:
Thở vào tâm tĩnh lặng
Thở ra miệng mỉm cười
An vui trong hiện tại
Giờ phút đẹp tuyệt vời
THỈNH CHUÔNG:
Ba nghiệp lắng thanh tịnh
Gửi lòng theo tiếng chuông
Nguyện người nghe tỉnh thức
Vượt thoát nẻo đau buồn

Thầy Nhất Hạnh vừa là thiền sư lại cũng là thi sĩ, đã sáng tác hoặc phóng tác qua thể thơ tự do những thi kệ tuyệt vời vừa kể trên. Bốn mươi năm về trước, Ông Huỳnh Phú Sổ, tuy phải bị gò bó trong niêm luật, đã dịch rất sát theo nguyên bản Hán văn các thi kệ trên như sau:

Về bài "Rửa tay"
Hán văn:
Dĩ thủy quán chưởng
Đương nguyện chúng sanh
Đắc thanh tịnh thủ
Thọ trì Phật pháp
Ông Huỳnh Phú Sổ viết:
Lấy nước tôi rửa sạch tay
Nguyện cầu sanh chúng được tay thơm lành
Ngõ hầu nắm pháp vô sanh
Giữ gìn lời Phật ban hành từ xưa
Về bài "Thỉnh chuông"
Hán văn:
Nguyện thử chung thỉnh siêu pháp giới
Thiết vi u ám tất giai văn
Văn trần thanh tịnh chứng viên thông
Nhất thiết chúng sanh thành chánh giác
Ông Huỳnh Phú Sổ :
Nguyện tiếng chuông lành thông các cõi
Thiết vi địa ngục cũng nghe rành
Nghe rồi thân tịnh, tâm tròn sáng
Tất cả chúng sanh Phật đạo thành.

Vài thí dụ kể trên tưởng cũng đã đủ để chứng minh nếu thi kệ nổi tiếng của Thiền sư Nhất Hạnh nay được quý trọng trong giới Phật giáo, thì thi kệ của Ông Huỳnh Phú Sổ sáng tác cách đây hơn 40 năm cũng nên được coi như một đóng góp quan trọng vào gia tài văn học Việt Nam.

KẾT LUẬN

Trong những trình bày vắn tắc vừa qua về Giáo lý, Hình thức Tín ngưỡng, Sấm Giảng, Thi kệ Phật giáo Hòa Hảo, chúng ta có thể hiểu được phần nào vì sao nền Phật Giáo Hòa Hảo đã bén rễ sâu xa trong tâm hồn người nông dân Nam bộ.

Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ đã cách mạng, hiện đại hóa Phật giáo truyền thống thành một nền Phật giáo Thời đại. Những thành tựu Ông đã thực hiện trong thời gian ngắn ngủi bảy năm thật khó có thể giải thích ngoại trừ phải chấp thuận ý kiến xem Ông là một vị Bồ Tát đã xuất hiện sau nhiều kiếp tu tập để cứu rỗi nông dân ở địa linh Cửu Long.

Thời Đệ nhứt Cộng Hòa, Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã ban hành Nghị định số 41-NV ngày 27-1-1955 cấm Việt Nam Dân chủ Xã hội Đảng (cơ quan tranh đấu của Phật Giáo Hòa Hảo) không được hoạt động.

Thời Đệ nhị Cộng Hòa, sau Hiệp định Paris ra đời, e ngại có thể xảy ra các cuộc đảo chính, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã ra lịnh cho bộ Nội Vụ tước võ khí và giải tán Tổng Đoàn Bảo An Hòa Hảo, ở Long Xuyên ngày 29-1-1975, giết chết ba giáo dân, làm bị thương 10 người, bắt giữ hơn 600 Bảo an viên.

Khi cưỡng chiếm miền Nam năm 1975, sau nhiều lần thất bại trong chủ trương xóa bỏ nền Phật Giáo Hòa Hảo, ngày 25 tháng 6 năm 1999, bạo quyền Cộng sản đã dàn dựng một Ban Đại diện "Quốc doanh" và áp đặt một qui chế mới để thủ tiêu truyền thống PGHH như hủy bỏ đạo kỳ màu dà, cắt xén 80% Sấm giảng, hủy bỏ Đại lễ Tưởng niệm Đức Thầy v.v...

Mặc dầu phải gánh chịu bao khổ nạn trong quá khứ, người nông dân miền Nam tín đồ Phật giáo Hòa Hảo vẫn kiên cường giữ vững niềm tin theo giáo pháp, tranh đấu cho tự do tín ngưỡng. Trong chiều hướng đấu tranh cho việc thành tựu một nước Việt Nam dân chủ, tự do, chúng ta có trách nhiệm phải đóng góp vào Phong Trào Yểm Trợ Phật Giáo Hòa Hảo Quốc Nội. Nền Phật giáo Hòa Hảo đã giữ miền đồng bằng Sông Cửu Long thành một ốc đảo thanh bình trong suốt cuộc chiến vừa qua, một ốc đảo còn giữ vững nền đạo lý truyền thống khi Cộng sản đã làm băng hoại luân lý ở hầu như khắp nơi trong nước. Trong tương lai, đây cũng là một ốc đảo bảo đảm vững chắc trong việc tranh đấu đem lại tự do dân chủ, dân quyền cho đất nước.●

Arlington, Texas
Tháng 7 năm 2000

SÁCH LƯỢC ĐÀO TẠO VÀ PHÁT HUY CHẤT XÁM Ở VIỆT NAM TRONG KỶ NGUYÊN MỚI NHÌN TỪ QUÁ KHỨ

PHẠM CAO DƯƠNG

(Tóm tắt bài thuyết trình tại Đại Hội Quốc Tế Paris 2000 của Hội Chuyên Gia Việt Nam)

1. Đào tạo chất xám, hay nôm na quen thuộc hơn là đào tạo nhân tài, là trồng người hiểu theo tiêu chuẩn của mỗi thời đại, là một phần vụ mà các nhà lãnh đạo ở bất cứ quốc gia nào, bất cứ thời đại nào cũng phải quan tâm và thực hiện. Ở Việt Nam công tác này ngay từ thế kỷ XI đã được nhà Lý đặc biệt chú ý tới. Kỳ thi tam trường đầu tiên đã được tổ chức vào năm 1075, Quốc Tử Giám được thành lập vào năm 1076, kỳ thi để lựa chọn người vào Hàn Lâm Viện được tổ chức vào năm 1086. Nói cách khác, chúng ta đã có một truyền thống đào tạo chất xám từ rất sớm, sớm hơn các nước ở Tây Phương rất nhiều. Từ đó cho đến đầu thế kỷ XIX, dưới ảnh hưởng của Nho học, hệ thống giáo dục truyền thống này đã được liên tục duy trì, củng cố và phát triển. Nó chỉ bị chấm dứt từ sau các năm 1915 ở Bắc Kỳ và 1918 ở Trung Kỳ với những khoa thi hương và thi hội cuối cùng được tổ chức dưới thời Pháp thuộc. Lý do là vì tình thế đã thay đổi. Việt Nam đã bị mất chủ quyền và cái học của nhà Nho đã trở thành lỗi thời. Người ta đã phải chấp nhận một nền giáo dục do người Pháp mang lại hay tự đi tìm một nền giáo dục mới. Phan Bội Châu với Phong Trào Đông Du đã mở đầu cho nỗ lực của chính người Việt hướng về các nước Á Đông khác là Trung Hoa và Nhật Bản. Phong trào Duy Tân và trường Đông Kinh Nghĩa Thục ở Hà Nội là những nỗ lực khác được thực hiện ngay ở trong nước. Cả hai phong trào do người Việt chủ xướng dù đã bị thất bại nhưng đã đánh dấu một sự thức tỉnh của các sĩ phu Nho Học của chúng ta hồi đầu thế kỷ trước. Thức tỉnh và hướng về một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của tiếp xúc với thế giới bên ngoài, của kỹ thuật và khoa học. Chúng mở những cánh cửa mới cho những thế hệ thanh niên kế tiếp và đã phần nào thúc đẩy người Pháp phát triển một nền giáo dục thực sự, nhằm đáp ứng khát vọng học hỏi của người Việt thay vì chỉ mở những trường đào tạo những lớp người thừa hành mà guồng máy cai trị của họ cần phải có hay để loại trừ ảnh hưởng của giới sĩ phu Nho học. Một nền giáo dục Pháp-Việt từ đó đã hình thành. Đồng thời họ cũng mở rộng cửa của các học đường ở chính quốc cho thanh niên ở các thuộc địa sang du học. Người ta thường hay có thói quen và không công bằng khi nói tới thời thuộc địa hay bảo hộ và chỉ nhìn một cách máy móc những chủ trương, những đường lối của người Pháp căn cứ vào số trường học và số học sinh theo học rồi dựa theo hoàn cảnh bị lệ thuộc của thời đó và hoàn cảnh tệ hại của thời hiện tại để kết luận là ngu dân, là không thực tâm mà không đặt mình vào thời điểm của các dữ kiện. Hãy nhìn vào ngân sách giáo dục dưới thời Pháp thuộc hồi đầu thập niên 1930 để đối chiếu với ngân sách dành cho giáo dục thời độc lập và hiện tại, người ta có thể có ngay một ý niệm về quan điểm của người Pháp đối với việc giáo dục dành cho người bản xứ. Ngân sách này là 14,23% ở Bắc Kỳ, 14,45% ở Trung Kỳ và 12,27% ở Nam Kỳ so với 6,16% ở Cao Miên và 8,76% ở Lào. Con số trên 10% này cũng là con số mà nền giáo dục của miền Nam thời trước năm 1975 được sử dụng so sánh với từ 6% đến 7% của thời hiện tại (ngoại trừ niên khóa 1992-1993), từ 15% đến 20% tại các quốc gia hội viên của khối ASEAN và từ 22% đến 25% ở Pháp.

2. Với ngân sách kể trên, người Pháp đã thiết lập được một hệ thống giáo dục bao gồm tất cả các cấp từ tiểu học đến đại học và cao đẳng. Trường Đại Học Hà Nội đã được thành lập từ năm 1917 với những phân khoa căn bản là y, dược, luật khoa, kèm theo với các trường cao đẳng như sư phạm, nông nghiệp, thương mại, công chánh, vân vân... để sau này trở thành căn bản cho Viện Đại Học Saigon và các trường cao đẳng trực thuộc Trung Tâm Kỹ Thuật Phú Thọ hồi trước năm 1975.

3. Dù không ưa người Pháp, dù muốn đề

cao tinh thần ái quốc để bài xích tất cả những gì do người Pháp để lại, người ta cũng phải công nhận rằng nguồn chất xám hay những sản phẩm chất xám do người Pháp đào tạo đã giúp cho chính phủ lâm thời của Hồ Chí Minh, say này là chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ở miền Bắc, cũng như Quốc Gia Việt Nam của cựu Hoàng Bảo Đại, sau này là Việt Nam Cộng Hòa ở miền Nam tiếp tục duy trì sinh hoạt bình thường của một quốc gia trong các thời kỳ cách mạng và chiến tranh của những ngày đầu độc lập. Chính dựa trên những công trình thiết lập bởi người Pháp một hệ thống giáo dục để đào tạo chất xám cho một quốc gia độc lập và phát triển theo chiều hướng tiến bộ và dân chủ đã thành hình ở miền Nam mà phẩm chất đã được chứng minh là đáng kể, là không thể phủ nhận được xuyên qua những thành tích mà các thanh thiếu niên Việt Nam cũng như các chuyên viên Việt Nam tị nạn đã đạt được ở các học đường hay các môi trường hoạt động trên toàn thế giới trong những năm đầu của phong trào tị nạn của người Việt.

4. Đào tạo chất xám cho thích hợp với hoàn cảnh của dân tộc và sự tiến bộ của thế giới như đã trình bày ở trên là một công tác và một sinh hoạt bình thường, một truyền thống ở nước ta trong suốt lịch sử của dân tộc ta, kể cả ở các thời dân ta bị ngoại bang đô hộ. Tất cả đều là những sinh hoạt bình thường, được quan niệm và thực hiện trong những điều kiện bình thường. Trong những điều kiện bất bình thường gây ra bởi chiến tranh, cách mạng và xáo trộn chính trị hồi nửa thế kỷ trước, mọi chuyện đã hoàn toàn thay đổi. Việc đào tạo chất xám cho đất nước đã bị uốn nắn theo điều kiện của cách mạng, của chiến tranh và của chính trị. Hồng có những lúc được coi nặng hơn chuyên, mèo có những lúc bị đòi hỏi phải là mèo đen hay mèo trắng và chính trị, đặc biệt là chính trị đảng tranh, bè cánh đã len lỏi vào học đường. Nặng hơn nữa là trong phạm vi sử dụng. Trong thời Pháp thuộc mặc dầu người Pháp đã đặt ra ngạch ta và ngạch Tây nhưng không vì thế mà người Việt đặc biệt là người Việt ở Nam Kỳ, dù xuất thân là dân Tây, tốt nghiệp những trường lớn của Tây, vẫn phục vụ hay về nước phục vụ hết mình như là những người Việt Nam thuần túy, để sau này đã trở thành những viên chức, những giáo chức trong nhiều ngành chuyên môn trong học giới hay trong chính quyền của miền Nam trước năm 1975. Trong khi đó những xáo trộn do cách mạng và chiến tranh gây ra từ năm 1945 đã làm cho chất xám của chúng ta bị băng hoại. Nhiều chuyên viên giỏi của chúng ta đã bỏ nước ra đi theo nhiều đợt khác nhau. Đợt đầu xảy ra trong thời chiến tranh Việt-Pháp. Rất nhiều người đã bỏ nước sang Pháp hay sang Pháp trở lại và đã ở lại phục vụ nước Pháp và đã gửi xương ở nước Pháp dù trong thâm tâm họ, chẳng bao giờ họ muốn điều này xảy ra cả. Đại hội ngày hôm nay của chúng ta diễn ra ở nước Pháp nên bất cứ ai trong chúng ta nếu dò hỏi cũng có thể kiếm ra một danh sách dài các chuyên viên Việt Nam thuộc hoàn cảnh này. Đợt thứ hai xảy ra từ năm 1975, sau khi miền Nam bị sụp đổ và nạn thất thoát chất xám của chúng ta đã trở nên trầm trọng hơn bao giờ hết. Hàng ngàn bác sĩ, nha sĩ, dược sĩ, hàng ngàn kỹ sư, giáo chức, các chuyên viên thuộc đủ các cấp, các ngành được đào tạo tại các trường trong nước hay ngoại quốc, sau nhiều năm kinh nghiệm hoạt động xây dựng đất nước, đã bỏ nước ra đi và hiện phục vụ một cách vô cùng hữu hiệu ở rất đông các quốc gia trên thế giới. Cũng vậy với hàng trăm ngàn các chuyên viên thuộc đủ các ngành bị gọi đi học tập, bất kể nhu cầu rất cao của sinh hoạt căn bản và bình thường của dân chúng.

5. Nhận định như trên, câu hỏi được nêu lên là chúng ta có thực sự thiếu chất xám hay không? Và chất xám của người Việt Nam có đủ phẩm chất để trở thành hữu hiệu trong sinh hoạt ở kỷ nguyên mới hay không? Để trả lời câu hỏi này, ngoài những dữ kiện thuộc phạm vi quá khứ, ta cũng cần phải đặt mình vào thời điểm của năm 2000, 25 năm sau khi phong trào vượt biển tị nạn của người Việt được phát khởi và nhiều trăm ngàn thanh thiếu niên Việt Nam đã tốt nghiệp từ khắp các ngành học khác nhau ở các cường quốc tiến bộ vào bậc nhất của thế giới. Con số những chuyên viên Việt Nam ở hải ngoại muốn về Việt Nam phục vụ qua các công tác huấn luyện cho đàn em hay bổ túc và cập nhật hóa kiến thức cho các đồng nghiệp của mình ở trong nước không phải là ít. Vấn đề là họ có thực hiện được ước mơ đó hay không khi ở các học đường, các xí nghiệp, các cơ sở văn hóa vẫn còn có các chi bộ đảng, các công an văn hóa thường xuyên theo dõi các hoạt động của tất cả mọi người. Ngoài hoàn cảnh chính trị, việc sử dụng chất xám còn tùy thuộc vào cơ cấu chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước. Chất xám được đào tạo nhưng cơ cấu chính trị, kinh tế, xã hội không cho phép sử dụng, công việc đào tạo sẽ trở thành vô ích và việc hoạch định sẽ trở thành không tưởng. Người ta không thể đào tạo một bác sĩ để người này

trở thành một hướng dẫn viên du lịch, một giáo sư để trở thành người lao động đạp xích lô kiếm ăn qua ngày, một sinh viên tốt nghiệp rồi không kiếm được việc làm.

6. Các nhà cầm quyền ở Việt Nam trong suốt hai mươi lăm năm qua không phải là đã không nỗ lực đào tạo chất xám cho đất nước, đặc biệt là từ khi nhu cầu chuyên viên đột nhiên tăng vọt do phong trào đầu tư từ các nước ngoài được cho phép và nền kinh tế thị trường phần nào được áp dụng. Điều này có thể được thấy ngay qua danh xưng của cơ quan chịu trách nhiệm. Đó là Bộ Giáo Dục và Đào Tạo. Trên dưới một trăm các trường đại học và cao đẳng sử dụng hàng chục ngàn giáo sư và giảng viên đã được mở cửa để đón nhận hàng trăm ngàn sinh viên mỗi năm cho một dân số trên dưới 80 triệu người so với một trường đại học duy nhất dưới thời Pháp thuộc và số trường đếm trên đầu ngón tay ở cả hai miền Nam Bắc thời trước năm 1975. Tuy nhiên vì nhu cầu phát triển cấp thời nạn lạm phát đã không thể không xảy ra và người ta có quyền nghi ngờ giá trị của việc đào tạo và của các văn bằng được cấp phát. Bỏ qua những vụ giả tạo văn bằng của các nhân viên giảng huấn hay của người điều khiển các trường mà báo chí có thời đăng tải, ta chỉ cần nhìn vào số lượng giảng viên có bằng cao học trở lên hiện đang giảng dạy tại các trường là đủ rõ. Theo thống kê của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo, trong niên khóa 1996-1997, trong số 22.544 giảng viên giảng dạy ở 99 trường đại học và cao đẳng trên toàn quốc, chỉ có 7.186 người hay 32,81 phần trăm là có bằng cao học trở lên. Phần còn lại chỉ có bằng cử nhân hay tương đương. Thống kê này cũng cho biết số giảng viên có ba mươi năm kinh nghiệm là 31.6 phần trăm trong tổng số này. Câu hỏi được đặt ra là chuyện gì sẽ xảy ra khi những người này đến tuổi về hưu?

7. Trái với bậc đại học và cao đẳng, nỗ lực của nhà cầm quyền đương thời ở các bậc trung và tiểu học đã bị giới hạn rất nhiều. Do nhu cầu phát triển kinh tế, người ta đã chú trọng nhiều hơn tới việc đào tạo chuyên viên cho các ngành hoạt động cấp thời hơn là các em còn nhỏ tuổi với số ngân sách sử dụng được ưu tiên hơn, đồng thời các tư nhân trong nước cũng được phép góp phần vào việc thành lập các đại học dân lập, các tổ chức tư nhân hay đại học nước ngoài cũng được phép mở trường hay chi nhánh tại Việt Nam. Điển hình người ta nói tới Hsin-Joh Trading College của Đài Loan trước đây và Đại Học Quốc Gia Úc mới đây. Các trường tiểu và trung học hoàn toàn do nhà nước quản trị và kiểm soát với một ngân sách hoàn toàn thiếu tương xứng. Mỗi năm số giáo chức bị thiếu hụt lên tới hàng trăm ngàn người. Với con số này người ta có thể tính ra một cách dễ dàng là hiện tại có ít nhất năm triệu trẻ em ở nước nhà không được đi học, chưa kể tới khả năng học vấn và giảng dạy của các thầy cô còn đứng lớp, đặc biệt là ở những miền thôn quê hay rừng núi. Không những thế, ngay ở các thành phố phẩm chất giáo dục ở các trường, các lớp cũng không đồng đều. Không đủ khả năng cung cấp đầy đủ trường sở và thầy cô cho một dân số càng ngày càng tăng, chính quyền hiện tại đã đòi hỏi phụ huynh học sinh phải trả học phí. Sự đòi hỏi này, kèm theo với nhiều khoản đóng góp khác đã loại bỏ một số không nhỏ các trẻ em con nhà nghèo ra khỏi giáo dục, đồng thời nó đã làm trầm trọng hơn tình trạng quản trị vốn đã yếu kém. Không cung cấp cho các mầm non của chất xám những điều kiện cần thiết để nảy nở và lớn mạnh, người ta khó có thể hy vọng có những chất xám tốt về sau này đồng thời đó cũng là một bất công trong xã hội và một sự phí phạm khả năng trí óc của dân tộc. Câu hỏi được đặt ra ở đây là tại sao người ta không để cho tư nhân góp phần giải quyết vấn nạn này? Giải quyết dưới sự kiểm soát của chính quyền về phẩm chất của giáo dục như dưới thời Pháp thuộc và ở miền Nam trước kia hay ở bất cứ quốc gia tiền tiến nào khác? Cái kẹt không nói ra, ai cũng biết phát xuất từ đâu.

8. Nhiều người quan niệm rằng sách lược đào tạo và quản trị chất xám ở Việt Nam trong kỷ nguyên mới phải do chính người Việt Nam ở trong nước soạn thảo. Điều này đúng nhưng chỉ đúng cho thế kỷ trước. Nó trở thành sai cho thời điểm hiện tại khi một kỷ nguyên mới nữa của kỹ thuật, của khoa học và của sự hợp tác toàn cầu đã bắt đầu, chưa kể những áp lực của đầu tư và tiền bạc. Người Việt ở hải ngoại với sự hiện diện ở hầu hết các cường quốc lớn trên thế giới, có dịp học hỏi, quan sát và nghiên cứu tại chỗ chắc chắn sẽ có thể đóng và phải được quyền đóng một vai trò quan trọng trong việc đào tạo và sử dụng chất xám này. Cũng vậy với khả năng trực tiếp đóng góp hay vận động đóng góp tiền bạc hay vật lực để xây dựng những cơ sở hạ từng của họ. Vấn đề tùy thuộc hoàn cảnh chính trị, kinh tế và xã hội ở trong nước. Câu hỏi được đặt ra là nếu những hoàn cảnh này không thay đổi thì người ta sẽ làm gì? Và người Việt ở hải ngoại nói chung, chất xám Việt Nam ở hải ngoại nói riêng có thể làm được những gì? Tôi xin được nêu lên để chúng ta cùng thảo luận.●

CHUYỆN INDONESIA

XUÂN QUANG

Năm 1999, một phái đoàn Việt Nam qua Washington DC gặp Ngân Hàng Thế Giới (NHTG - World Bank) để bàn về các vấn đề phát triển. Khi bị NHTG giục là phải cải cách các doanh nghiệp nhà nước (DNNN), cải cách hành chính, cải cách hệ thống ngân hàng, nói tóm cải cách cơ cấu một cách mau chóng thì phái đoàn VN trả lời "Chúng tôi sẽ mở cửa, thay đổi kinh tế nhưng chúng tôi không muốn giống Indonesia. Chúng tôi sẽ thay đổi theo tốc độ của chúng tôi." Phái đoàn VN muốn ám chỉ là họ không muốn thay đổi quá mau chóng để bị sinh viên xuống đường, dân chúng nổi loạn, TT Suharto đổ và... một chế độ độc tài tiêu vong.

Nhân đến Indonesia làm việc, tôi muốn tìm hiểu thêm xem tình hình ở đây thực sự ra sao, Việt Nam giống và khác Indonesia ở chỗ nào?

Indonesia / Việtnam

Trên máy bay từ Singapore đi Jakarta, nhìn xuống chỉ thấy nước biển xanh biếc và khi vào đất liền thì thấy những cánh đồng lúa mênh mông và những rừng dừa. Chung quanh thành phố Jakarta vẫn là lúa và dừa.

Tôi không biết gì nhiều về Indonesia, chỉ biết là một số lớn dân vượt biên Việt Nam đã tấp vào đây và được cư xử tương đối tốt. Trước đây tôi cũng không biết là Indonesia gồm 13,000 hòn đảo, và trước công nguyên, người VN đã "di tản" qua đây. Indonesia nhìn nhận là họ có chịu ảnh hưởng văn hóa Đông Sơn, coi trống đồng Đông Sơn là một trong nhiều nguồn gốc của văn hoá xứ họ. Các dàn nhạc Indonesia dùng rất nhiều kiểng-trống đồng. Dân họ cũng trồng lúa nước như VN. Gần đây các khảo cứu cho thấy là người Hán (Tàu) trồng lúa mì, trong khi các dân tộc dưới sông Dương Tử, kể cả dân tộc Việt, trồng lúa nước (wet rice). Hơn nữa các nghiên cứu DNA về người Hán cho thấy là họ không giống các dân tộc ở dưới sông Dương Tử trong đó có dân tộc Việt Nam. Như vậy khi nói là người TQ "mang thần nông" qua VN là sai. Có nhiều dấu hiệu cho thấy người Indonesia học trồng lúa từ dân VN.

Mục đích chuyến đi Indonesia của tôi là giúp cải cách ngân hàng và cơ cấu kinh tế của xứ này. Đây là lần đầu tiên tôi đến xứ 13,000 hòn đảo, gồm trên 350 sắc tộc với 350 thứ tiếng và nhiều tôn giáo khác nhau, mặc dù Indonesia là xứ Hồi giáo đông nhất thế giới (90% dân số - khoảng 180 triệu tín đồ Hồi giáo trên tổng số 205 triệu dân.)

Tại phi trường một anh chuyên viên kinh tế Indonesia ra đón tôi và ngay trên đường về trung tâm thành phố, anh bảo bác tài xế chạy xe chậm cho tôi xem phố xá Jakarta. Tôi có cảm tưởng sống lại Sài Gòn dạo nào, chỉ khác ở chỗ thành phố Jakarta có diện tích lớn gấp bốn, năm lần Saigon với dân số trên 12 triệu. Thành phố có đường xa lộ rộng, xe chạy chằng chịt và ở các đường nhỏ có rất nhiều xe Honda/Astrea (như dân Hànội hay Saigon), xe Suzuki, xe Vespa, xe bus đủ loại, nhiều xe hơi hơn xe gắn máy, và gần như không có xe đạp. Đến nửa đường tới nhà, anh người Indonesia xin lỗi quay ra sau xe, trải thảm đọc kinh (người Hồi phải đọc kinh năm lần một ngày). Ngoài ra, chỗ nào cũng thấy các đền thờ Hồi giáo, được nhận ra nhờ các hình mặt trăng trên các đỉnh đền thờ. Tiếng Indonesia là Bahasa, học cũng dễ, phần nào giống tiếng Việt mình. Đa số dân có học nói được tiếng Anh.

Dịp cuối năm là lúc dân đạo Hồi ăn Ramadan hay ăn chay trong một tháng. Trong thời gian Ramadan người lớn không được ăn, uống hay có quan hệ tình dục từ sáu giờ sáng, khi mặt trời lên, đến sáu giờ chiều khi mặt trời lặn. Sau đó ăn uống bình thường. Ramadan là tháng ăn chay, cầu nguyện và chuộc tội. Hết Ramadan là lễ Idul Fitri. Nghỉ lễ đầu năm Hồi là lễ Leburan. Năm nay, Ramadan/Leburan chấm dứt cùng thời gian với Giáng sinh cho nên đời sống và việc làm cuối năm có phần chậm lại. Khi Ramadan kết thúc, dân chúng đốt pháo, chạy xe Honda, xe hơi, xe vận tải đầy người hò hét, đánh trống, ca hát...

Trên ba, bốn triệu người rời Jakarta về quê ăn Tết Leburan vào dịp cuối năm. Toàn quốc

Indonesia có vài chục triệu người di chuyển bằng xe buýt, xe lửa, xe hơi, máy bay, tàu thủy về quê ăn Tết, thăm gia đình. Hải quân phải hỗ trợ các công ty chuyên chở hàng hải có thêm tàu để chở dân về quê ăn Tết. Di chuyển bằng xe hơi thì kẹt xe dài hàng chục cây số, trên các xa lộ vào/ra Jakarta hay các thành phố lớn.

Cảnh chen chúc ở các ga xe lửa, không khác gì cảnh ga Saigon, trông thấy mà nhớ quê. Vé xe lửa có thể mua trước nhưng cũng bán ngay tại chỗ, do đó có cảnh sắp hàng dài vài trăm thước. Máy bay thì có trật tự hơn. Đây cũng là dịp các du khách từ Nhật hay Á châu tránh mùa lạnh bay đến thăm đảo Bali, đảo được nhiều người biết nhất. Cũng nên biết là từ Đông qua Tây Indonesia, có ba múi giờ như Hoa Kỳ.

Tết Leburan là dịp dân chúng di chuyển lớn nhất năm, không khác gì dịp Giáng sinh hay cuối năm ở Hoa Kỳ, nghỉ hè ở Âu châu hay Tết nguyên đán ở Việt Nam. Các chương trình TV hay phát thanh đều mỗi ngày đều thông tin về tình hình dân chúng vào và ra tại Jakarta và các thành phố lớn.

Người không đi đâu ăn Tết thì dẫn gia đình đổ xô vào các "Amusement Park/Vườn giải trí." Jakarta có ba hay bốn vườn giải trí có thể tiếp nhận vài triệu người trong dịp Tết.

Jakarta là một thành phố rộng lớn, đường rộng, có nhiều cao ốc như Los Angeles và nhiều "Villa" như các đường phố yên tĩnh ở Saigon. Và những nhà phố, cửa hàng... thì y như Saigon hay các thành phố Á châu khác. Nhưng Jakarta cũng rất tối tân với nhiều *shopping mall,* (khu mua sắm) không khác gì South Coast Plaza ở Quận Cam. Lúc nào cũng kẹt xe, nhất là từ 4.30 chiều đến 7 giờ tối. Rất nhiều xe buýt, chạy từ đầu tỉnh đến cuối tỉnh chỉ tốn 700 Rupiah (7.5 cents), xe buýt có máy lạnh thì tốn 2500 Rupiah (28 cents), Bajak (xe lam ba bánh), Ojeck (xe ôm), xe lửa v.v... Xe taxi cũng rẻ, chừng 10000 Rupiah (1.2 dollar) một chuyến 4-5 Km (Indonesia có giá xăng rẻ nhất nhì thế giới, một gallon chỉ có 60 cents). Chợ búa rất nhiều và đông đúc, thiết kế bốn năm tầng, có máy điều hoà không khí, tương đối sạch sẽ. Đi toilet thì các bạn sẽ bị giựt mình vì có hai loại cầu: kiểu "chồm hổm" giống Việt Nam ta, hay "kiểu ngồi" phổ biến trên thế giới hiện nay, nhưng thông thường không có giấy vệ sinh, chỉ có vòi nước lúc nào cũng sẵn sàng (người Indonesia dùng tay trái rửa ráy sau khi thực hiện đệ tứ khoái, còn tay phải thì dành cho đệ nhất khoái; nhưng bây giờ thì dùng muỗng nĩa cũng nhiều rồi). Muốn dùng giấy thì cũng có, nhưng phải trả tiền, mỗi lần độ 500 Rupiah hay là 5.5 cents.

Jakarta cũng có nhiều tiệm phở làm ăn coi bộ cũng khá. Các món ăn Indonesia như Satê (một xâu gồm thịt gà, bò, cá, tôm... ăn với sốt đậu phộng ngọt), Nasi Goreng (cơm chiên), đậu phụ chiên, mì chiên v.v... đa số món nào cũng chiên. Thức uống, thức ngọt thì có đủ thứ đá nhận, đủ thứ chè, đặc biệt chè dừa. Xứ này xuất khẩu dừa, dầu cọ và đường cho nên các món ăn có khuynh hướng ngọt (xì dầu cũng... ngọt!), dùng nhiều nước dừa và chất béo. Ngoài ra đây cũng là xứ của ớt, đủ loại xốt ớt, tương ớt.

Người Việt Nam tại đây có trên dưới năm sáu mươi người, kể cả nhân viên sứ quán Hà Nội. Vừa rồi có một anh người VN được lên báo chí và truyền hình: chàng nguyên là một chuyên gia viễn thông làm cho cơ quan viện trợ Đức, đã rước lên xe hoa cô ca sĩ/xướng ngôn viên đài truyền hình Indonesia gốc Batak (đảo Sumatra). Anh ta được cha mẹ vợ đặt cho một cái tên Batak và trở thành dân Batak. TV phỏng vấn thấy anh nói tiếng Bahasa Indonesia lưu loát (chắc được vợ huấn luyện kỹ). Đa số người VN ở đây là chuyên viên làm cho các hãng dịch vụ dầu khí từ Houston, hãng dầu Total từ Pháp qua, làm về điện toán hay một số làm cố vấn cho các cho các Tổng công ty Indonesia.

Jakarta là một hải cảng và có nhiều công nghiệp chế biến (may mặc, dệt, dầu ăn, máy móc...) hay xuất khẩu. Mặc dù gần đường xích đạo, Jakarta có gió biển thổi vào nên không nóng hơn Saigon, mưa thì ít hơn Saigon nhưng cũng đủ làm khí hậu mát dịu.

Tình hình kinh tế

Các đồng nghiệp ở đây cho tôi biết những gì xẩy ra tại Indonesia đã làm cho nước này cũng như Nam Hàn hay Đài Loan thay đổi hoàn toàn, đang trên đường dân chủ hoá đời sống chính trị. Vào giữa 1997, Thái Lan bị khủng hoảng tài chính, Indonesia bị ảnh hưởng nặng. Indonesia, cũng như các nước Á châu khác, có nền kinh tế khá thịnh vượng và tăng trưởng trên 7% kéo dài hơn 30 năm. Các nhà đầu tư tin tưởng, cho Indonesia vay bằng ngoại tệ. Khi khủng hoảng, hối suất đồng Rupiah tăng gấp ba, làm các công ty vay nợ

không có đủ tiền trả nợ gây việc phá sản của hệ thống ngân hàng. Các tổng công ty (conglomerate), các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) mang nhiều nợ đã gây ra việc này. Sự cấu kết giữa các ngân hàng nhà nước và các DNNN và các tổng công ty làm cho tình hình nặng thêm.

Khi khủng hoảng, dân chúng rút tiền khỏi hệ thống ngân hàng, gây thêm rối loạn. Ngân hàng nhà nước (NGNN) bơm tiền vào hệ thống ngân hàng thì các chủ ngân hàng lấy số tiền này đổi lấy dollar gây thêm áp lực cho hối suất đồng Rupiah. TT Suharto cầu cứu IMF. IMF đòi Indonesia đóng cửa một số ngân hàng gây thêm khủng hoảng tâm lý làm xáo trộn thị trường tiền tệ. Khủng hoảng kinh tế làm chính phủ yếu, dân chúng bất mãn, xuống đường ngày càng gia tăng gây rối loạn chính trị. Cảnh sát đàn áp sinh viên gây đổ máu, các nhà đầu tư rút tiền khỏi Indonesia làm trầm trọng tình trạng khủng hoảng. Khủng hoảng kinh tế trở thành khủng hoảng chính trị. Các đảo như Sumatra, Irian Jaya (West Papua) có nhiều tài nguyên thiên nhiên (dầu khí, hầm mỏ, rừng, biển, vv) trách chính quyền trung ương là thu thập tài nguyên của họ để làm lợi cho Java. Họ trách là dân đảo Java (đảo đông người nhất chừng 120 triệu người) "bóc lột" các đảo khác. Tóm lại, chính quyền trung ương bóc lột địa phương.

TT Suharto phải từ chức tránh được đổ máu và trao quyền cho Phó TT Habibie. Thay đổi chính quyền gây nhiều tranh giành quyền lực giữa nhiều phe phái (Quân đội, phe thân Suharto, phe các tổng công ty, phe Hồi giáo, các đảng chống chính quyền, vv) khiến việc giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội ngày càng phức tạp. Các đảng chính trị gây áp lực cho chính phủ Habibie đòi tổ chức bầu cử. Cuộc khủng hoảng kinh tế và chính trị kéo dài và chính phủ Habibie chỉ tồn tại được một năm rưỡi thì phải tổ chức tổng tuyển cử vào giữa năm 1999. Đảng chính quyền Golkar của cựu TT Suharto/Habibie mất đa số. Lãnh đạo Hồi giáo gần mù Wahid thường được dân chúng gọi là "Gus Dur" được bầu làm Tổng thống. Từ đó đến nay, đời sống chính trị Indonesia ngày càng mở nhưng chưa lấy lại được thăng bằng.

Indonesia đang trải qua thời gian chuyển tiếp sang dân chủ, các thành phần xã hội lớn tiếng đòi đủ thứ quyền. Thành phố Jakarta thường lúc nào cũng có biểu tình xuống đường, ủng hộ điều này, chống đối điều kia, tụ họp tại Quốc hội, tại dinh Tổng thống hay các sứ quán ngoại quốc. Vì cuộc chiến Israel-Palestine, dân Hồi giáo ủng hộ lập trường Palestine, biểu tình trước Tòa Đại sứ Hoa Kỳ. Dân Irian Jaya đòi tự trị cũng biểu tình trước TĐS Hoa Kỳ yêu cầu can thiệp với chính phủ.

Vì có nhiều phe phái tranh dành ảnh hưởng nên xảy ra các vụ "dựng đứng" về tranh chấp tôn giáo như tại đảo Maluku (Thiên chúa giáo với Hồi giáo, làm nhiều ngàn người thiệt mạng, phải bỏ nhà sống tỵ nạn nơi chỗ khác), làm nổ bom tại các nhà thờ Thiên chúa giáo trên sáu tỉnh trên toàn lãnh thổ Indonesia trong dịp lễ Giáng sinh vừa qua, nhằm mục đích gây hấn giữa các tôn giáo, nổ bom Trung tâm chứng khoán (Jakarta Stock exchange) để mong gây xáo trộn xã hội. Đối với một số người, cần có nước đục mới tiện thả câu.

Ngoài ra còn có phe Hồi giáo tỉnh Aceh, tỉnh nhiều dầu hỏa, đòi tự trị. Họ tranh đấu chống chính phủ trung ương, kéo dài tranh chấp trung ương - địa phương trong nhiều năm làm nhiều ngàn người thiệt mạng. Đời sống chính trị được báo chí và các phương tiện truyền thông khác bàn tán, dân chúng được tham gia vào đời sống chính trị một cách dễ dàng. Các đảng phái cũng chất vấn Quốc Hội, các bộ trưởng hay các cơ quan chính quyền.

Nói tóm Indonesia có đời sống chính trị sôi động, hơi giống tình trạng miền Nam sau khi lật đổ chính phủ Ngô đình Diệm, có nhiều bất ổn chính trị gây ra bởi các tranh chấp giữa các phe phái khác nhau. Cũng như miền Nam VN, Indonesia có đời sống dân chủ, mặc dù là chưa hoàn hảo.

So sánh các điểm giốngnhau / khác nhau giữa Indonesia và Việt Nam

Trong những năm qua, VN đã gởi nhiều người đi tập huấn tại Indonesia. Nhiều chuyên viên ngân hàng, thống kê, và các ngành khác được gởi qua Indonesia tu nghiệp để học hỏi kinh tế thị trường. Hiện nay CSVN giống và khác Indonesia về những gì?

* Indonesia cũng như VN dùng tài nguyên thiên nhiên (dầu hỏa) để bù đắp vào ngân sách. Indonesia là xứ đứng thứ ba trên thế giới về xuất khẩu dầu hỏa và số một trên thế giới về xuất khẩu khí đốt. Họ có trên 10 nhà máy lọc dầu trong khi Việt Nam chỉ là một nước xuất khẩu nho nhỏ mà thôi.

* Khu vực ngân hàng Indonesia coi như bị phá sản, vì KKN (Korupsi, Kolusi, Nepotisi: Tham nhũng, Cấu kết-bè đảng, Phe phái), vì cấu kết giữa các DNNN và các ngân hàng quốc doanh (NHQD). Indonesia đứng vào hạng nhì hay ba trên thế giới về tham nhũng và Việt Nam cũng không thua xa lắm về thứ hạn. Khu vực ngân hàng VN giống Indonesia vì sự cấu kết giữa các DNNN và các NHQD, vì các doanh nghiệp của các đảng bộ cấu kết, bè phái, tham nhũng.

* Indonesia có 13,000 hòn đảo cho nên khó kiểm soát và trong đời sống hàng ngày, quân đội và cảnh sát đóng vai trò chủ chốt. Việt Nam dùng quân đội và cảnh sát làm công cụ của đảng để kiểm soát dân chúng. Về điểm này có lẽ này, Indonesia còn kém VN.

Nhưng giữa Indonesia và VN có nhiều khác biệt, mà sau đây là vài nét chính:

* Về chính trị, mặc dù Indonesia là quân phiệt - gia đình trị nhưng vẫn có nhiều đảng, nhiều khuynh hướng và có tự do tôn giáo. Indonesia tự do thông tin, không kiểm soát dân chúng về Internet hay tin tức từ ngoại quốc. Trên TV, dân chúng Indonesia có thể coi đủ loại đài từ BBC đến CNN, France 5 hay đài NHK của Nhật, của Đài Loan hay của Trung Quốc. Quốc hội được bầu theo các đảng, dân chúng có thể chọn một cách tương đối tự do.

* VN độc đảng, ngăn cản các khuynh hướng chính trị khác biệt và tự do tôn giáo thì chỉ có trên giấy tờ. CSVN bưng bít thông tin, không cho dân chúng xem các đài ngoại quốc trừ vài khách sạn có du khách nước ngoài. Bầu cử thì dân chúng không được phép chọn lựa, vì "đảng cử dân bầu." VN kiểm soát ráo riết Internet, dựng cả "bức tường lửa" để ngăn chặn thông tin. Một nước có gần 80 triệu dân mà chỉ có khoảng 100,000 người thuê bao internet.

* Kinh tế Indonesia có nhiều DNNN nhưng họ không có độc quyền và hoạt động trên căn bản kinh tế thị trường. Luật lệ không ngăn cản mà ngược lại còn khuyến khích các hoạt động khu vực tư, gồm các tổng công ty hay các công ty nhỏ và trung. Indonesia cũng có nhiều công ty ngoại quốc hay hợp doanh khai thác hầm mỏ, dịch vụ khu vực dầu hỏa, sản xuất hàng xuất khẩu (giầy dép, dệt, may mặc, chế biến thực phẩm, điện tử, xe máy, xe hơi, vv.) và các ngân hàng ngoại quốc có mặt tại đây. Indonesia là kinh tế thị trường còn nhiều chỗ hở vì luật lệ yếu kém, ngành tư pháp tham nhũng và chưa vô tư.

* Tăng trưởng kinh tế của Indonesia trong năm 1997-98 là ở mức độ âm nhưng trong năm 2000, tăng trưởng đã trở lại ở mức 5%. Mặc dù hối suất tụt nhiều do đó GDP/đầu người của Indonesia tụt nhiều nhưng cũng gấp đôi VN.

* Indonesia gặp khó khăn kinh tế và tiền tệ không phải vì chính phủ phải bù đắp lỗ lã các DNNN nhưng vì khu vực tư quá mạnh mẽ, vay mượn bằng ngoại tệ không có khả năng trả nợ cho nên phá sản, kéo theo khu vực ngân hàng. Các ngân hàng vì bất cẩn, cho vay không tính rủi ro cho nên "sập tiệm" kéo theo các khó khăn kinh tế và món nợ khu vực tư nay trở thành món nợ toàn dân phải trả.

* Indonesia đang trải qua thời gian chuyển tiếp từ quân phiệt sang dân chủ. Trong bối cảnh này, các thành phần xã hội đòi quyền kiểm soát tài nguyên, đòi phân quyền

(devolution), đòi phân tán hành chính (decentralization), quân đội bất mãn vì mất quyền lợi, mất độc quyền kiểm soát, nhiều đảo đòi tự trị theo vết chân của Đông Timor, do đó xã hội rất "bất ổn định, bấp bênh."

* CSVN đang chuyển tiếp từ kinh tế xã hội sang kinh tế thị trường. Trong bối cảnh này, đảng CSVN vẫn cố muốn nắm độc quyền kinh tế và chính trị. Kinh tế VN dựa trên doanh nghiệp nhà nước, các tổng công ty nhà nước có những độc quyền và các luật lệ ngăn cản các hoạt động khu vực tư. VN không có nhiều công ty ngoại quốc hay các hợp doanh và ngân hàng ngoại quốc có mặt tại đây chỉ là số ít.

* CSVN gặp khó khăn kinh tế vì chính phủ phải bù lỗ các DNNN (mặc dù là được nhiều ưu đãi, do các đảng bộ quản lý). Các DNNN cấu kết với các ngân hàng quốc doanh cho vay bất cẩn, làm món nợ không hoàn lại ngày càng tăng nhưng nhà nước không muốn cải cách DNNN hay cho phá sản khu vực này. CSVN làm ăn kém hiệu năng cho nên không cạnh tranh được với các công ty ngoại quốc hay tư doanh. Các DNNN sắp sập tiệm sẽ kéo theo khu vực ngân hàng.

* Mặc dù VN không bị ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế mà chỉ bị một cách gián tiếp, đầu tư ngoại quốc (FDI) giảm nhiều còn gần 1/10 so với năm 1996 (US$ 600 triệu so với trên US$ 6 tỷ). Tăng trưởng trong hai năm qua ở khoảng 4.8 - 5%. Tăng trưởng này thấp hơn các nước Á châu khác mặc dù là VN ở tình trạng kinh tế thấp hơn các nước khác.

* CSVN có cải cách hành chính hay phân quyền thì cũng là các biện pháp từ trung ương đưa xuống. Quân đội làm businét, đảng bộ làm businét nhưng lại muốn độc quyền, không muốn người dân được dịch vụ tốt và rẻ, không muốn cạnh tranh. Các DNNN làm ăn kém hiệu năng nhưng nhà nước CSVN vẫn muốn tiếp tục ưu tiên xây dựng kinh tế thị trường theo "định hướng XHCN," vẫn muốn xây dựng thiên đàng XHCN mà các nước khác đã bỏ.

Khác biệt giữa Indonesia và VN rất rõ. Indonesia và VN đều là hai nước ở tình trạng chuyển tiếp. Indonesia đang học tập dân chủ để tiến theo xu hướng của thời đại, nhưng Indonesia quá cởi mở, đến nỗi rối loạn. VN thì chập chững cởi mở kinh tế nhưng ĐCSVN vẫn cố gắng giữ đời sống chính trị ở chỗ độc quyền cho đảng CS, không nới lỏng những tự do căn bản cho người dân. Trong vài tháng tới sẽ có Đại hội Đảng CSVN kỳ 9. Dù muốn hay không, các đòi hỏi kinh tế, nhu cầu tìm việc cho giới trẻ... sẽ đòi hỏi ĐCSVN phải thay đổi. Có vẽ vời đến đâu đi nữa thì cũng không tránh được sự thật là dân chúng chưa có lợi tức 1 US$/ đầu người/ ngày, là trên 40% trẻ em còn thiếu dinh dưỡng, là nông dân phải xuống đường biểu tình vì các quan chức CS tham nhũng lấy đất của họ, hay các tín đồ Phật giáo Hòa Hảo bị đàn áp, đánh đập vì họ muốn được tự do tín ngưỡng như trong Hiến Pháp đã quy định. Không lạ là VN hiện đang được xếp hạng sau nhiều nước Á châu và ASEAN.

Trở lại câu nói của phái đoàn CSVN ở đầu bài này "... *chúng tôi không muốn giống Indonesia, chúng tôi muốn thay đổi theo tốc độ của chúng tôi...*" nói lên cái ý họ muốn tránh cải cách quá nhiều, quá mau, sợ dân VN sẽ quen tự do sẽ đòi tự do và lật chính quyền CSVN như dân Indonesia lật Tổng Thống Suharto. Chứ còn về kinh tế và tính chất của chế độ đang mở đường vào đời sống dân chủ của Indonesia thì Việt Nam chưa có thể nào so sánh được.●

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

NĂM CON RẮN VÀ THẾ KỶ 21

NGUYỄN VĂN TUẤN

Với tôi, một trong những điều hữu ích nhất trong mùa hè năm nay (vâng, ở Úc đang là mùa hè) là tôi có dịp đọc hết Tạp chí *Thế Kỷ 21* số Xuân Tân Tỵ. Tôi đọc từng bài một trong chặng đường lái xe dọc theo bờ biển vùng Bắc Tiểu bang New South Wales lên đến Tiểu bang Queensland, một đoạn đường dài khoảng 1000 cây số, nhưng có nhiều bãi biển rất đẹp (xin giới thiệu cùng các đồng hương ở Bắc Mỹ và Âu châu). Từ lúc đóng góp bài vở cho *Thế Kỷ 21,* tôi ít có dịp đọc tất cả các bài viết trong Tạp chí, thậm chí bài viết của chính mình, tôi cũng ít khi nào kiểm tra lại xem in ấn có đúng hay không. Tôi tin các anh chị trong Tòa soạn mà!

Qua đọc số báo Xuân kỳ này, tôi thấy tạp ghi của ông Vương Hữu Bột rất vui. Trong bài viết, ông hỏi xin ý kiến của độc giả và văn hữu là có nên cho Tạp chí "nghỉ xả hơi" và có nên thay đổi tên của Tạp chí hay không. Tuy tôi có cảm giác, qua giọng văn, đó là những câu hỏi đùa, chứ trong thâm tâm chắc ông không nghĩ vậy đâu. Nhưng hãy cho những câu hỏi đó một xác xuất thực tình là 51%, và để đáp lại hai câu hỏi này, tôi xin nêu vài ý kiến cá nhân. Để khỏi phải làm khổ độc giả phải theo dõi và vài dòng văn tự, ý kiến của tôi có thể tóm gọn lại trong một chữ: "không." Theo tôi, không có lý do gì đủ thuyết phục để nghỉ ngơi hay đổi tên cả.

Nhìn vào trang bìa, tôi thấy tờ Tạp chí đã lưu hành được 12 năm. Trong một hoàn cảnh eo hẹp về kinh tế cá nhân của nhóm chủ trương, cộng với tình hình mà đồng hương không mấy mặn mà gì lắm với chữ nghĩa, một tờ báo "sống" lâu như thế thì quả là đáng phục. Những người trong nhóm chủ trương, trước kia cũng như hiện nay, quả xứng đáng được khen tặng. Đã sống được 12 năm và vẫn chưa có dấu hiệu gì để có thể kết luận là

"bệnh hoạn" thì không có lý do gì Tạp chí không nên đi trọn đường đời, dù có dài và chông gai bao nhiêu. Trên phương diện tượng trưng, đã mang tên là Thế Kỷ 21, tờ báo càng có thêm một lý do để hiện diện trong thế kỷ thứ 21 hơn nữa. Không có lý do đã là "Thế Kỷ 21" mà lại nghỉ ngơi trong thế kỷ 21!

Không những sống lâu mà Tạp chí Thế Kỷ 21 còn có chiều hướng phong phú hơn. Có thể nói, trong 12 năm đó, Tạp chí đã đem lại cho độc giả một món ăn tinh thần bổ ích, không những cho đồng hương ở riêng Mỹ mà còn nhiều đồng hương khác trên thế giới. Những bài viết về thời sự, chính trị, văn học, nghệ thuật, v.v..., dù chưa phải là hoàn toàn hoàn chỉnh, nhưng chắc chắn đã đem lại nhiều thông tin mà độc giả không thể tìm được, hay khó tìm được, trong các báo Tây phương.

Nhớ lại hơn mười năm trước, trong một lần trò chuyện cùng một người bạn bên Pháp, tôi hỏi tại sao mình cần báo Việt ngữ khi mà thông tin của các báo chí Tây phương đã quá đầy đủ. Anh bạn tôi trả lời một câu mà tôi vẫn còn nhớ cho tới ngày nay: tâm tình Việt Nam. Đúng vậy, thông tin trong các Tây phương tuy rất dồi dào, nhưng đối với người Việt xa quê nó thiếu cái tình tự dân tộc, nó thiếu cái chất Việt. Lấy ví dụ như câu thơ Kiều mà Tổng thống Clinton đọc tại Trường Đại học Quốc gia Hà Nội vừa qua, không biết các độc giả khác nghĩ sao, chứ tôi thì thấy câu dịch Anh văn tuy hay, nhưng không làm tôi rung động bằng bảng tiếng Việt. *Sen tàn cúc lại nở hoa / Sầu dài ngày ngắn đông đà sang xuân* có thanh bằng trắc, lên xuống nhịp nhàng làm cho nó có chất Việt hơn là những chữ tiếng Anh... khô khan. Ngoài ra, các bài báo của các tác giả Tây phương nhắm vào độc giả chủ yếu là người Tây phương, nên có nhiều khi họ bỏ đi những chi tiết có thể là cực kỳ liên quan đến hay rất quan trọng đối với người Việt tha hương. Thành ra, những tạp chí như *Thế Kỷ 21*, đối với nhiều người, đã trở thành một người bạn đường chữ nghĩa cần thiết trong quê hương mà ngôn ngữ chính không phải là tiếng mẹ đẻ.

Có người sẽ hỏi thế còn các báo chí Việt ngữ khác thì sao? Họ cũng cung cấp thông tin cho cộng đồng. Có thể nói báo chí Việt ngữ ở hải ngoại, mà đặc biệt là ở Mỹ, quá phong phú. Chỉ riêng ở vùng Little Saigon mà đã có hàng trăm tờ báo lớn nhỏ! Nhưng số lượng ít khi nào đi theo tỷ lệ thuận với chất lượng. Phần đông báo chí Việt ngữ hải ngoại có thể nói là có phẩm chất kém và thiếu đứng đắn. Có nhiều tờ báo không biết đến đạo đức nghề nghiệp là gì, loan tin cẩu thả và gây ra hoang mang trong cộng đồng một cách không cần thiết. Có nhiều tờ báo lấy tin từ Việt Nam, rồi thêm thắt, soạn lại với những lời lẽ nặng nề cảm tính, xúc động, lờ đi sự thật để nuôi dưỡng những hận thù vô lý. Lại có báo vẫn còn bị lẫn lộn giữa chức năng của người làm việc thông tin và hướng dẫn dư luận hay dùng báo chí làm diễn đàn chính trị. Thực vậy, số lượng báo Việt ngữ tuy nhiều, nhưng số lượng những tờ báo nghiêm trang thì ít, có thể chỉ đếm đầu ngón tay. Thế nào là báo "nghiêm trang"? Theo tôi, đó là tờ báo giữ đúng lề lối, đạo đức nghề nghiệp, và tôn trọng sự thật, được biểu hiện qua hành động và thái độ. Theo cách hiểu này, với một nội dung phong phú và bài vở có phẩm chất khá, có thể kể Tạp chí *Thế Kỷ 21* vào nhóm các báo "nghiêm trang." Do đó, bên cạnh những báo thiếu nghiêm trang như thế, phải có sự hiện diện của một tờ báo nghiêm trang để duy trì cái chuẩn và mẫu trong công việc thông tin.

Thay tên một cơ quan, tổ chức, hay tờ báo cần phải được cân nhắc cẩn thận. Tôi thấy về phương diện này, người Việt Nam ta có truyền thống rất... tích cực. Cứ mỗi khi thay đổi chế độ, chính quyền, là một lần thay tên, đổi danh xưng. Cơ quan công quyền bị thay đổi tên gọi từ dài thành ngắn, nhưng cũng có cơ quan tên gọi ngắn trở thành dài hơn. Thậm chí các con đường cũng bị thay tên đổi họ! Suy cho cùng, tôi thấy việc thay đổi này không cần thiết. Trong các công trình mang tính công cộng, mỗi cái tên gắn liền với một lịch sử. Và, để duy trì lịch sử, ta không nên đổi tên. Nhiều tờ báo danh tiếng trên thế giới như *The Times, New York Times, Washington Post*, v.v. họ ít khi nào hay không bao giờ đổi tên. Trong học đường cũng thế, ít khi nào người ta đổi tên trường cho dù trường đã thay đổi chức năng và vị thế. Ở Úc có trường *Royal Melbourne Institute of Technology* (RMIT, tức là một viện công nghệ), nhưng khi trường này thành trường đại học, người ta cẩn giữ tên cũ. Ở Mỹ, có trường *Massachusetts Institute of Technology*, nếu dịch đúng ra là Viện Công nghệ Massachusetts, chứ không phải trường đại học, nhưng trong thực tế, đây không những là một trường đại học, mà còn là một đại học rất danh tiếng. Các trường khác như *London School of Economics*, tuy mang danh hiệu là "School" nhưng thực

chất lại là một đại học rất danh tiếng trên thế giới. Tại sao họ lại giữ tên cũ mà không chịu thay đổi thành "University" (Đại học)? Theo tôi, tại vì họ tự hào về lịch sử, truyền thống, và thanh danh của họ, nên việc đổi tên là không quan trọng. Tương tự, nếu *Thế Kỷ 21* tự hào với những gì đã đạt được và uy tín, thì thiết tưởng việc đổi tên là điều không cần thiết.

Trong bài tạp ghi, ông Vương Hữu Bột có đề cập đến các tạp chí "nghiêm trang" ở Mỹ, Úc, Đức, và Pháp, nhưng quên đề cập đến một nước bên cạnh Mỹ là Canada. Theo tôi thấy, ở Canada cũng có một số báo nghiêm trang. Trong số đó và cùng thể loại với *Thế Kỷ 21* phải kể đến Tạp chí *Đi Tới* do anh Đoàn Minh Hóa chủ biên. *Đi Tới* là một tạp chí thuộc vào hàng "nghiêm trang", cung cấp nhiều thông tin xã hội và khoa học rất bổ ích. Nhiều bài viết và khảo cứu về Đồng bằng Sông Cửu Long; Trung Quốc, Việt Nam và Biển Đông; Giáo dục; v.v... rất đáng được làm tài liệu tham khảo. Tạp chí này được sự cộng tác của nhiều anh chị em trong các ngành chuyên môn có nhiều thiện chí. Một số trong những người này cũng có đóng góp bài vở cho *Thế Kỷ 21.*

Chuyện rắn trong y học

Trong *Thế Kỷ 21* số Xuân vừa qua có bài viết về rắn rất thú vị của tác giả Trần Quán Niệm. Tôi hoàn toàn đồng ý với bài viết là rắn thường bị hiểu lầm, nói đúng hơn là bị ghét một cách oan ức. Không phải loài rắn nào cũng độc đâu. Trong số hơn 2400 loài rắn, chỉ có chỉ có 10% được xếp loại độc hại và có thể làm chết người.

Có điều lạ và hơi nghịch lý là trong khi con rắn bị con người ghét cay ghét đắng, được coi là một con vật nguy hiểm, gian ác, nhưng giới chiêm tinh học lại cho rằng những người cầm tinh con rắn là những cá nhân cao sang, bí ẩn, có sức quyến rũ cao, thích ăn mặc sang trọng, theo thời trang. Họ cũng là những người thường ít nói nhưng rất thâm trầm. Họ thường là những người có quyết tâm cao, rất may mắn trên đường lập nghiệp và kiếm ra tiền không khó khăn. Một số nhân vật nổi tiếng trên thế giới sinh năm Tỵ có ít nhiều những cá tính này. Trong chính trường, những vị đó là Chủ tịch Đảng Cộng sản Trung quốc, Mao Trạch Đông; Tổng thống Mỹ, Franklin D. Roosevelt; vợ chồng Tổng thống Mỹ, John F. Kennedy và Jaqueline Kennedy; Thủ tướng Ấn Độ Indira Gandhi; Chủ tịch nước đang thành lập Palestine, Yasser Arafat. Trong hoạt động khoa học có Nhà nhân chủng học trứ danh và là một ông tổ về môn di truyền học, Charles Darwin. Trong nghệ thuật, có Họa sĩ trứ danh, Pablo Picasso; Tài tử điện ảnh, Dean Martin, Henry Fonda, Brad Pitt, và Brooke Shields; Nhạc sĩ Bob Dylan, Paul Simon. Trong tôn giáo có Mục sư Jesse Jackson v.v...

Tuy nhiên, trong bài viết, có một hiểu lầm nhỏ về biểu tượng của ngành y. Tác giả Trần Quán Niệm viết: "Âu châu cũng tin vào khả năng chữa bệnh cùng sự khôn ngoan của rắn, cũng như khả năng cải lão hoàn đồng, lột da sống mãi, nên người Hy Lạp lấy dấu hiệu cây gậy có hai con rắn quấn chung quanh (tiếng Hy Lạp: caduceus) biểu tượng ngành y." Thực ra, biểu tượng chính thức của ngành y là một (không phải hai) con rắn quấn chung quanh cây gậy. Đây cũng là một đề tài cho vài bài viết trên các tạp chí y học, và sự hiểu lầm này đã được đả thông (1). Một số người trong giới y và dược khoa hiểu sai về biểu tượng ngành nghề mình nên thường vẽ hai con rắn quấn quanh cây gậy; biểu tượng này thường được gọi là *caduceus.* Chữ *caduceus* có gốc Hy Lạp, có nghĩa là "Đũa thần của sứ giả." Sự hiểu lầm này hình như bắt nguồn từ lúc *caduceus* được dùng làm biểu tượng trong quân y Mỹ từ năm 1856.

Tại sao con rắn lại được dùng làm biểu tượng cho ngành y? Người ta cho rằng rắn là con vật nối liền mối liên hệ giữa trần gian (vì chúng bò trên đất) và thế giới siêu hình (vì chúng có thể đem lại sự chết chóc). Ngoài ra, khả năng tự thay da được xem là thể hiện cho sự tuần hoàn của cuộc sống, sự phục hưng cơ thể, và do đó biểu tượng cho nghệ thuật chữa bệnh. Có huyền thoại cho rằng trẻ em sờ da con rắn nước là khỏi bệnh dịch, và vì thế rắn nước từng được xem là một biểu tượng chống lại bệnh dịch. Do đó, biểu tượng của y khoa hiện đại là thần Asclepios hay Aesculapius (2) cầm một cây gậy và một con rắn quấn quanh cái gậy. Theo một thuyết thường được nhắc đến khác, thần Aesculapius khám phá ra một loại dược thảo có thể chữa lành bệnh khi thấy một con rắn dùng cây cỏ này chữa trị cho một con rắn khác, và vì thế con rắn còn được dùng làm biểu tượng cho ngành độc chất học (toxicology).

Ai cũng biết nọc của một số rắn độc hại có thể làm chết người. Nhưng cũng chính các nọc này có thể dùng làm chữa bệnh. Khoảng sáu

năm trước đây, một số nhà nghiên cứu và bác sĩ tường trình trên một tạp chí y khoa về một trường hợp khá lý thú mà trong đó có hai bệnh nhân bị ung thư dạ dày và ung thư phổi đều khỏi bệnh do dùng nọc rắn độc để chữa bệnh. Câu hỏi liền được đặt ra sau đó là phải chăng nọc rắn có thể chữa bệnh ung thư? Cho tới nay câu hỏi đó vẫn chưa được trả lời thỏa đáng vì các nhà khoa học thiếu ngân sách nghiên cứu. Tuy nhiên, ai cũng đồng ý là việc ứng dụng nọc rắn trong y học không còn là vấn đề quá dị thường nữa. Vấn đề khó khăn là phải dùng chúng với một liều lượng rất nhỏ. Mỗi loại chất độc do các loài vật nguy hiểm tiết ra có hàng ngàn protein với những đặc tính và tác dụng khác nhau. Cơ cấu của các peptide có tác dụng hạ giảm huyết áp trích ra từ loài rắn độc Bothrops Jararaca đã được mô phỏng để sản xuất hai loại thuốc Captropil và Entalpil chủ trị chứng tăng áp huyết.

Một số nghiên cứu cho thấy protein của nọc rắn tạo ra tính miễn dịch, nhưng có thể mất công hiệu nếu được dùng đi dùng lại nhiều lần. Do đó, các nhà nghiên cứu sinh học đang tìm cách sao chép phần khả dụng của những phân tử này và kết hợp chúng với một chất làm tiêu cục máu đông mà không làm xuống cấp toàn bộ hệ thống đông máu cơ thể.

Ngoài ra, một số nhà nghiên cứu thuộc Viện Pasteur (Pháp) cho rằng nọc rắn hổ mang, rắn cạp nong, và rắn biển chứa nhiều độc tố thần kinh gây ra tình trạng tê liệt. Chúng tác động như chất hoàng nàn (curare) bằng cách kết hợp với các thụ thể của acetylcholine, ngăn cản các luồng thần kinh đến cơ bắp. Do đặc tính này, chúng có thể dùng làm một phương tiện chẩn đoán những người mắc bệnh thần kinh cơ bắp như chứng nhược cơ chẳng hạn.

Nói chung, việc nghiên cứu nọc rắn để chữa bệnh vẫn còn trong thời kỳ ban sơ. Hiện nay, người ta chỉ mới xác định được 1% trong số khoảng 400 ngàn proteins của các thứ nọc độc. Thực ra, chỉ có 10% rắn được xếp loại độc hại và có thể làm chết người mà thôi.

Rắn trong huyền thoại và dân gian

Tuy có hình dạng giông giống (có người cho là cùng loại) con rồng, nhưng rắn là một con vật rất ít được nhắc đến trong thơ văn, mà lại thường được đề cập đến trong các truyện cổ tích, thần thoại. Hầu như trong bất cứ văn hóa nào, loài rắn đều được nhắc đến như một con vật linh thiêng, thậm chí được nhân cách hóa. Trong một số truyện thần thoại Ấn Độ, con rắn còn có vợ là con người và sống dưới nước. Trong truyện thần thoại Đức, một chàng trai ẩn mình trong thân con rắn để tìm vợ. Ở Việt Nam, ta có truyện thần thoại Sơn Tinh - Thủy Tinh, mà trong đó Sơn Tinh đã cứu sống con rắn, nguyên là hóa thân của con vua Thủy Tề, bị trẻ chăn trâu đánh chết, Sơn Tinh và con vua Thủy Tề thành bạn, Thủy Tinh dắt Sơn Tinh đi chơi ở Thủy Cung và được vua Thủy trao tặng cuốn sách ước. Tuy nhiên, sau này họ trở nên thù địch vì tranh giành con gái của vua Hùng.

Trong văn hóa Việt Nam, con rắn có một biểu tượng khá quan trọng. Trống Đồng Đông Sơn thường có hình tượng của các động vật mà ta có thể chia thành hai nhóm: một nhóm sống trên cạn như chim, hươu... và một nhóm sống ở nước như cá, rắn... Theo nhà sử học Trần Quốc Vượng, rắn, rồng, thuồng luồng, cá sấu, rùa, v.v... là biểu tượng của thế giới bên dưới, nước, của thần nước và đêm tối, mưa giông; chim, hươu là biểu tượng của núi-trời-nắng-hạn-thế giới bên trên. Do đó, ông Trần Quốc Vượng cho rằng văn hóa của ta có thế luỡng hợp và luỡng phân. Ngay cả huyền thoại Lạc Long Quân và Âu Cơ cũng có thể là một biểu tượng về sự hòa hợp nước và núi, bởi vì Lạc Long Quân là tên chữ Hán và là sự "nhân hóa" của cá chép, rắn nước, thuồng luồng, cá sấu; và Âu Cơ là tên chữ Hán và là sự "nhân hóa" của chim, hươu.

Nhà khảo cổ dân tộc học Nguyễn Từ Chi còn phát hiện thêm rằng trên trống đồng Ngọc Lũ có khắc hình thuyền; và thuyền này được cấu trúc theo hình con rắn nằm ngửa há mồm, thân rắn là thân thuyền. Đó là hình tượng sớm nhất của thuyền rồng. Đua thuyền là một phương thức, tục lệ cầu cúng thần nước, cầu mưa. Tục chơi kéo co dây thừng cũng là biểu tượng loài rắn, và vì thế tục này gắn liền với nghi lễ cầu được mưa.

Ở một số nước ở Phi châu, dân chúng sùng kính loài mãng xà đá (rock pythons) và giết chết mãng xà là một tội nghiêm trọng. Ở Úc, người thổ dân cho rằng con rắn cầu vồng (rainbow serpent) là một biểu tượng của nguồn sống. Ở Ấn Độ, rắn hổ mang (cobras) được xem là hiện thân hay đầu thai của người Nagas. Ở vùng Appalachia (miền trung nước Mỹ), một số người theo đạo Công giáo dùng nọc rắn trong các buổi lễ truyền thống, vì họ

tin rằng chúng có khả năng bảo vệ họ khỏi bị rắn cắn. Ở Thái Lan, biểu tượng rắn xuất hiện khá nhiều ở các chùa chiền và tác phẩm nghệ thuật.

Tuy nhiên, trong thực tế, rắn là một trong những con vật chịu nhiều tai tiếng không tốt mấy, nhưng cũng không công bằng, và có khi nghịch lý. Dù được kính trọng trong một vài nền văn hóa, nhưng ở một vài nước, loài rắn thường bị coi thường và khinh miệt, vì nó gắn liền với một sự nguy hiểm, độc ác. Theo một số nhà tâm lý học, khoảng 50% dân số có tâm lý sợ rắn. Nhiều người kinh tởm khi thấy một con rắn, và từ đó sinh ra tính ghét rắn, bất kể là rắn độc hay không độc (1). Người ta ghét và sợ rắn vì nó có thể làm chết người và những con vật to lớn như trâu, bò, ngựa. Hình ảnh con rắn và nọc rắn đã trở thành biểu tượng cho sự hiểm nguy và độc ác chẳng kém gì hùm beo. Trong Truyện Kiều, cụ Nguyễn Du viết:

Thân ta ta phải lo âu
Miệng hùm nọc rắn ở đâu chốn này

Tuy cùng là loài bò sát, nhưng con lươn được coi là một con vật hiền lành, và cần mẫn. Trong Truyện Kiều cũng có câu:

Thân lươn bao quản lấm đầu
Chút lòng trinh bạch từ sau xin chừa

Vì giống nhau về hình dạng, nên nhiều khi rắn bị lầm lẫn với lươn. Thành ngữ Việt Nam cũng có câu "Rắn đổ nọc cho lươn" dùng để ám chỉ những kẻ ác ôn chuyên đi gây tội ác, nhưng lại đổ tội cho người lương thiện, vô tội, tức là dựa vào hình thức để đánh lận con đen.

Ngoài ra, thành ngữ Việt Nam cũng có câu "Cõng rắn cắn gà nhà" để chỉ những kẻ phản bội tổ quốc mang ngoại bang về đánh phá nước nhà. Ở đây, con rắn là con vật độc ác và nham hiểm; con gà dĩ nhiên là biểu tượng của tình ruột thịt (Ca dao có câu: "Khôn ngoan đối đáp người ngoài / Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau"), là đối tượng cần được bảo vệ. Có điều lạ là năm con rắn lại hợp với những người cầm tinh con gà!

Ngược dòng lịch sử

Tổ tiên của loài rắn hiện đại xuất hiện trên trái đất này cùng thời với loài khủng long (dinosaurs) trong thời đại Triassic, tức là khoảng 200 triệu năm trước đây. (Tuy nhiên một số dữ kiện về hóa thạch (fossil) của loài rắn rất hiếm, và con số trên chưa chắc đã hoàn toàn chính xác). Theo các nhà khảo cổ động vật học, con thằn lằn mà ta thấy ngày nay có thể xuất phát từ con vật thuộc dòng họ có tên là Eosuchia khoảng 140 triệu năm trước đây. Trong cùng thời gian Triassic, tổ tiên của loài chim cũng xuất hiện. Ngày nay, nói chung người ta đồng ý cho rằng loài rắn hiện đại xuất thân từ loài thằn lằn vào khoảng thời Cretaceous, tức là khoảng 130 triệu năm trước đây, nhưng không có bằng chứng hóa thạch để phân bộ hai loài động vật này cho chính xác. Lý do đơn giản là rắn và thằn lằn không có xương tốt, nên khi chết xương bị phân tán trong đất.

Nhưng tại sao rắn lại không có chân tay? Như đề cập trên, theo một thuyết được nhiều người chấp nhận, rắn có tiền thân là thằn lằn. Ngày xưa, loài thằn lằn phải sống trong hang, có lẽ để tránh các con thú lớn hơn chuyên săn chúng để ăn thịt. Sống trong hang cũng có thể đem cho thằn lằn một lợi thế là chúng có thể săn bắt các con vật chuyên sống dưới đất. Sau hàng triệu triệu thế hệ như thế, thân thể của thằn lằn cần phải biến hóa dần dần để thích nghi với môi trường trong hang, dưới đất. Trong thế giới dưới đất thiếu ánh sáng, mắt không có công dụng gì nhiều, và do đó, cặp mắt dần dần trở nên nhỏ lại chỉ đủ để phát hiện sự khác biệt giữa ánh sáng và tối. Cuộc sống trong hang nhỏ cũng có nghĩa là chân tay không cần thiết mấy, và có lẽ vì thế mà tất cả rắn đều không có chân tay. Tương tự, tai phía ngoài cũng trở thành một gánh nặng khi phải sống trong hang, và vì thế, rắn mất luôn tai. Có thể trong quá trình tiến hóa, một số loài rắn cảm thấy cần phải trồi lên mặt đất. Trong trường hợp này, cặp mắt trở nên quan trọng và chúng được phát triển (tuy mí mắt rắn hoàn toàn mất, nhưng mắt chúng được bảo vệ bằng một màn mỏng có tên là brille).

Ngày nay, các nhà khoa học dựa vào hình dạng, kích thước và màu chia rắn ra thành 15 họ khác nhau, với hơn 2400 loài. Họ lớn nhất có tên là Colubridae có khoảng 1500 loài. Ngày nay, một số loài rắn được coi là hiếm, vì càng ngày chúng càng bị lấn chiếm không còn đất sống hay bị bắt làm thịt.

Rắn có rất rất nhiều kẻ thù, và vì thế, chúng cần có phương cách để chống trả lại kẻ thù và tự bảo vệ mình. Phương pháp thông dụng nhất là tránh bị phát hiện. Một số loài rắn có khả năng ngụy trang rất tinh vi, bằng cách lẫn lộn vào môi trường xung quanh như cây cỏ. Rắn sống trên cây thường có màu xanh lá cây và nâu; rắn ở sa mạc thường có màu

vàng và nâu nâu v.v... Một số khác có vằn, khoan, dấu chấm cực kỳ sặc sỡ nhằm đánh lạc hướng đối phương. Một số có màu sắc rất tương phản như màu đỏ, vàng, trắng, v.v... để hoặc làm hoảng sợ kẻ thù, hoặc đánh lừa kẻ thù bằng ảo giác (khi chúng di chuyển, những màu này lấp lánh rất nhanh, và kẻ thù khó phân biệt được chúng đang di chuyển hướng nào!)

Nếu rắn không tránh được kẻ thù, chúng tìm phương cách khác để tự bảo vệ mình và tấn công kẻ thù. Nhiều loài rắn cắn và khi cắn có thể gây ra tử vong cho kẻ thù. Một số lại huýt gió và thở phù phù làm cho thân thể của chúng trở nên lớn ra và hung tợn để dọa kẻ thù. Một số thì tự khoanh tròn lại với cái đầu chui vào một chỗ an toàn nhưng chúng có thể ngoe ngoảy cái đuôi làm giả bộ như cái đầu. Một số thì dùng thủ thuật đe dọa bằng cách thè lưỡi ra và tiết ra một mùi hôi từ tuyến nước miếng. Loại rắn chuông (rattle-snake) có một phương tiện cảnh cáo kẻ thù rất đặc biệt: chúng rung cái vòng sừng ở phía đuôi (2) và gây ra tiếng động vù vù, cảnh báo cho kẻ thù biết là nguy hiểm.

Nhiều người hiểu lầm rằng rắn có "máu lạnh" (và vì thế những ai có hành động tàn ác thường được gắn liền với "máu lạnh"). Thực ra, nói chính xác hơn là rắn không có khả năng kiểm soát nhiệt độ trong thân thể chúng. Do đó, rắn thường phải phơi nắng để làm cho thân thể nóng, và chỉ khi nóng, chúng mới chủ động làm việc. Có lẽ vì thế mà rắn thường có mặt trong các vùng nhiệt đới.

Quá trình tái sản sinh của rắn cũng khá thú vị và khác nhau giữa các loài. Phần đông chúng đẻ trứng và trứng rắn có vỏ bề ngoài rất dẻo để hấp thụ nước trong quá trình phát triển. Những trứng này thường được đẻ vào những mùa có nhiệt độ ổn định và ẩm ướt. Trứng rắn thường cần ba tháng để nở, và mẹ chúng thường không đóng vai trò chăm sóc cho những rắn con. Một số loài rắn lại không đẻ trứng, mà ấp trứng (không có vỏ) trong bụng cho đến ngày sinh. Nhưng cũng có loài rắn như rắn nước, rắn biển không có khả năng đẻ trứng bởi vì chúng ít khi nào, nếu không muốn nói là chẳng bao giờ, lên mặt đất. Tương tự, rắn sống trên cây cũng ít khi nào xuống đất, và vì thế không đẻ trứng.

Một vài kỷ lục về rắn: Con rắn ngắn nhất thế giới được tìm thấy ở St Lucia, (Martinique) và Barbados với chiều dài chỉ 10 cm; con dài nhất là một con trăn dài 10 m, bị giết chết vào năm 1912 ở đảo Celebes; rắn hổ dài nhất được ghi nhận là 5.71 m hiện còn sống ở Vườn Bách thú London (Anh Quốc). Chú rắn nặng ký nhất được tìm thấy ở Trinidad với 8.45 m và cân nặng 227 kg! Rắn nói chung sống không lâu, nhưng con rắn có tên là Popeye ở Vườn Bách thú Philadelphia (Mỹ) sống đến 40 năm 3 tháng và 14 ngày. Rắn nhanh nhất được ghi nhận là con rắn Memba ở Phi châu, nó có thể di chuyển khoảng 14 đến 19 cây số một giờ! Taipan không phải là con rắn độc nhất; rắn độc nhất ghi nhận trong lịch sử là loài rắn biển có tên là Hydrophis, nọc độc của loài rắn này độc hơn nọc rắn taipan khoảng vài trăm lần! Rắn độc nhất sống trên mặt đất là rắn Úc châu.

Nói tóm lại, rắn là một con vật bị nhiều hiểu lầm và chịu nhiều tai tiếng. Nhưng chúng có đóng góp quan trọng trong việc duy trì sự cân bằng sinh thái môi trường, và nọc của chúng có thể ứng dụng trong việc chữa bệnh. Ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long, rắn có vai trò "kiểm soát" các chú chuột chuyên phá hoại mùa màng. Gần đây, ở Việt Nam có phong trào săn rắn đem bán cho các nhà hàng sang trọng ở thành phố làm món ăn đặc sản cho du khách. Mỗi con rắn trị giá khoảng 30 tới 50 đô-la Mỹ. Rắn còn là một con vật biểu tượng của nền văn hóa dân tộc lưỡng hợp. Nhân năm con rắn, có lẽ đã đến lúc chúng ta nên dành cho con vật này một thiện cảm xứng đáng hơn.●

Chú thích:

1. Độc giả muốn biết thêm về biểu tượng của ngành y có thể tham khảo các bài báo đăng trong các tạp chí y khoa sau đây: *Lancet* số ra ngày 5 tháng 6, 1999; *Veterinary and Human Toxicology* số 261, năm 2000, trang 3412; *Journal of the American Medical Association* (JAMA) số 245, năm 1981, trang 1730; JAMA số 253, năm 1985, trang 2369; *JAMA* số 261, năm 1989, trang 1730.

2. Có thuyết cho rằng Aesculapius là một người Hy Lạp hành nghề chữa bệnh ở Thessaly vào khoảng năm 1200 trước công nguyên và sau đó được phong thánh. Cũng có thuyết cho rằng Aesculapius là con trai của thần Apollo, chứ không phải là một con người có thật. Dù là con người hay thần thánh, ngày nay có hơn 300 đền miếu được xây dựng để vinh danh ông ta.

3. Vòng sừng này được làm bằng da mà chúng thải ra trước đây; thành ra, mỗi khi chúng thay da là thân thể chúng dài ra một chút.

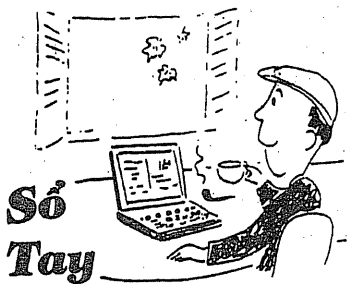

VƯƠNG HỮU BỘT

NĂM MỚI

Hôm nay là ngày Mùng Một Tết, sáng sớm trời bỗng đổ cơn mưa mát mày mặt - mưa rất hiếm hoi ở nơi đây, đi 100 cây số về phía Tây đã thấy toàn sa mạc. Ngồi trong nhà tôi tưởng tượng những loài cỏ dại rễ quấn quít dưới lớp đất khô đang rướn lên hân hoan uống nước, các mạch dẫn trong thân cây đều rùng mình chuyển động, và lá hớn hở. Tôi cảm được niềm vui của thảo mộc. Sáng sớm dậy, uống trà pha với nước nguồn đem từ Làng Cây Phong về hôm qua.

Tình cờ, những dòng chữ đầu tiên tôi đọc sáng hôm nay là những lời của Isaiah Berlin trong cuốn sách để sẵn trên bàn từ bữa tôi ra đi hai tuần trước. Mở ra một trang, thấy Berlin nói: "Tôi nghĩ mục đích của triết lý là cố trả lời những câu hỏi rất tổng quát, tôi muốn nói những câu hỏi có tầm quan trọng tổng quát mà những kỹ thuật hoặc thực nghiệm hoặc luận lý không thể giúp mình tìm câu trả lời. Khi mình bỗng thấy xao xuyến - when you are puzzled - và không biết tìm câu trả lời ở đâu, đó là triệu chứng có một câu hỏi triết lý." Trên lề trang sách tôi đã ghi hai câu, từ bao giờ không nhớ:

Trăng bao nhiêu tuổi trăng già?

Núi bao nhiêu tuổi gọi là núi non?

Hỏi như vậy có vẻ triết lý hay không nhỉ? Đó là hỏi về trăng, về núi, hay hỏi về một cái gì khác?

Tôi vừa mới viết những lời tâm sự. Mục Sổ Tay này khi bắt đầu không định viết như thế. Sáu năm trước, chúng tôi chỉ tính kể các chuyện thời sự hàng tháng. Lúc đầu Lê Đình Điểu (bây giờ anh đã về nơi an tĩnh) có thời giờ đóng góp mỗi kỳ vài đoạn, hai người viết chung, đồng ý sẽ không cần ký tên. Chúng tôi tính chỉ ghi chú các chuyện thế sự, chuyện nhân gian thấy đáng suy ngẫm, và mời người đọc cùng ngẫm nghĩ. Đó là những vấn đề chung, không phải của riêng ai, người viết không biểu lộ cá tính nên cũng không cần xưng danh. Sau hai ba kỳ, Điểu bận quá không còn viết nữa, nhưng mục này vẫn giữ tính chất vô danh như thế. Người viết vô danh thì khi viết lòng cũng nghĩ các độc giả của mình như vậy.

Dần dần, ngày càng thấy viết như vậy khó quá. Giống như ra sân khấu đóng mãi một vai trò không có mặt. Gần đây, như nhiều vị độc giả chắc đã thấy, lối viết Sổ Tay thay đổi. Viết bình luận thời sự mãi mệt lắm, viết như ghi nhật ký dễ hơn. Nhật ký bầy tỏ niềm riêng, như tâm sự với một người bạn, tạo mối dây thông cảm và thương yêu giữa người với người, người viết phải có mặt, phải ký tên. Nhiều lúc đọc lại những điều mình viết, thấy lâm lẫn, muốn sám hối; không ai ký tên thì ai là người sám hối? Cho nên, kể từ năm Tân Tỵ này xin thay đổi, mong được các bạn thông cảm.

BÓI MỘT QUẺ BERLIN

Thế đấy, tình cờ năm nay tôi ăn tết với Isaiah Berlin. Trong Sổ Tay này đã có lần tôi tâm sự rằng mình không nên đọc nhiều quá, nó có thể làm đầu mình sinh hư. Nhưng một buổi sáng đầu năm có trà pha bằng nước suối, có cà phê ngon, lại có thuốc hút ngon Tư Cầu Kho cho từ năm ngoái, không đọc hàng chữ nào thì thấy còn thiếu. Sách vở, triết lý, tư tưởng là những thứ để mình nhấm nháp giữa hai ngụm trà, uống trà thấy ngon hơn, giống như ăn mứt hạt sen vậy. Thế mới là trà ăn tết chứ. Nếu ăn mứt xong cần đánh răng cho răng khỏi mau hư, thì đọc sách chắc cũng vậy, xin các bạn tôi thông cảm.

Sáng nay tôi định uống trà và đọc tiếp cuốn tiểu thuyết *Linh San* của Cao Hành Kiện do Noel và Liliane Dutrait dịch. Quà một người em mới tặng, hôm qua chỉ đọc mấy chương đầu trên máy bay. Nhưng khi nhìn bìa cuốn sách trên bàn thấy hình cụ Berlin ngậm ống điếu, tật xấu như mình, niềm thân ái nổi lên không cưỡng nổi. Mở sách ra lại nhìn thấy các hàng chữ mình đã gạch mầu vàng từ bao giờ, tò mò muốn coi lại. Cái gì liên can đến mình vẫn cảm thấy thân thiết hơn, khó tránh. Thế là hoàn toàn chỉ tình cờ mà đọc Berlin, giống như bói Kiều vậy: mở cuộc đời nàng Kiều ra rất tình cờ, đọc rồi đoán xem cái vận hạn mình ra sao! Chắc đọc Berlin thì lòng mình cũng bình an hơn đọc tiểu thuyết. Nghe ông kể chuyện cuộc tìm kiếm cái Lý tưởng của loài người nói chung - ông chuyên khảo về lịch sử tư tưởng - thấy không bị xao xuyến như nghe Cao Hành Kiện kể chuyện những con người thật, buồn, vui, sướng, khổ trong rừng núi Tứ Xuyên mù mịt. Cái số tôi năm nay chắc sẽ như thế

đấy, được thắc mắc về những băn khoăn lựa chọn chung của loài người chứ không bị dằn vặt về những tâm trạng yêu thương hờn giận riêng tư. Đó là một điềm lành cho năm mới. Triết lý luôn luôn là một cái cớ để mình tránh không phải lo những chuyện nhỏ, như cơm nước, giặt rũ, những chuyện giận vợ, hờn làng.

Buổi chiều tôi đọc tới bài Berlin viết về những lần gặp Boris Pasternak, năm 1945 và 1956. Berlin sinh ở Nga, năm 10 tuổi mới di cư, ông thông thạo tiếng Nga nên ghi những nhận xét rất hay về cách Pasternàk nói chuyện, ngay trong cuộc gặp gỡ đầu tiên: "Lời nói của ông (Pasternàk) lâu lâu tràn qua bờ cơ cấu ngữ pháp... Cách ông nói lúc nào cũng là lối nói của một thi sĩ, khi ông viết cũng vậy. Một người nào đó bảo có những thi sĩ là thi sĩ khi họ làm thơ và là nhà văn khi họ viết văn xuôi; những người khác thì lúc viết cái gì cũng là thi sĩ cả. Pasternàk là thiên tài thi ca bất cứ khi ông làm cái gì." Nghe thú chứ? Nhiều nhà thơ phải viết văn cho thật xuôi, chắc phải cố sửa cho giống văn xuôi hơn. Như khi Saint John Perse viết một báo cáo cho Bộ Ngoại giao Pháp chẳng hạn, ông viết tự nhiên hay phải tự kiểm duyệt và sửa chữa? Tự sửa chữa khi viết còn dễ, còn khi sống thì sao? Nhiều khi lỡ sống với cá tính, bản năng một thi sĩ rồi, tẩy xóa thế nào cho nó sạch sẽ như văn xuôi được nhỉ? Khó đấy chứ.

Berlin mô tả Pasternàk mang mặc cảm bị mọi người hiểu lầm rằng ông cộng tác với chế độ Stalin, mà chắc nhiều người nghĩ đó là sự thật, vì ông được yên thân bao nhiêu năm, có khi còn được Stalin gọi điện thoại. Năm 1956 Pasternàk nhất định cho một nhà xuất bản Ý ấn hành cuốn *Bác sĩ Zivago* của ông, nhiều người thân chung quanh can ngăn vì thấy quá nguy hiểm. Nhưng ông vẫn cương quyết làm, chắc cũng để xóa bỏ sự hiểu lầm của nhiều người, và mặc cảm của mình.

Năm 1956 Berlin đi Pederelkino cùng với nhạc sĩ Neuhaus, người chồng cũ của bà Zinaida, là vợ Pasternàk lúc đó. Berlin kể Neuhaus nhắc đi nhắc lại nhiều lần rằng Pasternàk là một ông thánh: ông ta không có chút óc thực tế nào cả - cứ hy vọng chế độ Sô viết cho phép xuất bản *Bác sĩ Zivago*. Neuhaus nhờ Berlin tìm cách thuyết phục nhà văn đừng tính chuyện cho in cuốn sách đó ở nước ngoài. Berlin không thành công. Pasternàk nói "Có thể tôi sẽ không đáng được mọi người nhớ tới như một thi sĩ, nhưng người ta sẽ nhớ tôi như một chiến sĩ trong cuộc chiến đấu cho tự do của con người." Ông đã chiến đấu cho tự do với tư cách một thi sĩ.

Kể chuyện ăn tết như vậy cũng dài quá rồi, xin qua chuyện khác.

VỀ VỚI TUYẾT

Hai tuần lễ trước Tết tôi trở về Montréal. Được hai lần sống trong cảnh núi rừng ngập tuyết ở Làng Cây Phong, những ngày sung sướng tràn ngập. Sống trong mầu trắng tinh khiết, không khí trong veo, nước hút từ mạch suối ngầm sâu 70 thước lên, uống vào vẫn mềm cả cuống họng. Lần đầu, Thọ Trường rủ tôi đi vào rừng tìm con suối mà chú đã gặp vào mùa Thu năm ngoái. Hai anh em lết "ra két" đi trên mặt tuyết, đi tìm con suối mùa đông. Nhưng tìm gì cũng vậy thôi, sống trong tuyết ở Làng đã là hạnh phúc. Những cành khô khoác lớp khăn mềm tuyết phủ, có thân cây đổ còn vắt trên cao cõng lớp tuyết đầy cả thước trên lưng. Nhìn chung quanh chỉ thấy những hàng cây khô nửa trắng, nửa nâu đen đang đứng chăm chú ngó mình, trông như một tấm hình cũ. Những cây tùng bách ngạo nghễ rủ tàn lá chịu nặng chung quanh, nặng nề như bà bầu. Ở sát mặt đất còn dấu chân nhẩy rất nhẹ của thỏ rừng. Thọ Trường bảo loài thỏ bao giờ cũng tìm gốc cây tùng làm hang trú ẩn, mình cũng có thể sống dưới lớp mái những cành lá phủ tuyết đó. Chúng tôi cứ thẳng hướng leo lên cao, cho đến khi trườn núi lại nghiêng xuống, qua hai đường phân thủy thì thấy mặt đất phủ tuyết mềm bỗng lõm xuống thật sâu thành thung lũng quanh co uốn khúc. Đó, con suối mùa đông ở đó. Nhìn dưới những lỗ tuyết tan còn thấy mặt nước hiện ra, những cành, lá chết mùa Thu năm trước trông như mới rụng. Chúng tôi đào tuyết, xuống đến thước rưỡi, đi kiếm củi khô đốt lửa, nấu một nồi mỳ ăn với nhau. Nướng miếng bánh Bagel trong củi cháy đỏ, gặm cả than vào miệng. Chiều tới, lúc quay về còn tiếc rẻ đống củi đang cháy hừng hực được bức tường vòng quanh hố tuyết hắt trả hơi nóng vào giữa trạm dừng chân.

Lần thứ hai, một tuần sau anh chị Thích cùng tôi lên đến Làng thì trời đã tối từ lâu. Leo con dốc không cần soi đèn vì đường đi trắng xóa không thể nào bước nhầm được. Sáng hôm sau tôi dậy sớm khi đi ngang của sổ nhìn ra thấy hàng cây thông phơ phất trắng, vầng trăng lưỡi

liềm hiện rõ trên bầu trời đang rạng sáng, bên trên ngọn núi Foster. Sườn núi còn tối trông như có sương trắng phủ mờ mịt, bầu trời phía trên xanh, bên dưới vàng nhạt, thoáng những sợi mây đang ửng hồng. Hôm đó chúng tôi đã đi bộ trên mặt hồ sau khi làm một vòng quanh núi. Đi ngang qua mặt nước đóng băng, muốn đi hướng nào thì đi, lúc đó mới thấy mình thật là tự do. Tưởng tượng những người "da đỏ" ngày xưa sống ở đây, đối với họ thì chung quanh chỗ nào cũng là lối đi. Họ không cần đường đi. Họ đã sáng chế ra cái "ra két" để đi, leo lên, tụt xuống nhẹ nhàng trong tuyết - cái tên "ra két" do người da trắng đặt ra vì nó giống cái vợt.

Người sống trong thành phố thấy tuyết là một trở ngại vì họ phải lái xe. Người đi trong rừng không thấy như vậy. Tuyết là khung cảnh cho mình sống, như con cá bơi trong nước. Khi đã quen bước chân, biết cách đặt cái "ra két" buộc dưới giầy sao cho thẳng và song song với nhau, bước từng bước ngắn, muốn quay đầu lại thì phải bước một vòng chữ U, khi đó đi trên tuyết cũng chẳng khác gì bước chậm rãi trên mặt cỏ. Khi mình chịu sống hòa hợp với tuyết thì tuyết giang tay thân mật ôm lấy mình, như chủ nhà mời khách bước vào.

Ngay từ đầu loài người vẫn tìm cách sống hòa hợp với thiên nhiên chứ không bắt thiên nhiên thay đổi cho hợp ý mình, cho nên thiên nhiên không thành những trở ngại. Chú Tùng kể tôi nghe khi vào rừng ngắm cảnh Thu chú đã gặp nai rất nhiều lần, lúc một hai con nai, lúc đi cả đàn. Khi kể lại ai cũng cho là chú có số may mắn. Sau nhiều năm ngẫm nghĩ Tùng mới biết không phải mạng mình hợp với loài nai. Chẳng qua là khi vào rừng ngắm lá thu đổi mầu chú thường ngồi một mình yên lặng. Những người khác, họ không quen ngồi yên một chỗ. Đối với đàn nai, một người ngồi yên lặng cũng là một phần của cảnh rừng thu, không phải là một dấu hiệu đe dọa.

Tôi muốn chia sẻ cùng bạn những giờ phút bình an hạnh phúc trong hai tuần về với tuyết. Tuyết trắng bát ngát mênh mông và im lặng, bất động, tặng cho chúng ta tấm lòng yên tĩnh để suy ngẫm. Trong khung cảnh an lành của tuyết, có những lúc thấy như mình tỉnh ngộ ra. Có thể tự tìm hiểu tại sao những điều mình nói, việc mình làm tưởng là mang lại tình yêu thương nhưng vô tình làm cho người chung quanh đau khổ, chỉ vì mình không hiểu người. Hiểu rồi mới biết cách yêu thương nhau. Có lúc lại tỉnh ra rằng khi mình vô tình gây nỗi khổ cho người thì chính là lúc đang tự dìm mình trong đau khổ, thật dại dột quá chừng.

Buổi tối sau cùng ở Montréal thấy lòng mình bình an tôi đi nghe nhạc một lần nữa. Khi yên tĩnh, nhìn những ngón tay của Lupu tung tẩy trên phím đàn mới nghe rõ các âm thanh mà lúc bình thường mình hay bỏ sót. Nghe được tiếng đại hồ cầm rất nhẹ mở đầu bài Also Spracht Zarathushtra của Richard Strauss mà trước kia mình không biết, tưởng chỉ có tiếng kèn đồng nổi lên ba nốt mở đầu trước khi cơn thác âm thanh ào tới. Và giữa những âm thanh ào ạt của một vũ trụ còn hỗn mang, tiếng trung hồ cầm than vãn số phận con người đêm nay mới nổi lên mà không bị che lấp trong biển gió thiên nhiên hùng vĩ nữa. Mang những âm thanh còn rào rạt trong đầu tôi đã đi dạo một vòng quanh các con đường cũ, Ste-Catherine, St-Urbain, đi qua bãi đậu xe, đi vào trong tòa nhà lớn, tha thẩn trong hành lang quen thuộc đêm nay tràn ngập niềm âu yếm, nỗi bình an. Khi về nhà soi gương thấy mình cũng khác. Thế đấy, từ cõi tuyết trở về ăn tết gặp trời mưa, năm nay phải là một năm an lành. Bây giờ xin rời xứ tuyết, về xứ bụi nghe kể chuyện đời. Về đến Cali tôi chạm ngay phải giọng hát vàng của Joan Baez thời 1960, bùi ngùi sống trở lại cõi nhân gian.

KINH TẾ MỸ BAO GIỜ KHỦNG HOẢNG

Tháng Mười Hai, ông Lê Khả Phiêu vào Sài Gòn lên lớp các đảng viên cộng sản trong lúc họ họp đại hội thành bộ, để đưa ra các "tư tưởng chỉ đạo" chuẩn bị Đại hội Đảng vào tháng Ba. Ông đã ca tụng những tiến bộ trong khoa học công nghệ của kinh tế thế giới (tiến bộ của kinh tế các nước tư bản) nhưng ông lập lại những nhận xét của Karl Marx từ 150 năm trước để chỉ đạo cho các đảng viên. Ông nói về mối "mâu thuẫn ngày càng gay gắt" giữa "lực lượng sản xuất" trong thế giới tư bản và "chế độ chiếm hữu tư bản chủ nghĩa." Mối mâu thuẫn đó Marx đã nói từ hơn thế kỷ nay để tiên đoán chế độ tư bản sẽ tan rã, giờ vẫn chưa thấy xẩy ra. Cho nên ông Phiêu chỉ rụt rè đặt câu hỏi: "Liệu khủng hoảng kinh tế ở mức độ này hay mức độ khác có còn xẩy ra không?"

Ông Tổng Bí thư hỏi trống trơn thôi, không trả lời. Vì chắc không biết trả lời ra sao

cả. Nhưng nói vậy vẫn có tác dụng, có ép phê, là làm cho các đảng viên biết suy nghĩ phải hoang mang chẳng hiểu ông Tổng Bí thư định nói tụi tư bản sắp có khủng hoảng hay không, khủng hoảng lớn đến đâu cũng chẳng cho biết. Nhưng vì trong câu trước ông mới nói đến "mâu thuẫn ngày càng gay gắt" thì đa số đảng viên không có thói quen suy nghĩ sẽ phải đoán ra rằng kinh tế tư bản thế nào cũng lâm vào khủng hoảng, trốn đâu cho thoát được? Nghĩ thế thì họ hiểu ra tháng Ba này Đảng phải chọn lựa thế nào giữa Chủ nghĩa Tư bản rẫy chết và Chủ nghĩa Xã hội chưa thấy mặt mũi ra sao. Đấy, "tư tưởng chỉ đạo" cho cuộc Đại hội Đảng vào tháng Ba năm nay đấy.

Bên Mỹ họ cũng đang bất đồng ý kiến về tương lai kinh tế. Nhưng ở đây không ai nói tới chữ khủng hoảng. Một số người run run nói chữ "Rờ" (recession), tức "suy thoái," nhưng nhiều người không tin có suy thoái, cho rằng kinh tế sẽ chỉ "giảm tốc" thôi.

Có lẽ nên phân biệt mấy từ ngữ chuyên môn này đã. Khi sản lượng một nước đang tăng nhanh mà bắt đầu chậm lại, xuống dưới 2% một năm, rồi lên lại, chúng ta gọi là "giảm tốc" (soft landing, máy bay hạ cánh an toàn). Lần trước, sáu tháng đầu năm 1995 là một thời kỳ "giảm tốc." Vì năm 1994 kinh tế Mỹ đang tăng ở mức từ 3% đến trên 5% một năm, tính từng Quý (ba tháng), sang Quý đầu năm 1995 chỉ tăng hơn 2%, rồi xuống 1%. Sau đó, trong hai Quý chót lại tăng lên trên 3% và cứ thế tăng nữa. Như vậy, người ta gọi và hạ cánh an toàn.

Kinh tế gọi là "suy thoái" nếu tổng số sản xuất (GDP, tức Tổng sản lượng Quốc nội,) xuống thấp hơn trước, liên tiếp hai Quý liền. Chuyện này đã xẩy ra ở Mỹ năm 1990: mùa Hạ GDP giảm hơn 1%, sang Thu giảm 3% và qua Quý đầu năm 1991 còn giảm 2%, tức là "suy thoái". Nhưng đến mùa Đông đầu năm 1991 GDP Mỹ bắt đầu tăng, tăng luôn đến cuối năm 2000 chưa nghỉ. Nếu dùng thước đo "sản lượng xuống hai Quý liền" thì kinh tế Nhật đã suy thoái mấy trận trong mười năm qua, cứ xuống rồi lại cố ngóc dậy, chưa đầy một năm lại xuống. Nhưng chính phủ Nhật không chịu cải tổ cơ cấu vì quyền lợi đảng cầm quyền dính liền với cách làm kinh tế cũ.

Còn "khủng hoảng" nghiêm trọng hơn nhiều. Khủng hoảng khác với suy thoái vì mức tụt xuống sâu hơn, rộng hơn (nhiều ngành sinh hoạt đều xuống), và thời gian kéo dài lâu hơn. Khi một cuộc suy thoái lan rộng ra nhiều ngành và kéo dài hàng năm thì cũng gọi là khủng hoảng. Thí dụ, những năm 1997-98 các nước Thái Lan, Indonesia bị khủng hoảng.

Hiện nay ở Mỹ người ta biết là kinh tế chưa suy thoái, ba tháng mùa Thu năm 2000 sản lượng vẫn tăng hơn 2.2%, và cuối năm 2000 cũng chỉ giảm tốc. Nhưng nhiều người bất đồng ý kiến, không biết trong năm mới này liệu có "suy thoái" hay không. Ông Greenspan, chủ tịch Ngân hàng trung ương ra trước Thượng viện báo tin rằng kinh tế Mỹ sẽ không tăng thêm nữa, để ủng hộ chính sách cắt giảm thuế của tân chính phủ.

Nếu có suy thoái thật, liên tiếp hai Quý liền, thì sao? Nước Mỹ suy thoái thì kinh tế nhiều nước bị ảnh hưởng, vì dân Mỹ mua nhiều thứ từ các nước khác lắm, mỗi năm mua nhiều hơn bán hơn 300 tỷ Mỹ kim. Nếu vụ đó xẩy ra, chắc các đảng viên của ông Lê Khả Phiêu sẽ gật gù thú vị, họ được chứng kiến cảnh kinh tế tư bản nó "mâu thuẫn gay gắt" quá, đúng như lời cụ Karl Marx nói. Họ không biết rằng suy thoái khác với khủng hảng, giảm tốc còn khác xa hơn nữa.

Đời sống kinh tế cũng như cơ thể người ta, lâu lâu phải sổ mũi, nóng đầu, ho hắng. Những cơn sốt, cơn ho có tác dụng tẩy sạch nhiều thứ độc trong mình. Suy thoái kinh tế chính là một dịp để "tẩy rửa" những sai lầm tích lũy nhiều năm. Từ thập niên 1970 đến nay, kinh tế Mỹ đã suy thoái năm lần, nhờ thế mới có những thay đổi cơ cấu giảm bớt các sai lầm, chuẩn bị cho nước Mỹ tiến đều đặn trong mười năm qua.

Những sai lầm cần tẩy rửa như thế nào? Chẳng hạn khi kinh tế đang lên, dân hăng hái tiêu tiền, người ta sản xuất nhiều quá, đến lúc hàng trong kho bán không hết cứ lưu cữu lại. Nhiều tòa cao ốc xây lên không có người thuê. Lập cơ xưởng, mua máy móc rồi không sử dụng hết, cảnh này có thể diễn ra ở bất cứ xứ nào, Mỹ, Thái Lan cũng như ở Việt Nam.

Những sai lầm đó do tánh bất cẩn, hoặc thói vô trách hiệm, ỷ y làm liều, hoặc giản dị, chỉ vì dốt, khiến cho Cung Cầu mất cân bằng. Tình trạng đó là thân phận con người, nó không thể biết hết tin tức nhanh chóng và suy nghĩ sáng suốt mãi được. Ở các nước xã hội chủ nghĩa thì những sai lầm kiểu đó nằm trong thái độ và cách làm việc của các người điều khiển xí nghiệp, họ hành sử giống như "tiêu

tiền chùa," của thập phương không phải của mình. Thái độ đó do cơ cấu chính trị tạo ra, cho nên sửa chữa các sai lầm khi chúng tích lũy lại rất khó khăn. Trong kinh tế tư bản thì cơ cấu thị trường nó tự sửa lấy. Anh làm hàng ra, bán mà không ai mua, anh biết ngay phải làm gì rồi.

Khi nền kinh tế lên nóng quá, mọi người đua nhau tiêu tiền nên phải lo lạm phát vì cầu nhiều hơn cung. Ngân hàng Trung ương cho lãi suất tăng thì các xí nghiệp khan hiếm tiền phải giảm bớt sản xuất. Nhiều người mất việc bớt chi tiêu, các xí nghiệp bớt xây cất, bớt đầu tư đi. Khi coi bộ nhiều thứ xuống quá thì Ngân hàng Trung ương lại hạ lãi suất hay chính phủ cắt thuế, chi tiêu thêm để kích thích. Nói chung, làm sao cho cung và cầu dần dần lấy lại cân bằng. Thị trường tự nó điều chỉnh, với sự giúp đỡ của những chính sách tiền tệ, lãi suất và thuế khóa. Cũng như cơn sốt, cơn ho tẩy uế cả cơ thể, cơn suy thoái sẽ tẩy, rửa, thải bớt những hậu quả của các tính toán sai lầm cũ.

Đó là đời sống kinh tế tư bản từ xưa đến nay. Nhưng ngày nay khác với ngày xưa, khác trước đây 50 năm hay khác thời ông Karl Marx như thế nào?

Thứ nhất là người ta hiểu rõ đời sống kinh tế hơn, giống như các thầy thuốc hiểu rõ cơ thể con người và biết rõ các loại bệnh hơn. Cho nên cho thuốc, phòng bệnh có hiệu quả hơn.

Thứ hai là tin tức xác thực, đầy đủ và truyền tin nhanh chóng hơn. Kỹ thuật tin học phát triển giúp các công ty cũng như các chính phủ biết tin nhanh và đối phó cũng nhanh. Cũng vì tin tức chạy lẹ, khi kinh tế một vùng yếu đi thì cơn suy yếu truyền rất nhanh và lan ra khắp thế giới. Số người mua xe hơi ở Mỹ và Nhật Bản không tăng nhanh như dự đoán; tin tức đó nằm trong máy tính các tiệm bán xe lập tức được chuyển tới các nhà sản xuất xe. Trong cùng ngày, các nhà chế tạo bánh xe, cửa xe, kính xe biết tin cũng điều chỉnh kế hoạch sản xuất của họ ngay. Nhà chế tạo thủy tinh, chế tạo cao su, nhôm, thép cũng biết và thay đổi kế hoạch cho phù hợp. Và các Ngân hàng Trung ương nhìn vào thị trường xe bèn đi tìm thêm tin tức khác để có thể đoán kinh tế yên hay nguội bớt. Với tin tức nhanh chóng, đầy đủ và chính xác hơn, các nước có thể tránh các cơn suy thoái một cách dễ dàng hơn trước đây 30 năm. Trừ khi những người nắm quyền lại không chịu hành động, vì quyền lợi của họ bảo họ hành động càng chậm càng tốt. Thí dụ như ở Nhật Bản trong mười năm qua.

Kinh tế tư bản có lúc lên, lúc xuống, như một sinh vật nhiều lúc phải tự điều chỉnh cơ thể. Quý vị đang họp Trung ương Đảng ở Hà Nội nên biết điều đó. Trong một phần tư thế kỷ vừa qua lối làm kinh tế tư bản đã mang lại tình trạng thịnh vượng cho bao nhiêu con người ở bao nhiêu nước Á đông. Khủng hoảng kinh tế là chuyện xa xưa, nhớ lại để loài người học thêm đức khiêm tốn và tính cẩn trọng. Chỉ những người vì quyền lợi riêng muốn bám lấy cơ cấu cũ, hoặc thiếu tự tin nhìn đâu cũng thấy "những thế lực thù địch," rồi tự bịt mắt, chúi đầu, thì mới không nhìn ra sự thật đó. Trong lúc cắm đầu xuống cát như loài đà điểu thì họ phơi bầy ra cái phần gọi là "tư tưởng chỉ đạo" của họ! Không lẽ 170 ông bà đang họp không nhận ra điều đó?

CHÚC THỌ

Đời xưa Tú Xương nghe người ta chúc nhau "Sống lâu trăm tuổi bạc đầu râu," rồi đem ra chế riễu. Ngày nay con người dễ sống thọ hơn thời Tú Xương vào đầu thế kỷ trước. Nữ Hoàng Elizabeth hàng năm vẫn gửi những thư chúc mừng các thần dân sống đến 100 tuổi. Tạp chí *Economist* ở Anh cho biết bây giờ số thư mừng thọ này nhiều gấp mười lần số thư khi bà mới đăng quang, gần 50 năm trước (bà Hoàng Thái Hậu cũng mới lên tuổi 100). Tuổi thọ trung bình của loài người đã tăng lên suốt lịch sử. Người Neanderthal sống 35 ngàn năm trước, chắc đến 20 tuổi đã được gọi bằng cụ, vì sắp qua đời rồi. Những vị vua chúa trong lịch sử nước ta như Lê Lợi, Nguyễn Huệ, thường làm được những công trạng phi thường khi trên dưới 30 tuổi, thọ đến 50 cũng hiếm. Cho nên thời đó không cần làm những nghị quyết giới hạn quá 65 thì không được làm quan, trên 70 không được làm vua nữa chẳng hạn. Thời nay những người đang ở tuổi 50-60 tại Mỹ hy vọng sẽ sống đến tuổi 75-80 là chuyện thường.

Ai cũng muốn sống lâu. Nhưng lại không ai muốn già. Đó là nỗi phiền não của chúng ta. Chúc sống lâu, nhưng phải sống trẻ mãi mới đáng chúc. Trong thần thoại Hy Lạp có Tithonus, người yêu nữ thần Aurora (Bình minh), ông được ước một điều bèn ước sống lâu, nhưng quên xin sống trẻ. Thế là ông ta phải sống lụ khụ mãi mãi không được ngừng - chắc bây giờ vẫn còn sống, tội nghiệp

quá. Tần Thủy Hoàng ngày xưa cho người đi tìm thuốc "trường sinh bất lão," tức là vừa sống lâu lại vừa không già. Được như vậy là thành Tiên, lý tưởng của Đạo gia. Lý tưởng này chắc cũng bắt đầu như một huyền thoại xuất phát từ miền Bắc Ấn Độ, truyền sang Âu châu vào thế kỷ thứ 7, biến thành hình ảnh "Suối thanh xuân" (Fountain of Youth). Trong bức tranh của họa sĩ Lucas Cranach Trưởng lão (1472-1553) vẽ cảnh con suối đó, các bà lão móm mém đi vào đầu này, bước ra đầu kia thành các cô thiếu nữ xinh như thiên thần! Đó là giấc mộng của loài người, nam cũng như nữ.

Nhưng người phương Đông không mơ mộng kiểu đó. Nếu đến lúc 65, 75 tuổi mà mình phải sống lại một lần nữa như những cô cậu "teen" thì mệt quá, dù có đẹp như thiên thần. Những thú vui của tuổi thanh xuân bao giờ cũng kèm theo những "điên rồ" của thời non trẻ! Nhiều người lên lão rồi mà vẫn còn tự xét chưa thấy mình khôn ra, vẫn cứ như trẻ con với bao nhiêu nhầm lẫn không sao bỏ được, ước trẻ lại để càng tham sân si thêm nữa hay sao? Chắc không ai dại gì đi trả cái giá đó mãi mãi. Cho nên họa sĩ phương Đông thường diễn tả lời chúc tuổi thọ bằng hình ảnh một ông già (không phải bà già, chắc thời xưa coi nam nặng, nữ nhẹ.) Một ông lão râu tóc bạc phơ tươi cười hạnh phúc với tuổi già của mình. Đôi khi có mấy cháu chắt nhỏ ngồi lòng hay đứng chung quanh. Được như vậy coi bộ sướng hơn là chui qua con suối rồi biến trở lại thành một cô thiếu nữ hay chàng thanh niên hăm hở vào đời, bắt đầu lại một lần nữa tất cả mọi chuyện mình đã trải qua rồi, lại y như lần trước!

Tuổi già đến tự nhiên, tuy diễn trình sinh học đó loài người vẫn còn đang tìm hiểu. Các nhà sinh học biết rằng đời chúng ta có ba khúc. Lúc đầu là thời kỳ các tế bào, các bộ phận trong cơ thể được sinh sôi, xếp đặt thành hệ thống, sẵn sàng sử dụng. Sau đó là thời gian truyền giống để bảo tồn cái gene của chủng loại, như trong Sáng Thế ký nói: Hãy nhân lên, hãy nhân lên. Hoàn tất nhiệm vụ trọng đại lịch sử đó rồi, cơ thể bắt đầu suy yếu, thế là đến tuổi già.

Những động lực giúp cho xương cốt cứng cáp hơn trong thời kỳ thứ nhất bây giờ quay ra làm cho mình thành cứng nhắc, khó cử động. Những thói quen, như ăn uống để cơ thể tăng trưởng, sau lại thành mối họa vì miệng quen ăn! Những hào hứng thúc đẩy mình đi làm nhiệm vụ với chủng loại nếu không bỏ được sẽ biến các cụ thành lố bịch. Trong sinh đã có lão, có bệnh rồi, bốn thứ khổ lớn cũng chỉ là một! Trước khi đến tuổi sinh sản thì các tế bào còn chia ra, tạo tế bào mới. Bây giờ, những tế bào suy yếu, hủy hoại, chẳng có cái gì mới thay vào đó cả. Nhà sinh học Leonard Hayflick, Đại học California ở San Francisco ví thiên nhiên như cơ quan NASA, chế một cái phi thuyền, phóng lên dò thám Hỏa tinh, họ đã tính trước để nó làm xong việc thì bỏ luôn, chẳng quan tâm đem về trái đất dùng lại nữa! Con người may mắn lắm nên được trở về cùng cát bụi! Các động lực để chế tạo cơ thể con người chỉ nhắm dùng vào việc bảo vệ nòi giống chứ không phải để kéo dài cuộc đời bộ máy tinh vi huyền bí đó! Ngày nay nhiều nhà sinh học đang tìm hiểu có cách nào trì hoãn diễn trình già yếu hay không. Họ thử với chuột, với ruồi, và eureka, người ta đã tìm ra những gene có ảnh hưởng đến quá trình lão hóa. Nếu may mắn, những con ruồi sẽ chỉ đạo cho con người biết cách trì hoãn tối già, sống lâu mà vẫn trẻ. Cynthia Kenyon, một nhà sinh học cùng trường UCSF, chuyên nghiên cứu tuổi thọ các loài trùn (worm) thì tin rằng thế nào cũng có ngày loài người trì hoãn được tuổi già một cách đáng kể.

Nhưng trì hoãn để làm gì? Giá sinh hoạt mỗi ngày gia tăng. Giá máy computer có giảm, giảm đến 99% trong mười năm qua nếu tính theo khả năng của máy. Nhưng đó là món đồ chơi cho giới trẻ. Các cụ ít khi dùng computer hết sức của nó, cùng lắm viết lách hay gửi email cho con cháu. Ngược lại, những thứ các cụ phải chi tiêu nhiều nhất là chi phí y tế, mượn người lau nhà, làm giường, giặt rũ, giá món nào cũng tăng lên. Phí tổn y tế ở Mỹ tăng đến 50% trong mười năm qua. Các cụ ghiền thuốc lá còn khổ hơn nữa, giá tăng hơn 100%. Vậy trì hoãn thêm nữa để làm gì?

Ước chi mọi người sống lâu đều được như bức tranh Ông Thọ. Vui vẻ, yêu đời, không phải chỉ vui đời mình mà còn vui cùng đời con đời cháu. Người phương Đông không sống một cuộc đời, ai cũng coi mình là tiếp nối của tổ tiên đời trước, và nhìn thấy mình còn sống mãi trong cháu chắt về sau. Phúc Đức được ông bà để lại, mình tạo thêm phúc đức để dành cho những thế hệ sau. Sống hài hòa qua nhiều thế hệ như vậy, không ai già mà cũng không ai chết.●

HẠNH PHÚC CÓ PHẢI LÀ DƯ THỪA VẬT CHẤT KHÔNG?

THANH THẢO

Hội nhập vào đời sống tại Mỹ, người Việt khắp nơi cũng tập luôn thói quen của người bản địa. Từ nhiều năm qua, mỗi năm bốn mùa, những dịp lễ lớn như Lễ Tạ Ơn, Lễ Giáng Sinh, chưa kể đến hàng chục ngày lễ khác như: tình yêu Valentine, Thánh Patrick may mắn, ngày hiền mẫu, ngày nhớ ơn cha, ngày chiến sĩ trận vong, ngay cả ngày Columbus tìm ra châu Mỹ cũng được giới thương mại quảng cáo rầm rộ để bán sản phẩm. Vào những dịp này, tất cả những chương trình đại hạ giá của các cửa hàng lớn như: Nordstrom's, Macy's, Bloomingdale's, Neiman Marcus, Saks Fifth Avenue,... được chiếu cố tận tình. Ngoài những dãy tiệm lớn, chúng ta còn ghé thăm những cửa hàng đặc biệt của những nhà thời trang danh tiếng như: Chanel, St. John's, Gucci, Ann Taylor's, Victoria's Secrets... Việc mua sắm càng nhiều thứ càng tốt, cho dù chúng ta có cần những thứ này hay không, từ lúc nào không biết, đã được xem là đồng nghĩa với mưu cầu hạnh phúc.

Trái với thời điểm cuối năm 1992, khi nền kinh tế Mỹ trì trệ, mà người ta vẫn mua sắm thả giàn, và phụ nữ được thăm dò thời đó cho biết họ rất lạc quan về mức độ hạnh phúc đang đạt được, cuối năm qua, ngoại trừ ngành đầu tư cổ phiếu chứng khoán làm biến mất sơ sơ... $3 ngàn tỉ Mỹ kim của giới đầu tư tài chính, nền kinh tế Mỹ nói chung không đến nỗi trì trệ lắm. Nhưng người ta không mua sắm nhiều như giới tài phiệt thương mại mong đợi. Chuyện gì đã xảy ra nơi tư tưởng của người tiêu thụ? Những khách hàng (phụ nữ) thân mến gặp gì mua đó, có một mua thêm hai, ba, của những cửa hàng bán lẻ trốn đâu mất rồi? Họ buồn chăng? Họ giận chăng? Làm thế nào để họ vui vẻ và trở lại mua sắm thả giàn như trước? Những câu hỏi này phải được trả lời. Xứ Mỹ mà, chẳng phải hạnh phúc tương đương với làm chủ tài sản vật chất hay sao, cho dù giá trị tài sản đó có phù phiếm đi chăng nữa! Vậy thì phải biết phụ nữ ngày nay định nghĩa hạnh phúc như thế nào.

Trong một chương trình nghiên cứu mang tên "Tiếng Nói Phụ Nữ năm 2000," thực hiện cuối năm ngoái, những người tham gia cuộc thăm dò được hỏi ý kiến về cái nhìn chung của cuộc sống ở Mỹ, và họ có cảm nghĩ gì về cuộc sống đó. Câu trả lời rất đáng chú ý: Đa số dùng những từ ngữ nặng như: "giận dữ," "chán chường," "bệnh hoạn." Cuối cùng, không hẹn mà mọi người cùng đặt câu hỏi "Đây có phải là cuộc sống tốt đẹp nhất, hạnh phúc nhất chúng ta đạt được không?"

Cuộc thăm dò được Trung Tâm nghiên cứu Center for Policy Alternatives và đài truyền hình "Lifetime Television" đồng tài trợ. Sau khi ghi nhận những câu trả lời, giới truyền thông đã diễn dịch nghĩa sự giận dữ, chán chường của người thăm dò một cách thiếu chính xác như: Phụ nữ giận vì không đủ thời giờ vừa chu toàn công việc ở sở, vừa chăm sóc gia đình. Hoặc phụ nữ chán chường vì công việc đang chiếm hết thời gian giải trí của họ. Một tờ báo (không biết chủ bút tờ này có phải là một ông bảo thủ thứ thiệt không) còn đưa hàng tít lớn: "Phụ Nữ Chán Sở Làm!" và kết luận dùm chương trình nghiên cứu với đề nghị: Chắc phụ nữ sẽ vui vẻ trở lại, nếu họ có thêm giờ ở nhà, hay tốt hơn nữa là khỏi mất công đi làm, ở luôn nhà, làm bà nội trợ cho được việc đôi đàng!

Nhưng sự giận dữ, chán chường nơi phụ nữ ngày nay không phải chỉ đơn giản là tìm sự cân bằng của cuộc sống gia đình và công việc, mà bắt nguồn từ nguyên nhân sâu xa hơn.

Theo bài phân tích cuối năm của bà Susan Faludi trên tạp chí *Newsweek*, lý do phụ nữ giận dữ, chán nản nằm trong những câu trả lời cho câu hỏi: "Đây có phải là cuộc sống hạnh phúc nhất chúng ta có được hay không?" Một phụ nữ được thăm dò đã trả lời chán nản vì "Người ta kiếm được nhiều tiền quá, nên thái độ chung là chỉ có

tài sản vật chất mới đáng nói đến." Một người khác tiếp lời, tôi vừa giận vừa chán vì "Chủ đề của những câu chuyện suốt ngày của các bà ngày nay là... ai có cái xách tay Chanel mốt hơn?" Không lẽ ngoài tài sản vật chất, xã hội Mỹ không còn gì đáng kể nữa hay sao?

Từ cả mười năm qua, châm ngôn "Càng có nhiều tài sản vật chất, cuộc sống càng tốt đẹp hơn," hay "the more you have, the better it gets" đã được giới thương mại quảng bá rộng rãi. Những hình thức quảng cáo, những người mẫu, những bối cảnh của các chương trình quảng cáo đều phô bày toàn phụ nữ trẻ đẹp, sang trọng, cầm trên tay, mặc trên người, hoặc vây chung quanh những sản phẩm vật chất đắt tiền. Các cô người mẫu này dĩ nhiên phải truyền được thông điệp ngầm: "Làm chủ được... cái đồng hồ Rolex, cái áo khoác lông thú, đôi giày Manolo Blahnik, chai nước hoa Poison, Christian Dior, và không thể thiếu chiếc xách tay Chanel mốt nhất... là chúng ta có hạnh phúc trong tay." Hình ảnh người phụ nữ đầu thế kỷ 21 và nữ quyền đã bị thương mại hóa tối đa!

Không những đã quảng cáo trên TV như chương trình "Sex and the city," radio, báo chí, bảng quảng cáo khổng lồ hai bên xa lộ, giới thương mại còn lên luôn mạng lưới điện toán. Những Nike, Oxygen Media khuyến khích giới tiêu thụ hãy chọn sự tự do, mua càng nhiều càng tốt. Tuy những người được mời mọc trên mạng điện toán thuộc thành phần trẻ hơn đối tượng của những hình thức quảng cáo khác, nhưng thông điệp vẫn giống nhau: "Hạnh phúc là được tự do... mua sắm thả giàn trên mạng điện toán." Nhưng dù đã mua sắm đáng kể, trên mạng điện toán và tại các cửa hàng, phụ nữ đầu thế kỷ mới này vẫn chán nản. Có điều gì đó không ổn trong định nghĩa hạnh phúc là tự do có càng nhiều vật chất càng tốt.

Nếu nhìn lại cuộc tranh đấu cho nữ quyền cả hai thế kỷ qua, chúng ta sẽ tìm được điều không ổn đó. Những người tranh đấu cho nữ quyền đòi hỏi tự do cho phụ nữ không phải để họ trở thành những người mua sắm thả giàn, tìm hạnh phúc trong sở hữu vật chất, mà là để phụ nữ trở thành những công dân có trách nhiệm hơn, để chính những phụ nữ này có thể thay đổi trào lưu xã hội, chứ không biến thành nạn nhân của tiến trình thương mại hóa. Từ những cuộc tranh đấu trong thế kỷ thứ 19 cho đến mục tiêu được đề ra trong bản tuyên ngôn nữ quyền năm 1966 NOW cho thấy: "Phụ nữ phải được tự do để gánh vác trách nhiệm trong một thế giới rộng lớn hơn, để họ tự hiến thân không phải cho những tham vọng cá nhân, mà cho một vài nguồn vui từ hạnh phúc của tha nhân."

Nhưng đời nào giới thương mại lại để yên cho một mục đích tốt đẹp như trên được tồn tại. Cũng khoảng hai thế kỷ qua, kỹ nghệ thương mại đã gieo hạt giống không tốt trong xã hội. Từ thế kỷ 19, giới thương mại đã quảng bá tiêu đề: "Hạnh phúc của phụ nữ đồng nghĩa với sự ganh tị của phụ nữ khác vì những tài sản vật chất mình có được. Vì thế phụ nữ phải được tự do mua càng nhiều, sản vật càng đắt giá, càng có nhiều hạnh phúc." Thời nay, câu này diễn tả đúng y hệt câu hỏi các phụ nữ được thăm dò cuối năm 2000 đặt ra: "Ai có cái xách tay Chanel mốt hơn."

Cuộc tranh đấu cho nữ quyền trong thập niên 60 - 70 là một trong những sự phản đối rõ rệt gần đây nhất dành cho xã hội thương mại hóa. Từ biện chứng hùng hồn của bà Betty Friedan rằng hình ảnh người nội trợ được ca ngợi bằng khả năng mua sắm đủ mọi thứ là sự phản lại ý tưởng thật của phụ nữ ngoài đời. Và hậu quả là giới thương mại đã tước mất đi tự do của người phụ nữ vì biến phụ nữ thành nô lệ của sản phẩm thương mại để mưu cầu hạnh phúc. Tác giả Susan Douglas, người chuyên viết về cuộc tranh đấu cho quyền bình đẳng của nữ giới, đã nhận định trong sách *Where The Girls Are* rằng trong tất cả những cuộc tranh đấu của thập niên 60 - 70, kể cả cuộc tranh đấu cho nhân quyền, cuộc tranh đấu nữ quyền là hình thức chống lại sự tiêu thụ vật chất mạnh mẽ nhất.

Nhưng vì không định nghĩa được hạnh phúc là gì, sau cuộc tranh đấu nữ quyền gây tiếng vang khắp thế giới, kẻ thắng cuối cùng vẫn là lực lượng thương mại!

Cuối thập niên 70, đầu thập niên 80, giới tiêu thụ lại bị tuyên truyền rằng hạnh phúc là được độc lập về kinh tế. Điều này đồng nghĩa với thăng chức, làm thêm nhiều giờ, có thêm nhiều tiền, và tiềm năng của con người được định nghĩa là "có tất cả mọi thứ." Thời trang lòe loẹt, những phụ nữ trẻ đẹp trở thành vợ bé các ông đại tài phiệt, xe sang trọng, nhà nguy nga... là kết quả sự chạy theo bóng hạnh phúc vật chất đó. Rồi... quả bóng được thổi

phồng bị xì hơi. Sau hơn 10 năm mua không còn thiếu thứ gì, giữa thập niên 90 khi kinh tế trì trệ, người ta bớt mua sắm hẳn. Trong khi đó, hạnh phúc thời này được biểu trưng bằng sự khiêm tốn, hay bằng những kiểu thời trang nhã nhặn, kín đáo hơn. Về xã hội, người ta tìm nguyên nhân sâu xa hơn tại sao phụ nữ lại chán đời.

Cuộc thăm dò cuối năm 2000 cho thấy phụ nữ ngày nay chán đời một phần là do nhận thức trách nhiệm và hạnh phúc là hai thứ khác biệt. Phụ nữ ngày nay muốn được tự do, đòi được độc lập tài chính, nhưng không muốn cuộc sống *hoàn toàn chỉ có đi làm chết bỏ để rồi về lại mua sắm chết bỏ,* cho dù không cần những thứ mình mua sắm. Phụ nữ ngày nay muốn đời sống xã hội có tình nhân ái, có sự tử tế giữa con người, và với họ, tình yêu tha nhân là một yếu tố quan trọng. Khi nhắc đến đề tài "giá trị đạo đức trong xã hội Mỹ suy đồi," những phụ nữ được thăm dò không liên tưởng đến vụ tai tiếng của Tổng Thống Bill Clinton, mà họ nêu một quan ngại khác. Đó là ngày nay giá trị cổ phiếu chứng khoán đã thay thế cho sự lành mạnh chung của xã hội, một xã hội dư thừa vật chất nhưng thiếu vô cùng sự quan tâm đến tha nhân.

Khi nêu quan ngại trên, phụ nữ không còn đứng riêng biệt nữa, mà kết quả hàng chục cuộc thăm dò của nhiều nhóm khác nhau trong vài năm nay đã đưa đến một kết luận chung, người Mỹ ngày nay giàu có hơn nhưng cũng bất mãn nhiều hơn.

Nếu áp dụng ý nghĩa cuộc tranh đấu nữ quyền có từ thế kỷ 19, rằng "mưu cầu hạnh phúc" đồng nghĩa với "tự do chọn lựa" thì những nhà xã hội học sẽ không thể chối cãi một sự thật đang làm điên đầu kỹ nghệ thương mại. Sự thật đó là đại đa số giới tiêu thụ người Mỹ, cả nam lẫn nữ, đã và đang chọn lựa một cách tự do... không mua sắm nữa vì họ không còn tin hạnh phúc là dư thừa vật chất.

VITAMIN K - THUỐC BỔ MỸ PHẨM HAY THẦN DƯỢC CHO HÀI NHI?

TH. TH.

Thiên nhiên có khả năng mầu nhiệm làm cây cối đâm chồi, nụ hoa nở rộ, mang nét tươi mát cho cảnh vật mùa Xuân sau sự khô héo của mùa Đông. Mùa xuân nơi con người cũng thế, đôi má của các cô gái xuân thì cũng tươi nõn như đóa hoa vừa nở.

Nhắc đến khuôn mặt và làn da tươi mát của tuổi trẻ, thì nên nhắc đến một hóa chất bổ dưỡng cho da, đó là vitamin K, một thứ thuốc gần đây được quảng cáo là thần dược, làm ngưng chảy máu, làm mờ những vết máu bầm trên da và làm nhạt bớt quầng mắt thâm. Phụ nữ khắp nơi mua sinh tố K thoa thử, không biết công dụng có tốt thật không, nhưng chắc chắn giá vừa túi tiền nên mức bán khá mạnh. Ngoài những mỹ phẩm có chứa chất bổ K giá tùy hiệu, người tiêu thụ còn có thể mua những loại vitamin K nguyên chất bán trong những lọ nhỏ, cỡ $10 Mỹ kim một ounce tại những tiệm dược phẩm toàn quốc.

Tại Mỹ và những quốc gia phát triển khác, phụ nữ dùng sinh tố K để dưỡng da, làm đẹp thêm, ít có ai ngờ tại những quốc gia kém phát triển, điển hình là Việt Nam, thứ thuốc bổ này chính là "thần dược" đúng nghĩa, vì chỉ cần một mũi sinh tố K trị giá khoảng 50 xu Mỹ, điều kiện sức khỏe suốt đời cho một hài nhi được bảo đảm. Bảo đảm bằng cách nào? Sinh tố K có công dụng cầm máu, nên ngưng được lập tức chứng xuất huyết não trầm trọng trẻ sơ sinh tại Việt Nam thường gặp phải khi vừa lọt lòng mẹ. Điều đáng kinh ngạc này là sự thật, theo bác sĩ Quỳnh Kiều, đại diện Hàn Lâm Viện Nhi Khoa Hoa Kỳ tại California, chi nhánh số 4.

Tài liệu Hàn Lâm Viện Nhi Khoa Hoa Kỳ tại California, chi nhánh số 4, thu thập được trong chương trình Y Khoa thiện nguyện mang tên "Project Việt Nam" cho thấy hàng năm tỉ lệ trẻ sơ sinh tại Việt Nam bị xuất huyết não cao hơn những quốc gia lân cận như Thái Lan đến bốn lần, và cao hơn trẻ sơ sinh tại những quốc gia phát triển đến 20 lần. Điểm đáng chú ý là khoảng 2,000 trường hợp trẻ em tử vong hoặc nhiều trường hợp trẻ em bị tàn tật suốt đời vì biến chứng não, nhưng không thấy chính quyền địa phương hay trung ương có hình thức đối phó nào, mà chỉ chấp nhận, ghi thống kê cho có lệ.

Nhận thấy tỉ lệ biến chứng do xuất huyết não cao một cách đáng nghi ngờ, nhóm bác sĩ thiện nguyện thuộc Hàn Lâm Viện Nhi Khoa Hoa Kỳ đã yêu cầu mở cuộc điều tra khoa học về vấn đề này, và nhận được một bản báo cáo trình trước Hội Nhi

Khoa Toàn Quốc tại Hà Nội ngày 6 tháng 11 năm 2000. Bản báo cáo dựa theo kết quả năm cuộc nghiên cứu, cho thấy những điểm chính sau đây:

- Chứng xuất huyết não là bệnh thông thường nhất nơi hài nhi do thiếu chất bổ K. Từ năm 1991 cho đến năm 1998, bệnh viện ở Hà Nội đã nhận được 1,325 trường hợp xuất huyết não, 1,176 trường hợp tại Trung Tâm Nhi Khoa Toàn Quốc. Tỉ lệ hài nhi bị xuất huyết não tại riêng tỉnh Hà Tây đã chiếm 34% tổng số trường hợp vừa kể. Tính trung bình tỉ lệ hài nhi bị ảnh hưởng là 1.25 trường hợp trên mỗi 1,000 trẻ sơ sinh.

- Biến chứng do xuất huyết não xảy ra nhiều nhất khi hài nhi ở tuổi 1 đến 2 tháng, hay 88.5%, và em bé trai bị chứng này nhiều gấp ba lần bé gái.

- Đa số những em bé bị xuất huyết não, 92.3% trường hợp, là những bé sinh đầy tháng, khỏe mạnh, và được bú sữa mẹ.

- Tỉ lệ hài nhi tử vong tại bệnh viện do xuất huyết não là 17.2%. Với những em được chữa trị, 40% hài nhi bị những biến chứng dài hạn.

- 91.9% trường hợp xuất huyết não xảy ra là những trường hợp có thể chữa bình phục bằng sinh tố K. Tuy nhiên, vì không có thuốc, 62.1% trường hợp trẻ sơ sinh đã bị hủy hoại hệ thống thần kinh vì biến chứng.

Ngoài Hà Nội và những tỉnh Bắc Việt, Hàn Lâm Viện Nhi Khoa Hoa Kỳ tại California, chi nhánh số 4, cũng thu thập được những dữ kiện tương tự tại những tỉnh khác ở Việt Nam. Tại Bệnh Viện Tỉnh của Huế, 4% trẻ sơ sinh bị chứng xuất huyết não và các tỉnh Nam Việt, chẳng hạn như Kiên Giang, tỉ lệ hài nhi bị cùng triệu chứng cũng cao như tại Huế...

Với những dữ kiện thu thập được, nhóm bác sĩ thiện nguyện trong "Project Việt Nam" đã đồng thuận đề nghị cách đối phó với vấn đề xuất huyết não thực tế nhất và ít tốn kém nhất, chích sinh tố K prophylaxis cho tất cả trẻ sơ sinh. Nhóm đã gửi thư yêu cầu đến Bộ Y Tế Việt Nam. Nhưng với thủ tục hành chánh rườm rà vô lý, và với tình trạng tài chính thiếu hụt tại Việt Nam, một chương trình chích sinh tố K cho trẻ sơ sinh toàn quốc là một điều xa vời, trừ khi nhóm bác sĩ thiện nguyện thuộc Hàn Lâm Viện Nhi Khoa Hoa Kỳ trình được bằng chứng không thể chối cãi rằng chương trình chích sinh tố K hoàn toàn xóa được bệnh xuất huyết não và những biến chứng của bệnh này.

Tuy chưa thực hiện được chương trình ở cấp trung ương, nhóm bác sĩ Nhi Khoa trong "Project Việt Nam" đã đẩy mạnh nỗ lực chích sinh tố K cho hài nhi ở cấp địa phương, tại các trung tâm Y Tế và ngành Nhi Khoa tại các tỉnh. Nhưng vấn đề nan giải là 80% hài nhi được sinh ra tại những vùng nông thôn hẻo lánh và miền thượng, vì thế cách giải quyết hữu hiệu nhất vẫn là chương trình toàn quốc.

Hiện nay, sau khi được nhóm bác sĩ Nhi Khoa trình bày lợi ích, một số địa phương đã quyết định áp dụng biện pháp chích sinh tố K. Hội Nhi Khoa tỉnh Thanh Hóa đã bắt đầu làm theo lời khuyên này vào đầu tháng Giêng năm 2000. Bệnh Viện Tổng Quát tỉnh Ninh Bình đã chích sinh tố K cho hài nhi với nửa lượng thuốc để đỡ tốn, nhưng kết quả vô cùng khả quan, trong năm không có trường hợp hài nhi nào bị xuất huyết não. Tỉnh Quảng Thuận không đủ ngân quỹ, nên phải áp dụng cách chích sinh tố K cho hài nhi, nhưng cho cha mẹ thiếu tiền thuốc. Kết quả, trẻ em không bị xuất huyết não, hoặc được chữa hoàn toàn bình phục, và điểm đặc biệt là bệnh viện nhận được đủ tiền cho cha mẹ hài nhi thiếu bằng tiền trả góp.

Năm 2001, nhóm bác sĩ trong chương trình "Project Việt Nam" dự định thực hiện hai chương trình thử nghiệm chích sinh tố K qui mô tại hai tỉnh, một miền Bắc và một tại miền Nam Việt Nam. Tại miền Bắc, thí điểm là tỉnh Hà Tây nơi có nhiều trường hợp trẻ sơ sinh bị xuất huyết não nhất toàn quốc, 52,800 trẻ hàng năm. Tại miền Nam, tỉnh Kiên Giang được chọn làm thí điểm vì thống kê cho thấy số trẻ sơ sinh bị xuất huyết não cao đều đặn, 40,000 trẻ hàng năm.

Hai thí điểm thử nghiệm trong chương trình "Project Việt Nam" sẽ được giới truyền thông quảng bá rộng rãi, và được thực hiện với những tiêu chuẩn sau đây:

1. Thăm dò về vấn đề hài nhi sơ sinh thiếu sinh tố K trong vòng ba năm trước khi áp dụng chương trình thử nghiệm:

- Nơi trẻ sinh tại nhà, trung tâm Y Tế cộng đồng, bệnh viện địa phương hoặc bệnh viện tỉnh.

- Thu thập số trường hợp xuất huyết não được đưa vào bệnh viện, số trường hợp tử vong, và những trường hợp

biến chứng có ảnh hưởng lâu dài.

- Tìm sự liên hệ giữa tình trạng kinh tế, xã hội và môi trường với số trường hợp trẻ sơ sinh bị xuất huyết não.

2. Huấn luyện những nhân viên Y Tế và cộng tác với Ty Y Tế tỉnh để trình bày với những nhân viên điều hành bệnh viện, và trưởng khoa tại các bệnh viện, nhất là sản phụ khoa, nhi khoa, và các bà mụ tại các trung tâm y tế cộng đồng.

3. Hướng dẫn quần chúng bằng những phương tiện truyền thông như báo chí, đài phát thanh, đài truyền hình.

4. Kiểm soát và định giá mức độ thành công của chương trình bằng cách:

- Thu thập dữ kiện và kiểm kê số trường hợp bị bệnh do xuất huyết não

- Phân phối sinh tố K theo những hệ thống tổ chức y khoa. Ghi nhận những trở ngại gặp phải như những trường hợp sinh tại nhà hoặc địa điểm hẻo lánh. Ghi nhận kết quả và những phản ứng phụ nếu có.

5. Phân tích tất cả dữ kiện thu thập được để đề nghị chính phủ Việt Nam Cộng Sản, và dùng những bằng chứng này, yêu cầu áp dụng chương trình chích sinh tố K cho hài nhi toàn quốc.

Tuy đã có kế hoạch thực hiện chương trình, nhưng vấn đề hội thiện nguyện nào gặp phải cũng là vấn đề tài trợ. Mặc dù để bảo đảm một hài nhi không bị biến chứng vì xuất huyết não, mỗi mũi sinh tố K chỉ tốn có 50 xu Mỹ, nhưng với số nhiều, tiền chi phí trở thành đáng kể. Trong chương trình năm 2001, để chích sinh tố K cho tổng số 92,800 trẻ sơ sinh tại hai tỉnh tốn $112,000 Mỹ kim, $62,000 tại Hà Tây và $50,000 tại Kiên Giang. Nhưng nếu thành công và thuyết phục được chính quyền Việt Nam Cộng Sản áp dụng luật chích sinh tố K toàn quốc, hàng năm sẽ có 1 triệu 600 ngàn hài nhi được cứu thoát khỏi nghịch cảnh vừa lọt lòng mẹ đã bị đe dọa hư não, và tránh được ít nhất 2,000 trường hợp trẻ sơ sinh chết hoặc bị biến chứng suốt đời vì xuất huyết não.

Chương trình "Project Việt Nam" là một chương trình Y khoa toàn cầu của Hàn Lâm Viện Nhi Khoa Hoa Kỳ, tiểu bang California, chi nhánh số 4. Chương trình là một cơ quan thiện nguyện bất vụ lợi với số Thuế Liên Bang là: 95-3731523. Để biết thêm chi tiết nhằm đóng góp cho chương trình, quí vị có thể liên lạc với bác sĩ Quỳnh Kiều, Bác Sĩ điều hợp chương trình, tại địa chỉ 11100 Warner, suite 116, Fountain Valley, CA 92708. Điện thoại: (714) 641-0850; điện thư: (714) 434-6158, hoặc thư điện toán:

projectvietnam@yahoo.com.

Đầu năm, người Việt chúng ta thường có thói quen đi lễ Chùa, Nhà Thờ, và giúp người kém may mắn bằng những phương tiện có được. Thiết nghĩ mùa Xuân năm nay, khi ngắm những đóa Anh Đào trong nắng, hay đôi má thắm của những thiếu nữ xuân thì, chúng ta có thể liên tưởng đến những khuôn mặt măng non hồng hào của những hài nhi khỏe mạnh nhờ được chích sinh tố K. Nếu câu ca dao Việt Nam "Dù xây chín bậc phù đồ, không bằng làm phúc cứu cho một người" vẫn còn giá trị trong lòng chúng ta, ngày Xuân, mỗi người trong chúng ta có thể "lì xì" ít nhất cho hai hài nhi Việt Nam, và như vậy với mỗi Mỹ kim, chúng ta đã xây 18 bậc phù đồ, phúc đức để lại cho con cháu vậy.

LIZ MURRAY: Từ vô gia cư đến Đại Học Harvard

TH. TH.

Cha mẹ Liz Murray là những người nghiện ma túy, cả hai đã dùng gần như trọn lợi tức hoặc trợ cấp xã hội có được, ngay cả bán tất cả những gì có trong nhà, để mua thuốc phiện. Hai chị em cô Liz vì thế thường bị đói rét, chuyện ít xảy ra ở xứ sở tân tiến này. Vào năm Liz được 15 tuổi, cô không có nhà để ở, sau khi mẹ cô chết vì bệnh AIDS, và cha cô lang thang sống ngoài đường. Thay vì phó mặc cho hoàn cảnh, hoặc rơi vào cùng số phận của cha mẹ, hay những thiếu nữ lang thang lêu lổng, Liz đã nguyện rằng mình sẽ không bao giờ chết như mẹ, hoặc sống như cha. Cô thề sẽ làm điều ngược lại, và cô cho rằng cách hay nhất để thoát ra khỏi hoàn cảnh của cô là kiến thức học vấn.

Liz không thể quên được căn chung cư cô đã trải qua thuở thiếu thời. Đó là một nơi ẩm đạm và bẩn thỉu, chỗ nào cũng thấy dấu tích thuốc phiện. Cô cho biết chuyện một đứa bé lên tám tuổi như cô nhìn thấy cha hoặc mẹ mình chích thuốc phiện trong bếp là chuyện thường. Sau khi cha mẹ chích xong, lúc họ ngồi ngây ngất như người chết, cô thường kinh hãi khi nhìn thấy dấu máu loang lổ trên tường do sự vụng về của cha mẹ cô khi tiêm thuốc vào

tĩnh mạch. Một ngày mùa Đông lạnh lẽo, khi lên chín tuổi, cô đau khổ đến không còn khóc được vì lúc vừa tỉnh ngủ, biết mẹ mình đã bán mất chiếc áo lạnh duy nhất của người em để mua ma túy. Liz Murray vào lúc này mới chín tuổi đầu nhưng là người duy nhất trong gia đình có công việc làm ra tiền. Cô bé nhận giúp việc bỏ hàng vào bao trong chợ, và bơm xăng tại trạm đổ xăng.

Năm Liz lên 10, cô được biết mẹ cô đã bị bệnh liệt kháng, AIDS. Những năm sau đó, khi chăm sóc cho mẹ bị thêm bệnh lao phổi do ảnh hưởng bệnh AIDS, không cứu được, cô mới nhìn thấy sự khốn khổ của người mắc bệnh. Nhìn thân thể mẹ ngày một bị hủy hoại, Liz đau khổ, nhưng đến lúc bà chết, rồi cha cô mất nhà, thành người vô gia cư, cô mới quyết định thay đổi cuộc đời mình bằng cách lập ra một kế hoạch trở lại trường học. Không phải chỉ học bình thường, cô còn phải học dồn vì đã bỏ học ở nhà. Chưa hết, cô còn phải là học sinh xuất sắc để được một học bổng nào đó, giúp cô trả chi phí đại học! Nhưng không có nhà ở và địa chỉ làm sao cô đạt được mục tiêu đây?

Dù Liz có điểm trung bình thấp khi xin học trung học trở lại, nhưng trường Trung Học Humanitaries Preparatory Academy cũng nhận cô. Liz không hề tiết lộ việc mình không có nhà để về sau giờ tan học, hoặc sự thật là mình phải ngồi làm bài tập trên cầu thang trong trường nên không ai hay biết. Để bù lại những năm không đi học, cô lấy gấp đôi số lớp cần thiết. Với cô học là lối thoát vì chỉ có lúc học cô mới nhìn thấy ánh sáng giúp cô thoát khỏi hoàn cảnh bi đát trong đường hầm đen tối của đời mình.

Hai năm trời đó, khi hết giờ học Liz đã phải sống lang thang trong những công viên trong thành phố New York, hoặc ngủ trong những trạm xe điện ngầm. Lúc đói, cô đã từng lục thùng rác tìm thức ăn, nhưng cô chưa một lần nản chí, mà càng quyết tâm đạt cho được mục tiêu lên đại học của mình.

Sau khi cùng những học sinh cùng lứa khác thăm trường đại học Harvard, trong chương trình giới thiệu của trường trung học, Liz Murray ao ước vô được nhận vào học tại trường này. Cô còn nhớ mình tự hỏi: "Tại sao mình lại không thể học ở đây nếu mình muốn hết sức? Có điều gì khác biệt giữa mình với những sinh viên đang theo học? Nếu họ làm được, mình cũng làm được." Trở ngại lớn nhất của Liz lúc đó là vấn đề tài chính. Lấy tiền đâu ra trả học phí đây?

Tuy chưa bao giờ đọc báo *The New York Times*, nhưng Liz đã điền đơn xin học bổng do báo tài trợ, vì... học bổng này hoàn toàn phù hợp với kế hoạch của cô, trả đủ học phí với $12,000 tài trợ mỗi năm cho đến hết học trình. Vào lúc này, báo *New York Times* đang có chương trình giúp đỡ những học sinh gặp hoàn cảnh khó khăn nhằm giúp thay đổi tương lai của học sinh này. Trường hợp của Liz Murray đã gây xúc động cho tất cả giám khảo và mạnh thường quân, những người quyết định ai xứng đáng lãnh học bổng của tờ báo.

Tháng Ba năm 2000, báo *New York Times* công bố người thắng học bổng là Liz Murray. Đáng khích lệ hơn nữa, sau khi câu chuyện của Liz Murray được đăng tải, rất nhiều mạnh thường quân toàn quốc đã cảm động gửi tặng thêm cho báo này $200,000. Số tiền này đủ cho 15 học bổng khác.

Liz Murray cho biết khi được nhận vào đại học Harvard, trong danh sách sinh viên dự trù tốt nghiệp năm 2004, cô đã hét thật lớn như một người mất trí, và có cảm tưởng mình vừa được chắp thêm đôi cánh, có thể làm được bất cứ điều gì.

Ngồi trong sân trường Đại Học Harvard, Liz Murray kể lại cuộc đời nhiều thay đổi của mình mà vẫn chưa hết bàng hoàng. Nhìn lại kinh nghiệm đã trải qua Liz không cảm thấy hận cha mẹ, hay cay đắng cho đời mình. Cô còn nói, dù thiếu trách nhiệm, cha mẹ cô vẫn đã cho cô cảm nhận được tình yêu máu mủ, và ngay từ khi còn rất nhỏ, cô đã ý thức cha mẹ mình bị mắc chứng bệnh khủng khiếp, bệnh nghiện ma túy. Bệnh đã ngăn cản cha mẹ cô khiến họ không thể giúp cô nhiều hơn. Hiện nay cha cô cũng đã mắc bệnh AIDS, và Liz vẫn giữ liên lạc thường xuyên với cha trong những năm cuối đời ông.

Lúc ông hỏi con gái mình rằng cô có cảm thấy sợ hãi khi được theo học ở Harvard không, cô đã trả lời: "Con cảm thấy yên tâm như được ở nhà." Nhà cô hiện nay là một căn phòng nội trú của trường, nơi cư ngụ đều đặn đầu tiên cô có được trong bốn năm qua.

Liz Murray không hề nghĩ rằng cô đã bỏ quá khứ lại đằng sau. Trái lại, cho dù chứa đựng nhiều kỷ niệm buồn hơn vui, quá khứ của Liz lúc nào cũng sẽ là một phần đời sống đã tạo nên con

người cô. Cô xác định chính nhờ nghịch cảnh mà cô đã phải phấn đấu mãnh liệt hơn để đạt được mục tiêu.

Không phải ai sinh ra đời cũng có nhiều nghị lực như Liz Murray, nhưng câu chuyện thành công của cô sinh viên Harvard có một không hai này hẳn phải đem thêm niềm tin và nguồn an ủi đến những người đang gặp thử thách trong đời sống. Vì nếu chính chúng ta có đủ khả năng vượt qua nghịch cảnh, dù khó khăn đến đâu chăng nữa, thì vấn đề còn lại là chúng ta sẵn sàng cố gắng đến mức độ nào?

LẠI ĐIỆN THOẠI TẾ BÀO

TRẦN QUÁN NIỆM

Sống ở ngoại ô và hàng ngày đi làm trong thành phố thì tốt nhất là dùng phương tiện xe điện, vì như vậy tránh được nạn kẹt xe, cũng như đỡ tốn tiền đậu xe với giá cắt cổ, vì trong thành phố mỗi tấc đất là một tấc vàng. Tôi cũng là một trong những người đó. Buổi sáng đậu xe tại bến thong thả ngồi trên xe điện ngầm (subway) đọc tin tức trên báo chí, không phải bận tâm đến giòng xe cộ đông nghẹt. Buổi chiều lại tà tà ngồi ngủ gà ngủ gật sau một ngày mệt nhọc, trong khi xe điện chạy êm như ru.

Tuy nhiên có cái bất tiện là hàng ngày phải ngồi bên cạnh những người không quen biết trên cùng một hàng ghế. Có bà nặng như bao gạo, gieo thân mình cái phịch xuống ghế làm tôi như muốn nẩy bắn lên không trung. Ghế hai chỗ ngồi, bà ta chiếm hết một chỗ rưỡi, ép tôi muốn dẹp lép, dù tôi đã cố thu mình và né ra xa. Chiều thứ sáu, thường là phải ngồi cạnh các ông bợm nhậu, lảo đảo trở về sau giờ vui (happy hours), hơi thở nồng nặc hơi men, làm tôi muốn ngộp thở. Cũng có khi gặp một dân lao động sau một ngày "làm việc vinh quang," mùi mồ hôi nặng nề, thật khổ cho khứu giác.

Người đâu gặp gỡ mà chi?

Tuy nhiên lâu lâu cũng gặp may, ngồi chung ghế với một kiều nữ tóc vàng sợi nhỏ, hương thơm ngào ngạt. Những lần như thế, tôi vờ vịt ngó ngang ngó dọc, cốt liếc mắt nhìn sang xem cho tỏ dung nhan kiều diễm. Nhưng nhiều lắm cũng chỉ liếc được vài lần rồi thôi, sau đó đành ngồi nhắm mắt mơ màng chìm đắm trong vùng không khí đầy ắp mùi nước hoa và son phấn đắt tiền gợi cảm.

Lần này cũng thế, đang mơ màng tôi chợt giật nẩy người, khi nghe nàng thỏ thẻ bên tai: "Cưng ơi" (Hi sweetheart). Chẳng lẽ nàng nói chuyện với mình? Mở mắt liếc sang, thì mới thất vọng thấy nàng đang nói qua điện thoại tế bào (cell phone). Cứ thế nàng tuôn ra hàng loạt những lời yêu đương mật ngọt cho người tình may mắn nào đó. Bất chợt giọng nàng trở nên chanh chua, đanh đá, rít lên hằn học, hóa ra nàng gọi cho anh chồng cũ, đòi tiền trợ cấp còn nợ mấy tháng nay. Rồi giọng nàng lại dịu xuống, dặn dò con nàng những điều cần thiết cho bữa cơm chiều. Cứ thế nàng tiếp tục nói chuyện liên miên, với mẹ nàng, với vài cô bạn thân. Suốt nửa tiếng đồng hồ, tôi giả vờ ngủ gật, chịu trận, nghe đủ thứ chuyện riêng tư đầy hỉ, nộ, ái, ố. Tôi biết mẹ nàng vừa cắt bướu ở tử cung, còn nàng cũng vừa chụp hình cặp nhũ hoa, bạn nàng sắp ly dị v.v. và v.v.

Xe ngừng, cửa mở, nàng bỏ điện thoại vào ví, khoan thai bước ra. Tôi nhìn theo. Không hề quen biết nhau ngoài một nửa tiếng ngồi chung ghế, thế mà tôi biết khá rành rẽ về cuộc đời nàng dù không mong ngày gặp lại. Âu cũng là nhờ kỹ thuật thông tin thời đại mới, thực hiện qua chiếc điện thoại nhỏ nhắn, xinh xinh.

Hư hại não bộ?

Thống kê cho biết, cả thế giới có chừng 400 triệu điện thoại tế bào và nước Mỹ có 100 triệu cái. Con số này càng ngày càng tăng. Dân Mỹ vốn ghiền điện thoại. Các bà, các cô nói chuyện liên miên bất tuyệt. Buôn bán, công việc làm ăn cũng thế, chỉ cần nhắc điện thoại lên là xong. Chiếc điện thoại tế bào ép sát tai, không dây nhợ lòng thòng, thật tiện lợi và thời thượng. Tuy nhiên không ai ngờ là điện thoại phát ra những tia phóng xạ nguy hiểm, tác dụng vào não bộ người xử dụng. Cho đến giờ phút này, chưa có bằng chứng rõ rệt liên hệ việc xử dụng điện thoại và sự tác hại trên não bộ. Dân chúng hoang mang. Để trấn an, chính quyền liên bang loan báo là người xử dụng không có gì phải lo ngại. Trong tháng 12 năm 2000, đặc san của Hiệp Hội Y Khoa Mỹ quốc xác định sau nhiều năm nghiên cứu, điện thoại tế bào không gây ra ung thư não bộ như người ta sợ hãi. Mới nghe qua thì quả thật là một tin đáng phấn khởi, nhưng thật ra ung thư não bộ cần thời gian khoảng 15 năm để phát triển, trong khi đó

nghiên cứu của Hiệp Hội Y Khoa nói trên chỉ giới hạn trong vòng ba năm mà thôi. Để phản bác sự lạc quan của các cơ quan kể trên, khoa học gia George Carlo nói rằng "Tuy chưa có gì chắc chắn, nhưng tôi vẫn không muốn thấy người ta ép sát chiếc điện thoại bên tai giờ này qua giờ khác." Dĩ nhiên những người ghiền nói chuyện qua điện thoại và các công ty điện thoại tế bào như Morotola, Ericson hay Nokia với nghiệp vụ thương mại lên đến hàng 100 tỷ đô la chẳng ai muốn nghe lời khuyến cáo của George Carlo.

Trên thế giới chỉ có Anh Quốc là quốc gia duy nhất vừa chính thức ra thông cáo là điện thoại tế bào có hại, nhất là đối với các trẻ em, với hệ thống não bộ đang ở giai đoạn phát triển.

Nhưng cẩn thận vẫn hơn, càng ngày càng có nhiều người xử dụng ống nghe đeo tai (head set) để nghe và nói qua điện thoại tế bào, cốt tránh kê điện thoại sát tai.

Tuy nhiên ngoài sự nguy hại gây ung thư còn mơ hồ của điện thoại, một nguy hại trước mắt là đã có khá nhiều tai nạn xe hơi xẩy ra chỉ vì người lái xe mất tập trung vào việc điều khiển chiếc xe đang di chuyển ở tốc độ cao trong khi nói chuyện qua điện thoại, nhất là các trai gái vị thành niên.

NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG CỦA MỘT TRIỀU ĐẠI

(TQN)

Tha người rồi lại tha mình

Tuần lễ giữa tháng 01 năm 2001 là những ngày chót của Tổng Thống Clinton sau tám năm trị vì. Ông ta bận rộn đến giờ phút cuối cùng, ký một loạt các sắc lệnh mà một số có thể bị tân Tổng Thống Bush hủy bỏ. Điển hình là sắc lệnh cấm khai thác 60 triệu mẫu đất rừng, hoặc sắc lệnh tăng lương cho 11,000 cảnh sát viên thuộc vùng Washington DC. Nhưng quan trọng hơn cả và được dư luận đề cập tới nhiều nhất là vào buổi sáng ngày chót 19 tháng 01, 2001 ông ký sắc lệnh ân xá hoặc xóa bỏ hồ sơ phạm tội của 140 cá nhân, trong đó có bào đệ ông là Roger Clinton (tội buôn bán bạch phiến), Susan McDougal (vụ án địa ốc White Water), hay Hearst (tiểu thư con nhà giầu can tội theo nhóm phản loạn và cướp nhà bank năm 1970) v.v.

Trước đó một ngày, ông điều đình với công tố viên độc lập Robert Ray để khỏi bị truy tố sau khi mãn nhiệm kỳ Tổng Thống. Ông thú nhận đã nói dối trước tòa trong vụ Monica Lewinsky. Cũng vì lời nhận tội này, Clinton bị treo bằng hành nghề luật sư tại tiểu bang Arkansas trong vòng năm năm và bị phạt vạ 25,000 Mỹ Kim, cũng như ông không được quyền đòi ngân quĩ chính quyền bồi hoàn lệ phí pháp lý trong vụ Monica Lewinsky. Tuy trong tương lai, Clinton không có ý định hành nghề luật sư tại quê hương Arkansas, nhưng bị treo bằng năm năm là một nhục nhã nghề nghiệp trầm trọng. Tâm lý chung là không ai muốn bới đống rác ra một lần nữa, lôi ông Tổng Thống về vườn ra phạt vạ hay bỏ tù vì tội nói dối, nên đành nhắm mắt làm ngơ cho xong chuyện.

Tôi biết tin ai bây giờ?

Hai ngày trước lễ đăng quang của Tổng Thống Bush, một quả bom vĩ đại nổ bùng. Đó là Mục Sư Jesse Jackson, thú nhận (một ngày trước khi báo chí phanh phui nội vụ) ông có con gái ngoại hôn với một nữ nhân viên dưới quyền. Jackson 59 tuổi, có vợ đã 38 năm và năm con đã trưởng thành. Cô bồ nhí, Karin Stanford, mới 39 cái xuân xanh (năm anh hai mươi, em mới sinh ra đời). Điều oái oăm ở đây là suốt gần 40 năm qua Jackson luôn đứng trên tòa cao, giảng điều thánh thiện, đặc biệt ông từng đề cập đến một tệ trạng làm suy yếu xã hội Mỹ đen là nạn sinh con ngoài hôn thú của các thanh niên thiếu nữ vô trách nhiệm. Trớ trêu hơn nữa, trong khi đang vui thú lén lút với người tình nhỏ bé, Jackson đảm trách nhiệm vụ cố vấn đạo đức cho Clinton trong vụ xì gà Monica Lewinsky.

Trong lời tuyên bố nhận lỗi, Jackson nói "đây là một lỗi lầm mà tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm." Thật vô duyên. Ông làm, ông chịu, chẳng lẽ có ai chịu thay cho ông hay sao? Lý do bào chữa cho tội lỗi là "tôi chỉ là con người mà thôi." Ôi "anh hùng nan quá mỹ nhân quan," cửa ải của người đàn bà thật khó vượt lắm thay.

Sau Clinton nay đến Jackson, đám dân ngu cu đen, mỗi khi nghe các vị chức sắc, đạo đức lẫy lừng, nói những lời dao to búa lớn hay cao thượng xa vời, lại sinh mất lòng tin vì họ thấy thấp thoáng một hình bóng con người tầm thường trần tục đứng ngay sau lưng các Ngài.●

VÀI NÉT VỀ TÍN NGƯỠNG PHỒN THỰC TẠI KHU VỰC Á CHÂU GIÓ MÙA

THÚC NGUYÊN

Tại khu vực Á Châu Gió Mùa, hầu hết những dân tộc nông nghiệp có lối sống định canh. Chỉ những dân tộc nhỏ yếu, vì không đủ sức cạnh tranh với những dân tộc lớn mạnh, mới phải dùng phương thức du canh.

Nông nghiệp, nhất là nghề trồng luá, muốn được phát đạt, phải được thực hiện bởi một cộng đồng có tổ chức chặt chẽ và có nhân công đông. Do đó, sự tăng nhân số là cần thiết. Đối lại, sự tăng nhân khẩu phải đi song song với sự tăng sản lượng lương thực để đủ cung ứng cho nhiều miệng ăn. Ấy là ý nghĩa của mối liên hệ giữa nghề trồng luá và tín ngưỡng phồn thực (*croyance de la fécondité*).

Tín ngưỡng phồn thực được phát sinh trong hoàn cảnh ấy ngay từ cổ đại và còn được lưu truyền cho mãi đến nay. Nó được thực hiện trong những cộng đồng lớn mạnh và cũng được truyền bá sang những cộng đồng nhỏ yếu chung quanh.

Trong thời cổ, miền bắc và miền tây khu vực Á Châu Gió Mùa của người Nguyên Đông Nam Á bị người Hán và người A Lợi An thôn tính dần dần. Người Hán khước từ tín ngưỡng phồn thực của kẻ bại trận, nhưng người A Lợi An chấp nhận một phần tín ngưỡng này.

1/ Tín ngưỡng phồn thực của người Kinh Man

Trong thời tối cổ, người Nguyên Đông Nam Á đã thành lập tại trung lưu sông Dương Tử một số quốc gia phôi thai, như các nước Giao Chỉ, Việt Thường... Cổ thư Trung Quốc chép rằng: hai nước Nam Man này đã giao tiếp với người Hán từ hậu bán thiên niên kỷ thứ ba trước Công Nguyên. Rồi không thấy sách Tàu nhắc đến hai nước này nữa.

Sử Trung Quốc cũng chép: xưa, ở vùng Hồ Bắc, Hồ Nam bây giờ, có một dân tộc Nam Man bàn cứ, lấy núi Kinh Sơn làm trung tâm điểm, vì vậy gọi là rợ Kinh Man. Người Kinh Man ở ngay trên địa bàn cũ của người Giao Chỉ. Phải chăng họ là hậu duệ của người Giao Chỉ?

Ở thế kỷ mười hai trước Công Nguyên, một người quý tộc Hán tên Hùng Dịch (con của Mị Giục Hùng) đến chinh phục người Kinh Man mà lập ra nước Sở. Ông này được nhà Chu phong cho tước Bá; ấy là vị Bá đầu tiên của nước Sở. Theo "Tả Truyện" của Tả Khâu Minh (*1), khi Chu Thành Vương (1115-1078 TCN) còn nhỏ, vị nhiếp chính là Chu Công Đán khuyến khích Hùng Dịch bình định người Nam Man, đừng để họ xâm phạm bờ cõi Thiên Triều. Các vị chuá nước Sở, đặc biệt là Hùng Cừ, mở mang bờ cõi ra các bộ lạc Nam Man chung quanh, gọi chung là các rợ Hán Đông (*2), ở Hồ Bắc, bắc Hồ Nam, nam Hà Nam, bắc An Huy và nước Sở trở thành một nước cường thịnh thời Chiến Quốc (403-256 TCN). Thế là người Kinh Man, dưới sự cai trị của bọn quý tộc Hán, dần dần bị Hán hoá.

Người Kinh Man có những bài hát nghi lễ hát bằng ngôn ngữ của họ, nhưng họ không ghi lại được vì họ không có văn tự, hoặc có văn tự, nhưng đã bị mai một. Chính những nhà quý tộc Sở đã dùng Hán tự để phóng tác những bài hát nghi lễ này trong "Sở Từ" (*3). "Sở Từ" được nhóm Khuất Nguyên, Tống Ngọc viết thành sách ở thế kỷ thứ ba trước Công Nguyên. Người Hán đọc "Sở Từ" cảm thấy mơ hồ, khó hiểu, vì nó không phù hợp với lối suy luận thực tiễn của họ.

Dựa theo cổ thư Trung Quốc và "Sở Từ", người ta được biết trong những dịp tế thần, những người đàn bà Kinh Man mặc áo quần sặc sỡ, muá hát theo những bài hát nghi lễ trong tiếng nhạc dồn dập như thể mời gọi thần

linh xuống ăn nằm với mình. Đấy là nguồn gốc của đồng bóng (médium). Những điệu muá ấy diễn đạt ước vọng muốn có những đứa con khoẻ mạnh, tài đức như thần linh để đảm trách công việc đồng áng và nối truyền giống nòi. Người Hán không thể hiểu nổi ý nghiã thiêng liêng ấy, cho nên họ đã gọi là "dâm phong". Những nhà nghiên cứu Tây phương ngày nay cũng không hiểu, nên họ gọi những điệu vũ ấy là chica (tạm dịch là "dâm vũ").

2/ Tín ngưỡng phồn thực của người sông Ấn

Nền văn minh huy hoàng sông Ấn, mà chủ nhân là người Munda (*4) thuộc chủng Nguyên Đông Nam Á và người Dravidien, phát sinh từ cuối thiên niên kỷ thứ tư trước Công Nguyên, bị người A Lợi An phá hủy ở giữa thiên niên kỷ thứ hai trước Công Nguyên. Nhưng nó không bị hủy diệt hoàn toàn. Một mặt, nó xâm nhập bằng chính sức mạnh của nó vào tôn giáo của kẻ chiến thắng là Bà-la-môn giáo (Brahmanisme) để biến tôn giáo ấy thành Ấn giáo (Hindouïsme). Mặt khác, nó vẫn giữ được quyền uy trong đức tin của người bại trận, nghiã là trong nền tảng của các dân tộc ở Ấn Độ.

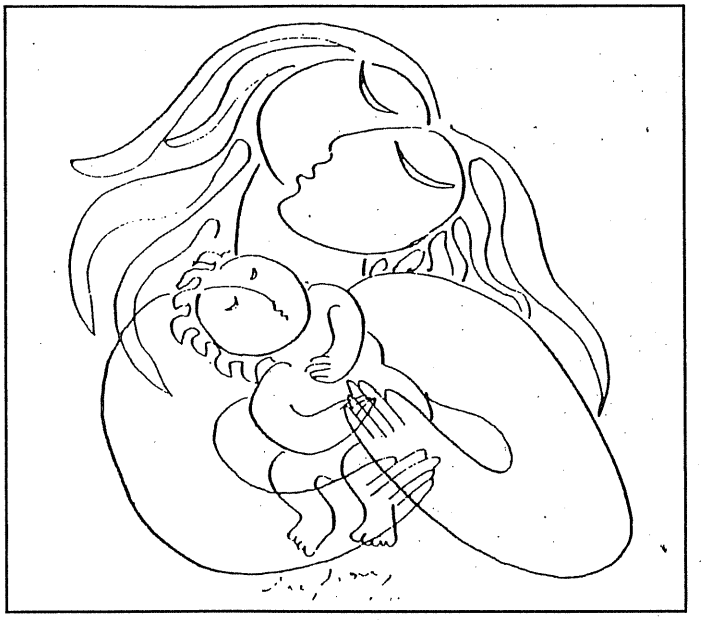

Theo nhà khảo cổ học Sir John Marshall, người sông Ấn thờ một vị đại nữ thần không có trong các thần của những dân tộc A Lợi An, ấy là "nữ thần Mẹ". Việc thờ "nữ thần Mẹ" rất rộng rãi ở Ấn Độ tiền A Lợi An và còn tồn tại đến nay trong quần chúng. Bà được tôn sùng dưới hình thức thần làng với những cái tên khác nhau, nhưng đều mang gốc amma, nghiã là "Mẹ" theo nguồn gốc Dravidienne: Ellammâ, Mariyamma, Ambikâ...; bà cũng mang nhiều tên khác nữa (chưa rõ nguồn gốc) như Kâli (nữ thần Kâlijai, thần bảo hộ hồ Chilka ở Orissa), Durgâ (nữ thần Nana Durgâ của hai quận Maimasingh và Tippera ở Bangladesh), Devý, Citra...

Người ta tìm thấy rất nhiều tượng nhỏ của bà, có những tượng miêu tả nữ thần gần như loã thể. Và đôi khi nữ thần chỉ được tượng trưng bằng một hòn đá hình yoni (âm bộ).

"Nữ thần Mẹ" thường được thờ dưới những cây cổ thụ thuộc họ Đa (Moraceae) như: đa (Banian: Ficus elastica Roxb), bồ đề (Bô, Figuier des pagodes: Ficus religiosa L), si (Figuier des mares: Ficus benjamina L), sung (Udumbara, Sycomore: Ficus glomerata Roxb)...

"Nữ thần Mẹ" được nhập vào hàng chư thần của Ấn giáo với tên Cakti, đứng hàng thứ tư sau ba nam thần Brahmà (của người A Lợi An), Vishnu (của người Dravidien) và Civa (của người Munda). Trong Ấn giáo, bà là "nữ thần Nghị Lực".

Người ta thấy ở nhiều nơi tế tự có từ thời tiền A Lợi An, về sau, có những ngôi đền Ấn giáo được dựng lên, ở đó, những giáo sĩ không phải người A Lợi An mà là người ngoài tập cấp (paria) thuộc những bộ tộc Munda hoặc Dravidien còn sót lại. Những giáo sĩ này biết các bí mật của "nữ thần Mẹ". Ở những nơi khác, cũng chính những người ngoài tập cấp cử hành lễ cầu "nữ thần Mẹ".

Trong số những vật được coi như hiện thân của "nữ thần Mẹ", chiếc bình được quý trọng nhất. Biểu tượng và tác dụng văn hoá của chiếc bình đã được hội nhập vào Ấn giáo. Trong một số lễ "Hậu Vệ Đà" (post-védique), có điệu muá bình (danse du pot) với những thiếu nữ tham dự và mang ý nghiã phồn thực rất rõ rệt.

Bên cạnh Đại Nữ Thần, người sông Ấn cũng thờ Đại Nam Thần, nhưng vai vế kém

quan trọng hơn. Người ta tìm thấy ở phế tích Mohenjo-Daro một hoạ tượng của Đại Nam Thần có ba mặt, ngồi trên ngai trong tư thế đặc biệt của thiền với hai chân bắt chéo, gót chạm gót, hai ngón chân cái chúc xuống, mà người ta cho là nguyên hình (prototype) của thần Civa. Người ta cũng còn tìm thấy ở phế tích Harappa một tượng trong tư thế âsana, hai mắt nhắm hờ và nhìn vào đầu mũi. Nhưng thường thường, Đại Nam Thần được tượng trưng bằng một linga (dương vật).

Từ "Linga" rất quan trọng trong Ấn giáo. Trong ngôn ngữ Sanscrit (Bắc Phạn), từ "Lângula" là "Cái cày" và từ "Laguda" là "Chiếc gậy" đều có ngữ nguyên bởi từ "Lak" của Nam Á, có hai nghiã: "Cái mai xới đất" và "Dương vật".

3/ Tín ngưỡng phồn thực của vùng Đông Nam Á

Việc thờ linga được thực hiện ở Cổ Champa, Cổ Chân Lạp và ở Nam Dương. Những linga hoàng gia được dựng trên những đồi cao hoặc nóc các đền đài, nhìn như những menhirs.

Người Khmụ ở thượng Lào cũng có một hình thức thờ linga chắc chắn là rất cổ và một số vết tích còn thấy được trong những nghi lễ nông nghiệp của họ.

Ở Bắc Việt, có hai làng lân cận đời đời thất chặt tình giao hảo. Họ có một tục lạ đáng được nghiên cứu: vào ngày mùng một Tết, những cậu trai làng thờ dương vật rước vật thiêng bằng gỗ của họ tới đầu làng để gặp đám rước cái âm vật cũng bằng gỗ của những cô gái làng bên; với một thái độ hết sức trang trọng, đôi bên giơ cao hai vật thiêng lên, cho chạm vào nhau, rồi lại rước về làng. Nhiều người nghi rằng tục này do những tù binh người Chàm để lại từ thời họ bị các vua người Việt bắt dẫn về Đại Việt. Chúng tôi nghĩ rằng, đây là di tích của tín ngưỡng phồn thực của chính tổ tiên người Việt chúng ta: cái linga và cái yoni biểu tượng cho những cơ quan truyền giống, việc cho hai sinh thực khí ấy chạm nhau biểu tượng cho hành động tính giao.

Ở một số dân tộc miền núi, trong một số hội hè, người ta mang chày và cối ra giã: chày tượng trưng cho dương vật và cối tượng trưng cho âm vật. Ở một số bộ tộc Thái, trong lễ cưới, người ta ném một quả cầu bằng vải qua một cái vòng có căng giấy, quả cầu tượng trưng cho dương vật và cái vòng căng giấy tượng trưng cho màng trinh. Cả hai tục này đều biểu tượng cho hành động tính giao.

Trên một số đồ đồng của nền văn minh Đông Sơn, tín ngưỡng phồn thực được biểu hiện rõ ràng bởi những hình chạm: công cặp đôi (trống Miếu Môn), công giao nhau (trống Ngọc Lũ), gà trống gà mái cặp đôi (trống Hoàng Hạ), bồ nông giao nhau (trống Hoàng Hạ), cá sấu cặp đôi (thạp Đào Thịnh, riù Thanh Hoá), hươu nai cặp đôi (trống Miếu Môn, trống Ngọc Lũ, riù Đông Sơn). Trên một số trống đồng, người ta thấy khắc nhiều hình ảnh những cặp trai gái tay trong tay, chân kẹp chân, có lẽ tượng trưng cho hành động giao hợp. Trên nắp thạp Đào Thịnh, bốn cặp tượng nhỏ nam nữ đang giao hợp đã chứng minh một cách hùng hồn tín ngưỡng phồn thực của tổ tiên chúng ta.

Hiện nay, tại vài nơi hẻo lánh ở Nam Dương, tín ngưỡng phồn thực còn được áp dụng một cách nghiêm ngặt: những cặp tân hôn, ngay sau lễ cưới, phải làm cuộc hợp cẩn đầu tiên ngoài đồng ruộng, trước mặt đông đủ dân làng; việc này mang một ý nghiã có tính cách nông nghiệp: sự mắn đẻ của con người và sự phì nhiêu của đồng ruộng ảnh hưởng qua lại.

Người Khmụ tin rằng "Mẹ Luá" (Ma Hngo) có tình nhân là khoai sọ. Vì vậy, luôn luôn họ trồng khoai sọ cạnh lều canh, với mục đích kích thích năng xuất của luá. Đấy cũng là một hình thức của tín ngưỡng phồn thực.

4. Kết luận

Tín ngưỡng phồn thực là một nét đặc thù trong văn hoá cổ của người Nguyên Đông Nam Á. Nó trải rộng suốt từ sông Dương Tử đến quần đảo Nam Dương, từ sông Ấn đến bờ biển Đông Dương. Ở mỗi địa phương, nó được thực hiện dưới một dạng riêng, cho nên có thể nói rằng ở đây có tiểu dị trong đại đồng.

. Người Hán xưa, khi gặp những bà đồng muá theo những bài hát nghi lễ trong tiếng nhạc dồn dập vội gọi là "dâm phong". Những nhà nghiên cứu Tây phương ngày nay lại gọi là "chica". Họ gọi như thế là hoàn toàn sai, vì những điệu muá này không có mục đích khiêu dâm, trái lại, chúng mang ý nghiã thiêng liêng.

Người A Lợi An hiểu rõ ý nghiã tín ngưỡng phồn thực của kẻ bại trận nên đã dung nạp điệu muá bình, việc thờ yoni và linga vào tôn giáo của họ.

Sau hàng ngàn năm chịu ảnh hưởng văn

hoá Trung Quốc, ngày nay người Việt chúng ta ngỡ ngàng trước những hình khắc mang tính cách phồn thực trên những đồ đồng Đông Sơn, nhất là trước bốn cặp tượng nam nữ đang giao hợp trên nắp thạp Đào Thịnh.

Người xưa biểu lộ ý muốn của mình một cách hồn nhiên. Con cháu ngày nay đánh giá những ý muốn ấy một cách méo mó, lệch lạc. Thật đáng buồn!

Chú thích:

1. "Tả Truyện" do Tả Khâu Minh soạn, là bộ sử của nước Sở thời Xuân Thu (722-481 TCN).

2. Rợ Hán Đông là người Nam Man ở phía đông sông Hán, gồm: Ba, Bất Dữu, Bộc, Chẩn, Dung, Đặng, Điêu Đề, Giang, Giao, Hắc Xỉ, Huỳnh, La La, Nhi, Thân, Tường Kha, Tùy, Ưu, Viên... Tất cả đều bị Sở diệt trước năm 887 TCN.

3. "Sở Từ" gồm hai tập "Cửu Ca" và "Cửu Chương" của Khuất Nguyên, bài "Chiêu Hồn" của Tống Ngọc và nhiều bài khác của nhóm thi sĩ đương thời của nước Sở.

4. Người Munda là người Nguyên Đông Nam Á ở Ấn Độ xưa, thuộc nhóm Nam Á, gồm: Chota, Khasi, Munda, Naga, Nicobarais, Nilgiri, Salva, Santal...

Thư tịch sơ lược:

1. Bình Nguyên Lộc: *Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam* Bách Bộc, Saigon, 1971.

2. Bonifacy Auguste: *Cours d'ethnographie indochinoise* IDEO, Hanoi, 1919.

3. Dambo: *Les populations montagnardes du Sud-Indochinois* France-Asie Nos 49-50, Saigon, 1950.

4. Dang Nghiem Van: *Les Khmu au Vietnam* (trong "Etudes Vietnamiennes" No 36), Hanoi, 1973.

5. Dohamide & Dorohiêm: *Dân tộc Chàm lược sử* Hiệp hội Chàm Hồi giáo Việt Nam, Saigon, 1965.

6. Dupuis Jacques: *Histoire de l'Inde et de la civilisation indienne* Payot, Paris, 1963.

7. Durant Will: *Lịch sử văn minh Ấn Độ* Lá Bối, Saigon, 1971.

8. Majunda D.N.: *Races and cultures of India* Asia Publishing House, London, 1961.

9. Radin P. : *La religion primitive, sa nature et son origine* Gallimard, Paris, 1941.

10. Trần Mạnh Phú: *Văn hoá Đông Sơn qua sự phát triển của nghệ thuật trang trí các trống đồng*" (trong "Khảo cổ học", số đặc biệt "Trống Đồng," tập 2: 14), Hà Nội, 1974.

PHÂN ƯU

Toàn thể Hội đồng Quản trị và Tòa soạn
tạp chí Thế Kỷ 21 rất xúc động được tin buồn

Giáo sư NGUYỄN ĐÌNH HÒA

Nguyên Khoa trưởng Đại học Văn Khoa Sài Gòn
Nguyên Viện trưởng Viện Việt Học

đã tạ thế ngày 10 tháng 12 năm 2000
tại Mountain View, Bắc California
Hưởng thọ 77 tuổi

Xin chân thành phân ưu cùng Bà Nguyễn Đình Hòa
và tang quyến. Nguyện cầu hương hồn Giáo sư
sớm phiêu diêu miền Cực Lạc.

Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ,
Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh,
Phạm Quốc Bảo, Tống Hoàng, Trần Văn Ngô

VÒNG NGỰA GỖ

BÙI BÍCH HÀ

Khoảng thời gian cuối năm là mùa của lễ hội. Giống như buổi chiều của một ngày, đây là thời khắc chim bay về tổ, người tìm về mái ấm gia đình, giữa hơi hướm thân quen của rơm rạ lót ổ và của vòng tay ôm siết.

Nhiều thập niên trước, lúc chúng ta còn trẻ, con cái còn thơ ấu, mỗi cuối năm, em thường được nghe qua các đài phát thanh bài hát "Xuân này con không về," nghe mãi, lòng cũng bâng khuâng chút ngậm ngùi của những cảnh nhà chia và, mẹ xa con, vợ xa chồng, ngõ trước, vườn sau thiếu dấu chân một người có khả năng gọi về hoa bướm ngày xuân. Em chỉ mơ hồ nghĩ vậy thôi, với tâm tình của kẻ đứng bên lề đường, không thực sự cảm nghiệm thế nào là xa xôi và biệt ly.

Vậy mà, một cách thật bất ngờ, đã qua hai lần cuối năm, căn nhà của chúng ta không còn anh. Đã hai lần những buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều cuối năm, em nghe vẳng lên đâu đó trong em âm điệu bài hát năm xưa đổi một chữ "Xuân này anh không về." Điệu nhạc réo rắt, quấn chặt em, nhắc nhở, thôi thúc một nỗi nhớ nhung không nguôi. Dường như có chút gì phũ phàng, không thật, trong những thanh âm dặn dò ngân vang trong sâu thẳm lòng em. Những dặn dò đau thắt ruột ấy trở nên cực kỳ vô lý vì trước đó anh không hề từ giã em, chúng ta không hề từ giã nhau. Buổi tối một ngày cuối tháng Chín năm ngoái, anh chỉ nhẹ nhàng khép mắt cho một giấc ngủ thường lệ. Anh có đau bệnh chứ nhưng cơn bệnh, cho đến hôm đó, có vẻ như không làm phiền anh bao nhiêu (hay là anh đã cố gắng để cho em cảm nghĩ ấy?). Mọi khi, đi gần hay đi xa, anh đều nói cho em biết nơi anh đến, ngày anh về. Lần này, anh đi xa nhất (xa đến nỗi không có cả địa chỉ) và lâu nhất (lâu đến nỗi không hẹn được ngày về) nhưng anh vội vàng không kịp từ giã em, chỉ có tiếng thở gấp rút của anh như anh rất mệt mỏi khi lên đường. Sau đó, chỉ còn lại cho em sự yên lặng bẵn bặt của đêm sâu và gối chăn lạnh giá, chỉ còn lại tiếng đóng mở của cỗ xe màu đen đưa anh vào cuộc hành trình lạ lùng và đầy bí ẩn của riêng anh.

Em nhớ những lần chúng mình đi chơi xa, dừng chân ở bất kỳ nơi nào, anh cũng khuyến dụ, nài ép em mua quà lưu niệm. Anh nói anh hay quên. Anh muốn nói cái gì cụ thể, nhìn thấy được để tự nhắc nhở mình những thời khắc hạnh phúc. Bây giờ, em tiếc đã nhiều khi không làm theo ý anh tuy rằng trong căn nhà ngổn ngang kỷ vật này, giữa những hình tượng cụ thể có thể sờ vào hay ôm ấp được mà chúng ta đã cùng chọn, cùng mua, em còn thấy lại y nguyên những thứ mà bàn tay anh đã cầm lên, đôi mắt anh đã nheo nheo ngắm nghía, đôi môi anh đã cười cười ngại ngùng khi em nhất định lắc đầu. Em còn thấy lại y nguyên bóng anh di chuyển thấp thoáng qua những hàng kệ thưa, thỉnh thoảng có ý tìm xem em đứng đâu trong đám đông du khách quanh mình. Có lẽ anh đã không nhớ ra hoặc không biết cách nào để lại cho em chút gì của anh, một chút gì không chỉ là kỷ vật gợi nhắc anh cho em mà còn cho em sống cùng, sống với. Em đặt bàn tay lên vai mình, đúng ở cái nơi bàn tay anh vẫn để nhưng không có cảm giác ấm nóng nào dấy lên từ thân thể em, chỉ là hư vô im lặng, chỉ là đau đớn rã rời của một cố gắng hồi sinh vô vọng làm nhức buốt thần trí em.

Nhiều hôm giữa buổi ăn tối, chỉ còn hai mẹ con ngồi đối diện nhau ở cái bàn vuông kê sát bếp (cái ghế bên tay phải em mà anh thường ngồi vẫn để trống) con gái chúng ta bỗng gác đũa, nó nhìn lâu vào mắt em và hỏi, vẻ ngạc nhiên và bực dọc "Con không thể nào ngờ bố lại bỏ mẹ dễ dàng như vậy, ít nhất bố cũng phải nói một điều gì chứ?" Chỉ một mình em biết rằng trong hơn bốn mươi năm chung sống bên nhau, anh thường chỉ nói với em những chuyện vui. Em cũng biết rằng năm giây đồng hồ trước khi anh trả lại cho đời hơi thở cuối cùng, nếu số phận cho chúng ta cơ hội, anh sẽ chỉ cầm tay em, cười nụ cười bình yên cố hữu của anh, trao tặng em ánh mắt lúc nào cũng đem đến cho em ý nghĩ chỉ có em là quan trọng nhất. Trên con đường chúng ta cùng đi,

có đôi ba khi anh làm em buồn, rơi lệ. Anh không xin lỗi (anh nói đùa "lỗi ấy làm sao tha được!") Không tỏ dấu ăn năn (anh lại nô đùa "Không làm vậy nữa thì được rồi"), anh chỉ cười gượng "em ơi, có những hạt ngọc và những hòn sỏi, có những hương thơm và mùi cống rãnh, em hãy nhặt lấy những hạt ngọc và hứng lấy những hương thơm."

Kể từ lúc chớm biết mình có bệnh tim, dường như anh ý thức mỗi ngày chúng ta còn nhìn thấy nhau là một ơn huệ của số phận. Hạnh phúc và dòng đời êm đềm đã biến em thành một người vô tâm. Chỉ đến khi anh đi rồi, em mới thẳng thốt nhận biết rằng anh đã sống với em, lúc sau này, mỗi giờ là một giờ tái ngộ, mỗi giờ là một giờ sắp chia tay, mừng vui, trân quí, hối hả, xót xa. Bộ mặt của tình yêu, niềm hy vọng hay tuyệt vọng chưa bao giờ đẹp như thế. Tối hôm qua, con gái lại hỏi em "Sao bố phải chết, mẹ nhỉ?" Em không muốn trả lời cảm xúc của con bằng những giải thích hợp lý mà chính em vẫn chưa quen. Cái ý niệm anh không còn trên cõi đời này nữa là một điều kỳ dị vì mắt em vẫn nhìn thấy anh ở nhiều nơi kia mà! Chúng ta có nhiều bạn quen đã lâu không gặp. Họ vẫn ở một nơi nào mà chúng ta không biết rõ đó thôi! Bố mẹ em vẫn sống trong ngôi nhà có khu vườn rộng ngoài Huế. Mẹ em xay lúa, giã gạo, vừa thổi cơm chiều vừa hát sa mạc. Bố em chống gậy ra cổng, đứng vẩn vơ nhìn mây bay. Còn anh, như thời còn trẻ, ngược xuôi gánh vác chiến tranh, anh đang đi đến một địa danh xa xôi, tìm được nơi ăn chốn ở cho em. Hình như chỉ có những sự thay đổi trong mắt một người nhưng không có cái gì mất hẳn. Nghĩ như thế em mới biết hóa ra con người đã dựa vào những qui ước xã hội để giải thích những điều nó chưa hiểu hay không thể hiểu. Em có ở ngoài các qui ước ấy được không?

Phần địa cầu này đang trong mùa đông. Cây cỏ, hoa lá quanh vườn nhuốm vẻ xác xơ. Em nhớ đã bao lần cùng anh chứng kiến sự tàn phai và hồi sinh trong thiên nhiên. Có lần anh, nói với em "Biết đâu mai kia anh rời trần gian này mà những phần hồn lưu luyến của anh lại chẳng tan vào cỏ cây hoa lá đang cùng anh thể nhập trong giây phút huyền ảo này?" Em không biết có bao nhiêu phần trăm linh tính, bao nhiêu phần trăm ám ảnh em trong lời nói của anh nhưng với em, giờ đây, vầng trăng trên cao cho em những cảm nhận lung linh, đằm thắm, như chính anh cũng trở về cùng; khóm hoa bên thềm làm gợn trong lòng em chút bồi hồi, xao xuyến, như khi em nhận chúng từ bàn tay anh buổi sáng ngày sinh nhật em hằng năm. Từng viên gạch trên lối đi vẫn nhắc tiếng những bước chân anh ra vào sớm tối. Từng bờ tường quanh nhà vẫn vang dội tiếng nói cười thì thầm của anh những khi chỉ còn đôi ta bên nhau. Chính anh đã gởi những thanh âm ấy vào không gian để chúng sẽ mãi mãi còn đấy. Có vẻ như không phải là sự thật nhưng em đang có anh nhiều hơn em tưởng. Con người nằm trong chu kỳ sinh diệt của vạn vật mà sự mất mát sẽ là khởi đầu cho vòng tái tạo mới như mùa đông ẩm đạm rồi sẽ qua để mùa xuân tươi thắm lại trở về. Để có thể hòa nhập vào cõi mênh mông bất tận ấy, em tự biết phải tháo gỡ mình ra khỏi những ranh giới qui ước của đời thường. Chính những ranh giới qui ước hữu hạn này làm thành bi kịch của con người trước dòng thời gian không có lúc bắt đầu và chấm dứt.

Trong những ngày cuối năm chuẩn bị giao mùa, em cám ơn những gì anh để lại đã giúp em có khả năng hồi sinh trên sự tàn rửa của tâm hồn mình từ khi vắng anh. Hạnh phúc với anh ngờ đâu là cả những kinh nghiệm tái tạo đến với em rất sớm sủa này.

Sáng nay, con gái vừa đọc cho em nghe một câu chả biết nó lấy ra từ đâu nhưng, rất tình cờ, đã trùng lắp với những điều em cảm nghiệm và mới chia sẻ cùng anh "khi bạn yêu một người nào, hãy viết tên người ấy trên một vòng tròn, đừng viết trong trái tim vì trái tim dễ bị vỡ nhưng một cái vòng tròn thì sẽ mãi mãi quay vòng."

Em nghĩ ngày càng có nhiều người ý thức về cái vòng luân chuyển trong tạo vật và vũ trụ. Anh, em, bố mẹ chúng ta và cả nhân loại, mỗi người là một hạt bụi lóng lánh đậu trên cái vòng luân chuyển ấy, trộn lẫn vào nhau rồi tách lìa hay chỉ kề cận phút giây, những hạt bụi vui chơi theo nhịp quay trầm bổng hệt như cái vòng ngựa gỗ của tuổi thơ nhìn thấy ở các khu hội chợ vang lừng nhã nhạc.

Đến đây thì em chợt biết, với tình yêu trong trẻo từ một trái tim không chấp nhận nỗi thống khổ, anh đã chuẩn bị em để hiểu ra điều gì em cần hiểu, đi con đường bình yên nào em cần đi, luôn cám ơn Thượng Đế về sự sống và sự chết giống như những bông hoa hé nở, tàn rụng rồi lại hé nở, dưới ánh mặt trời những buổi sớm mai khác nhau trên tờ lịch nhưng mọi buổi sớm mai chỉ là sự nhắc lại hôm qua và cả những hôm sau...●

NGƯỜI THÍCH NHÌN VÚ

Truyện
NGUYỄN VĂN THÀ

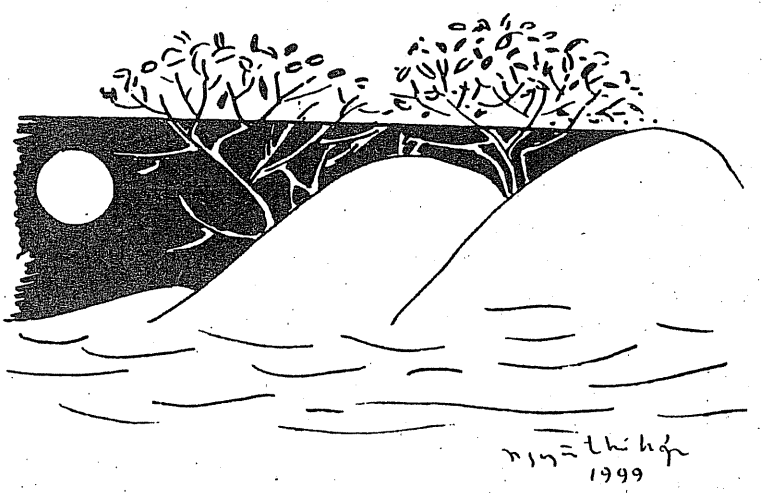

Anh Y Ban, chủng sinh người Rađê, học tiếng La tinh và tiếng Pháp mãi không vào, nhưng anh lại rành tới ba thứ tiếng Thượng. Thời gian học chung ở chủng viện Phụng Sự, tôi tò mò học tiếng Rađê với anh; và rồi lõm bõm cũng được đôi câu. Mùa Hè Đỏ Lửa Bảy Mươi Hai, một ông cố tây, linh mục nghĩa phụ của anh tới thăm anh. Cha cũng biết nói tới ba thứ tiếng Thượng như anh Y Ban nhưng cha nói sõi tiếng Ba na nhất vì cha đang coi sóc một xứ người Thượng Bana. Anh nói trôi chảy tiếng Bana với cha, khác hẳn cái vẻ khổ sở trong những giờ sinh ngữ, cổ ngữ. Một người học *dốt* như anh đáng lẽ đã bị đuổi từ lâu (không biết tại sao trong các nhà dòng người ta hay dùng cái động từ kỳ cục này), nhưng tôi nghĩ vì anh hiền lành, quá hiền lành so với các chủng sinh người Kinh, nên cha giám đốc vẫn giữ anh lại. Cha tây người gầy gò, tóc đỏ bù xù, không biết tóc vốn đỏ hay đỏ màu đất Tây nguyên; tóc thì không chắc, nhưng cái quần tây ka ki vàng và chiếc áo sơ mi trắng màu đất Tây nguyên lấm lem thấy rõ; tay cha đeo một vòng đồng Thượng; lưng còn đeo cả chiếc gùi khơi khơi đứng giữa cơ ngơi chủng viện lúc đó mới xây xong mà lối kiến trúc tuy người vẽ kiểu nhà đã cố tạo cho nó một cái vẻ khó nghèo theo tinh thần Phúc Âm và lời khấn khó nghèo, nhưng khó mà dấu hết được cái vẻ sang cả: *La pauvreté, c'est riche.* Cha đến từ núi rừng với những con người mà mới đây thôi vẫn còn nguyên sơ như thời sáng thế, nhưng bây giờ những người Thượng ấy vốn đã tơi tả nay càng tả tơi thêm trong một cuộc chiến giữa người Kinh với người Kinh kéo dài đã hơn hai mươi năm. Trâu bò húc nhau ruồi muỗi chết. Ruồi muỗi, người Thượng. Người Thượng, ruồi muỗi. Ai trâu bò, ai ruồi muỗi? Trong đôi mắt của cha tôi thấy bom đạn và những tiếng khèn cố vươn, nhưng vươn không nổi giữa núi rừng Tây nguyên âm u nghiệt ngã. Hôm đó cha không

vào nói chuyện, thường là về lý tưởng tu trì với các chủng sinh trong giờ huấn đức như mỗi lần có các giám mục, các linh mục, đặc biệt là những vị người Tây, đến thăm chủng viện, mà cha chỉ đứng trước hành lang cầm tay anh Y Ban nói chuyện, ra chiều an ủi điều gì đó; và anh lặng lẽ nhìn cha. Ở với anh trong chủng viện đã hơn năm năm, tôi chưa thấy anh khóc hoặc bộc lộ một hình thức tình cảm nào quá mức. Nơi anh người ta thấy một dáng núi vô tâm, một ngọn núi mà, thiện nam tín nữ của các thứ tôn giáo được trang bị bằng những thứ bùa phép như Bát Chánh Đạo, Mười Điều Răn..., đã và đang cố sức trèo lên mà vẫn cứ rớt xuống hoài. Tôi đến bắt tay chào cha và nói với cha đôi câu tiếng Radê tôi học mót anh Y Ban; nhờ đó tôi biết tên cha là Giovanni, và quê cha ở Toscana; và dĩ nhiên cha là người Ý - chi tiết này và một số chi tiết khác anh Y Ban đã cho tôi biết từ lâu. Cha có vẻ thích thú khi nghe tôi nói tiếng quê hương thứ hai của cha.

Và cha ra đi mang theo trên chiếc gùi của cha mà không biết một nỗi khát khao mới chớm trong tôi.

Kỳ nghỉ hè năm ấy, tôi không về quê làm ruộng như mọi năm, mà lại nảy cái ý lên thăm xứ Thượng của anh Y Ban, thăm và không muốn báo trước. Không biết sao lúc đó tôi cứ thích đi cho bằng được, mặc dù, vì tình hình chiến sự, chính anh phải ở lại chủng viện; có một động lực nào đó cứ thúc tôi, đẩy tôi, thật mạnh, về núi rừng Tây nguyên hùng vĩ đang vào mùa hủy diệt. Tuổi trẻ vốn nồng say hơn mọi thứ rượu trần gian, cụ Goethe đã từng phán như vậy; mà rượu ai cũng biết là nó làm người ta tàng tàng!

Tiếng súng ầm ì suốt quốc lộ loang lỗ, lầy lội, đầy "ổ trâu"; nhưng con đường từ quận Đắc Tô vào buôn của anh Y Ban mới thực sự bầm dập thương tích chiến tranh: đường rừng đất đỏ nham nhở vết thương, tán cây bị bom phạt tơi tả, những xác cán binh Bắc Việt chưa kịp nhặt còn nằm sấp mặt cạnh những hố bom, ruồi nhặng dưới ánh nắng trưa lóng lánh như vô số ngọc quý đính trên lớp quân phục xanh xanh màu lá của họ. Không hiểu sao tôi chẳng cảm thấy sợ hãi; cứ hăm hở đi như những ngày thơ bé, khi đọc truyện *Kinh Thánh Bằng Tranh*, mải miết lướt qua các trang để xem trước những trang minh họa các trận đánh giữa dân Do Thái với những giống dân Canaan bản địa. Ai nói hỏa ngục không hấp dẫn, ai nói tàn phá không gọi mời? Tôi lúc bấy giờ đã là một thanh niên mười tám tuổi, nhưng thực ra gã trẻ tuổi ấy chỉ là một thằng bé con đang mở to con mắt nhìn giòng lịch sử của dân tộc mình, một lịch sử máu xương quá lớn với những mảng màu chiến tranh sắc mạnh đến nỗi đôi lúc nó cứ ngỡ cuộc chiến ấy chỉ như một trò chơi của những đứa to đầu mà dại ném vào nhau những nắm bùn đen đỏ. Các anh lính như những anh cán binh Cộng sản đang nằm sấp cạnh cội cây, chỉ là những chú bé chơi nghịch đã đời, nằm ra đó nghỉ mệt, chờ về nhà nghe một lời quở trách của mẹ, một cái bạt tai của cha, trước khi quay quần ăn bữa ăn tối, hay như anh lính Quốc gia đang đăm đăm nhìn xuống giòng nước dưới chân cầu tôi sắp đi qua đàng kia; tôi dám chắc là lúc nầy anh chẳng nghĩ nhiều về trận đánh mới xong: một con cá lóc trui, một tô canh chua, một buổi chiều nắng tắt nước chè xỉa răng xua muỗi vu vơ lang thang trong trí nhớ. Anh lính quay lại thấy tôi, mặt sắt đen sì, nhưng cái mặt sắt ấy rớt ngay nhường chỗ cho nụ cười hiền lành phô mấy chiếc răng vàng miền Tây:

"Chú em đi đau đó?"

Tôi ngạc nhiên khi nghe một câu hỏi thanh bình dân dã giữa vùng chiến trường khói súng chưa tan.

"Dạ, em đi vào buôn ĐR, thăm ông cha tây."

"Chú em dâng đi tu phải hông?"

"Dạ."

"Tui đoán hỏng sai. Tui cũng có thằng em đi tu như chú mài. Thẳng tu ở tiểu chủng diện V L... Cách đay máy tiếng tui có tháy ông cha đạp xe woa đay. Mà thôi, dô trong bót nài làm bậy miếng nước trà cho ấm bụng chờ cha dìa, ổng chở chú dô trỏng luông... Tui thấy cha cứ đạp xe đi làm phước đau trong mấy cái buông tận trong rừng xa woài. Cha thiệc là con ngừi hy sanh quá chừng chừng. Cứ đi như dậy có ngày mấc mạng. Mấy thằng Diệc Cọng thế nào có ngài cũng bắng cha bể đầu. Tụi nó có coi ong cha ong cố ra cái gì đau!"

"Có chứ anh Hai: Cha mà lại cha tây đố anh chàng Việt Cộng nào dám bắn. Anh không biết đất Pháp là đất dụng võ số một của mấy cái thằng lẻo mép. Cái xứ Pháp là cái xứ đã gáy lại còn ra dáng quan cách. Cho nên không lạ gì bọn Việt Cộng chọn Ba Lê làm nơi thương thuyết. Đụng vào mấy ông cố tây là có chuyện lớn."

"Hèng chi thấy cha đêm hôm cứ đi khơi khơi. Mấy thằng du kích chắc cũng biết dạy."

"Chúng nó thì biết cái gì, chúng chỉ thi hành lệnh của mấy tay đầu sỏ trung ương."

"Chú mày nói có lý đó chơ! ...Mà nài, nghỉ hè mà đi chi vô trỏng cho nguy hiểm, đả lại ở trỏng buồng thúi ruộc!"

"Dạ tại em thích."

"Kỳ hong!? Mà sao không báo trước cho cha ra đóóng?"

"Dạ tại em thích như vậy."

"Lẳng òm!"

"Thôi, dô trỏng thăm cha rồi dìa cho mao!" là câu dặn dò cuối cùng của anh lính, trước khi tôi trèo lên xe đạp để cha Giovanni chở về.

Cha nhận ra tôi ngay; nhưng khi biết được mục đích của chuyến đi có vẻ không giống ai của tôi, xem ra cha không có vẻ ngạc nhiên và hình như cha cũng không rảnh trí để mà ngạc nhiên. Cha chỉ buông thỏng: "*Bene*!" rồi lầm lũi đèo tôi đi, dõi theo bóng núi phía trước đang đè dần rừng chiều; và áng chừng nó cũng đang trùm lấp tâm tư của cha Giovanni và của tôi, một kẻ đang hăm he trở thành như cha. Chúng tôi là những thành viên của một bộ lạc buồn, bộ lạc linh mục, những kẻ phải tự tha hoá mình: *Alter Christus*. Những kẻ phân thân mấy ai hạnh phúc. Chúng tôi cũng có những chiến trường và thường chúng tôi là những kẻ thua trận. Mang đầy thương tích tìm ngưỡng cửa Thiên Đàng. Và thường là tìm lộn. Ôi, Con Người và Bóng Tối! Ai vẻ chi Thiện Ác đôi đường cho chúng tôi vất vả?

Tôi biết người Âu châu, nhất là những vị có chữ nghĩa thích sống một mình, và tôi đoán là cha Giovanni cũng thích như thế:

"Trình cha, con chỉ muốn ở với cha vài ngày, rồi sau đó con muốn được ở với dân Thượng. Con muốn nhảy xuống vực thẳm để xem vực thẳm nó ra làm sao?"

Câu nói đầy chữ nghĩa thời thượng từ cái đầu đầy ắp những tư tưởng hổ lốn mà tôi vừa học được trong chương trình triết học ôm đồm lớp mười hai ban văn chương, chương trình Pháp hồi đó, bây giờ nhớ lại còn phát ngượng, vậy mà xem ra cha lại tỏ ra tâm đắc khi nghe tôi nói như thế:

"*Bene*! Kỳ nghỉ hè này là của chú, xuống vực thẳm hay lên thiên đường ấy là quyền của chú. Người ta có quyền chọn cho mình một cửa hẹp. *Paradiso, abisso... Abisso, paradiso...*"

Tôi nghe tiếng vọng từ vực sâu; hay là cha bị mắc chứng nói lảm nhảm mà người Âu châu đôi khi mắc phải khi phải sống lâu ở vùng nhiệt đới?

Tôi quyết định sống mùa hè ba tháng giữa người Thượng, và chỉ ghé qua nhà xứ khi cần. Tôi không muốn khuấy động cuộc sống lẻ loi nhưng bình tâm mà có lẽ cha đã cố gắng bao năm mới được. Vả lại, tôi cũng đã quá ngán mấy cha mấy cố: Tôi đã sống với họ đã quá lâu, những năm làm trò giúp lễ và cả bảy năm trong chủng viện. Tôi bắt đầu thèm nghe ẩn ngữ loanh quanh thay cho những bài Phúc âm, Thánh thư được xếp đặt chặt chẽ theo lịch trình phụng vụ quanh năm và những bài giảng lý luận chặt chẽ đôi lúc đến tội nghiệp. Ông nhà trời nào đó tình cờ ngao du qua cõi địa cầu nầy, khi nghe mấy con kiến hình người múa may chữ-nghĩa-cõi-trên như thế, hẳn phải cười bò lăn bò càng. Cái thằng người trong cái cõi bụi bặm này chỉ là con rối của một cuộc chơi, "trò chơi Con Tạo," làm gì mà lớn chuyện vậy?

Cha Giovanni kiếm cho tôi được một cái nhà sàn khá xinh xắn, tươm tất, nguyên là của một anh lính Thượng nay đã mất tích. Chị vợ nay ở đâu, tôi hỏi. *Singnora* ấy bồng con bỏ đi nơi khác rồi, cha trả lời. Cha Giovanni cho tôi những thứ cần dùng, kể cả một chiếc mùng trắng tinh, và một cái áo len còn thơm mùi nắng đồi nho xứ Toscana mà mẹ cha vừa gởi. Tôi vui với hạnh phúc mới. Nằm nghe tiếng chim len lỏi chật vật giữa tiếng bom đạn. Tiếng chim và tiếng bom đạn tranh nhau khoảng không gian dành cho con người; và coi vậy, chứ so với tiếng chim, tiếng bom đạn có vẻ yếu xìu; nói chi tiếng muôn loài côn trùng về đêm, bom đạn lại càng thua. Bom đạn huyênh hoang gầm gừ, nghe đến tội nghiệp như một gã say chửi bới om xòm, nhưng lòng đã bắt đầu xuội lơ theo lời dỗ dành của người vợ nhẫn nhục, theo những tiếng khóc rấm rứt của mấy đứa nhỏ thập thò sau bếp. Càng về khuya bom đạn càng thua đậm. Nhưng rồi càng ngày tiếng bom tiếng đại bác không còn là tiếng vọng về: chúng đã gần lắm. Chiến tranh như loài cọp đói sổng chuồng: Nó sắp sửa vồ lấy những mảnh hình nhân đen đúa tơi tả trùng vây trong giác trường người Kinh.

Nhưng cuộc sống trong bản vẫn như một vườn trẻ.

Sáng sớm đàn ông phì phèo ống thuốc dài ngoẵng tàn tàn vác rựa, mang gùi ra rẫy; chân tay mốc đen, khẳng khiu, cáu bẩn; tôi chưa thấy anh đàn ông nào có được màu da đồng

đen bóng lộn như được tả trong các thiên hùng ca người miền núi mà tôi được đọc qua các bản dịch. Cái thế hệ của những tráng sĩ Đam San e chừng đã tàn lụi dần vì những cái trò đểu giả lớn nhỏ của lớp lớp người Kinh Nam cũng như Kinh Bắc; nhưng những người thiếu phụ và và các thanh nữ vẫn còn cái vẻ màu mỡ của mẹ đất: eo thon, mông nở, vú đồng bóng nây nẫy. Thượng đế dường như ban cho những người đàn bà Thượng nhiều sinh lực hơn đàn ông. Và tâm hồn họ, đàn bà lẫn đàn ông, vẫn còn nguyên sơ chẳng thua gì những em bé gà gật trên lưng mẹ địu hay như những cháu vừa đi lẩm chẩm vừa mút tay tò mò nhìn vào mái nhà sàn tôi. Thân thể họ cũng trần truồng như trẻ thơ. Xem ra cha Giovanni và các vị tiền nhiệm của cha làm lơ không dạy - hoặc bắt - con chiên của các vị phải mặc quần mặc áo che thân như là một cử chỉ của con người tỏ ra xấu hổ sau khi thủy tổ loài người ăn trái cấm từ cây-biết-lành- biết-dữ. Cái chuyện trong sách Sáng Thế Ký được viết ra để giải thích tại sao con người lại mặc quần áo, viết bằng tiếng Hêbơrơ, cho những người Hêbơrơ, bởi một vị Hêbơrơ nào đó, xem ra trật rơ hết trơn ở cái xứ Thượng cà răng căng tai này.

Và tôi đang tập làm người...Thượng.

Nằm nhà sàn vài ngày, tôi bắt đầu đi tàn tàn vào các nhà sàn quanh quanh chơi; và nhờ cuốn đàm thoại Pháp-Bana của cha Giovanni cho mượn, tôi bắt đầu tập nói với họ; nói ngọng, làm mấy thằng nhỏ cười rung rinh cu đái, mấy chị rúc rích, vú căng thấy rõ. Khi nghe tôi nói nghịch, có chị trèo nhanh lên nhà sàn núp sau cánh cửa nhìn lén tôi, có chị nép sau những bụi hoa quỳ lem nhem đất đỏ (hoa quỳ mọc tràn lan như cỏ dại, chẳng báu giá gì đâu!), cười hinh hích chẳng khác gì các nàng người Kinh trong các cuốn tiểu thuyết bậy bạ tôi hay trùm chăn đọc trong chủng viện. Tôi, một chú chủng sinh lớp mười hai, tập thương Chúa và thương Đức Mẹ hơn mọi giống đàn bà khác gần cả chục năm trong một môi trường chính quy như chủng viện Phụng Sự này, nhưng tôi vẫn chưa cảm thấy thương hai vị ấy được. Nói phải tội, cũng đã có thương Đức Mẹ chút đỉnh nhờ những bức tượng mỹ miều khắp nơi trong chủng viện: trong nhà nguyện, ngoài khuôn viên, và nhờ

HÀ NGUYÊN DU

KHI BƯỚC TÌNH ĐI QUA

Tưởng nhớ cố nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng, người đã phổ nhạc bài thơ này.

tôi xanh hay vàng khi thu qua
đời mưa hay nắng khi em là...
chiều đang đi xuống hay ngày tới
tôi khuất dần chưa hay đã xa?

trăng thanh hay mờ khi mây giăng
cành thơm hay lá khô trên ngàn?
bàn tay tôi ấm hay lạnh buốt
em kết đèn xuân hay thắp nhang?

em khuyết dần tôi viên ngọc quý
phận đá đời rong ngày dã hoang
cành thơ chim vắng chuyền chân hót
đâu suối dương cầm buông tiếng than!?

em mối trầm hương khơi mộng đáo
nghiệp chướng tiền khiên tình vẫn si
tìm đâu tôi lối về chân cũ?
nghe tiếng kinh cầu quên kiếp mê!

tôi đêm hay ngày khi em qua?
lòng vui hay khóc khi cam là...
đường đi không đến hay nguồn sáng
tôi lá cành trơ hay kết hoa?

tâm yên hay cuồng trong cơn yêu
đầu xanh hay trắng sương pha nhiều!?
tìm đâu tôi cứu tôi về với...
tôi cánh mùa xuân hay bước phiêu?

03/23/98

những mẫu tượng lớn nhỏ, nhất là những bức tranh Đức Mẹ trong các cuốn từ điển bách khoa Larousse. Thương thì phải rung cảm chứ, thế mà tôi chẳng cảm thấy khoái chút nào những lúc tham dự thánh lễ, là những lúc Kết hợp - *Communion* với Chúa. Cái từ ngữ viết hoa thiêng liêng này có thằng bạn dân Phú Cam cả gan đề nghị thầy dạy Pháp văn nên dịch là *giao hợp* mới đúng ngữ căn. Tính tôi cũng thích phân tích này nọ, mà cũng phải chửi đổng khi nghe hắn "lộng dịch" như thế. Tuy nhiên, nó cũng có lý của nó. Cái trò bóp méo vê tròn chữ nghĩa là nghề của các thần học gia chính thống Công giáo. Họ không biết rằng khi họ cố chỉ cho người ta con đường tìm Chúa bằng những lý luận của họ, thì chính họ đang làm công việc dẫn con người vào bóng tối, và chính bản thân họ cũng lao luôn vào vực thẳm. Những giá trị đạo đức, những chuẩn mực trong Kinh Thánh mà họ trưng ra, chẳng phải là độc quyền của Kitô giáo như họ tưởng: Nếu chịu khó làm một bảng đối chiếu người ta có thể kiếm thấy các tư tưởng ấy trong các kinh thư khác. Và xem ra nhìn chung tư tưởng trong Kinh Thánh còn là sà lắm, so với cái uyên áo trong những kinh thiêng của các tôn giáo khác, ví dụ, của Ấn độ giáo, Phật giáo, và ngay trong một số pho kinh điển Trung Hoa. Ngoài ra, tôi còn cảm thấy có một cái gì đó có vẻ biển lận, hồ đồ trong lề lối suy tư, phải nói suy diễn thì đúng hơn, trong những bài giáo lý Công giáo tôi đã học qua. Chính Giáo hội đã tạo ra không biết bao nhiêu những khung cửa hẹp dẫn vào mê lộ. Mấy ai ra khỏi được mê lộ chữ nghĩa. Khổ thay cho ai bị lạc đường, vì họ là con Nguỵ-Ngôn, Anti-Logos!

Tôi học tiếng Bana nhanh không ngờ, nhanh hơn hồi học Pháp văn và La tinh với mấy cha tây, có lẽ nhờ vừa nhìn vú gái Thượng vừa học. Biết đâu Y Ban lại thông thạo được ba thứ tiếng Thượng cũng nhờ nhìn vú. Vú vê quyết định tri thức con người. Tôi thiệt phục cha Giovanni; cha đã ở đây gần cả chục năm mà chẳng hề hấn gì. "Chúa là khiên thuẫn của con..." Ôi, tự nhiên quả là làm phiền siêu nhiên lắm lắm!

Thỉnh thoảng tôi vẫn hay vào nhà xứ: Khi thì mượn báo, khi thì lấy thức ăn. Tôi để ý thấy cha hay ngồi nơi bàn viết nhìn đăm đăm ra phía ngoài cửa sổ, trang nghiêm, mê đắm. Tôi cứ nghĩ cha đang ngồi nguyện gẫm, kiểu của cha, và đang ở trong trạng thái xuất thần như một số vị thánh ngất ngây trong hoan lạc khi được chiêm ngưỡng Chúa qua thị kiến, mà tôi đọc được trong Hạnh Các Thánh; hơi thở cha rền như ống bể lò than. Thỉnh thoảng những lúc như thế, cha lại với tay uống ly nước, có lẽ là nước suối mà có đêm trăng nọ tôi thấy cha từ rừng công về. Cha nuốt ừng ực như những tay bợm rượu cuống quýt tợp rượu. Vì những lúc đầu tôi cất tiếng chào cha, thấy cha giật mình, nên những lần sau thấy cha ngồi như thế, tôi biết ý không chào hỏi gì, cứ tự tiện lấy các thứ cần dùng rồi im ỉm đi ra.

Có hôm cha đi vắng; cửa khép hờ. Tôi mở cửa vào phòng mượn mấy tờ *Mission Chrétienne* cha để thành chồng trong góc phòng về đọc đỡ. Trong phòng chẳng thấy có gì đáng giá, ngoại trừ tượng Đức Mẹ Xót Thương Pietà bằng cẩm thạch trắng đã lên nước láng bóng cha lại dùng để đè mấy tờ tạp chí xếp thành chồng dưới đất trong góc sau lưng cha. Bức tượng tuy chỉ đúc nhại nhưng vẫn có được vẻ mỹ thuật và thần thái như tượng gốc hiện trưng bày trang trọng trong đại giáo đường thánh Phêrô ở Rôma mà tôi đã ngắm không biết bao nhiêu lần qua bức ảnh do nhiếp ảnh gia Giraudon chụp in lại trong đại từ điển Larousse, thế mà không biết tại sao cha lại bỏ nó bên cạnh mấy con dao lam rỉ sét, mấy cục xà bông thơm Cholon dùng lở dở, mấy cái tăm xỉa răng bằng nhựa đã dùng, toàn những thứ bỏ thì thương mà vương thì nặng, hay dùng chữ của tiên tri Isaia, là đồ phế thải của loài người. Chiếc bàn viết chỉ là một cái bàn gỗ thô, chân bàn có những đường dao khắc thô sơ các khuôn mặt lơ ngơ của tổ tiên dân Thượng thì phải. Tôi thấy trên bàn có cuốn Nhật tụng Linh mục. "Chúa là khiên thuẫn của đời con..." Thánh vịnh này và hàng trăm thánh vịnh khác, tác giả là vua Đavít, một thợ thơ *nghiệp dư*, làm để nịnh nọt với Đức Chúa Trời, sau khi ông bị Chúa quở trách, vì vào một buổi trưa hè, từ trên sân thượng cung điện nhìn xuống thấy vợ của tướng Uria đang tắm để lộ cả cái khuôn vàng đẹp đẽ, nên đã tằng tịu nàng, trong lúc ông tướng đang xông pha trận mạc để bảo vệ cho chính ngai vàng của mình, đã thế lại còn chơi trò đểu giả đẩy ông tướng bị cắm sừng đó vào mặt trận hiểm nghèo khiến ông phải chết thảm hầu bợ cô vợ mỹ miều của ông tướng về ở chung cho tiện; và cũng có thể những bài là thơ ấy do bà vợ ông tướng Uria ấy mớm cho, vì thơ thẩn gì đã dở mà lại sướt mướt như liền bà con gái, không được cái nét tài hoa, hào

sảng của tiên tri Isaia, hay cái u uẩn khôn nguôi trong sách tiên tri Giêrêmia. Vậy mà các linh mục phải đọc những bài thánh vịnh đó mỗi ngày.

Chán là cái chắc. Chán chường là mẹ đẻ của tội lỗi. Ngoài ra trong phòng còn có một chiếc ghế cổ, bọc nhung xanh trang nhã, hoa văn uốn lượn quý phái, một loại ghế nổi tiếng mỹ thuật của Ý Đại Lợi có từ thời Phục Hưng, chắc là vật gia bảo của cha đưa từ Ý sang. Tôi ngồi thử xuống chiếc ghế, êm thiệt là êm, và nhìn mông lung qua khung cửa sổ: Trời đất ơi, bóng núi phía trước dần dần hiện lên nguyên hình một người đàn bà đá, nhũ hoa lồ lộ, nắng quái chiều hôm đang chiếu vào rạng rỡ như những nguồn mật ngọt lai láng lộc trời; và phía dưới chân núi là một cửa động âm u huyền hoặc! Hình tượng to lớn và gợi dục còn hơn những mảng phù điêu, những bức hoành tráng trong các đền đài Ấn Độ; nó bao trùm lên núi rừng, đè lên bản làng, tưởng khơi khơi chiếc bóng, mà lại nặng nề chẳng kém Thái Sơn. Tôi toát mồ hôi lạnh. Có phải cha bị bóng núi đàn bà mê hoặc; và cha ở đây cả chục năm cũng chỉ vì quyến luyến bóng núi ấy; và, những đêm trăng, hăm hở đi uống nước nguồn rịn từ cái hang thăm thẳm đó, chưa nư, còn gùi về nhà? Có phải là như thế, hay tôi đầu óc tôi đã bị long ốc, đã vướng phải ngãi, hoặc giả bị vong cái anh lính Thượng quấy quá, vì đã ăn ở vô ý vô tứ trong cái nhà sàn đã chứng kiến không biết bao nhiêu điều kỳ lạ giữa anh và cô vợ, nên mới nhìn gà hoá cuốc như vậy? Khi bắt đầu ngồi vào bàn viết của cha, tôi không cảm thấy cần phải dè giữ gì cả, vì có bữa cha đã nói với tôi là thỉnh thoảng cha đi vắng tôi có thể xử dụng phòng cha, nhưng khi khám phá cái mà tôi nghĩ là cha đã chiêm ngắm trong những tháng ngày rừng xanh núi thẳm lẻ loi, tôi cảm thấy như tôi đã xâm phạm vào cõi riêng tư linh thiêng của cha, tựa như một tên ba trợn đã lén nhìn vợ của một người rất đáng trọng đáng kính đang khoả thân vậy. Tôi không muốn dây dưa với người đàn bà của người tôi thân quen, dù là người đàn bà đá. Tôi đi ngay ra sau vườn, đi vơ vẩn cho đỡ nghẹn; mắt dõi theo những bóng chim đêm bắt đầu hoan hỉ ra khỏi tổ ngày. Ánh sáng sắp nhường chỗ cho bóng đêm. Tôi thấy cha lầm lũi đạp xe về. Chiếc xe đạp oằn cong như thể cha đang thồ cả tấn; và cha vội vã ngồi ngay vào bàn tiệc rừng rú mà cha cứ tưởng là của riêng cha.

Sáng hôm sau, tôi nhắm hướng núi, lần theo con đường mòn đi xem hang động người đàn bà đá. Con đường dẫn tới một cửa động vòm cung giáo đường, ngàn ngàn tầng kim nhũ treo ngược như trong một cửa hàng chuyên bán vú vê sang trọng mà sau này tôi có dịp thấy trong những hội chợ tình dục Copenhagen. Nước từ những cặp vú kim nhũ cháy ri rỉ xuống một cái hồ nhỏ như một mảnh linh hồn nhỏ nhắn trong suốt. Tôi thấy quanh hồ lam nham vệt giày chắc là của cha Giovanni (Ở đây dân Thượng dép còn không đeo nói chi giày với ủng; còn mấy anh Cộng sản làm chi có giày.) Có một hấp lực nào đó đè tôi nằm xuống, cái hấp lực của những thảm cỏ non, hay của những bàn tiệc trần gian ngon ngọt, ngon ngọt đến nỗi người ta phải nằm sấp, vục mặt vào mới thỏa; và tôi tự nhiên nằm ẹp xuống liếm liếm nước vú đá như chó giải giữa trưa hè chạy rông khát nước. Uống xong tôi không muốn đứng dậy nữa, tôi nằm vật xuống giữa nền đất mát mẻ dịu dàng, liu riu nhìn muôn ngàn cặp vú trời cho đang treo rực rỡ nhiệm mầu trên mái động.

Tôi vấng vất trở về như vừa mới trầm mình trong suối rượu, rồi nằm xoài trên sàn nhà, chấp chới giữa tiếng súng nổ rền quanh bản, và tôi chìm vào giấc ngủ. Tôi chập chờn thấy anh lính Thượng kêu la. Lưỡi anh thè dài, bộ phận sinh dục của anh căng cứng dài ngoẵng dính với lưỡi đang thè ra đến nỗi tôi không còn phân biệt đâu - xin lỗi - là dái và đâu là lưỡi. Rồi vừa tru như chó anh vừa châm lửa đốt luôn nhà sàn của anh; bỗng anh lôi trong gùi ra một con lươn lớn bóng nhẩy, nhưng mặt lại là mặt đàn bà, ném vào ngôi nhà sàn đang bốc cháy đồng thời buông những chuỗi cười ểu cáng, và phóng những tia mắt dữ tợn, chỉ có người Kinh mới có. Tiếng bom đạn lại nổ, gần như sát nhà, làm tôi bật dậy. Tôi lê mình ra trước hiên gục mặt vào lu nước mưa. Nước mưa lạnh và tiếng bom đạn dội trong lu sành làm tôi tỉnh hẳn. Khi ngước mặt lên, tôi thấy ai như cha Giovanni đang chạy như ma đuổi trên con đường dẫn ra động vú đá; cha vừa chạy vừa nhìn lên trời vừa rống: *"Miserere nobis!" Miserere nobis! - Xin Chúa thương xót chúng tôi! Xin Chúa thương xót chúng tôi!"* tiếng kinh cầu thống thiết của những con người trót mang thân phận loài người, như tôi, như cha Giovanni, những người bị gắn vào đầu cái ý niệm tội nguyên tổ ngay từ ngày lọt lòng mẹ. Thỉnh thoảng cha lại sụm xuống như ngọn núi

bị đào hỏng chân. Và tôi nghe tiếng cha khóc. Những lúc như thế, không nên can thiệp; tôi đã học được trong nhà dòng những phép lịch sự đại loại như thế. Tôi băn khoăn, và phải nói hoảng nữa là đằng khác, nhưng tôi nghĩ là có lẽ bom đạn và số phận con chiên cùng bản làng làm cha chịu không thấu nên cha phải kêu van thống thiết Chúa Quan Phòng của cha như thế; và cha cần đi vào *tịnh thất* của cha một chốc để lấy lại bình tĩnh hầu còn trở về đưa giáo dân đi chạy giặc, vì mới hôm qua tôi đã nghe cha nói là có lệnh từ trong tiểu khu là cha và giáo dân trong bản phải di tản ngay; giáo xứ và vùng phụ cận trở thành vùng oanh kích tự do bắt đầu từ ngày mốt vì các lực lượng chính quy Bắc Việt đang tập trung quân quanh đó.

Những loạt bom nổ ven rừng. Nổ rồi lại ngưng. Tôi chờ cha trở lại nhưng đã hơn ba tiếng đồng hồ vẫn chưa thấy bóng dáng cha đâu, tôi đâm hoảng chạy nhanh về phía động; tôi thấy có xác ai đó nằm sấp, cạnh những hố bom tôi không biết là mới hay cũ, ngay trước cửa động. Đích thị là cha Giovanni vì tôi vẫn nhớ chiếc áo sơ mi trắng và chiếc quần dài kaki của cha. Lại gần tôi mới thấy xác cha một phần bị đất bom vùi và đầu của cha chỉ còn là một mảng óc bầy nhầy. Cha nằm đó sấp mình giang tay hình thánh giá, cử chỉ tượng trưng cho cuộc đời hi sinh đến tận cùng như Thầy chí thánh của mình, mà cha đã từng thực thi trong ngày lễ thụ phong linh mục. Lạ chưa, tôi thấy có vệt khói súng còn nám trên mảng thịt thái dương còn dính lại! Mấy anh Việt Cộng đã hành quyết cha trong vội vã? Lý này không vững vì cha đã ở với bản gần cả mười năm, nếu chúng nó muốn giết thì đã giết từ lâu, mà sức mấy chúng dám giết. Hay là cha tự sát, xong, bị bom nổ đất vùi, vùi luôn súng đâu đó? (Súng ống ở đây muốn là có ngay, từ khẩu Colt 45 cho tới K54.) Lý này cũng không vững nốt: Cha là linh mục; linh mục Công giáo mà lại đi tự sát là chuyện tôi chưa hề nghe, nhất là trong lúc đó, dù gì đi nữa cha phải biết là cha có trách nhiệm dẫn dắt con chiên ra khỏi vùng lửa đạn. Hay cha đau khổ đến quẫn trí, vì phải chứng kiến những tàn khốc chiến tranh chắc chắn sẽ huỷ diệt bản làng, giết chết con chiên mà cha đã chia sẻ đắng cay trong gần một thập kỷ; liệu Đức Mẹ Xót Thương Pietà có đau khổ như cha chăng? Hoặc giả vì những tra vấn triết lý về cái vô nghĩa của thân phận con người đã giày vò cha, những câu hỏi mà người Âu châu hiện đại hay vướng phải và rồi bị trói chặt luôn không ra được nữa, vì thật không gì vô nghĩa cho bằng thân phận con người Việt Nam, và nhất là người Thượng, trong cuộc chiến ngu dốt tưởng như trong giả tưởng vừa qua? Tôi chỉ suy nghĩ kịp tới đó; tiếng súng lại nổ rền, tôi vội vã nhặt những miếng thịt óc còn vương vãi chung quanh cha; và tôi chỉ còn kịp đẩy xác cha xuống hố bom đạn gần bên, rồi đưa tay lùa một ít đất xuống gọi là chôn cha. Ôi, Đức Giêsu ngày xưa còn được các môn đệ hạ xác xuống, thuốc thơm tẩm liệm và được táng trong mộ đá đàng hoàng...! Vội thì vội, tôi vẫn liếc vào cửa động: Trời đất, vú đá rơi rụng tơi bời giữa vũng sình vang váng màu máu, như trong sào huyệt của một tên *seriemurder* nào đó khoái giết đàn bà để cắt vú sưu tầm, nhưng bấy giờ lại đang bận bịu truy lùng những cặp vú mới, đành vứt bừa chiến lợi phẩm của mình ra đó!

Tôi chỉ biết chạy ngược lại bản, thúc dân bản mau mau tập trung tại nhà xứ để cùng chạy loạn. Sau đó tôi chạy vào phòng cha Giovanni, chạy vào chỉ để mà chạy, không biết tại sao; và tự nhiên tôi lại nhìn ra khung cửa sổ: Vú của người đàn bà đá đã bị bom đạn phạt ngang tơi tả nham nhở như như ngực của một người đàn bà bị ung thư vú vừa bị một tay thầy thuốc mắc chứng khổ dâm dùng dao bếp cùn cắt.

Mất liên lạc với anh Y Ban dễ chừng đã hơn hai chục năm; nhưng cuối cùng tôi cũng kiếm ra được địa chỉ và tôi có gởi thư nhờ anh kiếm lại - dù hi vọng rất mong manh - hài cốt cha Giovanni và nhờ anh chôn cất cho đàng hoàng. Tôi có tả lại vị trí nơi cha bị chết: dưới chân người đàn bà vú đá, sát cửa động, nhưng anh cho biết là anh chỉ thấy núi là núi, nên anh không biết cái động đó nằm ở đâu.

Còn tôi, qua được trời Tây, tôi vẫn tiếp tục đi tu, và sau những năm dài tu tập trầy trụa, tôi cũng liều nhắm mắt đưa chân làm linh mục thừa sai như cha Giovanni (với cái từ ngữ "như" tôi muốn nói là tôi tu cùng một hội dòng với cha chứ tôi làm gì ngon lành *như* cha ấy được); và hội thừa sai, sai tôi - tôi chọn thì đúng hơn - đến truyền giáo (chưa chắc ai đã truyền giáo cho ai) ở Ethiopia lúc đó cũng đang choảng nhau với dân Eritrea ra trò; và khi đến đó tôi lại xin cha bề trên cho tôi được sống với sắc tộc Oromo, da dẻ cũng ngăm ngăm như người Thượng bên mình; và họ, vốn là hậu duệ của nữ hoàng Saba đã từng làm cho

vua Salomon say như say trầm hương xứ bà, nên liền bà con gái vú vê cũng ngon lành lắm, chỉ choàng ỡm ờ một lớp vải the phất phơ, mỏng còn hơn vải *mousseline*. Vậy mà, cảm ơn Chúa, tới nay tôi chưa bị *ngã đạn*.

Hay là tôi trở thành người Thượng như anh Y Ban mất rồi!

Chuyện tới đây chấm hết kể ra cũng được rồi, nhưng có một chi tiết liên quan đến bức tượng Pietà mà tôi có đề cập đến lúc nãy, nên tôi nghĩ có kể ra đây chắc bạn đọc cũng không đến nỗi trách cái chuyện cà kê dê ngỗng của tôi:

Số là tôi có đi dự đại lễ phong thánh cho một trăm mười tám vị chân phước tử đạo Việt Nam, là những đấng mà các vị thừa sai như cha Giovanni đã tạo cho cái cơ hội lãnh triều thiên tử đạo như biết bao vị khác trong lịch sử thấm máu đào của đạo Công giáo (những kẻ mà một tay ký giả Tây mũi lõ láo cá, trong bài viết về chuyện *Quyết Tử Cho Tổ Quốc Quyết Sinh* của phe kháng chiến cực đoan Hamad người Palestine, đã cả gan cho là người cả hai nhóm, Hamad và các vị tử đạo dưới thời các bạo chúa Rôma - may hắn không biết, nên không nhắc đến hàng trăm ngàn vị tử đạo trong ba trăm năm truyền giáo ở Việt Nam - là những kẻ mắc bệnh thống dâm, hoặc là những kẻ làm *business* đốt giai đoạn.) Vào dịp đó tôi cùng phái đoàn giáo dân NY đi thăm các giáo đường nổi tiếng và các công trình hội hoạ, điêu khắc được trưng bày, thờ kính trong những giáo đường ấy. Hôm kính viếng đền thờ thánh Phêrô, chúng tôi được cha Y, chánh xứ NY, nhưng cha là thổ địa Rôma vì cha đã từng du học tại Viện thần học thánh giáo hoàng Grégorio Cả cả chục năm, hướng dẫn đến xem bức tượng Đức Mẹ Xót Thương Pietà của điêu khắc gia, kiêm họa sĩ, kiêm kiến trúc sư, kiêm thi sĩ Michelo Angelo; ngoài thân thế, và sự nghiệp như kể trên, cha còn thuật lại là trước khi khởi khắc bức Đức Mẹ Xót Thương Pietà, cụ Michelo đã nghiên cứu kỹ cơ thể học, nhờ thế vẻ xót thương của Đức Mẹ xót thương nhìn xuống con mình biểu hiện chính xác trên từng đường gân thớ thịt của Đức Mẹ, bỗng thằng cháu tôi, bác sĩ giải phẫu thứ thiệt đã từng tốt nghiệp khoa giải phẫu thẩm mỹ, đại học đường y khoa quốc gia Đông Kinh, thì thào vào tai tôi, đã thế hắn còn cẩn thận dùng tiếng Nhật: "Bác à, cháu thấy Đức Mẹ buồn bã nhìn xuống đôi vú sắp sửa xẹp lép của mình, chứ có phải nhìn xuống xót thương Chúa Giêsu đâu! Cái lão Mike thiệt là đểu!"

Về khoản cơ thể học tôi bó buộc phải tin thằng cháu trời đánh hơn là tin cha Y. *Sorry!*●

Na Uy, 8.00

Chú thích: (theo thứ tự ABC)
Abisso (tiếng Ý): Vực thẳm Alter Christus (tiếng La tinh): Một Giêsu khác: Châm ngôn của các linh mục Công giáo: Lý tưởng của người linh mục là cố gắng trở thành như Đức Giêsu. **Bene** (tiếng Ý): Tốt lắm! **La pauvreté, c'est riche** (tiếng Pháp): Nghèo mà giàu. Ý nói: nghèo giả bộ. **Khổ dâm: Sadisme:** Chứng bệnh tâm lý: Cảm thấy khoái lạc khi làm đau đớn người khác. **Mike** (tiếng Anh): danh xưng bỡn, thân mật gốc từ Michael (tiếng Anh), Michelo (tiếng Ý). **Mission Chrétienne:** Sứ vụ Kitô hữu (tên một tờ báo) **Paradiso** (tiếng Ý): Thiên đàng **Pietà** (tiếng Ý); **compassion, miséricordia:** lòng thương xót, lòng lân tuất. Lâu nay người ta hay dịch: tượng Pietà là tượng Đức Mẹ sầu bi, e không ổn. **Thống dâm: Masochisme:** Chứng bệnh tâm lý: Cảm thấy khoái lạc khi tự hành xác mình. Ngoài ra vì đây chỉ là một chuyện ngắn chứ không phải là một bài khảo cứu nên, nên xin miễn cho tôi việc phải ghi xuất xứ một số ý tưởng của các tác giả tên tuổi tôi dùng để tô điểm cho truyện.

Tìm đọc

KHUNG CỬA NẮNG

Truyện dài của
NGÔ NGUYÊN DŨNG

"Trong khi câu chuyện diễn tiến, chúng ta tai nghe chim kêu sóng vỗ, mắt thấy nắng vàng mây bay, cùng lúc chúng ta đuổi theo những suy tưởng của nhân vật, của tác giả. Và khi câu chuyện dừng lại, chúng ta không kịp dừng theo. Cái truyện nó vươn ra ngoài truyện, nó dấy động một cõi mông lung." Võ Phiến

VĂN HỌC (California, USA)
xuất bản
VĂN NGHỆ phát hành
9351 Bolsa Avenue
Westminster CA 92683 - USA

HÀNH TRÌNH CỦA MỘT NGƯỜI TRÍ THỨC CỘNG SẢN VIỆT NAM

HOÀNG HOA KHÔI

Nguyên văn tiếng Pháp L'Itinéraire d'un intellectuel communiste vietnamien được viết vào năm 1988.

PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN
dịch sang Việt ngữ (tháng 11-2000)

Nguyễn Khắc Viện là một người có ảnh hưởng rất lớn trong giới trí thức Việt Nam. Là nhà văn xuất sắc, nhà báo thông minh, sử gia có tài, Nguyễn Khắc Viện luôn luôn bênh vực chính sách đảng CSVN với những lí lẽ thuyết phục. Dưới thời Staline, ông là người tuyên truyền hữu hiệu nhất cho đảng. Đến thời glasnost (cải tổ) Gorbachev, ông cũng đi tiên phong. Nhưng nhiều người không biết hành trình chính trị của ông đã tiến hoá ra sao, cho nên nhắc lại cuộc hành trình này là điều hữu ích.

*

Hiếm khi một nhà trí thức cộng sản Việt Nam nào vào buổi hoàng hôn đời mình, lại có một ảnh hưởng lớn đối với giới thanh niên và báo chí truyền thông hiện nay (*năm 1988 - ghi chú của Tòa soạn*) như bác sĩ Nguyễn Khắc Viện.

Chỉ cần xem báo *Đoàn Kết* ở Paris, báo *Đất Nước* ở Đức hoặc báo *Đất Việt* ở Canada. Tại Việt Nam, bác sĩ Viện còn có ảnh hưởng lớn hơn nữa. Là trí thức đổi mới tiên phong như Trần Bạch Đằng, tên ông gần như có mặt hàng ngày trên báo chí cả nước. Báo *Tuổi Trẻ*, báo *Lao Động*, báo *Sài Gòn giải phóng* đua nhau đăng tất cả những gì ông nói hoặc viết, dù ông không giữ một chức vụ chính thức nào. Dấu hiệu thời đại: giới Việt kiều bắt đầu thêu dệt nhiều truyền thuyết về ông như về Hồ Chí Minh ngày xưa (1) mà thật ra với danh tiếng sẵn có, ông không cần đến huyền thoại nào cả. Chẳng hạn, một ông luật sư nào đó ở Monaco tên Hoàng Quốc Tân, dường như chỉ biết sơ sài về ông NKV, đã gán cho ông Viện cái danh tiếng "người đã dẫn đầu cuộc đấu tranh của công chiến binh Việt Nam tại Pháp vào năm 1942." (2) Ông Viện không hề tham gia vào việc thành lập cũng như việc "tổ chức" phong trào công chiến binh VN tại Pháp (vào năm 1944, chứ không phải 1942 !) thì làm sao có thể là "người tổ chức được"?

Một sự tiến hoá lạ lùng

Xin nhắc lần nữa, là nhà văn xuất sắc, bình luận gia thông minh, sử gia kiêm nhà phiên dịch tài ba, ông Viện nắm vững hai nền văn hoá Pháp - Việt và sử dụng sắc sảo hai ngôn ngữ này. Tác phẩm nổi bậc nhất của ông là bản dịch Pháp văn truyện Kiều của Nguyễn Du. Các bài bình luận chính trị của ông luôn luôn được độc giả mong đợi, theo dõi vì rất có tích cách thời sự và sắc bén. Ông sử dụng tài tình những từ ngữ, chữ nghĩa khác hẳn với lối nói lưỡi gỗ và giọng điệu nhàm nhán trong các văn bản (của những nhà văn) chính thức của đảng. Cho nên thật dễ hiểu vì sao ông được xem như phát ngôn nhân chính thức của phe đổi mới vào thời điểm glasnost (*công khai*) và perestroiska (*cải tổ*). Nhất là từ 1981, ông đã được dư luận chú ý vì bức thư nổi tiếng gửi cho quốc hội (3), qua thư này ông tố cáo những thói tật, lỗi lầm, trì trệ, sức ỳ của Đảng, và theo ông, đó là hậu quả của đường lối theo Mao Trạch Đông. Ngày nay, ông còn đi xa hơn nữa, không những ông đòi ê kíp lãnh đạo cũ rút lui mà ông còn nêu lên một số vấn đề liên quan đến chính bản chất của chế độ. Ngày nay, ông nói về mối nguy hiểm hiện tại và tương lai do lề thói quan liêu của đảng viên gây ra, ông nói về sự cần thiết tái lập nền dân chủ cho nhân dân, về tự do sáng tạo nghệ thuật cho văn nghệ sĩ v.v... Người ta nói ông còn yêu cầu Tổng thư kí Nguyễn Văn Linh xét lại vụ án

Nhân Văn Giai phẩm. Trong vụ này, vào năm 1956, Đảng đã xử án rất nặng tay những người trí thức phản kháng (4).

Phải nhìn lại đoạn đường quá khứ, biết rõ những quan điểm chính trị ngày xưa của NKV, chúng ta mới thấy cuộc tiến trình chính trị này khá lạ lùng.

Ca ngợi chủ nghĩa Quốc xã

Đến Pháp năm 1937 theo học ngành y khoa, vào tuổi 24, dòng dõi con quan, ông NKV lúc ấy chưa có vẻ quan tâm đến hoạt động chính trị.

Sức khoẻ kém vì mắc bệnh lao, một bên phổi bị cắt mất, ông được gửi đến nghỉ ngơi tại Dưỡng đường sinh viên Saint Hilaire du Touvet trong vùng Isère. Ông viết trong hồi kí về giai đoạn này: [ông] *nhìn vào chính trường như khán giả xem bóng đá, chỉ đếm bàn thắng chứ không tham dự.*

Hành động chính trị đầu tiên của NKV là vào năm 1943. Khi ấy, quân Đức đang tràn ngập toàn thể châu Âu, Pháp thua trận nhục nhã; ông nhìn thấy trong chiến thắng chớp nhoáng của Đức quốc xã một hi vọng và một dịp may giành lại độc lập cho Việt Nam.

Cùng với một số bạn bè, ông liên lạc với bộ máy tuyên truyền Đức quốc xã và tổ chức cho một số sinh viên quốc gia Việt Nam sang Đức (5). Trong khi các sinh vên này chỉ xem hành động mình như một thách thức đối với nhà nước thuộc địa và việc cầu viện nước ngoài - nhà cách mạng Phan Bội Châu đã chẳng cầu viện nước Nhật đó sao ?- thì ông KNV lại muốn đem một kích thước lí tưởng vào cuộc dấn thân này. Trong bài viết gây chấn động *Vì đâu?* (6) đăng trong báo *Nam Việt* vào tháng 8 năm 1944, ông Viện đã miêu tả chế độ quốc xã na zi của Hitler, như một thể chế chính trị đầy triển vọng tương lai. Theo ông, thể chế này sẽ thay thế chế độ dân chủ nghị viện quá nhiều khủng hoảng và [vì vậy] thuộc về quá khứ lịch sử. Ông viết:

Rồi thấy các chính phủ dân chủ, các nghị viện lao nhao, nói nhiều làm ít xoay sở không ra mối, họ đem lòng ngờ vực cái chính thể cộng hoà dân biểu mà xưa nay họ cho là cái chế độ tối hay. Lòng người đã đến đấy trong vài nước, liền có kẻ xướng lên và thi hành những quốc chính độc tài toàn quyền. Độc tài nghĩa là bao nhiêu quyền bính góp vào một người thủ súy đủ tài trí lực một mình quyết đoán, không bị những nghị viện ô hợp làm khó dễ, toàn quyền nghĩa là cá nhân không có quyền chỉ trích những mệnh lệnh của chính phủ. Nhất là về kinh tế, các tư gia phải chịu lệnh của chính phủ, kinh tế sẽ do chính phủ chỉ huy. Có chịu như vậy, một quốc dân mới tránh cái nạn quyền lợi giai cấp xâu xé nhau hỗn độn, mới ra khỏi được cái vòng khủng hoảng, mới dựng nên được một xã hội công bằng có trật tự. (7)

Lời ca ngợi chế độ na zi này phải chăng chỉ là "một lỗi lầm tuổi trẻ"? Phải chăng ông bị loá mắt vì những chữ *"quốc gia"* và *"xã hội chủ nghĩa,"* nên không hiểu rõ nội dung đích xác của chúng? Nhưng nếu đọc thật kĩ bài này, ta không thể không lưu ý đến một số khái niệm phản ảnh tư tưởng và hành động chủ đạo trong lập trường chính trị của ông Viện. Đó là tư tưởng ca ngợi người lãnh tụ *Thiên Tử thiên tài*, sự chú tâm đến luật lệ và kỉ luật, niềm mong ước cần có một anh hùng quốc gia, người *duy nhất* đủ khả năng hướng dẫn vận mệnh của cả một dân tộc.

Bài viết này của ông NKV được đăng báo vào tháng 8 năm 1944, ngay giữa lúc Paris được giải phóng khỏi bàn tay Đức quốc xã! Nước Pháp hân hoan chào mừng ngày tàn chủ nghĩa Quốc Xã na zi và nền tự do vừa thu hồi lại được. Nhưng còn bác sĩ NKV, ông nghĩ gì về tình hình mới mẻ này? Không ai biết được ông nghĩ gì bởi ông im lặng nhiều tháng sau đó.

Ủng hộ bên ngoài cuộc đấu tranh của người Việt tại Pháp

Lợi dụng lúc nước Pháp vừa được giải phóng, một nhóm Việt kiều thuộc thành phần quốc gia (8) và trốt kít Đệ Tứ kêu gọi thành lập một tổ chức tranh đấu đại diện cho toàn thể người Việt Nam. Đó là *Tổng Uỷ ban Đại Diện Người Việt Nam tại Pháp*. Thay mặt cho 25 000 người Việt, TUB đặt ra hai mục đích :

1) Bảo vệ quyền lợi kiều dân Việt Nam, nhất là các công binh và chiến binh đang đóng ở các căng trại rải rác trên khắp nước Pháp.

2) Tranh đấu chống chính quyền thuộc địa, ủng hộ cuộc giành độc lập cho đất nước Việt Nam.

Ngược lại với điều khẳng định của Hoàng Quốc Tân trong báo *Đoàn Kết*, bác sĩ NKV không hề tham gia vào việc thành lập TUB Đại Diện người VN vào những ngày 15, 16 và 17 tháng 12 năm 1944 (9), ông không tham gia (và sau đó cũng không hoạt động) đại hội thành lập tổ chức Việt kiều Liên Minh (10)

vào ngày 2-12-1945, thay thế cho Tổng Uỷ Ban bị chính phủ Pháp ra lệnh giải tán vào ngày 19-10- 1945.

Nhưng tuy đứng ngoài các phong trào này, ông Viện vẫn tỏ ra lưu tâm và dành nhiều cảm tình cho đồng bào. Trong bức thư đề ngày 27-12-1944 và đăng vào tháng Giêng năm 1945 trên báo Công Đoàn của trại Mazargues (vùng Bouches-du-Rhône gần Marseille), ông chào mừng cuộc đấu tranh của 25 000 công binh và chiến binh Việt Nam tại Pháp.

Sau khi Việt Kiều Liên Minh tự giải tán (11), chính tổ chức đại diện công binh Trung Ương Công Binh, thành lập vào ngày 14-4-1946, tiếp tục cuộc đấu tranh ấy.

Và chỉ kể từ ngày này ông Viện mới tỏ ý muốn góp phần vào cuộc đấu tranh với đồng bào. Từ Dưỡng đường Saint Hilaire du Touvet, ông liên lạc với ban chấp hành trung ương công binh, trụ sở tại Mazargues, ngay dù khi ấy ban chấp hành TU này chịu nhiều ảnh hưởng trốt-kít Đệ Tứ.

Đóng góp đáng kể nhất của NKV là một loạt bài vở viết trên tờ *Công Binh Học Báo*, trong chương trình chống nạn mù chữ cho công binh các trại. Ông cũng viết nhiều bài cho *Công Đoàn*, tờ báo nghiệp đoàn. Công binh các căng trại rất ưa chuộng các bài kí biệt hiệu Ngàn Phố của ông.

Tín đồ nhiệt thành của Staline

Sự hợp tác của ông Viện với những người trốt-kít Đệ Tứ chấm dứt vào tháng 4-1949, khi ông Viện nhờ người chú bà con tên Nguyễn Khắc Lân trao "một bức thư vĩnh biệt" cho họ, trong thư ông Viện cho biết ông gia nhập đảng Cộng Sản Pháp và thêm rằng ông công nhận sự sẵn lòng hi sinh tranh đấu của những người trốt kít Việt Nam, nhưng họ "sai lầm vì theo chủ nghĩa Trotski," từ nay nếu họ muốn biết tư tưởng của ông, hãy tìm đọc báo *Nhân Đạo* (l'Humanité: cơ quan ngôn luận chính thức của đảng CS Pháp)

Đấy là một cuộc chia tay tuy bất ngờ nhưng êm thắm, thân hữu. Chỉ về sau, hố chia cách mới trở nên sâu xa vì sự tranh chấp ý kiến giữa Trung Ương Công binh và Trần Ngọc Danh, trưởng phái đoàn đại diện chính phủ Hồ Chí Minh về vấn đề Tito-Staline và các vụ án do Staline gây ra tại các nước Đông Âu.

Điểm quan trọng chính trong việc tranh chấp này là thái độ của ban Chấp hành Công binh đối với chính phủ Hồ Chí Minh. Bác sĩ NKV không chấp nhận thái độ "ủng hộ [có] phê bình," theo ông, ủng hộ chính phủ kháng chiến Hồ Chí Minh nghĩa là phải ủng hộ triệt để, vô điều kiện và "nhắm mắt theo."

Ông muốn đổi khẩu hiệu *"ủng hộ Chính phủ Kháng chiến"* của đoàn thể công binh thành ra khẩu hiệu *"ủng hộ chính phủ do Hồ Chí Minh lãnh đạo."* Nhưng dưới hai khẩu hiệu này là hai tư tưởng chính trị khác hẳn nhau.

Đoàn thể công binh không đồng ý chính sách *độc lập trong Liên Hiệp Pháp* của Hồ chí Minh, không đồng ý việc Hồ Chí Minh kí Hiệp ước với Sainteny ngày mồng 9 tháng Ba năm 1946. Đoàn thể công binh ủng hộ Hồ Chí Minh khi ông lãnh đạo kháng chiến nhưng họ giữ quyền chỉ trích khi đôi bên Pháp Việt dự tính sẽ có một thỏa hiệp nào đó trong tương lai (12).

Về vấn đề Tito và các vụ án do Staline gây ra tại các nước Đông Âu, ông NKV nhất quyết đứng về phe Staline và Maurice Thorez. Dùng lại mọi lí lẽ của báo *l'Humanité*, ông Viện gọi Tito là "tên phản bội" và gọi nạn nhân các vụ án là bọn "gián điệp," ông Viện so sánh Rajk (13) của Hung Gia Lợi với tay phát xít Pháp Doriot (14).

Những người trốt kít sang Nam Tư điều tra

Sự tranh chấp càng dữ dội hơn nữa khi những người trốt kít Việt Nam táo bạo tổ chức "Đoàn tháng Mười" *La Brigade d'Octobre*, một phái đoàn gồm khoảng ba mươi người (15) sang Nam Tư "tìm sự thật." Đấy là một thách thức đối với đảng CS Pháp và các cơ quan tuyên truyền đồ đệ Staline, lúc ấy đảng và các cơ quan này đang trút vào đảng CS Nam Tư và Tito tất cả mọi vu khống tàn tệ.

Ai lại không đặt câu hỏi vì sao, vì trước đó được tờ báo *Nhân Đạo* và toàn thể báo chí theo Staline trên khắp thế giới thán phục, ca ngợi, bỗng chốc Tito và đảng CS Nam Tư hóa thành bọn "phát xít"?

Để đánh tan nghi hoặc, "Đoàn tháng Mười" dự định đến tận nơi điều tra.

Nhưng chút lòng (thái độ) nghi hoặc này đã khiến toàn bộ đảng viên đảng CS Pháp gốc Việt kể cả ông NKV tổ chức động viên đập lại người trốt-kít.

Ngày 28 tháng Tư năm 1950, nhóm *Công Nhân* phát truyền đơn in bản dịch tiếng Việt bài báo tháng 11/ 1949 *"Quyết nghị của Phòng Thông tin các đảng CS."* (La Résolution du Kominform).

Trong bài này Tito và đảng CS Nam Tư bị/được gọi là "phát-xít- trốt-kít." Các báo khác như *Liên Việt, Cứu Quốc, Cứu Tế* v..v.. cũng hùa theo, với các bài tố cáo rất hung hăng. Tờ Văn Hoá Liên Hiệp của Phạm Huy Thông và Trần Đức Thảo (16), có tiếng là tờ báo chỉ chuyên về văn hoá, cũng hăng hái góp phần. Trong báo này, số tháng 3/1951, NKV viết :

"[Ta thấy, trên tờ Vô sản], trên tờ Tiếng Thợ, bọn đồ đệ của tên phản cách mạng Trôtzki (một núm người nhỏ xảo trá hay thiếu cách mạng tự xưng là "Hiệp đoàn thợ") [đương kêu gào chỉ biết giai cấp chứ không biết tổ quốc]... chúng ca tụng Tito bởi Tito chống Liên Xô, Trung Hoa (...) Không dụ hoặc nổi Việt kiều xa cách Chính phủ, chúng mong lôi kéo Việt kiều chống chính phủ, vì chính sách ngoại giao của chính phủ. Mục đích cuối cùng của chúng vẫn không thay đổi: ấy là chia rẽ Việt kiều."

Kể từ vấn đề Tito trở đi, ngoài các danh hiệu "phản quốc," "đầy tớ thực dân" người trốt-kít Việt Nam còn được tặng thêm một cụm từ mới là "lũ Trốt-kít Phát- xít Tito." Nhà vô địch của chiến dịch này là luật sư Phan Nhuận, đảng viên "sáng giá" của đảng CS Pháp (17). Noi gương biện lí Vychinsky của Liên Xô, ông Phan Nhuận cũng có óc tưởng tượng khá phong phú, ông cam đoan rằng ông đã nhìn thấy người trốt-kít Đệ Tứ diễn hành với đạo quân bộ hạ của Bảo Đại trên đường phố Paris. Ông ta đã mắc bệnh tâm thần phân liệt chỉ vì quá thù hận người trốt-kít.

Nhưng khác với Phan Nhuận và các đồng chí trong đảng CS Pháp, thường chỉ có một thứ vũ khí duy nhất là sự vu khống trắng trợn, NKV dùng lí luận chính trị. Bằng một giọng khi nghiêm nghị khi mai mỉa châm biếm, ông tìm cách chứng minh rằng chủ nghĩa trốt-kít là một chủ nghĩa chính trị không thực tiễn và không giải quyết được nhiệm vụ thực tế do lịch sử giao phó. Sau đây là một trích dẫn lí luận của ông đăng trong báo *Công Nhân* số tháng 3/1950.

Những món hàng giá thật rẻ của Liên Xô

"Chúng tôi không có óc cách mạng sâu xa như các ông "Tiếng Thợ" nên chúng tôi, trong giai đoạn lịch sử này nhắm mắt theo ông Mao Trạch Đông (18), ông Hồ Chí Minh ở Tàu, ở Việt Nam (...) Chúng tôi dù có thiển cận cũng không quên rằng người cứu nhân loại khỏi nạn phát xít, mở đường giải phóng cho các dân tộc thuộc địa, không phải là Trotski, nhưng là Staline và "quan chế" sta-li-niêng. Chúng tôi không quên rằng trong lúc Trotski ngồi viết sách báo ở nước ngoài, dạy cách mạng thì Staline và quan chế Nga Xô đã kiến thiết, biến cãi một nước hèn yếu lạc hậu thành một nước hùng cường, đánh đổ phát xít, làm cho các thuộc địa cũ của Nga chỉ trong hai mươi năm đã vượt qua mấy thế kỉ lịch sử, nay đủ kĩ nghệ, trường học, nhà thương không kém gì các nước tiền tiến. Chúng tôi lấy làm lạ rằng trong tờ "Tiếng Thợ" vừa rồi, cho tin ở Nga, các ông "quên" cho biết rằng ở Nga, dù bị phá hoại rất nhiều, Staline và quan chế đã "độc đoán" (theo lời báo Franc tireur: baisse autoritaire des prix) hạ giá các hàng hóa từ 20 đến 25 %. Tội nghiệp cho dân Nga phải mua hàng rẻ quá; có lẽ các ông "Tiếng Thợ" cho rằng hạ giá bánh, thịt, quần áo không phải là một việc đại chính trị, đáng đếm xỉa đến, không phải là cách mạng?"

Báo *Tiếng Thợ* đã trả lời ông Viện từng điểm một trong một bài khá dài đăng trong số 58 ngày 15 tháng 5/1950 (19). Nhưng phải thú nhận rằng không dễ trả lời cho một người rất thành thật và đầy tin tưởng như ông Viện. Bởi vì quả là khác với đa số bạn bè ông lúc bấy giờ, ông rất tin tưởng những điều mình nói. Ông tin tưởng lời nói của Staline, Mao, Hồ, Thorez v..v.. mà khi ông nói về Trotski, người ta có cảm tưởng ông chưa hề đọc một dòng một chữ nào những gì Trotski đã viết.

(Còn tiếp)

Chú thích

1. Các bài báo kí tên Nguyễn Ái Quốc đăng trên các báo *Le Paria* Người cùng khổ- và *Việt Nam Hồn*, cũng như trên báo *L'Humanité* (Nhân đạo) trong những năm 30 tại Pháp đều được các sử gia đảng CSVN gán cho Hồ Chí Minh là tác giả. Thật ra, một số bài dù kí tên Nguyễn Ái Quốc, tác giả chính là nhà trí thức Phan Văn Trường. Chính ông Hồ Chí Minh cũng có nhắc đến điều này trong quyển sách của mình: "*Ông Nguyễn* [Hồ Chí Minh] *không giỏi tiếng Pháp nên nhờ ông Phan Văn Trường viết thế. Ông Trường viết giỏi nhưng không muốn kí tên thật. Mà chính ông Nguyễn đã phải kí tên những bài báo.*" Trong *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch* tr. 35, nxb Sự Thật, Hà Nội, 1976.
2. "Những con người, những con đường," trong *Đoàn Kết*, Paris, France, số 367, tháng Hai 1985
3. Xin xem bản dịch và lời bình luận của chúng tôi trong *Chroniques vietnamiennes*, số đặc biệt về "Giới quan liêu tại Việt Nam."
4. Xin đọc "Cuộc phản kháng của người trí thức Cộng sản Việt Nam" báo *Chroniques vietnamiennes*, Thời Luận Việt Nam, số 2, tháng Tư 1987.

5. Trong đó có các sinh viên mang tên: Lê Văn Thiêm, Phạm Quang Lễ, Hoàng Xuân Nhị, Nguyễn Hoan v.v...

6. Xin xem trọn bài này trong báo *Nam Việt* số 6 tháng 8-1944, Hồ sơ Đệ Tứ tập I, tr. 37 và Người Việt tại Pháp 1939-1954

7. Báo *Nam Việt* số 6, tháng 8/1944, ấn hành tại Paris.

8. Trong đó có thể kể các ông : Nguyễn Được, Hoàng Đôn Trí, Bùi Thạnh, Trần Đức Thảo, Hoàng Xuân Mãn, Nguyễn Đắc Lộ, Lê Viết Hường, Võ Quý Huân v.v...

9. Xin lưu ý: trong danh sách ban chấp hành trung ương của TUBĐDVN, không có một người Việt Nam nào của đảng CS Pháp bởi vì đảng CS Pháp chống lại việc thành lập Tổng Uỷ ban. Trong quyển *Cách mạng tháng Tám*, nxb Sử học, Hà Nội, tập II, tr 445-449, các sử gia đảng CSVN đã nói đến và ca ngợi Tổng Uỷ Ban nhưng tránh không nhắc đến thành phần ban chấp hành cũng như nguồn gốc tổ chức TUB.

10. *Rassemblement des Ressortissants Annamites*. Vào thời này, người Pháp dùng chữ người An Nam (annamites) hay người Đông Dương (indochinois) để chỉ người Việt Nam.

11. Tự động giải tán để nhường chỗ cho phái đoàn Đại Diện Chính Phủ Lâm Thời Hồ Chí Minh sắp sửa đến Pháp. Thật ra, có nhiều bất đồng ý kiến giữa các thành phần trong Việt Kiều Liên Minh. Thành phần trốt-kít và quốc gia cấp tiến muốn lui về lo việc tổ chức và chính trị hoá các công nhân qua ban chấp hành Trung Ương Công Binh.

12. Công binh rất chống đối khẩu hiệu "Liên Hiệp Pháp," theo họ, LHP đúng ra là "Đế Quốc trá hình."

13. Rajk, cựu đảng viên trong ban chấp hành đảng CS Hung, được phục hồi danh dự năm 1956, cũng như Kostov, Clémentis, Arthur London, các nạn nhân khác, vào thời đó...

14. Trong bài viết, ông Viện trình bày Doriot như là một gián điệp phát xít đã thâm nhập vào TƯ đảng CS Pháp. Sự thật Doriot là đảng viên đảng CS Pháp, vì thất vọng CS Đệ Tam đã theo đường lối Staline, mà trở thành phát xít. Xem quyển *L' Histoire intérieure du PCF* của Philippe Robrieux (Lịch sử nội bộ đảng CS Pháp) tr. 169-174. Riêng trường hợp Rajk thì khác hẳn nhưng ông Viện đã sử dụng phương pháp đánh đồng của Staline.

15. Chỉ có khoảng ba mươi (30) người được cấp thông hành trong số bảy mươi tám (78) ghi tên xin đi sang Nam Tư.

16. Trong vụ án Nhân Văn Giai Phẩm năm 1956, Hoàng Trung Thông (kí tên Hồng Vân) tố cáo Trần Đức Thảo là trốt- kít. Theo HTThông, Trần Đức Thảo liên lạc thường xuyên với một lãnh tụ Đệ Tứ Quốc Tế là Pierre Frank. Đây là một điều hoàn toàn vu khống.

17. Về trường hợp Phan Nhuận và hoạt động của ông ta, Alain Ruscio, sử gia đảng CS Pháp đã viết trong quyển *Les communistes francais et la guerre d'Indochine* (Người CS Pháp và cuộc chiến tranh Đông Dương) tr. 81-82, nxb l'Harmattan, 1987 như sau: *"Luật sư Phan Nhuận trách nhiệm nhóm cộng sản người Việt của đảng CS Pháp, trong "Ủy ban người ngoại quốc." Theo lệnh đảng, họ tự tổ chức lấy chiến dịch hô hào người Việt tham gia vào đoàn quân [Lê dương] giải phóng Đông Dương, ít nhất là đến mùa hè năm 1945. Đồng thời đảng cộng sản Pháp cũng xin vũ trang cho người Việt Nam ở Pháp để những người này có mặt trong đoàn lính Lê Dương ít ra cũng đến mùa hè năm 1945. Lí do: người CS thiếu thông tin về tình hình VN. Vì vậy vào lúc người trốt-kít và người quốc gia VN cùng vận động thành lập một tổ chức nhằm đấu tranh giành độc lập cho VN là TUB Đại diện Người Việt tại Pháp thì Phan Nhuận và bạn bè lại lo đi mộ lính (Việt Nam) cho đạo quân Lê dương Pháp.*

18. Năm 1981, trong bức thư gửi Quốc Hội, ông Viện đã tố cáo chủ nghĩa mao-ít. Thật vậy, ngày nay, ông Viện cũng như đảng CSVN không hết lời chống đối Trung Quốc và Mao.

19. Báo *Tiếng Thợ* ban đầu là cơ quan ngôn luận của Trung Ương TUB Đại diện người Việt tại Pháp, sau đó của Hiệp Đoàn Thợ Việt Nam tại Pháp.

Bestseller

Sài Gòn Tuyết Trắng

Việt Nam Tháng 4, 1975

Vũ Thụy Hoàng

44 năm trong ngành báo chí

33 năm với Washington Post

để biết

-Vì sao miền Nam VN xụp đổ?
-Những mưu kế, đòn phép ở hậu trường chính trị VN
-Sài Gòn trong những ngày hoang mang, lo sợ
-Những chuyến bay bí mật di tản khỏi Việt Nam
-Những cuộc di tản tất tưởi ở tòa đại sứ Mỹ, ở Tân Sơn Nhứt, ở bến tàu, trên biển cả

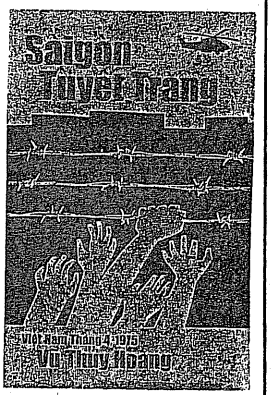

Sưu tầm công phu
Tài liệu xác thực, phong phú
Sách 350 trang. bìa bốn màu
Giá bán: $18. Ngoài Mỹ: $20
Xin gửi check, money order:
Catherine Vũ, P.O. Box 5060
Springfield, VA. 22150-5060

Website: www.geocities.com/vuthuyhoang

VĂN CHƯƠNG BÌNH DÂN

ÔNG CỐ VẤN

TƯ CẦU-KHO

"Ta thấy hình ta khắp phố phường" ...

Tác giả tự giới thiệu:

Nhà văn Tư Cầu-kho (TCK) là một đại văn hào ở chợ Cầu-Kho trước thời kỳ bị bộ đội Cộng sản chiếm đóng. Ông giữ chức Chủ-tịch hội Văn-bút Cầu-kho trong tám năm liền nhờ được sự tín nhiệm của toàn thể các hội viên mà đa số không biết viết. Tư Cầu-kho là một nhà văn chân chính, loại "xịn," chưa hề nhận tiền hay nhận lệnh của ai để viết một tờ truyền đơn nào hết.

Đoạn văn "ông cố vấn" sau đây được trích từ quyển hồi ký có tựa đề "Người hùng không chân dung"của nhà văn TCK (xin đừng lộn với "Người tình không chân dung"). TCK thấy rằng sống trên đời gặp được người tri kỷ, ngày ngày cùng nhau xơi thịt cầy rồi cùng nhau mặc áo thụng, ra trước đình vái nhau thì cuộc đời rất ư là hạnh phúc. Nỗi buồn của TCK là không có người tri kỷ cùng chén chú, chén anh. TCK không biết nhậu thịt chó mà chỉ biết nhậu cua đinh. Ngặt một nỗi là cua đinh thì có rất ít người dám ăn vì nó rất độc. Người miền Bắc gọi nó là con ba ba. Nó rất ngon, nhưng rất ít người dám ăn thành ra người ta phải chế ra món "ốc giả ba ba," lấy thịt ốc bươu thay thịt cua đinh rồi nấu với con mẻ, củ riềng, chuối chát v.v... như nấu ba ba, ăn cho đỡ độc. Về cái độc của cua đinh thì đứa nào mắc bịnh TÌNH, bịnh TÂM, bịnh TÍNH ăn vô liền bị phong hành đau nhức chịu không nổi, thuốc cortisone chích vô chẳng ăn thua gì cả.

Ngày xưa, ở Sài Gòn có cụ Thủ Tướng Trần Văn Hương rất khoái ăn cua đinh mà quần thần của cụ thì chẳng có mấy người dám ăn, cho nên khi có cua đinh đưa từ Vĩnh Long lên là cụ phải sai người xuống xóm Cầu Kho triệu TCK lên đinh để nhậu với cụ. Cụ nói 'qua' ăn cua đinh nhiều nên qua cũng giống như cua đinh, cắn trời gầm không nhả. Đến khi cụ Hương nhập phe với ông Thiệu để làm Phó Tổng thống cho ông nầy thì TCK không được cụ mời ăn cua đinh nữa. Số là vì bữa đó có người từ Vĩnh long mang lên một con cua đinh cái có trứng rất ngon nên cụ Hương bèn cho nấu càri và hầm thuốc bắc rồi mời ông Tổng thống tới ăn. Ăn xong có mấy tiếng đồng hồ thì Tổng thống bị trúng độc, mình mẩy xưng vù, đau nhức khắp nơi như bị bò cạp cắn. Mấy thằng trong cơ quan tình báo nói rằng cụ Hương muốn thuốc Tổng thống để xoáng ngôi. (Cũng mấy thằng tình báo nầy có lúc báo cáo rằng

TCK là bà con với ông Thủ tướng Chánh phủ của Mặt trận Giải phóng Miền Nam Nguyễn Hữu Thọ và báo cáo rằng TCK có lần đi họp với Nguyễn Hữu Thọ ở Hốc Môn). Cụ Hương vô nhà thương Grall thăm Tổng thống mà nước mắt ràn rụa, cụ thề độc là cụ không bao giờ làm vậy. Để chứng minh lòng mình, cụ bèn sắm lễ vật qua Lăng Ông bẻ cổ ba con chim se sẻ mà thề độc, rồi từ đó cụ bỏ ăn cua đinh luôn. Từ đó, TCK không còn người tri kỷ cùng nhậu cua đinh, chỉ lâu lâu đi đến quán Bảy Hổ nhậu một mình, đi giữa Sài Gòn mà như đi bộ trong sa mạc Death Valley ở Nevada, sau khi đã cháy túi ở Las Vegas. Từ ngày chạy giặc di cư qua Mỹ tới nay, thỉnh thoảng vẫn có các đàn em từ Florida và Georgia manh cua đinh lên DC tặng TCK, nhưng nhìn quanh thấy chư quân tử đều cữ cua đinh nên TCK đành sống kiếp cô đơn, độc ẩm.

Không có tri kỷ thì lấy ai để rỉ nhau cùng mặc áo thụng ra trước đình mà vái lẫn nhau? Đành phải một mình ra trước gương nhìn mình rồi tự vái mình, đó là tự viết tiểu sử vậy. Các bậc vĩ nhân đều làm như thế. Như bác Hồ của chúng ta chẳng hạn. Bác vô cùng cô đơn, nhìn quanh không thấy đứa nào đáng ngồi chung chiếu với bác và đáng mặt khen bác. Chú Đồng thì ngu ngơ như con cù lần đất, chú Thọ thì gian manh không thua gì mấy con điếm ở Pigalle từng chọt bóp của bác, chú Khu thì lý thuyết dỏm mà chọc cứt không nên lổ, chú Duẩn tham lam ngoan cố, còn chú Giáp thì nhát như con thỏ đế. Ngày ngày nghe bọn nầy nịnh bợ mà bác phát ngứa. Chán quá, bác bèn tự viết tiểu sử rồi ký tên là Trần Dân Tiên. Chỉ ta là đáng khen ta!

*

Trong cuộc đời nầy, không ai định được tương lai mình. Cũng như Napoleon, đâu có bao giờ học làm vua, nhưng rồi cuộc đời đưa đẩy khiến ông ta đã làm vua, một ông vua độc đáo. Đó cũng là trường hợp TCK nầy, từ nhỏ tới lớn cha mẹ và thầy giáo chưa ai dạy Tư nầy nghề làm cố vấn, nhưng đời đưa đẩy khiến TCK đã trở thành cố vấn cho mấy ông Tổng thống.

Hồi đó ở Việt Nam, TCK vốn ít học, không có nghề nghiệp rõ rệt và không biết làm chuyện gì nên khi từ nhà quê lên Sài Gòn, Tư tôi đã sống lang thang, đêm đêm phải lén vô sở thú ngủ nhờ. Cái chỗ kín nhất để ngủ yên lành lúc đó là phía sau chuồng cọp. Ngủ ở đó riết rồi con cọp nó quen hơi TCK, đôi khi nó lại sát tường để TCK thọt tay vô song sắt rờ đầu nó. Con cọp rất dễ thương nhưng có cái kẹt là miệng nó rất thúi, vì ăn thịt sống mà không có đánh răng. Bữa nọ, trong lúc rờ đầu con cọp thì TCK bỗng có ý nghĩ là xỉa răng cho con cọp để nó bớt hôi, bèn lượm cây lụi nướng thịt ai bỏ gần đó rồi xỉa răng cọp. Cọp ta khoái quá, đứng lim dim cho TCK xỉa cả buổi và từ đó về sau, ngày nào cọp cũng chờ TCK xỉa răng cho nó. Nhờ vậy mà cọp hết thúi miệng và ông Giám đốc sở thú rất lấy làm hãnh diện về con cọp của mình. Một hôm, ông đi dạo buổi tối và bắt gặp tại trận TCK ngủ lén cạnh chuồng cọp và đang xỉa răng cho con cọp. Sau khi hạch hỏi, ông Giám đốc thấy TCK có tài nhưng hoàn cảnh đáng thương bèn tuyển dụng cho vô làm nhân công sở thú, chuyên lo cho xỉa răng và tắm rửa cho cọp mỗi ngày. Tiếng đồn vang khắp Sài Gòn nên bữa nọ có ông nhà báo đến làm phóng sự. Bài phóng sự đọc chán bỏ mẹ. TCK bèn viết một bài khác nói về chuyện cọp và người và nghệ thuật xỉa răng cọp rồi đem lại tòa báo tặng ông chủ nhiệm. Ông nầy sau khi đọc xong liền cho người mời TCK về làm báo với ông, chuyên phụ trách mục Xỉa Răng Cọp trên tờ báo. Ông chủ báo nầy nói rằng bầy cọp trong gánh xiệc đang diễn trong thành phố cũng rất ư là thúi miệng, vì vậy mà ông ta nhờ TCK làm cái công chuyện xỉa răng cọp để cho khán giả đỡ khổ. Ổng nói rằng phải xỉa cho khéo tay, lôi thôi cọp nó đau quá thì nó táp bể đầu.

Từ ngày có TCK xỉa răng cọp, báo bán chạy gấp đôi, ông chủ rất vui nên ông trả lương rất hậu, nhờ vậy mà TCK mới có tiền xuống xóm Cầu Kho mướn một căn nhà lập đại bản doanh. Xóm Cầu kho phía đông giáp Tổng nha Cảnh sát, phía tây giáp kinh Tàu hủ, phía bắc giáp chợ Cầu Ông Lãnh, phía nam giáp nhà thương điên Chợ quán, là nơi quy tụ những trí tuệ cao nhất nước. Nơi đây có nhóm tàn quân Bảy Viễn mà đại diện là Tám Hí và Sáu Thẹo, có nhóm thi sĩ chợ Cầu Ông Lãnh mà đại diện là thi sĩ Đông Hồ (Yểm-yểm thư trang), nhóm văn sĩ chợ Cầu kho mà đại diện là nhà văn Bình Nguyên Lộc (truyện Ba Con Cáo là ở trong nghĩa địa CK), nhóm trí thức Trốt Kýt do Hồ Hữu Tường lãnh đạo (Phi Lạc Sang Tàu), nhóm nghệ sĩ Cải lương với đào độc Thanh Nga, kép độc Hoàng giang, nhóm cựu Nam bộ kháng chiến của ký giả Nguyễn Kiên Giang (báo Thời Đại), và đặc biệt nhất là nhóm trí thức nhà thương Chợ quán. Căn nhà TCK là nơi văn nhân tài tử ngày ngày lui tới

nên đã trở thành trung tâm văn bút Cầu kho hồi nào không biết, chỉ biết là một hôm mấy anh em mang một chục hột vịt lộn và hai xị rượu đến rồi tuyên dương rằng TCK là Chủ tịch Trung tâm Văn Bút Cầu Kho, kiêm Chủ nhiệm Thi đàn Kinh Tàu hủ. Bắt đầu từ đó, Tư nầy có biệt danh là hiền sĩ TCK, tiếng hiền loan ra tới sông Bến Hải. Một hôm, tòa báo sai TCK đi dự một buổi hội để nghe những nhân sĩ chuyên nghiệp nâng-bi sự nghiệp dân chủ của ông Tổng thống. Nghe mấy ông nhân sĩ nầy làm TCK thấy ngứa như bị trúng phong nên hôm sau đã viết trong mục Xỉa răng cọp đại ý rằng thì là ông Tổng thống mình cũng sém-sèm như ông Đại tá Amin Dada của xứ Uganda chứ dân chủ cái con mẹ gì.

Hôm sau nữa, ông chủ báo kêu TCK vô phòng, mời một điếu thuốc con-mèo, một ly cà phê sữa và đưa cho một cái bao thơ, nói rằng cuối tuần nầy sẽ dẹp cái mục Xỉa răng cọp và TCK được nghỉ việc. Ông chủ báo cho biết người ta nói rằng nếu không đuổi TCK thì báo sẽ bị đóng cửa. Trời đất! Đúng là khôn ba năm, dại một giờ. Sao mình lại không học theo các cụ nhân sĩ chuyên nghiệp kia để suốt đời được phe phẩy? TCK cám ơn ông chủ, hẹn sẽ trở về sở thú làm job cũ, nhưng xin ông chủ được viết thêm hai ngày để từ giã bạn bè và đọc giả, hứa sẽ viết đàng hoàng để không hại tờ báo. Nhớ lời dạy của Thầy Đạt Lai Lạt Ma là "khi bạn thất bại thì đừng quên bài học" nên hôm đó, TCK đã viết rằng trên phương diện hành chánh thì ông Tổng thống độc tài, nhưng trên phương diện chánh trị thì tổng thống mình "độc tài sáng suốt," độc tài như vậy là đúng trên phương diện lịch sử, độc tài vì hoàn cảnh, chứ còn Tổng thống Mỹ Nixon đã khen Tổng thống mình là một trong những nhà lãnh đạo anh minh nhất thế giới. Thế là tuyệt! Ngày Thứ Bảy, ông chủ báo gọi TCK vô phòng, bảo thứ hai cứ đi làm như thường. Từ đó, TCK thấy mình đã "ngộ," vì nếu chưa ngộ thì sao đã nghĩ ra được chữ "độc tài sáng suốt." Cuối tuần đó, cuộc đời lên hương. Đêm thứ bảy đi nhậu, về đánh phé cho tới chiều chúa nhựt, trong lòng không một bợn lo âu. Hai tuần sau, TCK lại nhận được thiệp mời đi dự tiếp tân trong dinh Độc lập nhân ngày Quốc khánh và sau đó được tiến cử làm cố vấn cho Tổng thống, có văn phòng cạnh quý ông Huỳnh Văn Trọng, Vũ Ngọc Nhạ, Trần Văn Ân v.v... Được bác Huỳnh Văn Trọng hướng dẫn, TCK xuống nhà thờ Tân Định xin rửa tội, rồi xin gia nhập "Công giáo tiến hành," vì theo lời bác Trọng dạy thì con đường nầy sẽ đưa mình vào nội các.

Nhưng sự vinh quang không phải chỉ có thế, TCK lại được tòa đại sứ Mỹ ghi tên trong danh sách nhân sĩ được mời tiếp tân ngày *4 of July*, nhờ vậy mà được quen biết nhiều nhà ngoại giao Mỹ. Cuộc đời nhờ đó mà lên luôn. Nếu không có vụ 1975 thì chắc chắn một ngày nào đó Tư tôi sẽ làm bộ trưởng. Nhưng cũng nhờ có tên trong danh sách VIP mà TCK được trực thăng Mỹ bốc trên nóc một cao ốc ở đường Gia Long ngày 29 tháng Tư, cùng đi với quý vị thứ "xịn" như bác sĩ Trần Kim Tuyến, Trung tướng Trần Văn Đôn v.v... Nhờ quen lớn nên tới Mỹ thì TCK được mời làm cố vấn (cũng cố vấn) cho một cơ quan xã hội có tên là "Cơ quan Tác xạ Đông Dương," để giúp người Việt di cư nào muốn học bắn súng thì đến đó mà bắn bia. Thỉnh thoảng TCK cũng được bộ Ngoại giao Mỹ mời thỉnh ý về các vấn đề Việt Nam.

Mấy năm trước về hưu, giã từ thủ đô ánh sáng, TCK bèn vô sa mạc Nevada lập đạo. Đạo thờ Đức Thánh Washington, người Mỹ bình dân gọi là Đạo Chạy. Giáo lý của đạo là uống nước nhớ nguồn, mình sống trên nước Mỹ, được ăn tiền trợ cấp thì phải nhớ người sáng lập ra nước Mỹ, đó là Tổng thống Washington. Đạo mới lập có mấy năm mà tín đồ khắp nước Mỹ lên đến cả chục triệu. Hàng năm có cả triệu tín đồ về viếng tổ đình, như người ta đi viếng thánh địa Mecca. Tổ đình nằm ở đường số 22, Las Vegas, ở xa có thể nhìn thấy dễ dàng nhờ sơn màu vàng đỏ, giống như tiệm Mac Donald. Thánh thể là tượng Ngài Washington, còn Thánh tượng là hình cái mũi của ông Kissinger. Mình thờ cái thánh mũi nầy là tại vì TCK thấy rằng ở nước Mỹ mấy ông có cái mũi kiểu đó là những người đang dìu dắt nước nầy trên mọi chuyện, chuyện kỹ nghệ, chuyện truyền thông, chuyện chánh trị, ngay cái chuyện làm cinema mấy ổng cũng lãnh đạo tuốt. Đạo lấy tâm đơn giản làm gốc, không muốn làm cho nhân gian thêm rắc rối nên tín đồ dùng lon coca làm chân đèn, còn bình hương là chai ketchup. Chỉ có phần xin xăm thì phải dùng computer vì lý số có đến 14000 cái thẻ đục lỗ (giống như phiếu bầu cử ở Florida), chứ không phải vài chục cái thẻ tre như trong các chùa Tàu.

Phương cách tu tập là thực hành môn Thiền Chạy, mỗi ngày tín đồ phải chạy ít nhất

một chục cây số, bất kể mùa đông hay mùa hè, trời sáng hay trời tối. Ở xứ Mỹ nầy có đủ đạo nằm, đạo đi, nhưng người Mỹ họ không tin. Họ tin Đạo Chạy của TCK vì họ phục tài chạy đạn của người mình, nghĩ rằng cái chuyện chạy thì không ai hơn người Annam. TCK giảng rằng người Tây Tạng có lối thiền phi hành, người Việt Nam cũng có lối thiền gần giống như vậy. Người thiền cao rồi thì biết cách chạy né đạn, súng bắn không trúng. Nhờ vậy mà tuy bom đạn Mỹ xài ở Việt Nam nhiều hơn hồi thế chiến thứ hai, số người sống sót rất cao. Dân Mỹ nghe vậy thì tin lắm. Theo phép tu nầy thì sau ba năm thiền và đã cúng trên 3000 đô thì sẽ được truyền pháp môn né đạn. Sau một năm lập đạo thì TCK nhập thất để thiền, không chạy ngoài đường mà chỉ chạy trên treat-mill, cũng không ra ngoài đường ban ngày, khi nào có đi chơi casino thì cũng chỉ đi vào quá canh ba. Nguyên do chuyện nầy thật ra tại vì ở Las Vegas trời nóng quá, chạy ngoài đường mau mệt, chạy treat-mill trong phòng có máy lạnh thì khỏe hơn. Chính ra, vì kẹt mà TCK phải lập tổ đình ở Las Vegas. Lúc đầu TCK đã định lập tổ đình ở Atlantic City, vì nơi đây có cái walk board dùng để chạy rất hay. Nhưng trong khi đi lòng vòng tìm địa điểm thì đụng đầu Dượng Chín trong casino. Hỏi ra mới biết là Dượng Chín đã lập tổ đình ở đây. Số là bà già vợ trước của Tư tôi có ba người em trai, có một ông cưới một bà vợ bé ở trong xóm Cầu Tre. Bà nầy là bà con bạn dì của người vợ bé của ông Chín Cầu tre. Tính qua, tính lại sao đó mà bà già vợ lớn của Tư tôi bảo Tư tôi gọi ổng bằng Dượng. Như vậy là có bà con rồi. Mà đối với Tư tôi, đã là bà con thì mình không có chuyện cạnh tranh nhau, nên Tư tôi phải rút khỏi Atlantic City, chạy về Las Vegas.

Đạo đang đà phát mạnh và TCK như sắp giác ngộ đến nơi thì ở bên DC người ta gởi máy bay qua mời về vì Tổng thống Clinton cần một người cố vấn để giúp ngài trước khi ngài công du Việt Nam. Cực chẳng đã, TCK lại phải khăn gói trở về chốn phồn hoa, ngày ngày vào tòa Bạch ốc ngồi chờ Tổng thống hỏi ý. Chờ đúng hai tuần thì được Tổng thống mời vô văn phòng hình bầu dục làm việc.

"Chào ông Tư, ông mạnh giỏi? Ông là bậc thánh hiền nên tôi mời ông đến xin ý kiến ông về chuyến đi trọng đại sắp tới của tôi. Theo ý ông thì khi tới Hà Nội tôi phải nói gì cho người Việt Nam khoái."

"Thưa Tổng thống, tôi thấy Tổng thống ca tụng bác Hồ cũng dân chủ như ông Jefferson. Tổng thống nói dân tộc Việt Nam đánh giặc hay nhất thế giới và Tổng thống cũng yêu dân tộc Việt Nam như ông đại sứ Peterson."

"Bây giờ nói chuyện đánh giặc sợ không tiện. Còn nói tôi yêu dân Việt Nam như ông đại sứ Peterson sợ người ta không tin vì tôi không có vợ Việt Nam như ông ta. Còn chuyện bác Hồ như ông Jefferson thì tôi thấy cái ý nầy rất hay. Nhưng bấy nhiêu đó tôi thấy chưa đủ."

"Vậy xin Tổng thống khen người Việt Nam là thông minh, tài giỏi, có óc kinh doanh, nếu cho tự do kinh doanh thì trong vài năm Việt Nam sẽ giàu hơn Nhật Bản."

"Tôi thấy y kiến đó hay tuyệt, xin ông Tư cho biết thí dụ những trường hợp cá nhân và tổ chức xuất sắc để mình viết vô diễn văn."

TCK nhớ không ra ai cả. Sau một phút suy nghĩ thì nhớ rằng tổ chức xuất sắc nhất là Mặt trận, vừa giỏi về chánh trị lại giỏi về kinh tế, kháng chiến hay, nấu phở giỏi..., nhưng lại nhớ ra rằng Tổng thống Mỹ mà đi khen mặt trận nầy ở Hà Nội thì không hợp cảnh, nên thôi. Còn về cá nhân thì ngoài TCK ra đâu còn ai, nhưng vì tánh khiêm nhượng nên cũng không nói ra.

Bí quá, TCK bèn thưa với Tổng thống là hôm sau sẽ trở lại với hồ sơ đầy đủ về những cá nhân và tập thể xuất sắc đã thành công vang danh thế giới trong mọi lãnh vực văn chương, khoa học, âm nhạc, thể thao, kinh doanh v.v... để trình Tổng thống. Tổng thống Clinton liền ok vì đã tới giờ ngài đi đánh gôn. Ra ngoài đường, TCK nghe như muốn bịnh vì lo, bèn ghé thương xá Eden xơi một tô phở gân để vừa nhai gân vừa suy nghĩ. Nhân tiện, ghé qua nhà sách mua quyển *Vẻ vang dân Việt* đọc mà tìm thí dụ. Nhai chưa hết mấy miếng gân thì đã đọc xong cuốn sách, thấy có nhiều người tài giỏi nhưng rất tiếc chỉ thấy toàn là công chức hay thầy giáo, chẳng có ai làm chủ hơn một chục chiếc taxi. Chợt nhớ hôm nào ở đây có một cuộc mết-tinh, có một thằng vạch quần đứng đái giữa đường, bị đám đông đánh suýt chết, bèn nghĩ rằng Tổng thống có thể lấy vụ nầy để khen dân ta là can đảm, nhưng suy đi nghĩ lại không biết rõ ai là người can đảm, thằng bị đánh hay đám đông đánh nó, nên lại thôi. Đang lo âu bỗng thấy ngài tiến sĩ Mạnh Hùng đi tới. Tiến sĩ Hùng là tiêu biểu cho người Việt Nam ta, đít nhỏ mà đầu to, người

chỉ 45 kí nhưng cái đầu thì chứa cả tấn chữ Mỹ, chuyện gì hắn ta cũng biết. Hắn vừa dạy học, vừa làm cố vấn có tính tiền nên ai hỏi cái gì hắn cũng ỡm ờ chờ người ta đưa tiền rồi mới nói. Bèn mời một tô phở gà và đem câu chuyện trong tòa Bạch ốc ra nói để dụ hắn. Quả nhiên hắn chịu đèn:

"Ông đừng nêu tên tôi với Tổng thống vì lúc nầy tôi rất bận, rất sợ người ta kêu tới. Cưới vợ cho thằng con xong, bây giờ sắp tới phiên tôi. Tôi mà phải đi với Tổng thống Mỹ về Việt Nam thì kẹt lắm vì bà ấy ghen không muốn cho tôi về Việt Nam, sợ tôi bị mấy bà bên đó bắt. Mà ông có phải đi không? Rồi thằng Mít nào sẽ cùng đi với Tổng thống?"

Ông tiến sĩ hỏi tới tấp. Số là dân Mít ta nghĩ rằng kỳ nầy Tổng thống Clinton đi Việt Nam thì thế nào mình cũng phải có tên trong phái đoàn, vì ngoài mình thì đâu có đứa nào biết chuyện Việt Nam. Nhưng ngặt một cái là không cậu nào biết trong cái danh sách phái đoàn 2000 người có bao nhiêu thằng Mít nên các cậu cứ đoán mò, đứa thì nói 20, đứa thì nói 50, rồi mỗi đứa đêm đêm cứ nằm mơ thấy mình đang xách laptop bước lên Air Force One. TCK làm ra vẻ đau khổ:

"Tôi đang lo việc đạo, ông cũng biết rồi. Nhưng trong vụ nầy mình giúp cả hai tổ quốc một lúc thành không thể từ chối. Đi thì phải bỏ bê tín đồ tội nghiệp, vả lại công việc cũng nặng lắm. Bởi vậy hôm trước tôi định nhờ ông thay tôi nhưng trong ấy người ta không chịu, bây giờ tôi đã định đề nghị trong ấy mời ông cùng tôi giúp thì nhẹ cho tôi hơn."

Tiến sĩ có vẻ cảm động nhưng cũng chối từ:

"Ông đừng làm tôi kẹt. Nhưng mà điều kiện làm sao vậy?"

Biết tiến sĩ đã cảm động, TCK bèn vô đề:

"Tôi sẽ hỏi người ta rồi sẽ gặp lại ông. Nhưng có chuyện nầy xin hỏi ông, đó là Tổng thống muốn nêu tên vài người Việt Nam tài ba lỗi lạc để khen dân Việt, ông có biết ai nổi tiếng về văn chương, âm nhạc, thể thao v.v... để tôi mách với Tổng thống."

"Văn chương thì cụ Bùi chứ còn ai. Cụ ấy mới vừa xuất bản một quyển tiểu thuyết lịch sử tình cảm, hay hết xẩy."

"Đúng rồi, cụ Bùi là văn sĩ đại tài, tôi biết cụ từ lâu. Văn của cụ ngọt đến nỗi mùa hè năm trước tôi ghé thăm cụ, gặp lúc cụ ngồi viết ngoài sân, có cả một bầy ong bu lại hút mực của cụ. Nhưng tôi chưa đọc cuốn tiểu thuyết mới, vì cụ ra sách mà quên tặng tôi. Sách tên gì vậy?"

"*Vòng tay lịch sử.*"

"Cha, nghe sao giống cuốn *Vòng tay học trò* của bà Nguyễn Thị Hoàng quá vậy? Chắc nói chuyện về bà Ngô Đình Nhu hay bà Nguyễn Cao Kỳ..."

"Không, nói chuyện lớn kia, chuyện chiến tranh, hòa bình, như sách của Tolstoi vậy."

"Cụ Bùi mà viết lịch sử thì hết xẩy, vì từ 1945 tới 1975 lúc nào tôi cũng thấy Cụ đứng cạnh mấy ông Thủ tướng. Nhưng mà tôi thấy thằng khốn nạn nào cụ cũng khen hết, có phải vậy không? Phải chi cụ viết chuyện mấy bà mà khen bà nào cũng đẹp thì tôi cũng ok đi."

"Thôi, xin tiến sĩ trở lại chuyện nước. Xin

CAO XUÂN TỨ

XỨ CAO

gió tập tểnh. đường vào bản
đất đỏ mát xoan non.
cỏ tranh loang lổ. nắng
chiều thấm vạt nương.

ngu ngơ nhìn mái lán. hàng
bạch đàn thấp thoáng bóng
trẻ con. lao nhao nhìn hỏi.
gót mòn rạc lớp da chân.

ò í e kèn khơ-mú. nốc
chén rượu ngô. hơi sương
như bốc tự đáy mồ. củi than
lơ láo. bếp lửa du canh

xém dòng chữ du cư.
khoác lác tư duy. dù sói
mòn mấy khi đắc thế.
đành nghêu ngao: thương
nhau buộc vấy cho nhau...

Sơn La 10.2000

cho tôi hỏi thêm một câu là ngoài cụ Bùi trong lãnh vực văn chương, người mình có ai trong lãnh vực nghệ thuật, hay thể thao đáng để được Tổng thống Mỹ ca tụng?"

"Về thể thao thì có anh Nguyễn Đạt, cầu thủ football của hội Dallas. Nhưng ông nên nhớ là theo chánh trị học thì Tổng thống phải khen người Việt Nam trong xứ chứ không thể chỉ khen người ở ngoài nầy."

"Tiến sĩ dạy chí lý. Nhưng trong nước thì khen ai? Ông Trần Độ phải không, vì lúc sau nầy tôi nghe đài 'Con Cuốc' ngày nào cũng nói tên ông đó."

"Không được, ông Trần Độ chống đảng mà khen sao được, làm vậy phản chính trị học. Tôi thấy nên khen cái cô gì vừa được huy chương Olympic về Karatê. Nhưng ông cũng biết là dân Việt Nam không khoái Karatê bằng bóng đá, vì vậy theo chính trị học, Tổng thống phải khen thêm mấy anh đá banh trong hội tuyển Việt Nam vừa mới thua bên Mã Lai."

"Thua mà khen?"

"Ừ, thua nhưng cứ khen, theo chính trị học..."

"Tiến sĩ quả thật là một bậc sư tổ về môn chánh trị học. Nhân tiện, xin tiến sĩ cho biết về những trường hợp kinh doanh bisinết của người mình đã thành công trên thế giới?"

"Thú thật, tôi chuyên về chánh trị, không theo dõi kinh tế nên xin lỗi ông. Tôi phải đi đây, vì tới giờ đón người đẹp. Nhớ phone tôi sau khi ông nói chuyện với trong đó."

Tiến sĩ Hùng bỏ đi, có lẽ vừa nhớ rằng nãy giờ đã cố vấn không tính tiền. TCK đang ngồi bơ vơ một mình thì gặp kíu tinh đi tới. Đó là lão ký giả Lê Văn tự Cuồng-Phong (CP). CP vốn là đồng nghiệp của TCK hồi ở Việt Nam. Đồng nghiệp trong nghề viết báo và nghề làm cố vấn. Hồi đó, lão chuyên làm cố vấn cho mấy ông tướng, hết ông nầy tới ông kia, lúc đó lại thường có đảo chánh lung tung, vì vậy mà anh em đặt cho lão cái tên CP. Có đứa xấu mồm bảo rằng lão là người của bộ chánh trị gởi vào để chuyên tổ chức những cuộc đảo chánh, giống như đại tá Phạm Ngọc Thảo. Sau 1975, nghe nói lão bị bắt đi học tập mười mấy năm. Sau khi ra tù, CP được đi HO qua Mỹ và bây giờ lại đang làm cố vấn cho đài phát thanh 'Con Cuốc'.

"Chào đại ca CP. Lúc này trông đẹp lão quá, chắc có mấy bà chị săn sóc kỹ?"

"Cậu làm gì ở đây? Nghe nói cậu đi kinh doanh ở đâu rồi mà?"

"Đệ đi lập đạo đó đại ca. Đệ thấy đường chánh trị của mình bế tắc, muốn cứu nhơn độ thế thì chỉ còn con đường tôn giáo."

"Sao thằng Thái Đinh nó bảo với tớ là cậu đi làm bisinết, đầu tư bạc triệu cơ mà. Cậu nói cho tớ biết cậu trúng cái áp phe nào mà có tiền mà làm ăn lớn vậy?"

"Đại ca chuyện gì cũng biết hết, thật như thánh. Nhưng những người trọn đời hy sinh làm việc nước như đại ca với đệ thì đâu có tiền. Đệ may mắn được cô em nuôi là cô Thanh Hải cho mượn hai triệu đô để cash down, phần còn lại thì vay nhà băng."

"À thì ra! Cậu mượn tiền ở cái mối đó thành ra thằng Đinh mới biết."

"Dạ thì đệ cũng nhờ thằnh Đinh nó giúp. Thằng Đinh cũng là em nuôi của đệ. Chính nó mách cho đệ cái áp phe nầy, vì trong thời gian ở Hawai làm người bảo vệ cho cô Hải nó học được nhiều chuyện, nó bảo đệ làm việc đạo thì có ăn, còn làm chánh trị thì chết không có hòm chôn. Sau nhiều đêm suy nghĩ, đệ thấy nó có lý nên mới đem chuyện bàn với cô em. Khi cô Hải nghe ông anh nuôi mình chịu bỏ đời đi làm đạo thì hoan hỉ bỏ ra hai triệu cho vay liền, không tính lời."

"Thế cậu thấy có làm ăn được thì kêu tớ một tiếng, lúc nầy tớ cũng chán cái đài 'Con Cuốc' nầy quá rồi."

"Khá lắm đại ca. Mới có mấy năm mà tín đồ hàng chục triệu."

TCK bèn đem giáo lý và phương pháp tu tập của phái "đạo chạy" mình kể cho CP nghe khiến CP vô cùng bái phục trí tuệ của TCK.

"Đại ca biết rằng chuyện chạy cũng có năm bảy đường chạy. Người chạy giặc thì mặt mày lo âu, người bị vợ đánh bỏ chạy thì khác nét mặt sợ hãi, mấy đứa thua bài chạy nợ thì cái mặt như cha chết, mấy thằng làm chánh trị chạy hiệu thì cái mặt lúc nào cũng nghiêm trọng như sắp cứu nước, mấy đứa thiếu nợ chạy trốn thì nét mặt đầy bí mật. Còn người theo đạo mình mà chạy thì nét mặt hân hoan yêu đời. Đệ dạy các tín đồ rất kỹ chuyện nầy, lúc nào chạy cũng phải hân hoan dù vừa mất job, nội cái đó mình cũng cứu nhơn độ thế không biết bao nhiêu người. Nhiều đứa khi xin tội có nói rằng lúc mất job định xách súng vô sở phơ mấy thằng xếp, nhưng sau khi chạy một giờ thì lại ăn năng. Nhờ vậy mà tín đồ rất đông. Đại ca đi đâu thấy mấy người chạy vui vẻ, thở phì phào, mồ hôi nhễ nhại thì đúng là đệ tử của mình cả."

CP thích quá bèn xin về cộng tác:

"Thế cậu cho tớ về làm ăn với cậu đi, tớ làm phó cho cậu cũng được."

"Xin hỏi đại ca một chuyện. Tổng thống Clinton phải khen tài kinh doanh của người mình khi nói chuyện ở Hà Nội để nói rằng nếu có tự do kinh doanh thì Việt Nam sẽ giàu gấp trăm lần Nhật bản."

"Cái đó là hiển nhiên rồi..."

"Tiểu đệ cũng nghĩ như vậy nhưng suy nghĩ mãi không biết trường hợp nào cả. Đệ chỉ thấy người mình đi làm mướn giống như người Mễ..."

"Cái đó là tại cậu có mắt mà không có con ngươi, chuyện sờ sờ ra đó mà cậu không thấy. Cậu không thấy kỹ nghệ làm 'neo' của người mình à? Mình mới qua Mỹ có mấy chục năm mà thị trường neo của Mỹ, từ Đại Tây Dương tới Thái Bình Dương mình đều nắm hết. Cậu đi tới thành phố nào cậu cũng thấy tiệm neo của người mình. Cậu quên à, chính cậu có lúc cũng được một bà neo nuôi."

"Đại ca nói chí lý. Đệ quả có mắt không ngươi. Người mình đã chứng tỏ khả năng kinh doanh qua kỹ nghệ neo."

"Còn kỹ nghệ làm báo nữa, mình hơn xa các giống dân khác, mình có hơn 500 tờ báo khắp thế giới..."

CP quả là một người uyên bác, thật xứng danh là nhà báo của... những nhà báo. Nhờ ông anh nầy mà TCK sẽ có dịp trổ tài uyên bác với Tổng thống.

Hôm sau, trở lại gặp Tổng thống Mỹ, TCK trình bày những ý kiến của tiến sĩ Hùng và nhà báo CP thì được Tổng thống và các cố vấn trong Hội đồng An ninh Quốc gia hoan nghinh nhiệt liệt. Tổng thống còn hỏi thêm về các vấn đề chánh trị thì nên nói gì. TCK xin Tổng thống hãy lớn tiếng đòi tự do, dân chủ, nhân quyền... Tổng thống gật gù có vẻ rất ok, nhưng bà Bộ trưởng Ngoại giao lại chen vào cho ý kiến rằng tòa đại sứ có báo cáo là bên đó người ta yêu cầu mình không được nói mấy chuyện đó, và ông đại sứ đã phải hứa danh dự, người ta mới cấp visa cho Tổng thống. Bà nói: "Ông Tư cũng biết rằng Tổng thống đi chuyến nầy là cốt làm cho Bắc Kinh bối rối chứ mình đâu có ý làm bối rối Hà Nội." TCK nhất định không nhượng bộ bà nầy, nghĩ rằng rồi ra trong cộng đồng ai cũng biết là TCK làm cố vấn cho Tổng thống trong chuyến đi Việt Nam mà Tổng thống không nói gì tới chuyện nhân quyền thì người ta sẽ đốt cái chùa của mình ở Bolsa. Liền tâu với Tổng thống:

"Thưa Tổng thống, mình phải nói chuyện dân chủ, nhân quyền vì đó là lý tưởng của xứ mình. Vả lại, nghe Tổng thống đi Việt Nam, vừa rồi các mặt trận lớn mới họp ở Las Vegas, nếu Tổng thống không nói nhân quyền thì không yên đâu. Tôi thấy mình có cách để nói mà không nói, cái đó mới là nghệ thuật. Nếu Tổng thống và quý vị không chê, Tư nầy xin góp tay vào việc viết diễn văn cho Tổng thống, để mình sẽ nói chuyện về tự do dân chủ mà quý vị ở Hà Nội không phiền."

Tổng thống nghe vui quá, ok liền.

Bài diễn văn Tổng thống Clinton đọc ở trường đại học Hà Nội quả là tuyệt tác, được tất cả báo chí trên thế giới hết lời khen ngợi, là do công của TCK. Tổng thống càng phục tài TCK nên nhờ Tư nầy hộ giá khi ngài đi gặp ông Tổng Bí Thư Lê Khả Phiêu vào ngày hôm sau. Bữa đó quả thật là một cuộc gặp gỡ gay go giữa hai lãnh tụ đại cường quốc. Lúc đầu, hai bên tay bắt mặt mừng như hai chị em dâu lâu ngày không gặp. Nhưng sau khi kéo mấy bi thuốc lào, TBT Phiêu bèn gằn giọng:

Phiêu: "Các anh có hứa với tụi tôi là qua đây không có nói chuyện nhân quyền cái con khỉ gì cả nhưng anh lại nuốt lời hứa. Bây giờ tôi ăn nói làm sao với cụ Đỗ Mười và các vị trưởng lão khác? Họ bảo không cho các anh qua, nhưng tôi hứa với họ rằng anh không ăn nói bừa bãi, bây giờ thế nào họ cũng cự tôi. Anh biết rằng tụi tôi sắp đại hội Đảng, tôi mất chức Tổng bí thư kỳ nầy là tại anh..."

Tổng thống Clinton vô cùng bối rối, nhưng cũng đã nhanh trí chống đỡ:

Clinton: "Tôi không có bàn đến chuyện nhân quyền ở Việt Nam. Tôi không có ý phê bình, khen chê quý vị khi đã xem quý vị là bạn. Tôi nói chuyện với giới trẻ, nói rằng họ là những người quyết định mọi chuyện trong đó có chuyện nhân quyền. Ở bên Ấn độ, bên Tàu tôi cũng nói như vậy, đâu có phê bình, chỉ trích quý vị lãnh đạo..."

Phiêu: "Anh nói vậy nhưng trong suốt bài diễn văn anh toàn ám chỉ đến chuyện tự do, dân chủ, nhân quyền, mở cửa v.v... chứ anh đâu có nói chuyện khác như chuyện tư tưởng của Hồ Chủ tịch chúng tôi..."

Clinton: Xin ông Tổng bí thư thông cảm. Ông kẹt với quý vị trưởng lão về chuyện nầy thì tôi cũng kẹt với dư luận dân chúng trong xứ tôi, nhất là người Mỹ gốc Việt, vì họ là một lực lượng chánh trị hùng hậu, họ áp lực tôi dữ

lắm. Trước khi tôi đi, các Liên trận... gì đó, sorry, ông Tư nhắc dùm, tôi quên tên rồi..."

Tư Cầu Kho: "Thưa đó là Đại Tổng Liên Minh 62 Phong trào, 42 Mặt trận và 91 Mạng lưới Tự do, Dân chủ, Nhân quyền, Phụ quyền, Nữ quyền, Tiến bộ, Công bình Xã hội, Hòa bình, Bác Ái, Hòa hợp, Hòa giải, Con cá sống vì nước v.v..."

Phiêu: "Anh nói gì? Bộ dân đánh cá bên đó cũng có quyền áp lực Tổng thống à?"

TCK: "Thưa ông TBT, không phải dân đánh cá vì các mạng lưới nầy ở trên cạn chớ không nằm dưới nước."

Phiêu: "Lưới chim hả?"

TCK: "Thưa cũng không phải lưới chim. Đây là một triệu người cùng nắm tay nhau lại, kết thành những mạng lưới để bắt Việt cộng, tranh đấu..."

Phiêu: "Bắt VC mà chỉ có một triệu thôi à. Vậy làm sao bắt ba triệu thằng đảng viên tụi tôi. Một mà bắt ba? Mà giăng lưới bên đó thì làm sao bắt tụi tôi ở đây?"

TCK: "Tôi không có tham gia bộ chánh trị thành không hiểu rõ chiến lược của quý vị lãnh đạo. Nhưng tôi thấy kết quả cũng đã bắt được VC rồi."

Phiêu: "Bắt ai? Giỡn hoài anh Tư!"

TCK: "Kỳ rồi bắt được tên Trần Trường..."

Phiêu: "Thôi đi anh Tư ơi, cái thằng đó... Nói thật, người của tụi tôi làm ăn công khai, có anh Bill cấp giấy tờ đàng hoàng, có thấy ai vướng cái lưới nào đâu."

TCK: "Tôi nghĩ chắc không phải mục đích chánh là bắt người đâu. Quý vị bên đó giăng lưới cũng như quý vị ở đây giăng biểu ngữ vậy. Quý vị giăng biểu ngữ để vận động quần chúng. Quý vị bên đó chắc cũng đọc một sách với quý vị nên giăng lưới để vận động quần chúng Mỹ. Ảnh hưởng cũng mạnh lắm và ông Tổng thống đã phải để ý nghe theo."

Tổng thống Clinton bèn chen vào:

Clinton: "Liên Mặt có cho tôi biết là nếu tôi không nói tới nhân quyền thì họ sẽ vận động Quốc hội Mỹ bác bỏ Thỏa Ước Thương mại của chúng ta. Vì vậy mà tôi làm bộ nói cho họ vui, chứ còn 'ai đông ke.' Vì vậy, nhờ ông TBT thưa lại với quý vị trưởng lão trong bộ lạc rằng tôi nói vậy mà không phải vậy, tôi luôn luôn ủng hộ quý vị trong sự nghiệp chống bọn bành trướng Bắc phương. Tôi sẽ cho cấp thêm học bổng cho con em quý vị lãnh đạo, tăng viện trợ kinh tế, viện trợ quân sự, quý vị muốn cái gì thì tôi tặng cái nấy, ngoài ra tôi còn bảo tụi Nhật viện trợ rồi rào cho quý vị."

Phiêu: "Thôi đi cha. Tin các cha để bán lúa giống à! Tụi miền Nam hồi trước vì thiếu trí tuệ nên tin các cha, chứ bọn nầy đã lãnh hội trí tuệ của bác Hồ, thì còn lâu mới tin các cha. Nếu các cha chơi đàng hoàng thì hãy thanh toán món tiền ba tỷ đô mà ông Nixon đã hứa với đồng chí Thọ của chúng tôi đi. Nếu tính chuyện tiền mất giá và tiền lời thì bây giờ phải trên 10 tỷ."

Clinton: "Xin ông TBT coi lại hồ sơ. Chuyện ba tỷ đô là trong thỏa ước số một theo đó tụi tôi còn giữ miền Nam. Còn thỏa ước số hai thì tụi tôi để cho quý vị lấy miền Nam, tụi tôi khỏi trả ba tỷ đô. Lấy miền Nam, nội cái tiền bán dầu lửa từ mấy cái túi dầu do tụi tôi tìm quý vị cũng hốt mỗi năm hai tỷ đô rồi, còn muốn gì nữa? Chuyện đó coi như xong rồi. Bây giờ muốn nói chuyện tiền thì quý vị cho tụi tôi vô Cam Ranh lại đi. Còn vài ba năm nữa cái công tra giữa quý vị với Nga sẽ hết, ký với tụi tôi thì quý vị sẽ được trả ít ra là gấp đôi số tiền tụi Nga sẽ trả."

Phiêu: "Chuyện Cam Ranh thì năm tới Tổng thống Putin sẽ qua đây để thương thuyết. Chắc chắn họ sẽ trả cao hơn giá bây giờ vì không phải chỉ có mấy ông muốn vô mà các đồng chí Trung Quốc cũng muốn mướn Cam Ranh. Các đồng chí Trung Quốc có đề nghị với tụi tôi là phi quân sự hóa cái cảng nầy, làm thành một cái cảng dân sự cho nhiều nước cùng mướn để sửa tàu bè, như vậy tụi tôi sẽ được nhiều tiền hơn."

Clinton: "Quý vị đừng nghe mấy anh Tàu. Bốn năm nữa thì tôi sẽ gặp lại quý ông. Thằng Buốc chỉ có thể ngồi đó bốn năm, sau đó bà vợ tôi chắc chắn sẽ đá nó đi. Bà vợ tôi lên Tổng thống rồi thì tôi sẽ bảo bả trả cho quý vị gấp đôi tiền mấy đứa khác trả. Quý vị an tâm."

Phiêu: "Tôi sẽ trình lại quý vị tù trưởng về chuyện Cam Ranh. Bây giờ xin anh cho chút ít chi phí tổ chức tiếp đón anh."

Clinton: "Bộ tốn nhiều lắm sao ông TBT? Tôi qua đây ở hotel, còn mang cả chiếc xe qua đây đi, vậy chứ quý vị tính chi phí gì?"

Phiêu: "Anh nói đùa. Anh không thấy bao nhiêu người đi tiếp đón anh à. Chúng tôi phải huy động người ta chứ ai ở không mà đêm hôm đi đón anh. Tổng cộng là 6, 7 triệu đô, mà tiền nầy là tiền ngoại ngân sách, do quỹ của Đảng xuất ra chứ không lấy từ ngân sách nhà nước, vậy nhờ anh trả cash cho."

Clinton: "Thôi cũng được. Tôi thì không có

tiền, tôi còn thiếu nợ chưa trả nổi vì năm sáu cái vụ kiện. Nhưng tôi sẽ nhờ mấy người bạn Đài Loan đưa tiền cash cho quý vị. Trở lại chuyện tiền bạc thì ngoài chuyện Cam Ranh, tụi tôi còn có thể chi nhiều hơn nếu dân chúng Mỹ thấy ở Việt Nam có tự do, dân chủ..."

Phiêu: "Bộ anh không thấy ở đây có tự do à? Anh muốn đi đâu thì đi, có ai cấm đâu. Còn về chuyện dân chủ thì xứ nầy dân chủ hơn xứ anh. Ở đây nhân dân làm chủ, chính phủ chỉ quản lý, chứ không phải như ở xứ anh, tụi tài phiệt làm chủ."

Clinton: "Theo dân Mỹ thì chánh quyền phải do dân bầu..."

Phiêu: "Anh nói làm tôi nghe ngứa quá. Dân bầu cái mẹ gì? Ở bên đó dân nào bầu cho anh Buốc mà ảnh làm Tổng thống vậy? Xin lỗi anh, đèn nhà ai nấy sáng đó anh. Tụi tôi hãnh diện là xứ nầy là dân chủ tập thể thành ra không có chuyện thằng em đi gian lận bầu cử cho thằng anh làm Tổng thống được. Tôi mà lên chức TBT nầy cũng phải tranh đấu trầy vi tróc vảy, mà trong Ủy ban Trung Ương của tụi tôi không có chuyện đếm phiếu bằng máy đâu nhá, đếm tay không đấy."

Tổng thống Clinton bị tấn công tới tấp, trông thật tội nghiệp, chống trả yếu ớt:

Clinton: "Có chuyện rắc rối đôi chút ở Florida là do vấn đề kỹ thuật thôi, chứ còn xứ tôi có dân chủ đã 200 năm rồi."

Phiêu: "Anh Bill ơi, anh khen xứ anh thì đó là cái quyền của anh, chứ còn cái hiến pháp của các anh đã 200 năm mà chưa ấp-đát, lủng củng thấy mẹ. Thôi, bỏ đi Tám!"

Tổng thống Clinton mặt mày tiu nghỉu, uống cạn ly coca rồi đứng dậy xin cáo từ. Phiêu đưa Bill ra cửa, vỗ vai nói nhỏ: nhờ anh bảo mấy người bạn Đài Loan của anh tính cái vụ đó càng nhanh càng tốt. Sang năm anh về hưu, khi nào rảnh qua đây đánh gôn chơi, ở Hà Nội nầy có một cái sân gôn đẹp lắm, nhất là cái lỗ thứ 19. Ở đây chơi líp, tôi bảo đảm với anh, thằng nhà báo ngoại quốc nào lộn xộn phanh phui chuyện riêng của anh em mình, tui cho xe đụng nó. Nhớ dẫn anh Jordan qua chơi luôn nhé, tui chịu cái anh người đen đó. Còn cái anh mục sư Dếtsi gì ào ào thì đừng cho theo.●

DC, mùa đông năm 2000.

Một cuốn sách để đọc trong Mùa Xuân 2001

DẶM TRƯỜNG

Truyện dài mới nhất của

TRẦN DOÃN NHO

Bối cảnh của **"Dặm Trường"** là xã hội Việt Nam giai đoạn 1980 - 1985, giai đoạn đặc trưng nhất của cuộc đổi đời bi thảm về mọi mặt của cuộc sống trên đất nước sau biến cố 1975. Nhân vật chính là một phụ nữ buôn chuyến đường dài với bao nổi trôi của cuộc sống cũng như những hệ lụy tất nhiên về mặt gia đình và tâm lý.

Đọc **Dặm Trường** để chứng kiến hình ảnh một cô Kiều hiện đại, một cô Kiều mới về cung cách nhưng không khác gì về thân phận.

[Truyện **"Chuyến Tàu"** trong hai số báo Thế Kỷ 21 Xuân Tân Tỵ (141) và Tân Niên (142) là trích đoạn từ truyện dài **DẶM TRƯỜNG**.]

NGHĨ VỀ THỜI GIAN

VÕ DOÃN NHẪN

"Thời gian ơi hãy dừng cánh lại đi."
Lamartine

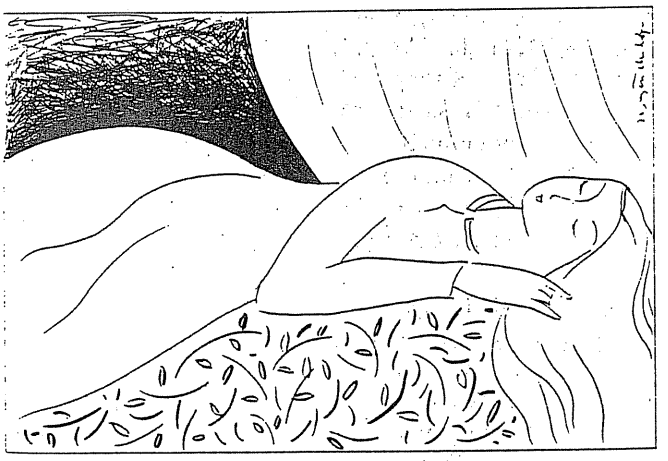

Những đêm không ngủ, tôi nằm nghe tiếng tích tắc điểm nhịp thời gian của chiếc đồng hồ treo tường, nghe tiếng xe khuya chạy vút qua trên đường, mất hút vào trong yên lặng mà có cảm tưởng mất hút vào trong vô cùng tận của thời gian không hình bóng. Những đêm trừ tịch, tôi thức đợi phút giao thừa, tưởng như nghe từng bước, từng bước chậm chạp của thời gian... Tôi thường nghe các văn nhân thi sĩ nói đến sức tàn phá hủy hoại của thời gian trên con người và trên sự vật, cũng như thường nghe nói thời gian là một thứ thần dược chữa được mọi vết thương lòng. Và tôi cũng thường nghe người đời và cả chính tôi chép miệng ngậm ngùi: thời gian bóng câu qua cửa, thời giờ thấm thoắt thoi đưa.

Học Triết rồi dạy Triết trong bao nhiêu năm, thao thao trên bục giảng trước hàng ngàn môn sinh, bản thân tôi chưa thấy vấn đề nào làm tôi "nhức đầu" — kể cả vấn đề Thượng đế — cho bằng vấn đề thời gian. Mãi đến hôm nay, tôi đã không tự mình tìm được câu trả lời cho câu hỏi: Thời Gian là gì? Tôi, một hiện hữu sống gắn bó thiết thân với không gian và với thời gian gần trọn một đời mà vẫn không biết thời gian là gì! Bản chất thời gian là gì? Thời gian là một thực tại khách quan như cái máy vi tính đặt trước mặt tôi đây, hay chỉ là một ý niệm chủ quan, sản phẩm của ý thức? Thời gian có phải là điều kiện cần thiết cho bất cứ thành tựu nào nhưng cũng là nguyên nhân của mọi hủy diệt? Thành trụ hoại không, phải chăng đều do thời gian?

Tôi vốn duy tâm khi nhìn sự vật, con người. Ý nghĩa sự vật phản ánh nội tâm người nhìn cảnh vật. " Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ" (Kiều). "Cảnh vật hôm nay thay đổi vì chính lòng tôi có sự thay đổi lớn" (Thanh Tịnh). "Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi, mà khó vì lòng người ngại núi e sông" Nguyễn Bá Học). Trên căn bản là "lập trường" duy tâm ấy, tôi nghĩ: thời gian không phải là một thực tại khách quan, không phải một hiện hữu độc lập với ý nghĩa quá khứ không còn, hiện tại khoảnh khắc nhất thời một sát na, tương lai chưa đến; ba thành phần ấy nối tiếp nhau hiện hữu, độc lập với ý thức, chủ thể tư duy và với sự vật.

Tôi nghĩ: thời gian là một hình thức chủ quan, thành hình do ý thức tạo dựng. Nhưng tôi không theo lập trường của Kant khi tiên sinh cho rằng: cũng như không gian, thời gian là một hình thức tiên nghiệm (forme a priori), điều kiện của mọi tri giác sự vật ngoại giới. Tiên nghiệm vì theo Kant, ý niệm thời gian có

trước mọi kinh nghiệm, đó là một ý niệm bẩm sinh. Theo tôi, tuy là chủ quan vì phát sinh từ chủ thể, ý niệm thời gian thành hình dần dần qua kinh nghiệm: kinh nghiệm về biến dịch, vật đổi sao dời. "Thương hải biến vi tang điền." "Tóc ngời mai mốt không đen nữa; tuổi trẻ khó đi mặt xấu rồi..."; "Vừa xịch gối chăn, mộng vàng tan biến; dung nhan xê động sắc đẹp tan tành. Vàng son đương lộng lẫy buổi chiều xanh, quay mặt lại cả lầu chiều đổ vỡ." "Không ai tắm hai lần trên một dòng sông." Đó là ngoại cảnh, còn nội tâm thì "đời trôi chảy, lòng ta không vĩnh viễn." "Không vĩnh viễn" có nghĩa biến dịch. Nói như Sartre: "Ý thức là cái không phải nó và không phải là cái nó là." Nói theo từ ngữ nhà Phật: tâm viên ý mã. Vạn sự vô thường. Nữ bá tước De Noailles: "Không bao giờ ta tìm lại được tâm hồn chiều nay của ta."

Chính cảm thức dòng biến dịch của ngoại cảnh và nhất là của nội tâm ấy, ý niệm thời gian dần dần thành hình. Ý niệm thời gian không tự có, không bẩm sinh. Nó là một ý niệm thành hình do nhận thức về sự biến dịch ngoài ta và trong ta. Gọi thời gian là một *hiện hữu giả* có lẽ cũng không sai.

Cái ta gọi là thời gian vật lý, khách quan là giờ khắc, ngày đêm, tháng năm, mùa, thế kỷ, thiên niên chỉ là những qui ước, dựa trên sự biến dịch của sự vật, tùy thuộc vào sự biến dịch. Nơi nào có sự đổi thay rõ nét trên cảnh vật thiên nhiên, nơi đó có đủ bốn mùa xuân hạ thu đông: Tiết xuân đầm ấm, trăm hoa đua nở; lửa hạ tiếp theo; thu đến với tiết thu ủ ấp cho quả mau chín, lá mau vàng; mùa đông tàn tạ, mùa đông với bầu trời đen xám làm cho vạn vật tiêu điều buồn bã... Nơi nào chỉ có mưa có nắng, nơi đó chỉ có hai mùa mưa nắng. Miền nhiệt đới một năm có ba trăm sáu mươi lăm ngày đêm, nhưng ở miền hàn đới trên cực bắc một năm chỉ có một ngày và một đêm. Thời gian vật lý như vậy chỉ là một thứ qui ước tùy thuộc vào sự biến dịch. Đồng hồ không trực tiếp đo, chỉ thời gian vì thời gian không tự hữu. Hai vòng quay của cây kim trong không gian (mặt đồng hồ) là một ngày. Và một ngày là một vòng quay của trái đất quanh chính nó. Một năm là một vòng chuyển động của trái đất quanh mặt trời. Thời gian là một hiện hữu giả. Tôi nghĩ: thời gian ở cõi tiên trong các truyện thần tiên và thời gian ở miền cực bắc địa cầu không khác nhau, và ta có thể coi thời gian ở cõi trần là thời gian ở miền nhiệt đới. "Nửa năm tiên cảnh" tương đương mấy thế hệ chốn hồng trần, cũng như một ngày một đêm ở cực bắc địa cầu bằng ba trăm sáu mươi lăm ngày đêm ở miền nhiệt đới. Khi ta nói mùa xuân ở cõi tiên là một mùa xuân bất tận, điều ấy có nghĩa cảnh tuyệt vời ở Đào Nguyên, ở Thiên Thai không thay đổi. "Hai ông tiên ngồi đánh ván cờ thiên cổ" (Đôi Bạn). "Ngàn năm thơ thẩn bóng trăng chơi" (Tống Biệt). Và tiên đồng tiên nữ tiên ông lúc nào cũng là tiên đồng tiên nữ tiên ông, không trẻ hơn, không già hơn, không chết đi. Sự thay đổi biến dịch ở cõi tiên nếu có, rất chậm, khó nhận thấy được, khác tính chất phù du vô thường hiển hiện lộ liễu đến mức độ phũ phàng của trần thế. Cảm thức về thời gian tùy thuộc nhận thức tính chất biến dịch đổi thay của vật của người. Và Lưu Nguyễn trở lại trần gian có khác chi người bắc cực đi xuống miền nhiệt đới?

Viết đến đây, tôi lại nhớ đến một tư tưởng duy tâm được một thầy dạy Triết dịch thành thơ, làm đề thi cuối năm cho một lớp ban C:

"Một giờ phải một giờ đâu,
Thanh hương dự ước một bầu đó thôi."

Thanh là âm thanh, tiếng động, đối tượng của thính giác; *Hương* là mùi hương, đối tượng của khứu giác. Thanh hương, nói chung là ngoại vật. *Dự ước* là ý tưởng, cảm tình, ao ước, là nội tâm. Một giờ không phải là một giờ khách quan, vì có thể nhanh hoặc chậm tùy theo tâm thức, nói cho đúng, tùy theo cảm nhận sự biến dịch của dòng tâm thức. "Ngày vui ngắn chẳng tày gang." "Cười với nắng một ngày sao chóng thế" (thơ Tuệ Sỹ). Nhưng một ngày không thấy nhau dài như ba năm. "Ba thu dọn lại một ngày dài ghê." Một ngày ở tù lâu bằng ngàn năm ở ngoài.

Vậy thì cũng như "thời gian vật lý," cái gọi là "thời gian tâm lý" không tự hữu mà chỉ là một ý niệm giả phát sinh từ cảm thức về sự biến dịch. Trong chiều hướng đó, có lẽ ta không nên oán trách thời gian: nào là thời gian trôi nhanh. (Chạy theo thời gian bước ta khập khễnh). Nào là thời gian trôi chậm. (Biết bao giờ hè trở lại cùng ta; để tha hồ chân nhảy miệng reo ca?) Cũng như không gian (xa mặt cách lòng), thời gian là nguyên nhân của mọi đổi thay xa cách. Thời gian đã làm tôi không ngừng xa cách với chính tôi. Tôi thấy tôi bây giờ không còn là tôi trước đây nữa. Giai nhân than phiền về sức tàn phá hủy hoại của thời gian trên nhan sắc. Vì những than phiền oán trách trên đã phát sinh từ một sai lầm về nhận

thức. Thời gian không là nguyên nhân của bất cứ vật đổi sao dời nào mà chỉ là hiệu quả. Biến dịch là qui luật của vũ trụ, không do không bởi thời gian. Chính ý niệm Thời Gian phát sinh từ sự biến dịch.

Một nhà tư tưởng Tây phương nói rằng cảm thức về vận tốc thời gian nơi một người tùy thuộc số tuổi của người đó, nói rõ hơn, cảm thức ấy tỉ lệ thuận với số tuổi người ấy có. Tuổi càng cao, ta càng cảm thấy thời gian trôi nhanh. Tôi chia xẻ quan niệm ấy bởi tôi nghĩ rằng càng sống, ta càng trải qua nhiều sự đổi thay dâu bể, càng chứng kiến lắm "tuồng ảo hóa" và như thế cảm thức một thời gian trôi nhanh là điều tất nhiên:

Ai bày trò bãi bể nương dâu
Trắng răng đến thuở bạc đầu
Tử sinh kinh cụ làm nau mấy lần.
Cuộc thành bại hầu cần mái tóc...
(Nguyễn Gia Thiều)

Hay là nói như nhà thơ cổ đại Trung Hoa, Tưởng Tiệp: "Bi hoan ly hợp tổng vô tình."

Tôi hiểu sự buồn chán là một cảm thức thời gian thuần túy, một thứ thời gian trống rỗng không có nội dung mà nguyên nhân là cuộc sống đơn điệu, không sôi động trong khi chung quanh là những biến chuyển dồn dập. Vì vậy có một chút tâm trạng sốt ruột, thiếu kiên nhẫn trong nỗi buồn chán. Đó là tâm trạng của những kẻ thất nghiệp, những kẻ ăn không ngồi rồi, nhưng muốn được cuốn hút vào dòng biến chuyển của ngoại cảnh, của xã hội. Người ta không chịu nổi sự buồn chán vì người ta quen sống trong dòng biến dịch, họ thích "động," không thích "tĩnh." Ta hiểu tại sao "nhàn cư vi bất thiện": người ta làm bất cứ gì (cờ bạc, đàn đúm, rượu chè, trai gái...) để được sống trong trạng thái "động."

Nhưng có lẽ cũng không nên ca ngợi thời gian như thần dược chữa trị hay ít ra xoa dịu được mọi vết thương lòng. "Quên" chỉ là một trong những dạng biến đổi nội tâm và "Nhớ" là một cách nói tâm hồn ta... chung thủy ở một chừng mực. Nhưng "thủy chung" là gì nếu không phải là không thay đổi, trước sau chỉ một? Thời gian đã không hiện hữu ở những tấm lòng chung thủy thì làm sao có được tác dụng lên những tấm lòng ấy? Ngàn năm, ngàn xưa hay là vạn kỷ chỉ là... một hiện tại chất ngất yêu thương nơi một kiếp phù du:

Tóc mai sợi vấn sợi dài
Lấy nhau chẳng đặng thương hoài ngàn năm.
(Ca dao)

Lòng em nhớ lòng anh từ vạn kỷ,
Gặp hôm nay nhưng hẹn đã ngàn xưa.
Yêu giữa đời mà hồn vẫn trong mơ... "
(H.C.)

"Yêu giữa đời" là yêu giữa dòng biến dịch. Nhưng "hồn vẫn trong mơ!" Mơ là sinh hoạt ngoài cuộc đời. Trong mơ không còn ý niệm thời gian tuy rằng trong mơ các biến cố xảy ra liên miên dồn dập. Hồn vẫn trong mơ khi yêu vì hồn đã không còn khái niệm thời gian. Yêu, tâm hồn ta sống trong vĩnh cửu. Trong "Khát Vọng Về Vĩnh Cửu" F. Alquié nói người đam mê đi tìm vĩnh cửu. Không biến dịch, không tàn phai, không đổi thay. Erenburg nói một câu rất đẹp: "Khi yêu ta ôm cả vũ trụ vào lòng và cái chết không còn nữa."

BERGSON giải thích ký ức quá mẫn nơi một số người suýt chết hoặc sắp chết như một trở về đầy ắp và dồn dập của quá khứ mà không có sự lựa chọn nào. Đầy ắp vì quá khứ "tái hiện" với tất cả những chi tiết dù rất nhỏ; dồn dập vì quá khứ ấy tái hiện chỉ trong một vài giây vài phút ngắn ngủi. Theo Bergson, sở dĩ có hiện tượng ký ức quá mẫn như thế vì khi nghĩ mình sắp chết, con người thấy không còn phải đối phó đương đầu với cuộc sống hiện tại, một hiện tại đầy dẫy bon chen vật lộn sôi động khó có một yên nghỉ cho tâm hồn. Trong những giây phút ngắn ngủi ấy, ý thức đã xa rời cách biệt một hiện tại, không còn bị ràng buộc bởi hiện tại ấy, nên quá khứ bấy lâu được cất giữ trong vô thức nay được lúc trở về... Tôi nghĩ cách giải thích ấy của Bergson phù hợp với lối giải thích rằng, khi đã "cầm chắc" cái chết trong tay — nhảy dù nhưng dù không mở, ngã xuống sông sâu nhưng không biết bơi — khi cảm thấy không cần phải giành giựt mạng sống với Thần Chết, ý thức sẽ trải qua một trạng thái bình thản, an nhiên, không ưu tư lo nghĩ, không phiền muộn sợ hãi, giống như tấm gương lâu nay bị hoen mờ đột nhiên trở nên trong sáng có thể soi thấy tất cả.

Tôi hoàn toàn không biết gì về Thiền, lý thuyết lẫn thực hành, nhưng tôi được đôi lần tiếp chuyện một số thiền giả. Những người này kể lại với tôi một kinh nghiệm độc đáo: kinh nghiệm "ở ngoài thời gian" trong lúc thiền hành. "Ở ngoài thời gian," tôi muốn nói một thứ kinh nghiệm trong đó thiền giả "thấy" thời gian chỉ là hiện tại, nói cho đúng, tương lai và nhất là quá khứ đều là hiện tại. Kinh nghiệm độc đáo này, tôi nghĩ, chỉ là kết quả tất nhiên của một Tâm đã định. Đã "Định" thì

sẽ có "Huệ" và "Huệ" ở đây là sự nhìn suốt quá khứ tương lai. Đã "Định" được Tâm, thiền giả sẽ có một "cái tâm ngoại vật," sẽ "thấy" cái tâm bản nhiên, sẽ "bản lai diện mục," sẽ "thấy được cái chưa từng thấy," là cái Tâm-không, phi-thời-gian, trong đó không có gì để gọi là quá khứ, không có gì để gọi là tương lai; chỉ có hiện tại. Một khi tất cả là hiện tại, tâm hồn ta đã là vĩnh cửu. Đối với bậc giác ngộ, không có thời gian mà chỉ có hiện tại. Một lần nữa, chúng ta thấy ý niệm về thời gian đã thành hình từ cảm thức về sự biến chuyển, ở đây là biến chuyển của nội tâm. Điều này sẽ đưa đến kết luận: không có sự biến dịch, ý niệm về thời gian không có. Ta hiểu tại sao sau khi giác ngộ, Phật thấy được vô lượng "kiếp trước" của Ngài. Nói "kiếp trước" là nói theo ngôn ngữ loài người sống trong thời gian — vì còn bị trói buộc của vô thường — đối với bậc giác ngộ, không có trước, sau. Chỉ có hiện tại. Tiên tri là những người thấy được biết được tương lai nhờ có được một tâm an tịnh, thoát ra ngoài vòng chuyển động xô bồ của cuộc sống. Một Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm "đã bỏ công danh đổi lấy nhàn," đã "nhìn xem phú quý tựa chiêm bao," về nương thân ở Bạch Vân Am, được người đời tôn vinh là bậc tiên tri. Và ngày nay ở một vài quốc gia, người ta đang nhờ các thiền giả phác thảo hoặc thiết lập những dự án lớn trong tương lai là mấy mươi năm không qua thành quả của khoa học là những máy vi tính, nhưng qua... thiền, một "siêu khoa học."

Một triết gia Tây phương nói "Thời gian là hình thức của sự bất lực," nhưng thiết nghĩ đó là sự bất lực do chính con người tạo ra như bao nhiêu bất lực khác. Con người tự tạo ra nhiều trói buộc, cụ thể là "giàm danh khóa lợi," là "sắc bất ba đào dị nịch nhân." Nhưng nếu chúng ta đã tự trói buộc, chúng ta có thể tự tháo gỡ, và bất lực nô lệ hay quyền lực tự do là tùy ở ta. Thời gian hay vĩnh cửu tùy thuộc tâm thức. Chúng ta có thể nói mà không sợ sai lầm: "Vĩnh cửu là hình thức của quyền lực ta." Vậy tại sao phải yan xin thời gian dừng cánh lại?

Nhìn em ta chẳng thấy thời gian
Chỉ thấy hoa xuân rực rỡ vàng
Thấy nửa đời nhau trong chớp mắt
Nỗi kê chín giữa bếp tro tàn.

Người bình thường phân biệt quá khứ hiện tại. Kẻ khùng điên sống với quá khứ như một thứ hiện tại. Người bình thường thấy sự biến dịch, kẻ khùng điên không thấy. Không thấy nên không chấp nhận. Nhưng thấy rồi không hẳn đã chấp nhận. Ai người sung sướng, kẻ khùng điên? Ai người đau khổ, người bình thường?

Bài viết tuy đã xong, tôi vẫn không hoàn toàn dứt bỏ được ý niệm giả về thời gian trong cuộc sống hằng ngày của tôi, như ảo giác về một mặt trời chuyển động quanh trái đất.●

ĐẠM THẠCH

LẠ NGHE QUÀ TẾT

Nhiều năm cải tạo trong rừng
Quen ăn rau dại, quen dùng nấm hoang
Quen nghe két hót ngang tàng
Quen nhìn khỉ đột nhe hàng răng thưa
Quen ngồi "lên lớp" dưới mưa
Quen chào cán bộ miệng thưa đi cầu!
Quen câm lặng trước nỗi đau
Quen dìm sĩ khí, quen cao ngạo xằng
Quen chiều rừng nhuộm vầng trăng
Quen như máu thấm những thằng bạn thân
Những đêm vượt trại âm thầm
Rồi nghe tiếng nổ - quen dần nỗi đau!
Quen điều chẳng muốn quen đâu
Bởi thân tù ngục rừng sâu lạ đời!
Lạ cây trái ngọt của trời
Lạ câu chào hỏi, lạ lời nói hay
Lạ cầm lại chén cơm đầy
Lạ sao nghẹn quá những ngày độn khoai
Lạ nghe "tiếng ếch bên tai"
Giựt mình lạ hoắc - bỏ ngoài chiêm bao
Lạ nghe đất nước ngày nào
Lạ tươi thắm đó, lạ rầu rầu nay
Lạ khi rừng trổ hoa mai
Lạ nhìn sửng sốt - lạ lai láng trào!
Lạ nghe quà Tết gởi vào
Lạ còn sống sót? Ngoài rào kẽm gai!

TỔ TIÊN TỘC VIỆT CỔ TẠI TRIẾT GIANG

NGUYỄN QUANG TRỌNG

(Tiếp theo)

Vài suy nghĩ về tương quan giữa văn minh cổ U Việt và văn minh Lạc Việt tại Bắc Việt

Niên đại thời đồ đá mới- di tích Hemudu trải qua mấy thiên niên kỷ B.C, có thể so sánh với thời Lạc Việt trước Đông Sơn, nghĩa là thời các văn hóa Bắc Sơn, Phùng Nguyên, Đồng Đậu ở châu thổ sông Hồng, và Hạ Long (ven biển và đảo vùng Hạ Long), văn hóa Đa Bút, Hoa Lộc, Bàu Tró, ở ven biển từ bắc Trung bộ Việt Nam. Văn hóa Bắc Sơn cùng thời nhưng kém tiến triển hơn vì còn nhiều đồ đá cuội đẽo, chỉ một ít có lưỡi mài và rất ít đồ gốm; văn hóa này đặt căn bản trên hái lượm, chưa tiến vào nông nghiệp. Giai đoạn đầu của văn hóa Phùng Nguyên nằm sau thời đầu Hemudu, nhưng *văn hóa Phùng Nguyên cũng thuộc văn hóa rìu đá mài bốn cạnh* như Hemudu, và cũng là văn hóa nông nghiệp lúa nước với nhiều đồ gốm hoàn chỉnh về kỹ thuật (thịt gốm rắn chắc, hình dạng đều đặn, có đế vững...) và trang trí phong phú. Sự hiện diện của đồ gốm các loại với công dụng khác nhau chứng tỏ cư dân các vùng này có cuộc sống vật chất cao. Người Hemudu dùng bếp kiểu cà ràng bằng đất nung. Họ biết dệt và may bằng kim, và đã nuôi tằm. Người Phùng Nguyên cũng biết dệt vải và may mặc bằng sợi thảo mộc (đay, cói...) Ta thấy cuộc sống ở vùng hạ lưu sông Dương Tử và sông Hồng có nhiều chỗ giống nhau, có thể do sự tiến triển tự nhiên của những tộc có cùng nguồn gốc và sống trong vùng có những đặc điểm thiên nhiên tương tự. Nhưng Hemudu đạt được mức độ văn minh cao sớm hơn cư dân bắc Việt khá lâu.

Theo Geldern, văn hóa *rìu đá mài bốn cạnh* là văn hóa của nhóm nói tiếng Nam Đảo, khác với cư dân làm *rìu có vai* nói tiếng Nam Á. Nếu căn cứ theo dạng rìu thì **cư dân Hemudu phải cùng nhóm với cư dân Phùng Nguyên** (*thuộc văn hóa rìu đá mài bốn cạnh Nam Đảo*) **là cư dân của nền văn hóa gốc đã tạo thành văn hóa Đông Sơn của Lạc Việt.** Mà hậu duệ dân Lạc Việt là chúng ta bây giờ nói tiếng Nam Á. Ông Hà Văn Tấn không đồng ý với thuyết quá đơn giản này của Geldern (thuyết đã được dùng trong các tài liệu tổng quát, vì tính đơn giản của nó chăng?). Ông Hà Văn Tấn phân tích cặn kẽ hai loại rìu và sự phân bố của chúng trong cuốn "Theo dấu các nền văn hóa cổ," tôi không vào chi tiết ở đây.

Cũng trong cuốn này, nếu tôi không hiểu lầm qua những bài viết vào những lúc khác nhau, ông cho là chủ nhân của văn hóa Phùng Nguyên là những người nói tiếng *nguyên* (proto-) *Nam Á*, nhưng tiếng nói này chịu ảnh hưởng lớn của tiếng *nguyên Thái* (tây bắc Việt Nam và nam Trung Quốc), *và nguyên Nam Đảo* malayo-polynesian (trang 488-489). BNL thì quả quyết tiếng *nguyên Nam Á* và tiếng *nguyên Thái* cùng nguồn gốc chứ chẳng ai chịu ảnh hưởng của ai. Bellwood cho là dân nói tiếng nguyên Nam Đảo bắt nguồn từ vùng Dương Tử, rồi thiên di xuống phía nam, đến Đài Loan, bắc Việt mang theo nghề trồng lúa. Solheim, Oppenheimer chủ trương dân trồng lúa đi ngược lại, từ nam lên bắc. Di chỉ Hemudu có gì làm sáng tỏ nguồn gốc cuả người Việt cổ không, kiến thức khảo cổ của tôi quá giới hạn nên không rút được kết luận nào!

Tại đây, đồ gốm chiếm phần quan trọng. Trang trí trên gốm là hình khắc về lúa và thảo mộc, khác với trang trí tiêu biểu của văn hóa Phùng Nguyên (trang trí khá phổ biến cho vùng văn hóa Nam Đảo: in chấm giữa hai vạch chìm). Tuy nhiên, trên một chung nhỏ bằng ngà có khắc đường viền mô típ tam giác vạch chéo giống như một trong những mô típ tiêu biểu của gốm Phùng Nguyên (xem hình). Nhưng đây có thể là sự trùng hợp ngẫu nhiên, vì những họa tiết hình học đối xứng đặc trưng của Phùng Nguyên vắng bóng trên đồ gốm ở đây. Có thể người Hemudu không biết kỹ thuật (Phùng Nguyên) in họa tiết bằng con lăn hay bàn dập lên đồ đất còn mềm, là kỹ thuật

tạo ra dễ dàng những hình đối xứng tỉ mỉ lặp đi lặp lại, dù họ cũng có những hình đối xứng vẽ tay (xem hình). Xin nhớ văn hóa Phùng Nguyên bắt đầu sau văn hóa Hemudu khá lâu. Sự tiến triển theo thời gian đã đem đến cho người "nguyên Lạc Việt" kỹ thuật trang trí mới và khả năng nhiều trừu tượng để vẽ hình kỹ hà.

Tôi không biết các nhà khảo cổ Trung Quốc có nghiên cứu về mặt nhân chủng qua sọ tìm thấy ở Hemudu hay không. Điều tôi nhận thấy là những hình nhân trình bày cuộc sống của người Hemudu xưa trông giống người Việt Nam hơn là giống người Trung mongoloid (Tàu Hoa bắc) hay người Nam mongoloid (ở miền Nam Trung quốc). Trong mấy lần thăm viếng vùng Triết Giang, tôi thấy phụ nữ ở đây nhiều người giống Việt Nam. Mong ước các nhà khoa học nghiên cứu so sánh thêm về sọ hậu duệ những người U Việt này với sọ người Việt, cũng như sọ người Hemudu cổ với sọ Tiền Đông Sơn. Chắc chắn có những điều và người Việt Nam để ý tới mà người Trung Quốc thì không. Chẳng hạn như trong vấn đề răng nhuộm đen: khảo cổ Việt Nam tìm thấy trong một số di tích ở bắc Việt những dấu vết của sự nhuộm răng. Cổ thư Trung Hoa cũng có nói là dân "man di" phía nam nhuộm răng, nhưng nếu tìm được chứng cớ này trong di tích khảo cổ Hemudu thì mới chắc chắn về nguồn gốc chung của hai tộc dân (U và Lạc Việt).

Điểm giống nhau của hai nền văn hóa nam Dương Tử và Bắc Việt Nam là *nhà sàn* và *trồng lúa*. Di tích nhà sàn với cột còn nguyên vẹn và nhiều vật liệu, dụng cụ làm nhà (cưa làm bằng xương, đục làm bằng đá) là những chứng tích quí cho Việt Nam. Nhà sàn Đông Sơn đã được tìm thấy vào thời Pháp thuộc, nhưng những di tích này trong tình trạng không tốt bằng ở Hemudu. Tại vài di tích thời tiền Đông Sơn nay chỉ còn lại những hố xếp thành hàng nên người ta suy ra là cư dân Phùng Nguyên ở nhà sàn. Nhưng không còn chứng tích cho biết về cách làm, kích thước và hình dạng nhà. Nếu ta chấp nhận giả thuyết cư dân Phùng Nguyên và Hemudu có cùng nguồn gốc (và cách sống), thì việc nghiên cứu sâu rộng di tích Hemudu, nhất là trên những điểm chỉ dân Việt chú ý, có thể đem lại những điều hữu ích làm sáng tỏ nguồn gốc tộc Việt.

Những bộ tộc ở xa nhau hơn 2000 cây số mà có những điểm giống nhau lá điều đáng chú ý. Tôi thấy trong các đồ mỹ thuật Hemudu có một con chim đẽo bằng ngà tuyệt đẹp. Chim mỏ lớn và ngắn, mắt to tròn, đuôi dài. Hình dáng nó giống ít nhiều hình chim Lạc khắc trên các trống đồng, và vài con chim khắc trên một bình cổ (cùng với hình người gắn lông chim chèo thuyền) tìm thấy trong mộ Triệu Văn Đế, là vua Nam Việt (cháu nội Triệu Đà), ở Quảng Đông. Trên hình khắc phẳng ta không biết được hình dáng thật sự của chim. Với tượng chim Hemudu, ta thấy rõ đuôi chim to bản nhưng dẹp, và cánh chim xếp phía trên thân. Hình khắc chim mở cánh bay trên bình tìm được trong mộ Triệu Văn Đế giống tượng chim Hemudu, ở chỗ chim mỏ ngắn và to chứ không dài và mảnh như trên trống đồng. Như vậy loài chim này đã sống lâu đời trong vùng nam Trung Quốc-bắc Việt Nam. Không rõ chúng tuyệt chủng lúc nào; chỉ biết là đến đầu Công nguyên vẫn còn thấy hình chim mỏ ngắn đuôi dài khắc trên trống đồng như trống Cửu Cao, mà sau đó thì không còn nữa.

Một con vật đáng để ý khác là cá sấu. Di cốt cá sấu trong các lớp khảo cổ ở Hemudu cho thấy người Hemudu sống trong vùng nhiều cá sấu. Cá sấu cũng là sinh vật được dân Việt cổ khắc hình trên một vài đồ vật, như qua đồng, thạp đồng Đào Thịnh... Theo nhiều người (xem bài Đặng Tiến về rồng trong mĩ thuật VN), cá sấu là tiền thân của linh vật rồng ở Việt Nam, trước khi được Hán hóa thành rồng kiểu Tàu, (linh vật tưởng tượng). Tôi không thấy hình cá sấu trên *gốm* Hemudu dù họ đã sống chung với cá sấu lúc đó. Tuy nhiên điều này có thể hiểu được vì gốm Hemudu theo "mốt" trang trí chỉ liên quan đến nông nghiệp. Nhưng ở bảo tàng viện Thượng Hải có một bình đồng *U Việt* với tay cầm khảm *"rồng"* (theo ghi chú bên dưới) nhưng hình rồng này đuôi dài và nhọn giống cá sấu hơn là rồng. Chưa hết, trên một lưỡi búa U Việt ở bảo tàng viện Triết Giang (Hàng Châu) có hình một cặp cá sấu (không thể lầm lẫn) phía trên một chiếc thuyền với bốn người chèo vẽ cách điệu (Xem hình). Chúng ta biết rằng thuở xưa người Tàu không quen sống ở sông biển (quê hương họ là vùng đất bụi lắng, loess). Hình trang trí Tàu thời đó không hề có thuyền (mãi đến thời Hán, khi họ chiếm đất Bách Việt ở nam Tàu rồi, mới có *"lâu thuyền"*).

Hai vũ khí bằng đồng (battle ax) của bảo tàng viện Triết Giang cho thấy thêm vài điểm U Việt và Lạc Việt giống nhau, như hình người quì có *xâm mình trên toàn thân* (Xem hình), như trang trí lớp lớp lông chim giống trống đồng Việt Nam. Xứ U Việt nổi tiếng về

đúc đồng thau như dân Đông Sơn cùng thời, trong lúc nghề đồ sắt ở Trung Hoa nổi lên và nghề đồng xuống dốc so với thời Thương trước đó. Tục truyền Câu Tiễn có đến năm thanh báu kiếm bằng đồng thau; hai thanh kiếm trong hai bảo tàng viện Thượng Hải và Triết Giang được xem là kiếm của Câu Tiễn.

Theo tôi, khó có kết luận nào khác hơn là cư dân Hemudu đã thành lập nước U Việt, vì những lý do trình bày bên trên. Những điểm tương đồng của hai vùng văn hóa U Việt và Lạc Việt cho phép ta nghĩ là cư dân hai vùng có cùng nguồn gốc. Điểm đáng chú ý là vùng Thái Hồ ở bên kia sông Dương Tử nhưng rất gần U Việt (ngay phía bắc, cũng thuộc tỉnh Triết Giang ngày nay) có nền văn hóa cổ Liangzhu khác rất xa văn hóa Hemudu. Văn hóa này nổi tiếng về đồ bằng ngọc jade, đặc biệt có những vòng ngọc bích "Bi" to rất đẹp.

Như vậy có thể nói là vào khoảng 5000 năm trước, vùng định cư của các tộc Việt nằm rải rác từ bắc Việt Nam lên đến sông Dương Tử. Phía bắc Dương Tử là vùng ảnh hưởng Tàu. Sông Dương Tử rộng nên có thể đã là ranh giới thiên nhiên giữa hai dân tộc *"nguyên Hán"* và *"nguyên Việt"* ("nguyên" theo nghĩa "proto-"), từ thượng cổ cho đến khi U Việt mất vào tay nước Tàu (tức là nước Sở thuộc triều nhà Chu). Kể từ lúc đó, nước Tàu bành trướng không ngừng về mọi hướng. Nước U Việt không bao giờ khôi phục lại, và đám dân còn ở lại đó (đành) trở thành dân nước Tàu.

Nếu xét theo di vật khảo cổ thì dân "nguyên U Việt" ở Hemudu có nền văn minh xưa tiến bộ hơn dân "nguyên Lạc Việt" ở cùng thời điểm trên hai địa bàn khác nhau. Cũng như thế, nước U Việt Câu Tiễn nhờ tiếp cận với văn minh Tàu và vì có lẽ phải liên tục đấu tranh với Tàu nên tiến bộ hơn Lạc Việt ở Văn Lang. Thế mà dân Lạc Việt không bị đồng hóa khi đất Lạc Việt bị Tàu đô hộ trong cả nghìn năm và giành lại hoàn toàn chủ quyền vào cuối thiên niên kỷ I. Nhưng biết đâu một phần dân U Việt mất nước đã chạy xuống đến Lạc Việt, đem kỹ thuật, học thuật mới, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa Việt Nam ngày nay? Có thể lắm! Theo lịch sử nhân loại, những nơi nào có dân định cư trồng các loại lúa đều đông dân nhờ thặng dư lương thực. Đất U Việt có lẽ cũng vậy. Khi mất nước, chắc chắn có những người bỏ đi vì không chịu được sự cai trị của người không cùng phong tục tập quán.

Theo học giả Nhật Ryotaro, khi bị Tàu chiếm, một phần dân U Việt đã vượt biển, theo giòng Đối Mã (Tsushima) đến đất Kyushu ở Nhật, đem nghề trồng lúa, đem tục xâm mình đến với dân bản xứ. Tục xâm mình họ còn giữ khá lâu, còn nghề trồng lúa đã giúp dân Nhật phát triển mạnh vào đầu công nguyên. Vượt biển cần có thuyền bè, như vậy chỉ một số đi được. Một phần dân U Việt khác, cũng không chịu khuất phục dân Tàu, không có thuyền bè, chỉ còn phương cách duy nhất là chạy về phía nam, nơi có những nhóm dân "nguyên Việt" đang ở. Việc họ tìm đến miền bắc Việt Nam, nơi có dân cùng gốc ở, là điều dễ dàng và hợp lý!

Đây là vài ý kiến dựa vào những chi tiết ghi vội trong chuyến đi chơi vào mùa hè năm 2000, đưa ra để bạn đọc thảo luận và góp ý. Ai có dịp viếng Trung Hoa xin đến xem kỹ hơn các bảo tàng viện và vùng nói trên (tỉnh Triết Giang, vùng nam sông Dương Tử). Ngoài việc ngoạn cảnh Tây Hồ nhớ Tây Thi, Phạm Lãi, làm thơ như Bạch Cư Dị, Tô Đông Pha... chắc chắn bạn sẽ thu thập nhiều điều hay và có suy nghĩ mới về trăm Việt xưa.

10-2000

Tham khảo :

- *Sử Ký Tư Mã Thiên*, Phan Ngọc dịch từ bản của Thương vụ ấn thư quán Thượng Hải, NXB Văn Học, Hà Nội, 1988, t 252-266
- Bình Nguyên Lộc, *Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam*, Lá Bối, (1971) t. 128-253.
- Đặng Tiến, *Năm Rồng nói chuyện Rồng*, Diễn Đàn Forum (Paris), Xuân Canh Thìn, 2000.
- *Chine*. Guides Bleus, Hachette Tourisme, Paris, 1998, p.701-807
- *Hemudu site*, The Hemudu site foundation, 1996
- Nguyễn Quang Trọng, *Đất Việt ba thiên niên kỷ trước*, Thế Kỷ 21 xuân Canh Thìn , 2000, tháng 2, tháng 4 t. 65-71
- Thúc Nguyên, *Vài nét về nghề trồng lúa tại khu vực Á châu gió mùa*, Thế Kỷ 21, 2000, tháng 7 p.83-88, tháng 8 t.73-77
- Hà Văn Tấn, *Văn Hóa Đông Sơn ở Việt Nam*, Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, (1994)
- Hà Văn Tấn, *Khảo Cổ học Việt Nam*. Thời đại kim khí, Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, (1999)
- Hà Văn Tấn, *Theo dấu các nền văn hóa Cổ*, Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, (1998)
- Oppenheimer S., *Eden in the East*. The Drowned Continent of Southeast Asia, Phoenix, 1999
- Zheng Z., Yuan B Y, Petit-Maire N., *Paleoenvironnements en Chine: dernier maximum glacière et optimum holocene*, Episode, Sept. 1998,t.152-158
- Trần Ngọc Ninh, *Vấn đề trọng đại nhất của nghìn năm tới. Nguy cơ và hứa hẹn*, Thế Kỷ 21, 2000, tháng 4 t.26-34 và tháng 7 t.43-48
- Phan Quốc Sơn, *Kho tàng của Nam Việt Đế. Dòng vua cai trị đất nước ta trước thời Công nguyên*, Việt Báo Kinh Tế, Xuân Mậu Dần, 1998, t.84-89
- Higham C. F. W., *La civilisation du riz en Asie du sud-est*, La Recherche, 20, số tháng 2, 1989,t. 173-180
- Ryotaro Shiba, *Việt và Nhật*, nguyên tác đăng trên Bungei Shunju tháng 2-1990, Vĩnh Sính dịch, Diễn Đàn Forum (Pháp), tháng 1-1993, 24-25

LINH NGHIỆM

Truyện

TRẦN HUY QUANG

(In lại đúng nguyên văn từ tuần báo Văn Nghệ số 27 xuất bản tại Hà Nội, tháng 7 năm 1992. Số báo này đã bị tịch thu sau khi phát hành).

Hinh là con trai thứ ba trong một gia đình nông dân không nghèo nhưng cũng không giàu có gì lắm. Cha anh ta có đỗ đạt, đã từng làm quan, nhưng tính khí thất thường, lòng đầy ham hố nên quan trên không mặn mà gì nên đã bỏ quan, khi đi dạy ở chốn kinh kỳ, khi ngồi bốc thuốc ở vùng sơn cước. Hinh thừa hưởng ở dòng họ và khí chất của vùng chôn rau cắt rốn cái nết cơ bản cần cho kẻ có hoài bão tham chính là tính đa mưu túc kế, lòng dạ thật không bao giờ lộ ra mặt, bạn bè cùng lứa không ai dám kết thân làm bằng hữu. Hinh sáng dạ, lại có chí, học đâu biết đó, hai mươi tuổi làm thơ chữ Hán, đọc Rút-xô, Mông-tét-ski-ơ... bằng nguyên bản nhưng Hinh chán học, chỉ nhăm nhăm một dạ xuất ngoại. Đạo học không có đường tắt, mà lập thân bằng con đường học vấn thì mù mịt, xa vời quá. Bằng văn chương thì chỉ khi thế cùng lực tận, bất đắc dĩ mà thôi.

Hàng ngày Hinh sống như người nuốt phải quả chùy gai vào bụng, buốt nhói, nhăn nhó, bồn chồn, vừa ngồi đã đứng lên, mới ngủ đã vùng dậy, trán nhăn tối, mắt xa xăm. Như đang phải lòng một tiểu thư khuê các...

Nhưng Hinh đâu phải là người dại dột, không bao giờ để phí chí khí, sức lực vào chuyện đàn bà. Vớ vẩn. Chiếm mười trái tim đàn bà đâu có khó nhưng một trái tim nhân loại thì phải vượt trùng dương. Hinh ngước cái nhìn mong đợi lên bầu trời, hoài vọng bóng dáng một con tàu, tìm kiếm một phép thần thông, mong đợi một dấu vết của cõi Thiện hoặc hơi hướng của miền Cực lạc để đưa về cho chúng sinh.

Tháng ngày như sợi chỉ căng mà lòng khao khát làm trai hải hồ, khắc khoải mong một phút được quỳ dưới chân bậc Chí Thánh và nói: Ơn Người, Người là nguồn ánh sáng dẫn dắt chúng con... Lũ chúng sinh con khao khát được gặp Người...

Thế rồi như sự linh nghiệm của lời nguyện cầu, một đêm giông tố bão bùng, đất trời như trong cơn đau sinh nở, Hinh đã lên chín tầng Thánh địa để được gặp đấng Chí Linh.

Bắt đầu là một ngọn nến, ánh lửa dịu ấm tỏa một quầng sáng hình nón. Vầng sáng ấy tỏa hào quang, tia hào quang không thẳng mà có hình gấp khúc. Cuối cùng ở trung tâm vầng sáng ấy hiện ra khuôn mặt kiều diễm của một cô gái tóc vàng.

- Kính thưa... Hinh bàng hoàng thốt lên.

- Không phải! - Cô gái mỉm cười độ lượng - Tôi chỉ là sứ giả của đấng Lập Đạo. Anh có lời thỉnh cầu gì gấp lắm không? Người đang bận, việc hành đạo mới chỉ ở bước khởi đầu...

- Kính thưa, tôi là người của xứ sở Nhọc nhằn tăm tối...

- Thôi anh không cần phải nói, chàng trai ạ, người xứ Nhọc nhằn có khát khao ánh sáng thì việc hành đạo mới càng được dễ dàng. Đây anh cầm lấy, theo đạo thư này, anh sẽ tìm được chân lý.

Vị sứ giả trao cho Hinh đạo thư quý giá ấy rồi nhỏ dần, nhỏ dần cho đến khi chỉ còn như một cái chấm chính giữa vầng hào quang rồi biến mất giữa bao la. Hai tay đỡ cuốn sách trước trán, Hinh vẫn quỳ và thành kính đặt lên đó một cái hôn, rồi anh run run dở ra đọc.

"Hãy đi về phía Nam theo con đường một bên là cây và một bên là nước, cuối con đường có quán bia hơi và thịt chó, đừng vào chốn đam mê ấy và đi thật chậm. Dọc đường sẽ có người hỏi: Có đi không? thì đừng đi. Đó cũng là người cần lao chứ không phải ma quỷ cám dỗ, nhưng phải đành từ chối. Đi tiếp sẽ gặp một ki-ốt sách báo nên rẽ trái, trước mặt đã là vườn hoa nhỏ. Bây giờ anh phải khom người xuống, đi chậm từng bước một, mắt nhìn xuống mặt đất để 'tìm cái này.' Cứ thế... chỉ cần một lúc sau, anh sẽ có được thiên hạ..."

Hinh ấp cuốn đạo thư vào ngực tức tưởi. "Trời ơi, bảo bối, bảo bối..." Hinh sung sướng hét toáng lên. Tiếng anh vang rất to trong đêm và lúc ấy Hinh mới biết mình vừa qua một giấc mơ. Nhưng trời ơi, tại sao những điều anh nung nấu trong tâm can bấy lâu nay lại được

giải đáp trong mơ. Anh sung sướng và cảm động đến mức nước mắt giàn giụa. Ôi chúng sinh nhọc nhằn và tăm tối của ta, bảo bối này sẽ soi sáng đường chúng ta đi...

Sáng hôm sau, Hinh thành kính chuẩn bị lên đường. Quần áo tươm tất, mũ miện đàng hoàng. Trước nhà anh có một đại lộ chính Nam, có lẽ đúng là con đường này nên anh dần bước ra đi. Một bên cây và một bên nước, hay một bên rừng và một bên biển? Anh cứ đi, qua vài đoạn phố nữa thì anh thấy mình đi đúng, con đường men theo cái hồ. Và giữa phố có hàng bia hơi thịt chó mà vài lần anh cũng đã bị cuốn vào đó. Ôi, sự linh nghiệm không sai một dấu phẩy. Đường phố trong veo, lui cui dăm chiếc xe đạp chở kẹo bánh, than tổ ong đi bỏ mối cho các hàng nước vỉa hè, lọc cọc đôi chiếc xích lô cà tàng đi tìm khách. Vài cô điếm vật vờ.

- Có đi không?

Một cô gái điếm rủ rê. Hinh nhớ đến giấc mơ mà thấy lạnh xương sống, trong mơ cũng ba chữ ấy. Đến cuối phố, Hinh thấy một ki-ốt sách báo thật, chủ quán vừa mở cửa. Tại sao có sự kỳ diệu thế này, khi tỉnh anh nào có biết chỗ này có một quán sách? *Đi tiếp, gặp một ki-ốt sách báo nên rẽ trái, trước mặt đã là vườn hoa nhỏ.* Hinh liền rẽ trái, đi một đoạn qua các cửa hàng bách hóa đã thấy vườn hoa Mùa Xuân.

Kẻ hành đạo không chần chừ đắn đo, đi tới giữa vườn hoa, lòng như ngây ngất hơi men, một nửa muốn bay lên, một nửa muốn trì xuống. Mắt Hinh hoa lên, đâu Thiên Thần, đâu Địa Thánh, không biết con đang đứng giữa Địa đàng hay mặt đất. Rồi anh chợt tỉnh lại... *"Tìm cái này" là tìm cái gì, anh không hiểu nhưng không dám nghi ngờ lời vàng ngọc của đấng Tiên tri.* Vườn hoa nằm cạnh đại lộ, lúc này đang vắng hoe, chỉ có mấy ông già tập thể dục muộn, dăm chàng thanh niên đá bóng và một tốp học sinh cấp ba sắp đi qua. *Bây giờ anh phải khom người xuống, đi chậm từng bước một, mắt nhìn xuống mặt đất...* Hinh vừa cúi lom khom chăm chú tìm kiếm vừa lẩm nhẩm đọc. Anh như bị thôi miên, không biết mình đang tìm cái gì, nhưng anh cứ trung thành với lời chỉ giáo, người cúi lom khom, mắt dán xuống đất và từng bước một chậm rãi.

Những người qua đường lấy làm lạ.

Bắt đầu là một nhóm học sinh cấp ba, mấy đứa con trai vốn hiếu kỳ, đi đến và tự hỏi, không biết ông kia tìm cái gì nhỉ? Chúng không thể tự giải đáp được.

- Anh ơi, anh tìm cái gì đấy?

Hinh mải mê không hề nhìn lên, chỉ buột miệng trả lời:

- Tìm cái này.

Đối với chúng, câu trả lời ấy, làm ngứa ngáy chân tay. Nhất định cha này mất nhẫn, dây chuyền hay hạt xoàn gì đó thôi, chúng mình mà vớ được thì hay lắm.

Thế là cả bọn, cặp sách dồn lại một đống, nhảy vào cuộc tìm kiếm. Khi cả một đám người bò ra sục sạo tìm kiếm thì sự lạ tăng lên hàng chục lần. Người đi qua vườn hoa không bao giờ hết, dân lang thang thất nghiệp, dân nhà quê bỏ ra thành phố kiếm cơm, đang đói rách hy vọng vớ được một chút may mắn, những người này đi đến và không thể không hỏi:

- Tìm cái gì đấy?

Lần này thì tụi trẻ con đã mau miệng trả lời:

- Tìm cái này.

Câu này đối với người lớn làm ngứa ngáy đầu óc. Thế là họ bỏ cả gồng gánh, xe cộ, nhảy vào quảng trường.

Hỏi tiếp đến...

Bây giờ là dân xích lô, ba gác, dân ăn xin, trẻ mồ côi bán báo, dăm cô điếm, đám bụi đời móc túi nghe tin cũng tìm đến.

- Tìm cái gì đấy?

- Tìm cái này.

- Mả mẹ chúng nó, giấu như mèo giấu cứt. Nhất định là hạt xoàn, ru bi, có lẽ tối qua, tụi đào đá đỏ qua đây đánh nhau đổ ra bì đá đỏ không chừng. Mẹ chúng nó, ông mà biết trước, ông rào lại, ông đuổi tất. Ê, ông kia được một viên rồi hả, bắt nộp phạt chúng mày...

Cứ thế...

Và số người hy vọng có một chút no ấm bò lê trên vườn hoa để tìm vật báu, đến lúc này đã đông như một đàn kiến.

Hinh chợt nhận ra tiếng ồn của đám đông và anh ngạc nhiên đứng lên nhìn họ, hóa ra thiên hạ đã bu lại xung quanh mình. Một lúc sau anh sẽ có được thiên hạ. Hinh sung sướng đến rơm rớm nước mắt và mãn nguyện ra về.

Cái đám đông ấy cứ như dòng nước trong lòng sông, trôi đi chứ không cạn. Người đến trước, thất vọng ra về trước, người đến sau, thất vọng ra về sau. Tìm cái này là cái gì thì không ai biết nhưng cứ hy vọng có chút no ấm mờ mờ phía trước cũng đã hấp dẫn để họ trở thành một dòng nước.

Trưa.

Rồi chiều.

Và... vẫn còn đám đông xúm xít giữa vườn hoa Mùa Xuân.●

SEAMEN'S CLUB

NGUYỄN LÊ HỒNG HƯNG

Hồi chiều Edy và Rischar rủ tôi đi nhậu, hai đứa muốn giới thiệu tôi với vị linh mục bên In-đô mới qua thực tập trên hội quán. Khi xe bus của hội quán xuống cảng đón, trên xe thủy thủ đoàn bên chiếc Blue Sea đã ngồi chật ém. Chúng tôi lên sau phải chen mông mới ngồi lọt. Mùa hè hơn bảy giờ chiều trời vẫn còn nắng chói chang, nóng nực mồ hôi tươm như mỡ. Thấy không thoải mái, tôi nhảy xuống và kêu hai đứa đi trước, tôi thả tà tà lên sau. Đi bộ là thói quen của tôi, hơn nữa đi chơi phải thảnh thơi, chớ có đâu giống như cái thời tỵ nạn chen chúc nhau trên ghe vượt biển...

Lúc nhỏ ở quê nhà tôi thường đi chùa, dạo đó tôi đọc được kinh Phật và vài ba cuốn sách thiền nhưng lãnh hội chẳng được bao nhiêu. Hồi mới nhập cảnh Hòa Lan, khai lý lịch lại, trong phần tôn giáo tôi điền đạo Phật. Từ đó trở đi ai hỏi tôi theo đạo nào, tôi không ngần ngại trả lời tôi theo đạo Phật. Sau nầy tôi làm thủy thủ đi đó đi đây, thường xa đất liền, không có dịp đi chùa nên không đọc được kinh Phật. Bù lại ghé nhiều hải cảng, tôi gặp những người truyền giáo, các vị nầy có mặt khắp nơi, vừa giảng kinh vừa hướng dẫn và giúp đỡ thủy thủ những lúc gặp khó khăn. Nhờ họ mà tôi có kinh thánh, sách, báo tiếng Việt, mặc dầu sách rao giảng về nước thiên đàng, nhưng đã giúp tôi đỡ buồn trong những tháng ngày lênh đênh trên biển. Đọc riết rồi thấm, đoạn nào hay tôi phải đọc đi đọc lại nhiều lần để theo đó mà xét mình. Có lẽ vì thấy tôi ưa nghiền ngẫm kinh thánh nên hôm nay Edy và Rischar muốn rủ tôi lên hội quán 'đàm đạo' với vị linh mục của tụi nó chăng?

Tại tụi nó không để ý đó thôi, vì những người tôi thường gặp là những nhà truyền giáo do tổ chức của đạo Tinh Lành hoặc Thiên Chúa đưa ra. Những phòng truyền giáo (Seamen's Mission) sinh hoạt rất lành mạnh; có thư viện chứa sách, báo và thánh kinh được dịch ra nhiều thứ tiếng. Ngoài ra còn có phòng điện thoại, phòng thể thao. Trong ba có bán bia nhưng nhiều nơi không bán bia nặng độ nữa. Những hải cảng lớn, có phòng ngủ dành cho thủy thủ lở chuyến tàu, hoặc trên đường về mà chưa tới chuyến bay.

Còn cái Seamen's Club (hội quán) ở Hamburg, phải chi trên bảng hiệu đừng đề thêm chữ Mission và trước sân đừng treo cờ truyền đạo thì trông đỡ chướng mắt hơn. Ở những phòng truyền giáo người ta trang hoàng căn phòng nhỏ vừa đủ để cầu nguyện, trên tường treo thánh giá, hoặc tượng chúa Jesu, vừa sạch sẽ vừa tôn nghiêm. Còn ở đây họ dành ra hết một từng lầu. Trong căn phòng rộng được chia ra nhiều ngăn, mỗi ngăn dành cho một tôn giáo; bàn thờ Phật có lư hương, chuông và treo ảnh phật Thích Ca cạnh bên tượng Phật Bà Quan Âm. Ngăn dành cho đạo Hồi có bục quì và chiếc bàn vừa đủ để cuốn kinh Koran dầy cộm. Bên góc trong treo tượng chúa Jesu với quyển thánh kinh lật ngửa nằm trên kệ. Ngoài ba mối đạo lớn ra, còn có hình ảnh thần thánh khắp nơi được sưu tầm treo ngăn nắp trên một bức tường. Vì ít người lai vãng nên không khí trong phòng lạnh lẽo, ẩm ướt và phảng phất mùi mốc meo. Cách trang trí giống phòng triển lãm hơn là nơi thờ phượng.

Đi đây đi đó tiếp xúc với nhiều hạng người, tôi đã chứng kiến những trò đời bịp bợm. Vì vậy đối với tôi ba cái chuyện mượn đạo tạo đời, buôn thần bán thánh không khác nào chuyện các cô gái bán dâm. Mấy năm nay đi đi lại lại cảng nầy, cũng thường ghé hội quán, nhưng tôi chẳng thấy vị linh mục hay ông cha nhà thờ nào léo hánh tới truyền đạo. Toàn một nhóm người bày biện bán buôn. Treo cờ truyền giáo, bán rượu, bia, bán tạp hoá... và có cả phụ nữ bán dâm. Tôi không hiểu mục sư từ In-đô bay qua đây học hỏi cái 'đạo' gì trên đó?

Tuy nhiên phải công nhận hội quán ở cảng Hamburg sinh hoạt rộn ràng, vui vẻ hơn những Seamen's Mission nhiều. Khi tôi bước

vào, thủy thủ đông nghẹt, mùi thuốc lá, bia rượu pha lẫn mùi dầu thơm con gái ngây ngấy. Lúc nào mấy anh Phi-luật-tân cũng rậm đám; tiệc tùng, ăn uống, nói năng ồn ào. Trên bàn của thủy thủ đoàn bên chiếc Blue Sea đầy bia, rượu và thức ăn, cạnh mỗi anh một em gái Phi-luật-tân trẻ trung môi son, má phấn ngồi ăn uống rất tận tình, có em phì phèo thuốc lá. Các em nầy đến từ hộp đêm bên kia bờ sông Elbe, sinh hoạt thường ngày của các em trong những căn phòng đèn màu hồng của khu St. Pauli. Khi nào mấy anh thủy thủ không đủ thời gian qua chơi với các em, chỉ cần một cú điện thoại, thì các em sẵn sàng tới vui với các anh vài giờ. Nhìn các anh bày tiệc tại đây, tôi cũng đoán được chiếc Blue Sea sẽ khởi hành nội trong đêm nay.

Trong lúc tôi đứng ngó dáo dác tìm chỗ nhập bọn, Edy tới đập lên vai tôi, tôi day lại, nó liền chỉ tay vô phía trong góc phòng:

"Anh vô trong kia kìa."

Tôi đi theo Edy tới chiếc bàn thấp trong góc, ghế ngồi là bộ sa-lông bọc nhung, bia rượu đã sẵn và có mấy cô gái ngồi tiếp chuyện. Người đàn ông có gương mặt hiền hậu ngồi vắt chéo chưn, day người ra ngoài làm như không dính dáng gì trong bàn tiệc. Thấy tôi tới anh ta bỏ chưn xuống, đứng dậy bắt tay. Edy giới thiệu anh là mục sư và gã thanh niên bận đồ đen tay đeo đồng hồ dây mạ vàng, trên cổ dây chuyền cũng vàng tên Frank, trong tương lai Frank cũng sẽ thành linh mục. Sau màn giới thiệu mục sư kéo ghế mời tôi ngồi cạnh ông. Edy ngồi xuống băng nệm cạnh Bilia, Lani ngồi kế Rischar, Frank ngồi bên Erika và Erika ngồi kế tôi. Bilia và Lani người Phi Luật Tân hai người nhỏ thó, ốm tong ốm teo, Erika người Đức mập thù lù, mấy cô đóng đô trong hội quán nên tôi đã lờn mặt.

Erika day ngang nói với tôi:

"Từ ngày biết xếp tới nay, chưa bao giờ xếp mời tôi một ly bia."

Nếu tôi đoán không lầm, tuổi Erika khoảng trên bốn mươi, vì cô tô lên mặt lớp phấn dầy cộm nhưng không dấu được những nét nhăn hai bên khoé mắt, môi thoa son nhưng không còn bóng mộng, răng vàng khói thuốc và nụ cười luôn héo hắt. Khi nào cần những món cần thiết tôi nhờ cô mua dùm, hoặc nhờ lái xe đưa ra phố, được cái lúc nào cô cũng sẵn lòng. Kể ra tôi cũng không công bằng với Erika lắm. Trước kia cô có rủ tôi về nhà ngủ miễn phí, nhưng nghĩ tới cảnh tối nằm ôm cái đống thịt bủng xì bủng xịt, nặng gần cả tạ của cô ta, tức thì cái thằng đàn ông của tôi nó thụt mất tiêu như rùa rút cổ. Thật ra không phải tôi keo kiệt đến đổi không dám mời cô một ly rượu, ăn vài cây xúc xích. Ngặt một điều, cách mời của thủy thủ khác hơn những người thường. Mỗi khi nhập bọn mạnh thằng nào nấy mua bia, rượu để đống lên bàn, mỗi người cứ tự giác lấy khui rồi giơ chai lên hô một tiếng, đồng lượt ngước cổ chổng chai tu. Cách mời như vậy đã thành thông lệ trong giới thủy thủ không biết từ đời thuở nào.

Tôi bưng chai lên:

"Vậy thì bây giờ tôi mời cô."

Thấy tôi cầm chai lên cụng với Erika, mấy người ngồi chung bàn cũng đưa chai lên ngang mày rồi hô lên một tiếng, ngửa cổ, chổng chai nốc bia ừng ực. Khi để ly xuống, Frank day qua hỏi tôi:

"Anh có đạo không?"

Ngồi chỗ nầy khơi chuyện đạo tôi cảm thấy kỳ khôi, không tự nhiên lắm, tôi nghĩ ra cách trả lời cho Frank đừng phăng vô chuyện đạo nữa:

"Có, tôi đạo Phật nhưng sống theo kinh thánh."

Nghe tôi trả lời theo lối ba phải, Frank sượng không nói được thêm gì. Tôi day qua ông linh mục, hỏi:

"Qua đây ông thấy thế nào?"

Ông đưa ngón tay cái ra gặt gặt:

"Tốt thôi."

"Như vầy ông thấy tốt sao?"

"Sao lại không?"

Tôi nghĩ ông chưa hiểu hết ý tôi, nên tôi khoa tay một vòng, lập lại câu hỏi:

"Truyền đạo như vầy ông thấy tốt sao?"

Mục sư chưa kịp trả lời, thì Richar chen vô:

"Nếu đi tới đâu cũng Chúa không thôi, chắc thủy thủ bọn mình mỗi lần nứng c. phải sụt."

Nhìn cái điệu bộ của nó, ngả người dựa ra sau băng nệm, nắm nắm tay để ngang dạ bụng cong người lại làm dấu sụt vô sụt ra... Mấy cô ngồi cạnh bên cười ha hả. Tôi đương hớp bia cũng không nín được cười, làm bia tràn lên mũi sặc văng tùm lum. Sau cái sặc của tôi mọi người im lại. Bây giờ Frank mới nói:

"Nếu mầy thủ dâm Thượng đế sẽ giết mầy."

Cái ông con chưa thành mục sư, hể mở miệng ra là muốn truyền đạo. Tự dưng Erika day qua tôi, cô đưa tay ra dấu cứa ngang cần cổ, nói:

"Vậy thì Thượng đế sẽ giết xếp trước."

"Tại sao?"

Tôi hỏi:

"Hồi biết xếp tới giờ tôi chưa thấy xếp làm tình với ai hết. Nếu xếp không thủ dâm thì xếp sẽ làm gì mỗi khi thèm đàn bà?"

Không đợi tôi trả lời, cô ta chộp tay vô giữa háng tôi bóp mạnh một cái, may nhờ cái quần Jean dầy và chật ngăn cản bàn tay thô bạo cô ta, bằng không tôi bị dập dái như chơi. Ông mục sư ngồi ngó cái bầy chiên con của chúa cử chỉ lố lăng, thô bạo, nói năng tục tằng. Nhìn qua tôi, ông lắc đầu mỉm cười... hết ý!

Năm nay Âu châu tranh giải bóng đá. Bên phòng thể thao ghế xắp hàng ngang giống như rạp hát. Đặc biệt có gắn máy thu hình, màn ảnh được phóng đại chiếu lên chiếm gần hết bức tường. Những người hâm mộ đá banh không thể bỏ qua, tới giờ họ ùa sang phòng bên theo dõi trận đấu. Những người không khoái đá banh thì rút vô phòng coi phim con heo. Trong ba bây giờ lèo tèo vài mống ngồi trên hàng ghế cao cẳng trước quày rượu, vừa uống vừa trò chuyện với cô gái ốm nhôm ốm nhách đứng trong quày.

Bàn chúng tôi cũng kéo nhau coi đá banh, còn tôi với ông mục sư ngồi lại. Chúng tôi vừa uống rượu vừa trò chuyện. Mục sư cho tôi biết, ông sẽ qua hội quán bên Anh thực tập vào tuần tới, sau đó ông về In đô mở một hội quán ở Jakarta và một ở Batam đúng theo tiêu chuẩn Âu châu.

Nghe những dự tính của ông, tôi không thắc mắc nữa, mục sư cũng phải làm kinh tế mới có tiền nuôi vợ, nuôi con chớ. Tôi hỏi sang câu chuyện:

"Ông mở hội quán như vầy không bị chánh quyền In-Đô cấm sao?"

"Không, không ai cấm hết, mình làm, mình đóng thuế đàng hoàng thôi."

Câu chuyện được chuyển sang tình hình xã hội ở In Đô. Chuyện Hồi giáo chơi xỏ đạo Tin Lành; chuyện chánh quyền độc tài, chuyện dân chúng In-Đô sống trong cảnh nghèo đói và chuyện tham nhũng, hối lộ khắp nơi... Nghe chuyện của nước ông cũng gần giống như chuyện của nước Việt Nam tôi. Nhưng dù sao đi nữa dân nước ông còn có tự do hơn nước tôi nhiều. Người In đô sang nước ngoài làm việc, không bị giới chánh quyền bày trò ăn chận, họ hưởng lương trực tiếp của chủ, đi ra đi về được tự do chẳng có công an, hải quan nào hạch hỏi làm khó dễ moi tiền. Đạo Thiên chúa, Tin Lành ở nước ông có bị chơi xỏ, nhưng chánh quyền Hồi giáo không công khai ngăn cấm, không vu khống, gài bẫy bắt thầy chùa, linh mục bỏ tù như ở nước tôi.

Không khí trở nên náo động khi hai đội banh đá hết hiệp đầu. Bà con ùa ra, người mua bia, người đi toilet... Trong khi chờ trận đấu tiếp tục, họ xôn xao bàn tán chuyện đá banh. Có nhóm đánh cuộc, phe nào thua phải trả tiền bia, rượu. Còn thủy thủ đoàn bên chiếc Blue Sea sắp sửa khởi hành, các anh tụ ra bãi đậu xe. Sau khi anh tài xế hối thúc liên hồi mỗi anh ôm mỗi em hôn vội hôn vàng hôn tới tấp rồi mới chịu buông ra. Người ở lại không giọt nước mắt tiễn đưa, vậy mà kẻ ra đi vẫn còn bịn rịn, khi xe lăn bánh tiếng hô rân

LUÂN HOÁN

KHAI BÚT NĂM CON RẮN

sáng ra lòng dạ bần thần
vói tay mở cánh cửa gần chiêm bao

chào em phơi ngọn hoa đào
chào em thả lỏng cửa vào động tiên

tôi theo bén gót thánh hiền
lên từng sợi cỏ thôi miên mặt mày

thơm lừng lựng những nhánh tay
thơm ngan ngát những vạc đầy tơ xanh

vuốt lòng tiếc nét đan thanh
giàu chi năm tháng thôi đành ngắm qua

hôm nay, tết lại đến nhà
giả lơ mà vẫn nghe già mấy phân

câu thơ khai bút nhắc thầm :
xa thêm chút nữa sân trần gian chơi

kệ đời, không để bút rơi
tôi khai mọi cửa như thời thanh xuân

chào em hiển thánh thơm lừng

tạ từ và cả chục cánh tay đưa ra vẩy vẩy.

Trận banh kết thúc đã gần mười một giờ, đúng ra mười một giờ hội quán đóng cửa. Nhưng những hôm có đá banh họ mở cửa trễ hơn thường ngày. Những đám đông lúc nào cũng vậy, khi sắp kết cuộc người ta bắt đầu rời rạc, kẻ lo mua sắm, người lo điện thoại...

Tôi trong toilet đi ra định tới từ giã bạn bè về tàu. Chợt thấy Frank đứng trước máy bán condom tự động treo trên tường cạnh chậu rửa tay, anh rút một hơi ba bao. Thấy tôi ra anh lắc lắc cái đầu cười gượng, nói:

"Mấy đứa trong nầy dơ lắm, phải cẩn thận mới yên tâm."

"Dĩ nhiên rồi."

Frank đem condom phát cho Edy và Rischar mỗi thằng một gói, còn một gói anh nhét túi quần. Nhìn Frank tôi nghĩ tới hình ảnh này: trong tương lai, thủy thủ tàu buôn ghé cảng Jakarta và Batam, lên hội quán sẽ thấy những mục sư được đào tạo bên Âu châu về nước vừa giảng đạo vừa bán bia, bán rượu và bán... condom.

Đêm vui chơi trên hội quán coi như sắp tàn. Bilia và Lani đến nay chộp được Edy và Rischar, nên hai cô lẹ làng đứng dậy điện thoại gọi tắc xi. Erika biết phận ế ẩm của mình, cô đứng dậy dọn dẹp ly tách trên bàn. Tôi bắt tay từ giã ông mục sư và Frank rồi quay gót. Khi tôi bước ra cửa, xuyên qua ánh đèn trước sân, nước trên trời trúc xuống rào rào làm ướt đẫm cỏ cây hoa lá. Bỗng nhiên trời mưa dầm dề như vầy thì làm sao tôi thả bộ xuống tàu được. Đành quay trở vô nhờ xe bus của hội quán, nhưng phải chờ vì chưa có chuyến xe.

Trong khi chờ đợi tôi kêu một ly bia và leo lên ngồi trên chiếc ghế cao cẳng trước quày rượu. Nhân viên hội quán tắt hết đèn các phòng bên ngoài, chỉ trong ba còn đèn sáng. Ông mục sư theo những người hết phận sự ra xe về trước. Mấy cô gái Phi-luật-tân của các anh bên chiếc Blue Sea để lại vẫn còn ngồi tụm nhau bên chiếc bàn tròn, các cô nói cười dòn tan. Ngót hơn hai chục năm qua tôi thường tiếp xúc với dân Phi-luật-tân. Nhưng tôi không hiểu bằng cách nào mà dân tộc nầy có mặt khắp nơi trên thế giới. Đi tới đâu tôi cũng thấy hộp đêm của Phi-luật-tân. Lúc ra ngoài làm ăn các cô đi từng nhóm. Trai thủy thủ, gái giang hồ quấn quít với nhau mỗi khi gặp mặt, cùng chia sẻ vui buồn và thụ hưởng những gì hiện có.

Nhìn người mà nghĩ đến ta. Trên bước lãng du, đôi khi tôi cũng có gặp vài cô gái Việt Nam làm trong những hộp đêm của người ngoại quốc. Nhưng khi tiếp chuyện, biết tôi là người đồng hương, các cô liền lánh đi đâu mất. Tôi không nghĩ các cô khi dễ tôi không đủ tiền bao. Có lẽ vì tự ái dân tộc, nên gặp đồng hương các cô mặc cảm không dám hết mình với nghề nghiệp. Giữa thời buổi các thầy tu còn phải tìm đủ mọi cách moi tiền bá tánh. Trong khi đó các cô bán thân mình cho thiên hạ mua vui, thì lại sợ mang tai mang tiếng, làm ô danh nòi giống. Chụp giựt như mấy cô gái Phi luật tân kia có khi còn phải đói meo. Huống hồ các cô, mần ăn cái kiểu đó thì làm sao mà khá nổi.

"Chào ông!"

Tôi day qua thấy người con gái Phi-luật-tân, tôi chào lại. Sẵn trớn cô ta bắt chuyện hỏi tôi là người nước nào. Tôi nói tôi người Việt Nam. Cô chìa tay ra bắt và chỉ tay lên bắp tay nói Việt Nam và Phi-luật-tân giống nhau, ý cô ta nói màu da của tôi và cô giống nhau. Bây giờ tôi mới nhìn thẳng cô gái, mặt tròn trịa, hai má bầu bĩnh, đánh phớt lớp phấn mỏng màu hồng, môi son màu tim tím. Cô bận chiếc áo thung màu trắng cổ rộng, áo choàng cũng màu trắng và chiếc váy màu đen. Khi cô cười khoe hàm răng đều như hột bắp, trông duyên dáng quá chừng. Tôi chưa kịp mở lời tán tỉnh, cô ta đã cất tiếng hỏi tôi:

"Đêm nay ông đi với em. Ok.?"

Cô vừa hỏi vừa giơ hai tay câu cổ tôi ghì mạnh, ưỡn lên cho phần trên cặp ngực phồng ra cổ áo, mùi dầu thơm ngào ngạt làm lòng tôi rạo rực. Tôi giơ tay bợ thử chiếc vú; vú tròn, mềm mại và nắm vừa bàn tay. Hai tay cô gái vẫn bấu cổ, hai mắt tự tin nhìn thẳng mặt tôi, chờ câu trả lời.

Chậc! Mới hồi chiều trời trong vắt, hơn chín giờ nắng vẫn còn vàng, đường đi khô ráo, không có dấu hiệu chuyển mưa. Đợi tôi sắp sửa ra về trời đổ mưa như trút nước, làm tôi phải trở vô hội quán. Rồi chợt nhiên xuất hiện một cô gái đẹp như thiên thần tới câu tôi cứng ngắc như vầy. Quả thật, nếu mọi chuyện trên cõi đời nầy đều do bàn tay của Thượng đế sắp đặt, thì tôi cũng sẵn sàng chịu theo sự sắp xếp Ngài. Tôi sẽ không để cho cô em đêm nay thui thủi về không. Tôi bưng ly bia lên nốc một hơi cạn, để xuống. Tay vuốt lên lưng cô gái:

"Ok. Em điện thoại gọi tắc-xi đi."

Vịnh Phần Lan ngày 2 tháng 10 năm 2000

ĐI CHỢ HOA SÀI GÒN NHỚ PHIÊN CHỢ TẾT QUÊ NHÀ

VĂN QUANG

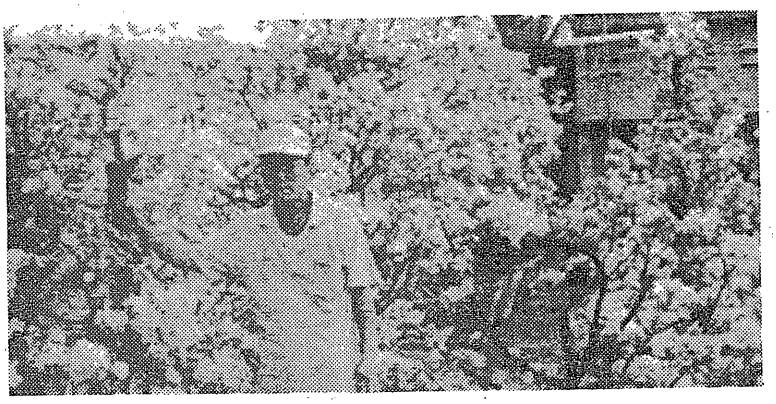

Cứ đến những ngày cuối năm, Sài Gòn bao giờ cũng có Chợ Hoa Xuân, ngày xưa còn ở đường Nguyễn Huệ, đã là người sống ở Sài Gòn chắc chẳng ai quên. Bây giờ chợ hoa được đưa về vườn Tao Đàn và cái tên vườn cũng được sửa lại thành công viên Văn Hóa. Tao Đàn hay Văn Hóa nghe cũng xuôi tai và cũng mang tính tao nhã như nhau. Có lẽ người ta không cần phải chọn lựa thích cái tên này hay cái tên kia. Thôi thì tên nào cũng được, còn hơn là những cái tên lạ hoắc nghe cứ ngẩn ngơ. Đã có rất nhiều ý kiến tranh cãi về sự dời đổi địa điểm khu chợ hoa này. Có người "bảo thủ" cho rằng đó là một chợ hoa đã trở thành truyền thống thì không nên thay đổi. Dù con đường Nguyễn Huệ chật chội, dân số Sài Gòn đã tăng lên gấp đôi (hơn 7 triệu người so với trước kia là gần 4 triệu), nhưng nó vẫn có cái hay riêng, trong không khí rạo rực đón Tết đến Xuân về, người ta chen chúc trong khung cảnh con đường phố khác hẳn những ngày thường, nhìn từ đầu phố chỉ thấy người và hoa, cả một phố hoa đan ken cùng một dòng người tấp nập, nhốn nháo cho đến cuối dãy phố có dòng sông vắt ngang. Những tà áo màu uốn lượn, tung tăng bên những cành hoa khoe hương đua sắc, những giai nhân tài tử, những gia đình chồng vợ bồng bế những cô cậu nhóc hớn hở tươi cười. Đi chợ hoa như một cái "lệ" tự nhiên thành thói quen mà thôi. Với nhiều người, nó như một ngày mở đầu cho việc chính thức đón chào một năm mới.

Trong cái chật chội ấy mới thể hiện được cảnh *"ngựa xe như nước, áo quần như nêm"* của "truyện Kiều" đã thấm sâu vào tinh thần văn hóa dân tộc. Vậy thì cái "truyền thống" ấy không nên thay đổi, hãy để nó tự phát cùng với nền văn minh thành thị, hãy để nó tự lan tỏa ra những khu phố xung quanh, nó có thể chạy dài theo dọc con đường bờ sông vừa rộng vừa đẹp hàng cây số tha hồ bày đủ các loại hoa. Và chỉ có hoa chứ không còn thứ nào khác mới đúng là chợ hoa. Nếu có thêm những thứ linh tinh, nó không còn mang ý nghĩa thuần túy là chợ hoa nữa. Nó là một nơi triển lãm hoặc siêu thị ngoài trời! Đấy là lý luận của những người "tồn cổ." Nhưng vì sự "văn minh sạch đẹp" của thành phố, lại có nhiều ý kiến cho rằng nên chọn một địa điểm thuận tiện hơn cho có "kỷ cương," con đường trước mặt Trụ sở Ủy Ban ND thành phố cần phải trang trọng, nghiêm chỉnh chứ không thể xô bồ vì cái chợ hoa bát nháo này. Như thế mọi người sẽ được "thoải mái" đi mua sắm.

Nhưng cuối cùng chợ hoa cũng đã được dời đi nơi khác. Trước khi dời về Tao Đàn nó đã từng được mang đến một con đường khác, nhưng rồi người ta thấy nó "chết đi" vẻ cổ kính, "tàn tạ" vẻ thanh cao và nó cũng vẫn chật chội chẳng hơn gì khu Nguyễn Huệ nên

cuối cùng cho đến mấy năm gần đây nó mới chính thức "an tọa" tại vườn Tao Đàn. Tôi xin nói rõ là "chính thức an tọa" chứ chưa hẳn là vĩnh viễn, bởi biết đâu, trong một ngày đẹp trời nào đó nó lại có thể được "di dời" ra vùng ngoại ô thành phố như đưa về khu đô thị Nam Sài Gòn đang bành trướng để "kích cầu" cho sự phát triển của khu đô thị mới này và làm cho Sài Gòn bớt chật chội, bớt ùn tắc giao thông??? Âu đó cũng là một lý do chính đáng. Cho nên tôi "chả dám" cho là vĩnh cửu.

Dĩ nhiên, tôi - và có lẽ cũng như nhiều người khác - vẫn bồi hồi nhớ lại những kỷ niệm xưa với khu chợ hoa Nguyễn Huệ. Hồi đó tôi thường đi chợ hoa vào những ngày 28, 29 tết. Và tôi cũng tự cho rằng đó là cái mốc của một ngày bắt đầu ngưng mọi công việc để đón Năm Mới (chữ Năm Mới phải viết hoa). Khi còn độc thân 100%, đi với bè bạn. Khi độc thân 50%, có người tình đi với người tình lòng cứ phơi phới, chẳng có thứ hoa nào nở đẹp bằng. Khi chia tay, đi với người tình mới thì lại "ấm ớ" thương nhớ người yêu cũ! Khi có con, bế con đi chơi bên vợ cứ như trên cái cõi đời này chỉ có anh và em cùng các con chúng ta. Những lúc đó tôi là người chồng mẫu mực nhất trên thế gian này. Nhưng đến đêm 30 Tết thì thế nào kiếm cớ đi chơi để giữa Giao thừa về xông nhà, kẻo để sáng Mùng Một Tết có anh lẩm cẩm nào xông vào nhà là cả năm "dông," "xui," không làm ăn gì được. Lý do vô cùng chính đáng này được mẹ tôi ủng hộ nhiệt tình, nhưng số tôi rất may mắn là trước sau có vài "bà nội tướng" thì bà nào cũng... thông minh cả nên cái "mánh" của tôi bị các bà này biết hết. Đêm 30 Tết thế nào cũng mò lên mấy cái dancing gặp anh em là chính, gặp "các em" là phụ, đấu lia chia một hồi rồi đợi lúc pháo nổ đì đoành mới đứng dậy phát bao "lì xì" cho mấy em cho ra vẻ "con nhà tử tế" rồi mới phóng xe về xông nhà... Biết thế, nhưng hầu như chẳng bà nào ngăn cản vì "thông cảm" với cái tính xin tạm gọi là "đàn ông" của tôi... rất mạnh. Nhân ở đây tôi xin gửi lời cảm ơn tất cả những người "đã đi qua đời tôi" dù vui hay buồn, dù còn yêu tí ti hay đã ghét bỏ, dù "em còn nhớ hay em đã quên." Lời chân thành này không phải lúc nào tôi cũng có dịp giãi bày, xin độc giả lượng thứ cho. Và nếu quý vị đàn ông nào cũng trong hoàn cảnh như tôi thì nên cử tôi làm đại diện để ngỏ lời cảm tạ đến tất cả những người đã "đi qua đời mình." Xin quý "cựu phu nhân, cựu người tình" nhận ở đây tấm lòng của một người đàn ông Việt Nam chân chính nhất, chưa bao giờ chân thật như hôm nay.

Tạm thời xin ngưng dòng cảm xúc tràn về bất tử vào dịp cuối năm này. Tôi xin "tạp ghi" tiếp về cái chợ hoa hiện nay ở Sài Gòn. Dù cái chợ hoa xuân có dời về đâu tôi cũng vẫn phải đến, bởi nó đã thành cái lệ trong đời sống bình thường của tôi, tất nhiên là phải kể đến những năm tháng không bình thường là những năm "nằm ấp," không thể đi chợ trong "tại cải tạo," nhưng "đi chợ bằng đầu" thì vẫn đi, ai cấm được! Vào những dịp cuối năm, Ông ký giả Lô Răng tức ông Phan Lạc Phúc, Thượng tọa Thích Thanh Long, Cha Nguyễn Văn Thuấn và tôi... đã thường cùng nằm gác chân lên nhau (vì chật chội) trên sàn gỗ đầy rệp ở trại Vĩnh Phú nói chuyện Tết, không bao giờ quên nhắc đến cảnh chợ hoa Sài Gòn. Khi trở lại Sài Gòn, năm nào tôi cũng lủi thủi đi chợ hoa một mình. Tôi thích đi một mình để đầu óc được tự do thả hồn về những nơi chốn, những kỷ niệm cũ. Đến chợ hoa nhìn một chậu cúc, một cành hồng, một nhánh lan, một chùm thiên tuế... nhắc nhớ đến một người nào đó, một chuyện nào đó dù chỉ là rất mờ nhạt cũng đủ ấm lòng, cũng thừa sức làm cho lòng mình sống lại mãnh liệt. Cái kiểu sống như thế ở trong nhà tù chúng tôi gọi là "đi bằng đầu," "đi-hoang-trong-mơ-không-ai-cấm-được." Đi trong chợ hoa, thả hồn về nơi xưa cũ đúng là "cảnh thiên thai" rồi, chẳng cần phải có "chúng em xin dâng chàng hai trái đào tiên" cũng thành Lưu Nguyễn. Rồi sau đó dù hoàn cảnh có thế nào cũng thây kệ. "Thà một phút huy hoàng rồi chợt tắt. Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm."

Năm nay tôi lại quyết định đi một mình. Ngày khai mạc hội chợ đúng vào ngày ông Táo lên chầu trời 23 tháng chạp. Năm nay mưa bụi lất phất rất nên thơ. Nhưng vẫn chỉ là ngày các gian hàng đang được chuẩn bị đợt cuối cùng, lác đác người tới xem hơn là tới mua. Chợ Hoa Xuân được chia thành từng khu. Ngay từ cổng chính vào, trước hết là khu trái cây với nhiều chủng loại đặc biệt cho ngày Tết. Bưởi Đoan Hùng từ "miền ngược" Bắc Việt nằm bên những hàng bưởi Năm Roi Biên Hòa đến xoài, nhãn, trái mùa, dưa hấu Năm Căn - Cà Mau... Các loại trái cây để bày mâm "ngũ quả" hay "cửu quả" như cam, quất, phật thủ, thơm, sung, mãng cầu... Nhưng khu này còn lèo tèo không có gì đáng gây ngạc nhiên. Bước

vào trong chút nữa là khu kỹ nghệ đồ đá Non Nước từ Đà Nẵng chở vào với đủ loại hình nghệ thuật và... không nghệ thuật. Tôi gặp hai ông bạn Mai Anh và Lữ Quốc Văn đang mải ngắm nhìn pho tượng ông Phỗng bằng đá mài trắng muốt cao và nặng vài tạ đứng bên những "thần vệ nữ" nõn nà được đẽo gọt khá tinh vi. Có rất nhiều loại đồ vật thường dùng, bạn có thể mua từ cái giá vài chục ngàn đến vài trăm ngàn hoặc vài ba triệu. Nhưng tôi vội từ giã hai ông bạn này để được một mình nhảy sang Khu gốm Bát Tràng chính hiệu được chở vào từ Hà Nội với đầy đủ các sản phẩm làm bằng tay, như ấm chén, tranh ảnh vẽ khắc trên gốm, tranh hứng dừa, tranh gà lợn Đông Hồ và cả những cái đĩa trang trí có những chữ Phúc Lộc Thọ. Tôi hỏi mua một bộ đĩa, nhưng chỉ mua hai chữ Phúc Lộc, mỗi cái nói giá 20 ngàn đồng (mà ngày nay người ta chỉ nói gọn là 20 đồng - đi một cuốc xe ôm nếu bạn thấy bác tài xin 5 đồng có nghĩa là năm ngàn đồng- điều đó đã trở thành phổ biến ở Sài Gòn này rồi). Tôi mua với giá 15 đồng một cái.

Bà chị bán hàng hỏi tôi:

"Sao bác không mua luôn chữ Thọ cho đủ bộ Phúc Lộc Thọ?"

Tôi lễ phép thưa:

"Nhà cháu thấy sống đến năm nay là đủ rồi nên không cần thêm chữ Thọ, sợ ông Trời cho rằng mình tham quá chăng?"

Bà chị bán hàng cười hinh hích, đôi mắt lá dăm đong đưa:

"Cái nhà bác này... buồn cười nhẩy."

Nghe giọng nói tôi đoan chắc trăm phần trăm là dân Bát Tràng chính hiệu nên an tâm chọn hàng. Tôi mua thêm vài con chim bằng sành nhỏ xíu, cứ cho nước vào thổi là nó hót líu lo giống y chang tiếng chim thật. Mỗi cái có 4 đồng, mua vài chiếc làm quà cho con nhà hàng xóm để nó thổi ríu rít om sòm thêm vui chung cư và để bà cụ tầng trên có cái mà... chửi lũ nhóc làm bà nhức đầu. Khu chợ hoa nằm sát đó, giờ này vẫn còn có từng đoàn xe vận tải chở hoa vào cổng sau. Thôi thì đủ loại: hoa đào miền Bắc chồng chất như rừng lẫn lộn bên những cây đào nhập từ Singapore, Trung Quốc, Thái Lan, Hà Lan, châu Mỹ... Các loại hoa mai thượng thặng, hoa ghép, hoa dảo không thiếu thứ gì trong các vườn mai Sài Gòn. Loại hoa kiểng "dễ mua" nhất vẫn là những loại bonsai, kiểng, xương rồng. Đủ loại cây, đủ kiểu dáng vẻ, từ cổ thụ tí hon đến hoa năm bảy tầng, đủ loại chậu cảnh tròn, méo, bầu dục từ vài cen-ti-mét đến những hòn giả sơn vài ba thước trang trí cho các kích cỡ không gian trong nhà, ngoài sân. Những cây tắc, cây quất được uốn thành hình những con thú, hầu hết là những con hươu cao ngất ngưởng... như con trâu, đầy mình những lá xanh mướt và chùm quả trĩu trịt vàng vàng đỏ đỏ trông rất bề thế. Có cả những con gà bằng một loại tắc nhỏ được viền những cái tua hoa màu vàng coi ngộ nghĩnh vui mắt. Chỉ cần vài chục ngàn, bạn cũng đã mua được một cây hoa lạ, một chậu bonsai cổ nhưng còn có lâu bền

HUỆ THU

KHÔNG CÓ MÙA XUÂN

(Thơ Cổ Phong)

Ta thắp hôm nay mười ngọn nến
Ta chờ bạn ta rồi sẽ đến
Ta chờ, ta thấy lòng mừng vui
Chắc hẳn mùa Xuân đang hiển hiện

Ta rót ra hai ly rượu đầy
Bạn hiền như đã thấy đâu đây
Một chút mừng vui thôi đã đủ
Nhớ quên dằng đặc tháng năm dài...

Câu thơ lạnh lẽo buồn như nắng
Như gió mùa Xuân thổi trước nhà
Ta đợi, ta chờ không thấy bạn
Ta nằm úp mặt một mình ta.

Ôi mười ngọn nến bao giờ tắt
Khi rượu vơi dần trong bóng đêm
Nghe dâng một nỗi buồn hiu hắt
Nghe tự nhiên mà thương nhớ thêm.

Mùa Xuân ? Đâu có mùa Xuân nữa
Ta lịm trong cơn nước mắt đầy !
Có phải bạn ta là rượu đó?
Một mình rót mãi uống không say.

hay chỉ chơi được vài ngày rồi lá tàn trơ ra cái thân bằng dây thép uốn bên mấy thân cây khô khẳng khiu là điều cần phải xét lại. Nếu chơi sang thì hầu hết người ta xuống tận vườn đặt hàng hoặc chọn hoa lựa cây, chứ năm nay ít người mua hoa quý vài triệu ở đây. Tôi không thể kể hết những loại hoa được trưng bày trong khu chợ hoa này.

Nhưng điều tôi vẫn âm thầm nghĩ đến là những "gánh hàng hoa" ở Nguyễn Huệ vẫn có vẻ Tết nhất "chân quê" VN hơn là những "gian hàng hoa" ở đây làm mất đi nhiều ý vị của một cái chợ hoa truyền thống. Nếu năm ngoái, tôi đi cùng ông V.Đ.Lệ và N.Q.Thái vào chợ hoa, có cảm tưởng như đi xem triển lãm thì năm nay tôi tưởng như đi vào một cái siêu thị lớn ngoài trời. Bởi ngoài các gian hàng trên còn có cả những gian hàng bán đủ mọi thứ linh tinh có dính dáng chút đỉnh đến tết như hương trầm, bình hoa và cả những thứ chẳng dính dáng gì đến Tết như cửa hàng tạp hóa với đèn ngủ, ấm chén, muỗng nĩa bằng cọng lá dừa và trăm thứ "tả pí lù" khác. Trong đó có cả những hàng quán bán đồ ăn thức uống lu bù trong chợ. Cho nên chợ hoa không còn thuần túy là chợ hoa mà đúng là siêu thị. May mà không có quần áo "sida."

Năm nào cũng vậy, vào dịp đi chợ Hoa tôi lại nhớ đến những ngày xưa ở quê tôi. Hàng năm cứ đến ngày 26 tháng chạp là huyện tôi có phiên chợ tết. Cái chợ huyện Quỳnh Côi - mà ngày nay đã được đổi thành huyện Quỳnh Phụ - nhỏ bé thuộc tỉnh Thái Bình vẫn còn nằm y nguyên trong ký ức tôi. Phiên chợ huyện Tết vui lắm, tôi cứ cho là cả huyện kéo nhau đi mua đi bán vào phiên chợ mỗi năm chỉ có một lần này. Hồi đó tôi là học sinh trường huyện, cứ đến phiên chợ Tết là tôi thấy lòng nôn nao. Hôm đó tôi không đi xe đạp mà được đi "xe tay" với chị tôi lên huyện. Mới sáng tinh mơ, trời mùa đông mưa phùn gió bấc mà các bà các cô đã quang gánh đầy đường. Chợ ồn ào, náo nhiệt từ sớm, cho đến chiều tối mới tàn. Hoa thì ít, hàng quà bánh kẹo thì nhiều. Nhộn nhịp nhất là khu chợ gà với những cái "bu" có những chú gà sống thiến vẫn oai phong dương cái mỏ nhọn hoắt và cái mào đỏ chót dựng đứng ra ngoài cái lông mắt cáo và những chị gà mái đầu, lông mướt như nhung thản nhiên mổ thóc. Thỉnh thoảng có người bán cả những cặp chim bồ câu hiền lành. Tôi chợt nhớ câu chuyện tiếu lâm của Trạng Quỳnh đi mua gà nhờ cô bán gà cầm hai tay hai con gà rồi cứ "tự do va đụng vào bộ ngực" cô em gái nhà quê xinh xắn. Chuyện phịa nhưng hồi còn nhóc tôi cứ tin là chuyện có thật. Tôi đọc sách xong bèn mang đi hỏi thầy giáo: "Ông Trạng này ở đâu?" Thầy giáo vốn là "précepteur" trong nhà tôi, thầy vui vẻ hỏi lại: "Cậu tính theo học ông Trạng này à?" Tôi nhăn răng cười, liền bị ngay một cái tát nên thân làm tôi nhớ đời.

Phiên chợ đó, thế nào tôi cũng phải ghé ra khu tạp hóa, thăm một cô hàng xén người cùng phố Hiệp với tôi, ngồi bán đủ loại "kim tây dây rút bấc đèn," khuy bấm, ngòi bút, khăn mặt, xà bông Cô Ba để trong những cái ô kính dẹp, vuông vuông nhỏ hơn những cái ngăn kéo bàn giấy, trước cửa hàng nhỏ hẹp treo lủng lẳng vài thứ hàng rẻ tiền khác nữa. Cô chỉ trạc bằng tuổi tôi, rất đẹp và là hoa khôi của phố Bến Hiệp. Gia đình cô từ tuốt mãi tận Hà Đông đến ngụ cư ở quê tôi và có một nề nếp gia đình rất lạ, anh em mới lớn là đã tự lập. Khoảng 14-15 tuổi là đã phải biết làm ăn, buôn bán rồi. Trong gia đình mọi người đều có bổn phận đóng góp mọi thứ tiền chi phí. Chúng tôi đã có đôi lần thư từ qua lại và đã biết tặng hình cho nhau. Nhưng quả thật là chưa dám gặp riêng nhau để nói chuyện tình bao giờ. Tôi đến chợ chỉ để được nhìn cô và để cô nhìn thấy tôi. Trong cái náo nức của phiên chợ Tết huyện này tôi cứ lâng lâng như say sóng. Nhưng chỉ vài năm sau là chiến tranh đã cướp đi của tôi người con gái ấy. Từ đó đến nay chẳng biết "nàng" ở đâu. Gọi là "mối tình đầu" chỉ đúng một nửa mà không là tình đầu cũng không đúng hẳn, nó lơ mơ giữa cái "ngã ba tuổi mới lớn" ấy. Chắc giờ này tóc đã bạc, da đã mồi. Tôi không hề muốn gặp lại, bởi nếu gặp lại sợ rằng những hình ảnh kia sẽ tan theo mất. Tôi phải giữ mãi khoảng không gian và thời gian cực kỳ quý hiếm trong cả đời người đó. Bây giờ mỗi lần đi chợ Tết, cái âm thanh phiên chợ ấy, cái hình ảnh nhỏ nhoi nhưng vô cùng thắm thiết và sinh động ấy như còn đọng lại trong tôi. Thì ra bây giờ tôi mới hiểu là tôi đi chợ Tết chính là đi tìm lại cái kỷ niệm thời ấu thơ kia. Và chỉ có cách "đi bằng đầu," "đi-hoang-trong-mơ-không-ai-cấm-được" mới gặp lại mà thôi. Và trời cũng lại chiều lòng người, hôm nay trời Sài Gòn mưa bụi và thoáng có chút gió lạnh, thời tiết ở đây một năm như cũng chỉ có một lần. Cảm ơn trời đất.◉

Sài Gòn một ngày giáp Tết năm Tân Tị

HOA TUYẾT ĐÊM XUÂN

VIỆT DƯƠNG NHÂN

(Các nhân vật cũng như tình cảnh cốt truyện đều là "hư cấu." Nếu có sự trùng hợp do sự ngẫu nhiên ngoài ý muốn, tác giả hoàn toàn không chịu trách nhiệm.)

*

Xế chiều, ngày hai mươi chín Tết... Khu chợ Á-Châu trong vùng Lognes, cách Paris khoảng hai mươi lăm cây số. Ngoài trời buốt lạnh và tuyết đang rơi lã chã, làm mọi người đi ngoài đường phải mặc áo măn-tô - kẻ che dù, người đội nón, đội mũ. Trên tay ai ai cũng xách bịt, xách giỏ. Họ đi chợ cho ba ngày Tết. Mỗi người trên tay có cầm mấy nhánh mai Tây Fortistia nửa búp, nửa nở, màu hoàng anh và bó bông huệ trắng...

Trong đám người đi chợ. Có Lung và Lắm. Hai cậu cỡ ngoài ba mươi tuổi, sống độc thân cùng ở chung nhà. Cả hai qua Tây được hơn mười năm nay. Vừa ra khỏi chợ định đi lấy xe về, thì Lung bỗng vỗ vai Lắm la lên:

- Ê! Chị Hai tao kìa!

Lắm ngớ ngẩn:

- Chị Hai của mầy!

- Ờ!

- Trời đất! Hồi nào tới giờ, tao có nghe mầy nói chị nào đâu?

- Không phải! Chị bà con xa... tám cây số ngàn!

Lắm cười ngất, và nói:

- Sao mầy không cho tao biết là mầy có bà con ở bên Tây?

- Tại tao tưởng không bao giờ gặp lại. Mà bữa nay chỉ hiện hình lên đàng kia kìa!

- Ờ! Thì mầy gọi chỉ đi! Lung liền gọi lớn:

- Chị Hai Nhiều! Chị Nhiều!

Nhiều ngẩng đầu xoay lại nhìn nhìn, nàng thấy Lung bèn mừng vui mà kêu hỏi lớn:

- Lung! Trời đất ơi! Em ở đâu vậy?

Nhiều xách khệ nệ ráng đi nhanh tới và nói tiếp:

- Chị có nghe em qua Tây. Chị định đăng báo tìm em đó. Nay không ngờ chị gặp cậu mầy ở đây!

- Khỏi đăng báo cũng gặp hà!

- Thiệt là trái đất tròn!

- Chị khỏi phải nói! Đây là Lắm, bạn thân của em, nó làm việc và ở chung nhà với em.

Nhiều nhìn nhìn Lắm, rồi nói:

-... Chào cậu!

- Chào chị!

Lắm thấy Nhiều tay xách tùm lum. Cậu ta nhếch miệng cười, bộ điệu ga-lăn, liền nói:

- Chị đưa tụi nầy xách phụ cho.

Nhiều đưa cho Lắm mấy cái xách, nàng cười nói :

- Đi chợ Tết mua tùm lum, nên hơi quải tay rồi!

Lung và Lắm chia nhau mấy cái xách với Nhiều. Lung hỏi:

- Chị ở đâu vậy?

- Ở trong Paris!

Lắm vọt miệng:

- Ở Paris, mà làm gì đi chợ nơi đây?

Nhiều vui vẻ nói :

- Đi tập tuồng cãi-lương trong nhà của nữ nghệ sĩ Kiều Lệ, rồi sẵn đi chợ luôn.

Lung cười khoái chí:

- Ủa, chị làm đào cải-lương hồi nào vậy?

- Ối, hổng có ai đóng mấy cái vai phụ, vai hề, rồi họ kêu chị đóng cho vui thôi!

Lắm cũng ngạc nhiên hỏiá:

- Trời đất! Chị mầy là đào-hát hả? Mà tên gì tao không biết?

Lung trợn mắt ngó Lắm:

- Mầy có đi coi hát cải-lương lần nào ở Paris chưa, mà mầy hỏi?

Lung quay lại hỏi Nhiều:

- À, tên nghệ sĩ chị lấy tên gì?

- Liên Hương!

- Cha chả nghe được quá ta!

Lắm hỏi:

- Hát tuồng gì, mà hát ở đâu?

Lung cắt ngang:

- Mầy hỏi cũng vô ích!

- Ờ hén!

Nhiều thấy Lắm không phải là loại khán giả xem cải-lương, nên nàng nói đỡ cho Lắm:

- Ở Paris, chỉ có mấy bà già xem cải-lương thôi! Chớ trẻ cỡ cậu nầy chắc là suốt một kiếp cũng không biết cải-lương là gì!

Lung bất mãn, xoay qua hỏi Lắm:

- Mầy qua Tây, mầy thích học văn-chương Pháp, mầy không rành về văn-hóa nghệ-thuật cải-lương nước mình à?

Lắm nín vài giây... rồi nói:

- Một tuần tao học có bốn giờ ở Sorbonne, còn lại thì tao chỉ lo vô đầu xe hơi cho mầy thôi!

- Ờ hén! Mầy chỉ học văn-chương chữ Pháp! Nhưng tại vì sao trong đó mầy không học được văn-chương của Việt Nam mình?

- Chữ Pháp tao còn dở. Hổng lẽ tao xin học văn chương Việt Nam trong đó sao? Hồi còn ở bên nhà thì tao có học, mà học văn chương lúc ấy là do Nhà Nước Việt Nam đề xướng ra, thì... thì... Ối thôi, mình lo chuyện hiện tại và tương lai đi. Đừng nhớ những gì đã qua...

Nãy giờ Nhiều nghe Lung trách móc Lắm, nên Nhiều làm thinh. Bây giờ cô mới lên tiếng:

- Nè Lung! Lung gặp chị, em chẳng hỏi chị thêm gì, mà em nổi cơn trách cậu... Lắm quá vậy?

Lung mới sực nhớ:

- Xin lỗi chị! Cái thằng nầy, nó nói, nó là dân có trình độ tú-tài đôi ở Sài-gòn, mà nó không biết gì là cải-lương!

- Em tưởng ai cũng biết coi cải-lương hả?

- Bắt buộc phải hiểu biết chớ!

Nhiều nhăn mặt và tiếp:

- Cải-lương là hạng bình-dân mới thích coi!

Lung bèn nói qua chuyện khác:

- Chị ở xóm nào?

Lắm nãy giờ nín thinh nghe Lung chê mình, cậu liền mỡ miệng:

- Chị Nhiều, chỉ nói: chỉ ở Paris!

Lung đập vai Lắm:

- Tại tao nổi sùng mầy không biết cải-lương, rồi tao nói một hơi.

Nhiều hớn hở nói :

- Chị ở miệt quận mười ba Paris!

Lung nhìn Nhiều:

- Rồi chị đi bằng gì vô đây?

- Thì bằng R.E.R.!

- Bộ chị không có xe hơi hả?

- Không!

Lắm vọt miệng:

- Bộ mầy tưởng ai cũng có xe hơi sao?

Lung gật đầu, rồi cậu hỏi Nhiều:

- Chị đi chợ xong hết chưa?

- Bấy nhiêu chị cũng xách nặng quá rồi!

Lắm bảo với Lung:

- Mầy sẵn có xe thì đưa chị Nhiều về nhà chỉ luôn. Mà hỏi chỉ có muốn mua gì thêm không?

Nhiều nhìn Lắm:

- Cám ơn cậu, tôi mua bấy nhiêu cũng đủ quá trời rồi!

Sau đó Lung và Lắm xách mấy xách đồ của Nhiều ra tuốt ngoài xe. Nhiều đi tay không. Nàng hỏi hai cậu:

- Nè, mà các cậu về đâu?

Lung và Lắm đồng nói:

- Ở vùng nầy!

- Trời đấtá! Sao mà đòi đưa chị về?

Lung nói:

- Đưa chị về, vì em muốn biết nhà chị luôn, có được không chị?

Nhiều lưỡng lự, rồi nói:

- Không được!

Lắm chen đến trước mặt Nhiều và hỏi:

- Tại sao không được vậy chị... Nhiều?

Nhiều trả lời một cách tỉnh bơ:

- Ừa! Tại tôi không thích ai biết nhà tôi hết!

Lắm nhìn Lung:

- Thôi mình cứ đưa chị Nhiều về đi. Tùy mầy đó Lung, chớ tao không hiểu!

- Thì chị Nhiều không thích cho ai biết nhà, thì không thích, chớ ai nào hiểu được. Làm gì mầy trịch thượng với tao vậy Lắm?

- Nghệ-sĩ khó quá há?

Nhiều nghe Lắm nói thế, nàng ngó Lắm:

- Nghệ-sĩ, bộ ai đến nhà cũng được sao?

Lung nghe hơi hơi kỳ rồi, cậu bèn đáp nhanh:

- Lắm! Sao mầy tò mò quá vậy? Chị tao đó nghe mậy!

Rồi Lung quay sang Nhiều mà hỏi:

- Bây giờ tụi nầy muốn đưa chị về tới nhà được hôn?

Nhiều vui vẻ đáp:

- Được chớ, nhưng không có vô nhà chị à!

Lung cười vui vẻ:

- Đưa chị về tới nhà chị, rồi chị muốn cho tụi nầy vô nhà hay không là quyền của chị!

- Ừaá! Vậy thì được!

Lung và Lắm cùng Nhiều ra xe của Lung. Chiếc xe hiệu Peugeot 206 màu xám bạc. Nhiều ngồi đàng sau, mà nàng nghĩ: Lung ở Sài-gòn cũng là dân cậu chớ. Sao qua bên Tây không chịu xin học gì trở lại, mà hình như ngày nay nó làm thợ sửa xe hơi. Nghĩ cũng giỏi thật! Còn cậu Lắm nói là đang học ở Sorbonne, chỉ đi làm thêm! Mình thấy cậu Lắm muốn tiến thân hơn đó! Mình vô tình gặp lại cậu Lung, nên chưa hỏi gì nhiều, mà

hai cậu cứ cãi qua cãi lại vấn đề cải-lương của mình. Thiệt mình bực hết sức chẳng phân trần được gì! Ối thôi, hơi sức nào mà mình bận tâm.

Lung lái xe mà im ru, vì đường đầy tuyết. Cậu cho chiếc xe quẹo qua, quẹo lại, rồi ra xa lộ A4 trực chỉ hướng Paris. Còn Lắm cũng ngồi yên, mà trong đầu nghĩ: Bà chị Cải-Lương nầy coi còn trẻ, mà sao thằng Lung nó gọi chị ngọt sớt kìa? Tuổi chị nầy chắc cỡ mình là cùng. Nhưng bạn mình gọi chị thì mình cũng gọi theo, chớ mình muốn gọi bằng cô... em rồi!

*

Tới Porte d'Ivry, Lung hỏi Nhiều:

- Nè, chị Nhiều, đi ngõ nào đây?

- Quẹo tay mặt, vào khu mười ba!

- Đường nào?

- Đường Tolbiac, rồi thẳng tuốt lên phía quận mười bốn!

- Hảả! Chị ở quận mười bốn sao?

- Chưa tới!

Lung chạy tuốt lên gần nhà thương Sainte-Anne chuyên môn trị bệnh tâm thần. Nhiều bảo Lung ngừng lại. Lung dừng xe. Lắm xuống xe mở cửa và xách mấy xách đồ đi chợ hồi nãy đưa cho Nhiều.

Lung hỏi:

- Nhà chị ở đâu?

- Ở trong Cư-Xá kia kìa!

- À! Số 17... nhớ rồi! Xin chị cho số điện thoại?

Nhiều bỏ mấy xách đồ xuống, lấy viết và một miếng giấy nhỏ viết đưa cho Lung. Nàng nói cám ơn, rồi xách đồ đi vô tuốt bên trong Cư-Xá.

Còn lại Lung và Lắm. Lắm hỏi:

- Ê Lung, mình vòng lại quận mười ba ăn cái gì rồi về trong Lognes chớ. Tao thấy đói bụng rồi!

Lung trả lời:

- Đi! Đi đến Au-Vieux-Sàigòn ăn canh chua cá bông lau và cá kho tộ hoặc tôm rim. Tao nghe đồn là nhà hàng ấy có bà bếp tên Bà Lư nấu mấy món đó xuất sắc lắm!

- Ừa, đi thì đi! Rất tiếc hồi nãy sao mầy không mời chị Nhiều cùng ghé đó ăn rồi đưa chỉ về sau!

- Ờ hén! Tao cũng quên lửng!

Lắm liền bảo với Lung:

- Mầy gọi phone liền coi!

Lung liền móc điện thoại cầm tay ra gọi:

... Chuông reo ba tiếng... Máy nhắn tự động trả lời...

*

Lung lắc đầu. Lắm liền hỏi Lung:

- Cái gì mới về mà chị Nhiều đi đâu rồi? Hay là chỉ không thèm bắt điện thoại!

Lung trả lời:

- Biết đâu chỉ về đến nhà, chỉ có chầu đi ăn chỗ nào đó!

Lung và Lắm nói qua nói lại, hai cậu đã tới nhà hàng Au-Vieux-Sàigòn. Không có chỗ đậu xe. Lung chạy vài vòng tìm chỗ đậu xong. Hai cậu vào nhà hàng ngồi bàn, và xem tờ thực đơn, hai cậu liền gọi mấy món mà hồi nãy nói trong xe. Và gọi hai chai bia Tàu.

Lắm cứ nhắc hoài về cô Nhiều, làm Lung cũng hơi bực. Lung nói cộc:

- Mầy cứ nói hoài. Hồi nãy sao mầy không dám mở miệng mời chị Nhiều, mà bây giờ mầy cứ cằn nhằn tao!

Lắm thấy bạn hơi gạu, cậu liền cười cười và nói nhẹ giọng:

- Ờ! Thiệt tao cũng chẳng biết tại sao nữa. Tự nhiên sao tao thấy thích thích chị ấy!

- Ủ! Theo tao thấy mầy không ưa đào cải-lương mà!

- Mầy kỳ quá! Tao không biết cải-lương. Chớ tao đâu có nói là tao không thích bao giờ đâu! Cái thằng quỷ nầy!

Lắm và Lung, hai cậu nói chuyện qua lại, thì cậu Tình bưng đồ ăn ra dọn trên bàn.

Vài phút sau, Nhiều mở cửa bước vào. Làm Lung và Lắm chưng hửng. Bây giờ Lắm lính quýnh... Cậu đứng lên và gọi Nhiều:

- Chị Nhiều! Chị... Liên Hương!

Nhiều ngó qua, miệng tươi cười như hoa nở. Rồi cô nói:

- Có duyên thật! Lẩn quẩn cũng gặp hà!

Lung vẫn ngồi mà nói vói: - Chị ăn cơm luôn với tụi nầy cho vui!

- Hai người không có hẹn ai chớ?

Lắm cười hơi giễu trả lời:

- Hẹn với chị đó!

- Xạo hoài!

Lung mỡ lời:

- Nếu chị không hẹn ai thì ăn cơm chung với tụi emá! Chớ tụi nầy có hai đứa thôi!

Nhiều hơi ngường ngượng, rồi cũng đến bàn. Tình, cậu chạy bàn vừa thấy có thêm người, liền đem thêm chén đũa đến bàn.

Lắm xúc cơm cho Nhiều, và hỏi Nhiều uống nước gì. Nhiều cũng gọi chai bia. Ba người ăn

cơm và chuyện trò vui vẻ rất tự nhiên.

*

Bữa cơm thuần túy Việt Nam, ba người vừa ăn xong. Lung gọi tính tiền. Tình đem phiếu ra. Nhiều lén nhìn coi bao nhiêu, cô liền tính nhẩm trong đầu, rồi mở bóp lấy một trăm quan đưa cho Lung. Lung đẩy tay Nhiều ra và cậu nói:

- Chị nầy kỳ quá, cho em mời chị bữa nay coi!

- Hổng được!

- Chị nầy thiệt!

- Không có thiệt giả gì hết! Không cho chị chia, thì ngàn đời chị sẽ không đi ăn chung đâu à!

Lắm vọt miệng nói với Lung:

- Chị Nhiều thật là thẳng tánh!

Nhiều vọt miệng:

- Đúng ra chị phải mời hai cậu đó. Nhưng ở xứ nầy mà. Ai cũng phải đi làm kiếm cơm. Chơi với nhau thì phải hiểu mấy cái vụ nầy. Chớ có ai giàu đâu mà bày đặt...

Lung tươi cười:

- Chị như đàn ông, con trai vậy! À nè! Tối mai chị ăn giao thừa với ai?

Nhiều cười, và lấy tay chỉ vô ngực:

- Ăn giao thừa với... tui chớ ai!

Lung nói:

- Chị có một mình, vậy tối mai em ra rước chị vô nhà tụi em ăn giao thừa. Vì tối mai tụi em có mời hai ba cặp bạn, tuổi cỡ mình đó! Chị chịu không?

Lắm rút cây viết máy rất đẹp, lấy miếng giấy viết địa chỉ và số điện thoại đưa cho Nhiều liền. Và cậu nói:

- Sáng mai, cỡ mười giờ chị gọi cho tụi em nha!

Nhiều lấy miếng giấy đọc, mỉm cười gật gật đầu, cô nói:

- Được rồi! Tối mai sẽ được vô miệt trong Lognes ăn Tết! Nè, chị đi R.E.R. chừng tới trạm thì chị gọi mà ra rước chị. Chớ ra Paris rước mất công lắm!

Lung vui nhộn, và Lắm cũng tươi cười, cậu nói:

- Vậy lát nữa về kêu lại nhà bác Lý, đặt thêm vịt tiềm.

Nhiều hỏi nhanh :

- Bác Lý nào ? Chắc là bà nấu ăn cho đám cải-lương rồi!

- Bác nầy hay nấu nướng cho mấy đàn ông độc thân như tụi nầy. Mà ai đặt gì bác cũng nấu. Bà nấu ăn hết xẩy! Trong dịp Tết bác còn gói bánh tét, bánh ích nữa đó chị à!

- Làm mấy thứ đó coi vậy cũng sống được lắm!

Lung hỏi Nhiều:

- À! Còn chị làm gì? Nói chuyện lung tung mà quên hỏi.

- Chị làm thâu ngân viên cho chợ Prisunic gần nhà.

- Ủa, chớ hát cải-lương không đủ sống sao chị?

- Trời đất ơi! Cả năm mới hát một tuồng, chia được vài ba trăm quan cho có lệ. Chớ tiền bạc gì đâuá! Thôi về các cậu ơi!

Nhiều đứng lên lấy áo măn-tô mặc vào và nói:

- Thôi chị đi về nha!

Lung và Lắm cũng đứng lên nói:

- Tụi nầy đưa chị chớ!

- Ừa được!

Cả ba cùng ra khỏi nhà hàng.

Lung bảo:

- Xe đậu bên đường nhỏ, chị đứng đây để em đi lấy xe.

- Thì đi luôn cho rồi, còn bày đặt ga-lăn nữa!

Lung và Lắm đưa Nhiều trở về nhà, và hẹn tối mai đến nhà Lắm và Lung ăn giao thừa.

*

Qua ngày hôm sau là ba mươi Tết. Nhiều thức dậy tắm rửa, sửa soạn xong. Nàng đốt nhang trên bàn Phật, rồi ăn cơm với thịt kho tiêu dặm thêm dưa cải chua.

Khoảng một giờ trưa, Nhiều mở T.V. nghe tin tức, đài khí tượng cho biết, tối nay sẽ có bão tuyết. Họ nhắc đi nhắc lại cho những ai lái xe phải thận trọng. Nhiều nghe thế, nàng nghĩ: Chết rồi, làm sao mình đi vô trong Lognes được đây? Vậy mình phải đi sớm! Mà hổng biết các cậu ấy có nhà không? Thôi để mình gọi điện thoại coi?

Nhiều thò tay lấy điện thoại gọi.

*

- A-lô! Ai đó?

- A-lô! Chị Nhiều đây! Lung hả?

- Không phải! Lắm đây! Thằng Lung, nó đi mua rượu rồi! Chuyện gì mà... chị gọi giờ nầy?

- Trên đài T.V. nói tối nay có bão tuyết. Nên chị gọi coi hai cậu có nhà không, để chị vô sớm. À! Mà cái nầy nữa!

- Cái gì vậy chị?

NGUYỄN NGỌC BỘI

THẢO NGUYÊN BUỒN

em như con nước chung tình
cùng anh chảy một thủy trình chiêm bao
dòng sông xưa chợt gầy hao
ơi con sóng nhỏ xuôi vào biển xa
một thời yêu dấu vừa qua
khói trần gian đã nhạt nhòa thảo nguyên
mắt em đốm lửa hư huyền
trăm năm hiu hắt soi phiền muộn anh

- Có chỗ cho chị ngủ lại không? Chớ khuya quá làm sao chị về được?

- Chị khỏi lo chuyện đó, em nhường phòng cho chị ngủ.

- Nhường cái gì. Nếu chị ở lại thì ngủ salon cũng xong hà!

Lắm nghe trong lòng hơi gợn một cái gì là lạ. Rồi cậu hỏi:

- Chị mấy tuổi vậy chị Nhiều?

- Trời đất, sao mà hỏi tuổi tui?

- Thì em muốn biết, tại em thấy chị chắc cỡ em là cùng!

- Vậy chớ em bao nhiêu tuổi rồi?

- Ba mươi lăm! Còn chị?

Nhiều tức cười trong bụng:

- Cha chả, già vậy à! Thôi... đành làm em gái rồi! Vì... chị có ba mươi bốn hà!

Lắm khoái chí nói:

- Linh tánh không sai mà!

- Hả, Lắm nói cái gì?

- Ngày hôm qua gặp chị, Lắm nghi là chị nhỏ hơn... Bữa nay thì quả thật rồi. Thôi sửa cách xưng hô nghe...

- Được. Nhưng... để qua giao thừa nha!

Lắm muốn hỏi nhiều thứ khác nữa. Nhưng miệng chàng như bị kẹt.

Hai người vừa dứt đối đáp qua điện thoại, thì Lung mở cửa vô nhà, Lắm nói với Nhiều:

- Thằng Lung về!

Nhiều nói:

- Thôi nha! Hẹn chút nữa hén!

Nhiều cúp điện thoại. Lung hỏi:

- Ai gọi điện thoại vậy?

- Người đẹp Nhiều!

- Chỉ gọi nói gì, bộ kẹt không vô đây tối nay hả?

- Đâu có! Nàng sẽ lấy R.E.R. vô đây sớm, vì nghe thời tiết nói tối nay có bão tuyết! Nên nàng chọ hay.

- Sao mầy không đi rước chỉ? Ráng ga-lăn đi mầy!

Lắm nghe Lung nói thế, cậu thấy thích thích trong lòng, liền nói:

- Ê mầy, mầy đưa tao số điện thoại của nàng để tao gọi coi, mau mau!

- Thằng quỷ, mầy làm gì dữ vậy?

- Đưa đây tao gọi liền, chớ để nàng đi sao!

Lắm liền quay điện thoại lại nhà Nhiều. Chuông reo sáu bảy tiếng, Nhiều mới nhấc lên:

- A-lô tôi nghe!

- Lắm đây, ra Paris rước... cho. Đừng có đi R.E.R vì ngoài trời lạnh lắm.

Nhiều nghe Lắm nói thế, nên trong lòng cũng thích thích, nàng nói:

- Vậy thì sung sướng biết chừng nào. Chỉ sợ mất công thôi! Rồi cỡ nửa tiếng đồng hồ tui xuống đường đợi hén!

- Xuống đường chi cho lạnh. Để chừng nào tới nơi thì... lên nhà...

Nhiều nghĩ: À há! Cái anh Lắm nầy cố ý muốn biết nhà mình, nên mới nói vậy.

Nhiều cười và nói:

- Được... tới đi rồi sẽ hay!

- O.K. chút nữa hén!

*

Nhiều đi vô nhà tắm, chải mái tóc chấm vai đen huyền, và trang điểm chút son phấn nhạt. Xong rồi, nàng soi gương ngắm lại, thấy vui vui. Rồi nàng đi ra mở tủ, lấy chiếc áo dài gấm Thượng-Hải màu xanh ve chai, nổi những cành trúc màu bạc bạc. Cô mặc quần trắng, mang giày cao gót, và lấy một bộ đồ ngủ bằng nỉ màu tím thang. Nàng nghe trong lòng phơ phới lên.

Khoảng nửa tiếng đồng hồ sau. Nhiều xuống đường đứng đợi Lắm. Chỉ vài phút sau Lắm dừng xe, cậu nhếch miệng cười và vói tay mở cửa cho Nhiều lên xe. Lên xe xong, cả hai không ai nói đến ai. Có lẽ trong lòng hai người cùng một ý nghĩ, và cùng một tình cảm đang giao động như nhau?

Lắm về đến nhà, cậu nhấn kèn xe, Lung nghe tiếng kèn, cậu ra mở cửa và rất là vui vẻ.

Nhiều bước vô nhà của Lung và Lắm. Nàng lấy làm ngạc nhiên. Một căn nhà vi-la Pavillon khá lớn, có sân vườn cũng khá rộng, hoa cỏ thì úa tàn hết rồi, chỉ có mấy cây tùng là lá còn

xanh xanh thôi. Trong nhà có chưng mấy bình bông, và một bình cao lớn chưng toàn là mai Tây, có treo lủng lẳng mấy bao lì-xì. Trên bàn ở gốc có một dĩa bánh chưng, bánh ích, một đòn bánh tét, một hộp lớn đủ thứ mứt, như gừng, bí, dừa, sen, mãng cầu, me v.v... Trên tường ngay phòng khách và phòng ăn, có treo hai bộ tranh sơn mài Mai-Lan-Cúc-Trúc và Ngư-Tiều-Nông-Mục. Trông vừa đẹp, vừa thuần túy trong nhà của người Việt Nam.

Tuy Lung và Lắm còn trẻ, nhưng đầu óc hai cậu vẫn còn giữ phong tục Việt Nam lắm. Mà Nhiều cũng thế. Nếu không biết hai cậu sống độc thân, thì người ta sẽ nghĩ là trong nhà của hai cậu, chính do tay đàn bà xắp xếp. Nhưng không phải vậy. Hai cậu nầy là chủ của một ga-ra salon chuyên sửa chữa và mua bán xe hơi đủ loại. Nhờ vậy mà cuộc sống của hai cậu được thong thả. Vì mới tạo lên sự nghiệp, nên hai cậu chưa vội tìm ý trung nhân. Nhưng từ hai hôm nay, Lắm gặp Nhiều, thì Lắm như bị con ma tình lẽn chui vào trái tim của cậu. Mà Nhiều cũng thấy lòng gợn lên cơn sóng tình yêu...?

Ngoài trời tuyết đang rơi nhè nhẹ. Mới hơn sáu giờ chiều mà trời đã tối thui từ lâu rồi. Vì là mùa đông nơi đây, nên mặt trời đi ngủ sớm.

Nhiều đang phụ đặt bàn, thì bác Lý cùng cô cháu bưng đồ ăn lại. Bác Lý vừa thấy Nhiều, bác tươi cười và hỏi:

- Ủa! Cô Liên Hương lại đây nữa hả? - Dạ, thưa bác Lý!

- Chèn ơi! Sao mà bữa nay cô đẹp hơn mọi bữa quá vầy nè?

Nhiều tươi cười:

- Dạ, cám ơn bác khen! Tết nhứt, con phải diện chút chút mà bác! Con gặp bác mấy lần ở nhà chị Kiều Lệ, tại con đi tập tuồng, nên ít khi sửa soạn, và ăn mặc lè phè, còn đóng tuồng, thì con hay đóng mấy vai bà già.

Bác Lý cười vui vẻ, rồi bảo cháu bác đem đồ xuống bếp và xắp ra. Từ trên lầu Lung đi xuống, trong tay cậu cầm một cái bao lì-xì, cậu đến gần bác Lý:

- Dạ, thưa bác cầm cái nầy!

Bác Lý miệng cười, nét mặt vui tươi, bà nói:

- Cậu đưa vừa phải thôi nghe! Để tui coi, vì lúc nào cậu cũng cho tôi hậu quá đi!

Lung nói:

- Lâu lâu, con mới nhờ bác mà!

- Thôi, tui về nghe cậu.

Bà Lý quay qua Nhiều, bà nói tiếp:

- Tui về nghe cô Liên Hương. Bữa nào cô hát, tôi sẽ đi coi. Tui xin chúc tất cả ăn giao thừa và một năm mới nhiều vui vẻ nha!

Từ hồi nãy giờ, Lắm đi rước Nhiều về, thì cậu đi tắm sửa soạn để tiếp khách. Lắm và Lung, cậu nào cũng diện, mặc côm-lê, thắt cà-vạt, trong "kẻng" lắm.

Cỡ tám giờ tối, thì có ba chiếc xe hơi tới trước cửa nhà của Lung và Lắm. Có ba cặp trai, gái, tuổi cỡ ngoài ba mươi, họ nhận chuông, Lung ra mở cửa và mời tất cả vô nhà.

Lắm, Lung và Nhiều lăng-xăng tiếp khách, chào hỏi giới thiệu với nhau... Lắm lo rót rượu, rót nước uống khai vị. Khoảng nửa tiếng sau đó. Họ cùng ngồi vào bàn ăn. Nhiều phụ với Lắm giống như bà chủ nhà lo bếp núc. Nàng bưng đồ ăn lên để đầy bàn, nào là gỏi tôm thịt, chả giò, rau sống, xà-lách và tô vịt tiềm khói nghi ngút bay mùi thơm phức, làm ai nấy cũng phát đói bụng.

Họ ăn uống vui cười đến mười hai giờ khuya. Lung đứng dậy đi ra sau bếp, mở tủ lạnh lấy chai Champagne đem lên khui và rót cho mỗi người một ly. Tất cả đều nâng ly chúc Tết với nhau.

Đến hơn một giờ đêm, thì ba cặp bạn ra về. Còn lại Nhiều, Lung và Lắm. Cả ba đều lo dọn dẹp, bưng đồ ăn còn dư để trong tủ lạnh. Xong xuôi, Lắm ngồi salon, miệng thì cứ mỉm mỉm cười nhìn Nhiều.

Lung thấy vậy, bèn hỏi Lắm :

- Ê Lắm! Bữa nay tao thấy mầy khác hơn mọi hôm đó nha! Bộ mầy có gì vui phải không?

Lắm đưa hai bàn tay lên đầu vuốt vuốt tóc, miệng cười cười và nói với Lung:

- Vui chớ! Vui quá xá quà xa.

- Vui gì, nói cho tao nghe ba ngày Tết coi!

- Vì tao... tao có em gái kể từ hôm nay.

- Hả, mầy nói gì? Em gái nào đâu?

Nhiều liền nói:

- Chị đây, chị chịu làm em gái của... anh Lắm rồi!

- Vậy à! Vậy thì vui quá xá! Nhưng... có gì lạ đâu! Nếu có lạ, là lạ chuyện... khác kìa!

Nhiều nhìn Lắm, cử chỉ hơi e thẹn và đôi má ửng hồng...

Ngoài trời thật lạnh, tuyết đang rơi mạnh. Nhìn qua cửa sổ thấy trên các cành cây tuyết vướng đọng lại, làm thành những chùm hoa tuyết trắng xóa giữa đêm xuân.●

(Ivry-sur-Seine,
Bạch-Am đêm thu 12-10-2000)

CHUYẾN TÀU

TRẦN DOÃN NHO

(Tiếp theo)

Ngồi trên mấy chuyến xe lam chuyển tiếp về thành phố, Hạnh im thin thít, không dám hé một lời về vụ lật tàu, trong lúc mọi người trong xe bàn tán xôn xao. Nàng biết chắc trong số đó, không có ai là hành khách trên chuyến tàu, vì tất cả những chuyện họ kể ra đều được phóng đại ra nhiều lần, hoàn toàn xa hẳn sự thật mà nàng chứng kiến. Họ mặc tình bịa đặt, thêm mắm dặm muối, không có một chút ngượng nghịu nào. Có lẽ vì họ không thấy, không biết gì hết, nên họ bịa một cách hồn nhiên, ngây thơ. Nhiều chuyện họ dựng đứng hẳn, và chúng vô lý đến độ khiến nàng bực mình, muốn lên tiếng. Nhưng, kinh cung chi điểu, nàng thu mình lại, cố gắng không tỏ ra một thái độ nào đặc biệt, lại càng không thốt ra một lời nào. Nàng làm lơ bằng cách cứ nhìn ra ngoài và mong chóng đến nơi.

Xuống xe ở chợ Bà Chiểu, nàng ghé chợ mua sắm lại ít áo quần, dép, đồ trang điểm rồi mới ghé nhà Duyệt, mong ngóng bạn. Mãi đến tối mịt Duyệt mới trở về nhà. Vừa thấy nàng, Duyệt reo lên:

"Trời, bà mới vào đó sao. Sao mà ở ngoài đó lâu đến thế! Chắc chuyến đi Hà Nội vừa rồi trúng mánh quá nên không muốn đi nữa chứ gì."

"Đâu có. Mình đau nên phải ở nhà một thời gian để tĩnh dưỡng. Bà đi đâu mà về tối quá vậy?"

Duyệt sôi nổi:

"Bà không nghe gì cả sao? Cả thành phố đang náo loạn vì vụ lật tàu ở Bầu Cá. Cả chiều nay có ai làm ăn gì đâu. Tôi cũng thế, chạy quanh chạy quất. Tôi vừa lên bệnh viện Nhi Đồng về đây. Làm gì, bà biết không? Tìm thử có xác người thân hay người quen gì không. Vậy bà không nghe gì hết thật sao?"

Hạnh hờ hững:

"Không."

"Cái bà này. Người ta đang xôn xao như thế mà bà tỉnh bơ y như ... thường vậy."

"Bộ bà nói tôi phải làm sao?"

"Đúng là điếc. Đâu đâu người ta cũng bàn tán om sòm. Nghe nói cả mấy ngàn người chết lận, bà biết không? Bệnh viện nào giờ cũng đầy người chết và người bị thương. Chưa hết đâu, xe còn tiếp tục chở lên nữa."

"Có ai quen trong chuyến này không?"

"Làm sao mà biết được. Người ta đi đông đi tây, ai mà biết họ đi tàu nào. Mình chạy quanh hỏi han hết bà con. Tất cả đều bình yên. Có một bà dì bà con xa lên Long Khánh thăm con, chẳng biết có về chuyến này không. Mấy đứa con đang lên ruột đàng nhà. Tôi có một con bạn thân thường đi buôn rau cải tàu chợ, giờ

này vẫn chưa biết tin. Không biết thế nào."

Thấy Hạnh có vẻ không mấy quan tâm đến những tin sốt dẻo vừa đưa, Duyệt hơi cụt hứng. Nàng hỏi qua chuyện khác:

"Thế lần này bà đi hàng gì vào?"

"Gà và xoài."

"Cái gì? Gà và xoài! Độ này bà biết khôi hài nữa hay sao đây?"

"Không. Tôi nói thật."

"Bà buôn gà và xoài? Từ Huế vào?"

"Không. Từ Nha Trang."

"Đi xe hả?"

"Không. Đi tàu."

"Tàu Thống Nhất mấy, sao mà vào giờ này? Giờ này làm gì có tàu Thống Nhất kìa? Tôi vừa ra ga xem kế hoạch mà."

"Tôi đi tàu chợ."

"Lại đùa nữa. Tàu nào?"

"Chuyến tàu vừa bị lật ấy."

Duyệt trố mắt nhìn bạn:

"Hạnh, bữa này sao bà ăn nói kiểu gì tôi không hiểu. Bà từ đâu về?"

"Từ Bầu Cá?"

"Thiệt không?"

"Thiệt. Mình ở trên chuyến tàu đó." Duyệt bất ngờ đứng dậy, ôm choàng lấy Hạnh, siết chặt thân hình bạn, la lên:

"Trời ơi, Hạnh. Bà còn sống đây, phải không? Có hề hấn gì không? Tội nghiệp cô bạn tôi."

Duyệt đẩy Hạnh ra xa, rồi nhìn từ trên xuống dưới, từ trước ra sau:

"Trời, bà vẫn còn nguyên vẹn chứ! Sao mà bà tỉnh bơ vậy?"

"Không tỉnh bơ thì làm gì bây giờ."

Hạnh vắn tắt kể lại cho bạn nghe những gì đã xảy ra trên chuyến tàu bị nạn. Nàng định dấu chuyện nàng bị làm kiểm điểm, nhưng sau đó, kể luôn cho Duyệt nghe. Duyệt tức tối bảo:

"Bọn nó hù bà đấy. Hèn gì, về tới đây rồi mà mặt mày ngơ ngơ ngác ngác như người thất thần. Ở đây, người ta bàn tán ầm ầm ở ngoài chợ, trên đường phố, trong bệnh viện. Sao không vào đó mà bắt người ta kiểm điểm đi. Mà thôi, kệ xác! Bây giờ, bà nằm nghỉ đi cho khỏe. Lạy Trời, lạy Phật, may tí nữa là tôi mất thêm một người bạn. Số bà lớn lắm! Về lo mà cúng quảy tạ ơn đi. Chín phần chết, một phần sống đấy!"

*

Sáng hôm sau, Duyệt ra sạp báo sớm, mua về tờ *Sài Gòn Giải Phóng,* chỉ cho Hạnh xem mẩu tin về vụ lật tàu, rồi nói:

"Chuyện động trời vậy mà họ chỉ loan như thế này này."

Hạnh cầm xem. Đó là một bản tin nhỏ, đăng khiêm nhường ở góc cuối trang trong tờ báo. Bản tin cho biết đã xảy ra một tai nạn tàu ở Bầu Cá hôm qua, gây ra một số thương vong. Chính quyền địa phương và nhân dân đang lo cứu cấp người bị nạn và khắc phục hậu quả của tai nạn. Bên cạnh bản tin là một thông báo ngắn của ngành Đường sắt yêu cầu những ai có hàng trên chuyến tàu mang giấy tờ thuế và cước đến ga khai báo và nhận lại hàng hóa bị mất, nếu có. Duyệt hỏi:

"Bà có thích xuống lại dưới đó để nhận hàng hay không, tôi chở đi."

Hạnh cười nửa môi:

"Gà thì chết toi, xoài thì nát bấy, còn gì mà nhận. Mọi thứ khác cũng chẳng hơn gì đâu. Tôi nghĩ chắc họ chỉ đăng thông báo lấy lệ cho vui thôi."

"Tùy bà. Bà nói cũng phải. Thôi, hay nhất là ở nhà nghỉ ngơi. Mọi chuyện tính sau. Tôi đi đây."

Duyệt đi. Hạnh cầm tờ báo, lật qua lật lại, hờ hững liếc nhanh qua những tựa đề. Bỗng nàng chú ý đến một bản tin khác, tựa đề in đậm, có hai chữ Tân Hiệp. Mới đọc qua, nàng giật thót mình. Bản tin cho biết bí thư huyện ủy Tân Hiệp Mười Giộc đã bị bắt vì đã cấu kết với bọn gian thương và móc ngoặc, làm thất thoát và thiệt hại tài sản xã hội chủ nghĩa đến hai trăm triệu đồng. Ông ta còn bị tố cáo đã tuyển dụng người bất hợp pháp, lợi dụng chức quyền, gian dâm với nhiều phụ nữ, trong đó có nhiều phụ nữ đã có gia đình. Bên cạnh bản tin, báo còn cho đi một bài viết có tựa đề : "Tại sao anh có thể làm như thế?" Tác giả bài báo tự nhận là bạn chiến đấu trong nhiều năm của Mười Giộc. Hai người đã từng "hạt muối cắn hai," "chia nhau gian khổ" suốt trong thời gian chống Mỹ cứu nước. Tác giả cho biết Mười Giộc là một chiến sĩ can trường, một đảng viên gương mẫu, một người bạn thủy chung, tận tụy hy sinh cho cách mạng. Bao nhiêu lần anh đã bày tỏ lòng phẫn nộ, căm thù đến tận xương tủy của anh đối với nạn tham quan ô lại trong chế độ Sài Gòn cũ. Ấy thế mà chỉ vì bị bọn xấu lôi cuốn theo lối sống hưởng thụ vật chất, trong một sớm một chiều, anh đã sa vào hố thẳm. Trong bản tự kiểm điểm, anh đã tự thú hết lỗi lầm. Nhưng quá muộn. Tác giả bài báo, sau một đoạn dài đề cập đến sự

mất mát niềm tin của nhân dân đối với đảng qua những cán bộ hư hỏng như Mười Giộc, đã kết luận bằng một câu tán thán: "Mười Giộc ơi, tại sao anh đã làm như thế!"

Hạnh đọc hết nguyên bài viết. Nàng không quan tâm đến lời lẽ thống thiết của bài viết mà sửng sốt vì vụ việc xảy ra qua bất ngờ đối với nàng. Chỉ trong một thời gian ngắn, từ một tay bí thư huyện ủy quyền thế bỗng chốc trở thành một tên tù. Nàng vứt tờ báo xuống bàn, ngồi ngẩn người ra, bần thần. Mười Giộc, cái tên như lột hẳn cái cá tính vừa thô bạo vừa nồng nàn của người đàn ông, đã để lại trên nàng một dấu ấn khó phai. Mọi chuyện bỗng trở về trong nàng bằng những ảnh sắc nét: bữa nhậu đầy ấn tượng trong một ngôi nhà ở Tân Hiệp, tấm chi phiếu bất ngờ ngoài mong đợi của nàng và cuộc ân ái bất đắc dĩ với bao nhiêu cảm giác lẫn lộn, rồi tâm trạng phức tạp của nàng khi gặp lại ông ta ở Huế. Chẳng biết ông ta có khai gì về nàng không? Ông ta có nhớ đến nàng không? Đột nhiên, nàng nghĩ đến cái bào thai. Bào thai của ai? Có thể nào là của Mười Giộc?

Nàng rùng mình, đứng phắt dậy. Của ai thì của, nhưng trước hết "nó" là của nàng. Biết đâu, chính "nó" đã phù hộ nàng trong chuyến tàu vừa qua?!

*

Phải đợi đến chiều hôm sau, nàng mới mượn được xe honda. Nàng nôn nao chạy ra xa lộ. Nhưng trái với điều mong đợi, nàng đã không thể tìm thấy "mộ" của đứa con mà nàng mới "mai táng" cách đây chỉ có một tháng. Nàng nhớ là lúc đó, trước khi ra về, nàng đã đánh dấu kỹ, đã ghi nhớ từng dấu vết đặc biệt của con đường, của lối đi, của từng gốc cây kia mà. Thế mà sau hai lần chạy honda vòng vòng để đi tìm, nàng mất phương hướng. Và đành phải trở về.

Hôm sau, nàng lại mượn honda

TRẦN HUY SAO

THƠ VIẾT TRONG LÒNG SA MẠC

tưởng nhớ anh Phạm Lạc

gió hoang mạc thổi bạt ngàn cỏ cháy
vàng, nâu như những đầu tóc giả
ngày nắng hong khô đêm đầm sương trắng bạc
ngàn năm như thế, đã ngàn năm...

người đổ dồn lên Las Vegas
háo hức xem đồng tiền biết đi
đồng tiền biết nói lời chia ly
để người ngẩn ngơ không kịp đưa tay vẫy!

tôi lên Las Vegas để tìm thăm
nơi chốn một lần đi qua vội vã
để tưởng nhớ tới anh (thiệt là buồn rã!)
mới đây thôi! Thời gian tròn bốn năm!

để thấy đời người sao mà quá ngắn
phù du - như những đồng tiền biết đi
biết nói lời chia ly
nhưng cuộc chia ly, bao giờ, cũng tràn
đau khổ!

cũng như lần đầu tiên, tôi còn nhớ rõ
anh chỉ tôi xem những đồng tiền
rơi
từ máy kéo
những đường rơi thiệt vô cùng khôn khéo
cuối cùng,
nó
rơi vào nơi khoản tiêu pha ngoài dự tính

thật là đồ xu nịnh
những-đồng-tiền-ở Las Vegas
cũng thật là bi đát
những-giấc-ngủ-ngồi-nằm-ở
sofa phòng đợi

nhưng điều tôi muốn nói
về một lần đi còn-có-anh
và về một lần đi không-bao-giờ-có-anh
chỉ có nỗi buồn
rủ rê thêm nỗi nhớ!...

Las Vegas 12/2000

để đi tìm. Nhưng vô ích. Cái mộ dường như biến mất.

Trở lại nhà Duyệt, nàng quỵ xuống vì tuyệt vọng. Nàng có cảm giác như mình vừa đánh mất một cái gì vô cùng quý giá. Nàng càng tuyệt vọng khi nghĩ rằng chính "con" nàng đã cứu nàng thoát chết. Ấy thế mà, nàng đã bỏ rơi con nàng, không hương không khói. Nàng không hiểu vì sao nàng không thể tìm ra được mộ. Có phải trí nhớ nàng đã trở nên sa sút sau khi trải qua những biến cố với những chấn động tâm lý ghê gớm, nàng tự hỏi. Hay là con nàng đã giận nàng, không muốn cho nàng "gặp mặt". Càng suy nghĩ, nàng càng cảm thấy hoang mang. Duyệt trở về, thấy sắc diện của bạn, lo lắng hỏi:

"Sao trông bà có vẻ mệt mỏi, thất thần vậy?"

"Không có gì."

"Bà đừng dối. Bà còn mệt lắm. Liệu mà nghỉ ngơi đi đã, đừng vội. Bà có cần nhắn nhe gì cho ông xã không?"

Hạnh lắc đầu.

Duyệt dành cho Hạnh một căn phòng nhỏ ở trên gác lửng, mang cho nàng ít sách, báo, truyện. Duyệt đi, Hạnh nằm một mình, cố đọc một cái gì cho khuây khỏa. Nhưng không được lâu. Chỉ một lát sau là nàng chán nản, bỏ xuống, nằm nhắm mắt, nghĩ ngợi vu vơ. Nàng bỗng nhớ ra, từ ngày đi, nàng chưa viết gì về nhà cả. Nàng vội vàng ngồi dậy, lấy giấy bút ra. Nàng viết: *"Anh"*, ngập ngừng một chút, xuống hàng, viết tiếp: *"Em vừa thoát chết trong đường tơ kẽ tóc trong tai nạn lật tàu ở Long Khánh. Thật khủng khiếp! Đến bây giờ, em vẫn chưa hoàn hồn."* Nàng dừng bút. Cần gì phải báo cho anh chàng biết nhỉ? Có biết thì anh chàng vẫn không làm gì được. Không chừng lại đi kể chuyện lung tung với người này người nọ, thêm phiền. Biết đâu, lại còn trách móc vớ vẩn những là tại sao lại đi Nha Trang, tại sao lại đi tàu chợ, tại sao lại buôn bán linh tinh. Nàng cũng không muốn mấy đứa con biết. Nàng xé đi, viết lại tờ khác:

"Anh, em chưa thể ra được. Thiếu tiền, cứ mượn tạm ở đâu đó, khi ra tính sau. Hạnh."

Nàng lấy một tờ khác, viết cho mấy đứa con:

"Đồng, Ngân, Phụng yêu thương, Mạ nhớ các con quá chừng. Mạ muốn ra sớm với các con , nhưng hiện mạ đang bận chuyện buôn bán, chưa ra được. Các con đừng buồn. Khi ra, mạ sẽ mua thật nhiều quà cho các con. Đồng, con đừng có la thằng Phụng hoài, tội nghiệp. Ráng thương em. Ngân cũng nữa, rán thương em. Xong, mạ sẽ ra ngay. Gửi cu Phụng một ngàn cái hôn. Mạ thân yêu của các con."

Bỏ thư vào bì xong, nàng ngồi trầm ngâm. Hình bóng gia đình hiển hiện ra trước mắt. Chồng, con, căn nhà, những lo toan, những bực bội. Nàng chợt cảm thấy buồn da diết. Đời nàng sao mà khốn nạn thế này. Tất bật chạy đôn chạy đáo kiếm tiền, hết ngày này qua ngày khác, hết năm này qua năm khác, không khi nào được thảnh thơi. Ăn đường, ngủ sá, thân xác lê la hết chỗ này qua chỗ khác, chẳng khác gì một tên ăn mày. Đã thế, lại phải chịu đựng những nhục nhã không thể nào kể xiết. Nào ai hay, ai biết những hy sinh ghê gớm của nàng. Nàng chỉ biết cam nín, mình làm mình biết, mình làm mình hay, đâu có chia xẻ gì với ai được. Ngay cả chuyện lật tàu, thoát chết trong đường tơ kẽ tóc là thế mà cũng đành phải im lặng. Nghĩ vẩn nghĩ dài, tự nhiên, nàng tủi thân, ứa nước mắt. Biết bao giờ mới được yên thân, ở nhà với con, không còn lo lắng bon chen ngày đêm như thế này. Chẳng lẽ đời nàng rồi cứ sẽ như thế này. Ừ, nếu được ở nhà mãi mãi, không chạy đôn chạy đáo thì sung sướng biết bao nhiêu!

Nếu được ở nhà mãi mãi? Nếu được ở nhà mãi mãi? Hạnh bỗng giật mình. Có thể nào ở nhà mãi mãi trong ngôi nhà đó? Quanh quẩn quanh năm suốt tháng với chừng ấy khuôn mặt, chừng ấy cảnh vật, chừng ấy chuyện? Chồng, con, mẹ chồng, rồi ông hàng xóm bủn xỉn, hay nói xiên nói xỏ, rồi thằng công an khu vực mặt mày lúc nào cũng vòi vĩnh. Rồi đi lên đi xuống, hết nấu ăn rồi lại giặt giũ. Ngày nào cũng đụng mặt Lục, anh chồng vô tích sự của nàng. Chán chết đi được! Hạnh chợt có ý nghĩ so sánh Lục với những người đàn ông khác: những Phiệt, những Cảnh, những Mười Giộc, những Túy, những Thuận vân vân. Họ sôi động biết bao nhiêu! Họ băng mình vào xã hội, lăn lộn với nó, sống chết với nó. Như nàng! Họ khỏe, mạnh dạn, táo bạo, tự tin. Trong lúc đó, Lục của nàng, chao ôi, khác hẳn. Còn đâu Lục của một thời ngang dọc! Còn đâu Lục sừng sững bên cạnh nàng như một điểm tựa, một chỗ để tin cậy, để an tâm. Anh bây giờ như một con chim bị gãy cánh, một con ngựa què. Cái gì cũng ngại ngùng, sợ hãi. Cái gì cũng rụt rè, e ngại. Trong lúc nàng thì lăn xả, xông xáo, lao vào trận. Nàng có cảm tưởng như nàng có thể làm tất cả mọi thứ trên

đời này. Nàng có quyền làm mọi thứ nàng thích. Ai có thể cấm cản nàng? Không! Không ai, kể cả Lục!

Nàng dán thư lại. Và tự dưng, mỉm cười một cách vô cớ.

*

Buổi chiều, Hạnh đang đứng kế khuôn cửa sổ nhỏ, nhìn ra ngoài, thì nghe tiếng chân bước nhẹ lên gác. Tưởng ai, té ra Duyệt. Nàng ngạc nhiên hỏi:

"Sao giờ này đã về?"

"Chuyển hàng lên tàu xong, tôi tranh thủ trở về xem bà ra làm sao."

Hạnh cảm động:

"Cám ơn. Đi lại không?"

"Đi ngay. Có mối từ Minh Hải lên, đang đợi hàng. Kìa, bà không nằm nghỉ cho khỏe sao?"

Hạnh quay lại, cười tươi:

"Bà bảo tôi cứ nằm ngủ cả ngày hay sao."

"Không ngủ thì đọc sách, báo."

"Có chứ. Nhưng đọc vài giòng là mắt nhắm trít lại rồi, nhướng không muốn lên."

"Trời ơi, cô giáo gì mà không muốn đọc sách, báo."

"Bà ơi, sách vở ích gì cho buổi ấy. Từ lâu rồi, sách vở chẳng thèm ở với tôi. Đôi lúc, tôi quên bẵng mất là tôi đã có thời từng đi dạy học trò. Cuộc sống nó đa đoan quá, bà biết không."

"Bà cảm thấy khỏe hẳn chưa?"

"Khỏe."

"Tôi muốn nói đầu óc bà kìa."

"Khỏe. Tôi dậy từ lâu, cố ý đợi bà về đấy."

"Chi vậy?"

"Không có chi. À này, bà có nhớ ông Phiệt không nhỉ?"

"Phiệt nào?"

"Tôi không biết nhớ tên có đúng không. Cái ông gì nói giọng Bắc gặp hôm đi chơi với bà ấy mà. Có phải tên Phiệt không nhỉ?"

"À, cái ông có nhảy với bà chứ gì? Nhớ. Đúng rồi, Phiệt. Mà sao bà lại nhớ anh ta kỹ thế?"

Vậy ra là Duyệt không rõ vụ nàng và Phiệt đã từng đi về Tân Hiệp. Nàng nói:

"Thì tự nhiên nhớ vậy thôi."

"Nghe nói anh ta được gọi đi phỏng vấn rồi."

"Phỏng vấn là gì? Sao lại có chuyện đi phỏng vấn? Anh ta có dính gì đến chuyện báo chí không?"

"Bà không rõ. Phỏng vấn đây là phỏng vấn để đi xất cảnh. Ông ta có bà vợ bên Mỹ bảo lãnh."

"À, ra thế. Còn mấy người kia thì sao nhỉ? Để tôi nhớ xem, anh Thông, bà Hồng, Tuyết... và mấy bà gì đó nữa tôi quên tên, bà có gặp không?"

"Chắc là họ vẫn đâu đó. Thỉnh thoảng có gặp, nhưng bận bịu quá, chỉ chào nhau rồi đường ai nấy đi."

"Họ không còn tụ họp như hồi trước nữa sao?"

"Hình như có. Phải rồi, có lần con Hương gặp tôi ở trên Nam Đông, rủ tôi lại nhà đó chơi, bà còn nhớ cái nhà hôm đó bọn mình tới không, ở trong hẻm ấy mà, hắn gặp tôi là rủ ngay, nhưng sau đó tôi lu bu quá quên mất ngày. Phải chi lúc đó có bà đây, chắc tôi nhớ. Mà bà đâu có thích gì mấy cái vụ đó nhỉ."

"Kể thì mình cũng quê thật. Nghĩ cho cùng, đâu có sao nhỉ, phải không?"

"Bà nói gì, tôi nghe không rõ. Sao bỗng dưng nói nhỏ vậy?"

"Tôi nói có khi mình thấy mình quê thật."

"Gì quê?"

"Thì cái vụ nhảy nhót đó."

"Gì mà quê. Không tập thì không biết. Tập thì biết thôi, có gì đâu. Cái xứ Huế nhiều thành kiến, cứ ưa xuyên tạc bậy bạ. Nhảy thì có sao đâu, mà họ làm như ai biết nhảy là hư thân mất nết cả. Bởi, tôi ghét cái thói đó, nên chẳng muốn ở ngoài đó. Bà có ưa tập không?"

"Tập làm gì?"

"Thì cứ tập đại đi. Lỡ khi có dịp thì biết đôi chút cũng vui. Trước mua vui, sau làm việc nghĩa mà, phải không. Tập đi, tôi chỉ cho. Ít bước căn bản thôi để phòng khi có dịp."

Hạnh bối rối:

"Có điều..."

"Không điều gì hết. Ở đây chơi ít hôm, vừa tỉnh dưỡng vừa tập nhảy. Tiện đôi bề. Khi nào tụi nó hú, ta đi. Chịu không?"

"Ờ, để xem."

"Gì mà để xem. Vui chơi cho biết mùi đời. Bà phải biết rằng, mọi chuyện khác đều xưa cả rồi. Thời này khác. Đổi đời mà. Cái gì chung quanh mình, ngó dzậy mà không phải dzậy đâu. Chịu nhé?"

Hạnh ngập ngừng:

"Chịu thì chịu chớ, sợ gì!"

Duyệt cười phá lên vui vẻ.●

(Trích từ truyện dài DẶM TRƯỜNG sắp xuất bản của Trần Doãn Nho)

MÙA XUÂN, ĐỌC
BÊN GIÒNG SÔNG HẰNG

TRẦN PHONG VŨ

(Tiếp theo)

Vài nhận xét chủ quan

Như đã viết ở phần đầu, Đại Tân chính là hình bóng của Viễn Đằng Chu Tác. Ông xử dụng nhân vật này để giải tỏa nỗi khổ tâm làm người có đạo của ông. (Phải chăng đây là nỗi khổ tâm và cũng là nỗi bất hạnh của những mẫu người trót mang cái tư duy mẫn cảm, khúc mắc được gọi tên là khôn ngoan, thông thái để đánh mất tâm hồn trẻ thơ nguyên thủy, một trong những điều kiện tất yếu hầu dễ dàng tiếp nhận ơn sủng trong cuộc hành trình Đức Tin? *'Hãy để những trẻ nhỏ đến cùng Thày, vì nước Trời thuộc về những ai nên giống như chúng* (Mt: 19. 14). *'... con ngợi khen Cha, vì Cha đã giấu kín không cho bậc khôn ngoan thông thái biết những điều này, nhưng lại mạc khải cho người bé mọn'* (Lc: 10. 21) Và phải chăng đấy cũng là khuôn mặt thứ hai của điều Thánh Phaolô, vị Tông Đồ Dân Ngoại gọi tên là *Sự Điên Rồ Của Thánh Giá?*) Từ đấy, người đọc đi tới kết luận: những suy tư, phản ứng và cung cách hành xử của Đại Tân chuyên chở chính con người và tâm thức tác giả Bên Giòng Sông Hằng. *'Sẽ có ngày tôi trở về Nhật bản... Tôi sẽ đào sâu suy tư về một Kitô giáo ứng hợp với tâm thức Nhật bản'* (trang 102). Vào một buổi trưa bên bờ sông Saôn, Lyon, Pháp quốc, Đại Tân đã âm thầm tâm sự với Mỹ Tân Tử như thế. Rõ ràng khi dàn dựng nội dung câu chuyện Bên Giòng Sông Hằng, tác giả nuôi tham vọng khoác cho tác phẩm của ông giá trị lập thuyết gợi ý cho viễn tượng hình thành một nền thần học cá biệt cho Á châu, cách riêng cho Giáo hội Công giáo Nhật mà trong đó ông là một thành phần. Nền thần học ấy phải dung chứa hoặc ít nhất là lý giải được những tín ngưỡng khác nhau trên lục địa mênh mông huyễn hoặc này, trong đó bao gồm Phật giáo, Ấn giáo, Hồi giáo v.v... Một nền thần học như thế, theo tư duy tác giả được phát biểu qua nhân vật Đại Tân, không thể rập khuôn theo kiểu cách Âu châu là phân biệt rạch ròi, minh bạch giữa cái Thiện và cái Ác. *'Tôi không thể phân biệt Thiện, Ác rạch ròi như những người ở đây được, Tôi nghĩ là trong Thiện có Ác mai phục, trong Ác có Thiện nằm vùng...'* (trang 101).

Xét riêng về phương diện đức tin, dù những người sùng đạo nhất cũng phải ngả mũ trước niềm tin thiết thạch không dời đổi của Đại Tân. Nó được nuôi dưỡng và lớn lên nơi nhân vật này trong khung cảnh gia đình, giữa vòng tay và hơi ấm của tình mẫu tử. *'...từ những ngày còn nhỏ, nhờ mẹ tôi, tới nay tôi vẫn còn tin tưởng, chính là sự ấm áp nơi mẹ. Hơi ấm từ tay mẹ nắm, hơi ấm của thân thể khi được mẹ ôm ấp, hơi ấm tình thương, hơi ấm khi mẹ chẳng bỏ rơi tôi, dù so với các anh chị, tôi là một thằng ngố. Mẹ luôn kể về Củ Hành, như có lần tôi đã nói với cô. Nhưng vào những ngày xa xưa đó, mẹ còn dạy cho tôi biết rằng Củ Hành là một khối rất ấm áp hay nói ngắn gọn- Củ Hành là Tình Yêu. Khi tôi bắt đầu tuổi lớn khôn, tôi mất mẹ. Lúc này tôi mới hiểu ra rằng, suối nguồn ấm áp*

nơi mẹ là một mặt của Củ Hành, và rốt cuộc cái mà tôi tìm kiếm, chính là Tình Yêu của Củ Hành...' (trang 175). Đọc những giòng tâm sự của Đại Tân, người viết không thể dằn lòng nghĩ tới niềm tin chơn chất của những bà mẹ quê Việt Nam muôn thuở. Niềm tin ấy đã chảy theo giòng sữa, đã lan tỏa từ hơi ấm của trái tim yêu thương những người mẹ hiền để lưu chuyển, thấm nhập vào đàn con, để cũng giống như Đại tân đúng hơn, như Viễn Đằng Chu Tác-, khi bị thử thách vẫn mạnh dạn tuyên xưng là *'cho dù tôi có bỏ Chúa, thì....Ngài cũng không khi nào bỏ tôi'*. Có điều tréo cẳng ngỗng là trong khi cái cốt lõi hồn nhiên chơn chất trang bị cho Đại Tân một niềm tin vàng đá như thế thì gánh nặng của tảng đá tri thức trong đầu anh một thứ tuy rất cần thiết để Đức Tin khỏi biến thành mê tín, nhưng trong nhiều trường hợp, nếu những kẻ tìm kiếm Đức Tin lại quá lệ thuộc vào trí óc, vào sự thông tuệ của mình thì nó lại là thứ rào cản vô hình che mắt con người nhìn ra khuôn mặt thật mang hình tượng điên rồ của Chân Lý- đã đẩy anh vào mê cung của những lý luận thần học trộn lẫn triết học vô bổ, đưa tới những mâu thuẫn, giằng co không cần thiết, để bất đắc dĩ trở thành kẻ rối đạo! Vì thế anh cứ loay hoay khổ sở với những đối kháng cào xé trong anh.

Ở điểm này tôi hoàn toàn chia sẻ những suy tư của Giáo sư Triết học Đỗ Mạnh Tri. (Một cách thật tình cờ, từ hai phương trời cách biệt, cả hai chúng tôi cùng đọc Bên Giòng Sông Hằng vào một thời điểm). Trong một lá thư trao đổi trên e-mail mới đây, Giáo sư Tri viết: *'Đại Tân hay tác giả đã lẫn lộn đức tin với một thứ thần học nào đó'*. Sự lẫn lộn này trong thực tế đã bộc hiện rõ nét trong khóa họp Thượng Hội Đồng Giám Mục Á châu khai diễn tại Vatican cách đây không lâu. Vì tiên quyết thần học là cứu cánh, là cốt lõi, là yếu tố nền tảng soi dẫn đức tin, hơn thế, là điều kiện cần và đủ cho đức tin nên có ý kiến đặt ra là phải có một nền thần học riêng cho từng châu lục để làm kim chỉ nam cho công cuộc truyền bá Tin Mừng! Một cách gián tiếp để nói lên tính cách độc tôn, quả đoán của quan niệm này, Đỗ Mạnh Tri viết: *'... ngay bên Âu châu, có được mấy người học thần học? Đức tin có thể diễn tả qua thần học một phần nào, nhưng đức tin diễn tả trước hết trong cuộc sống của con người. Đức tin của người Âu châu cũng như của bất cứ ai, được trang bị phần nào bằng lý trí, nhưng trước hết bằng những gương sống, những thánh đường, nhà thương, trường học... và trên hết, bằng ơn Chúa. Mẹ Têrêxa không phải là một nhà thần học. Các nữ tu Việt Nam hẳn cũng chẳng mấy ai biết đến thứ kiến thức xa xỉ này....'* Điều người ta gọi là Phép Lạ Đại Hàn qua sự bùng nổ của niềm tin Kitô tại phần đất này trong vài thập niên gần đây, đã chứng nghiệm tính trung thực hàm xúc trong những nhận định kể trên của Giáo sư họ Đỗ. Lối giảng dạy thiết thực, cung sách sống và làm chứng Tin Mừng gần gũi quần chúng nghèo hèn của hàng Giáo phẩm cũng như của tập thể tín hữu Đại Hàn đã sắm vai trò then chốt để làm nên phép lạ tại phần đất Á châu này. Họ đâu cần cầu viện tới một thứ thần học nào khác ngoài tự thân *Tin-Mừng-Cho-Người-Nghèo-Khó,* thứ Tin Mừng mà cho dẫu Đông hay Tây, Âu hay Á cũng chỉ là một. Đó là Tin Mừng mang khuôn mặt Chúa Giêsu, khuôn mặt *Củ Hành* của Đại Tân.

Đề cập tư duy của Đại tân là *'không thể phân biệt Thiện - Ác rạch ròi như những người ở đây được'*, với kinh nghiệm nửa thế kỷ sống trên đất Pháp là du học sinh, sinh viên, là người giảng dạy môn triết- Đỗ Mạnh Tri nêu nhận định riêng của ông: *'Có những người Pháp nghĩ như thế, nhưng đâu có phải mọi người Pháp đều nghĩ như thế! Lại một định kiến tầm thường. Mà có thiếu gì những người Nhật hay Việt Nam cứ khăng khăng phân biệt Thiện Ác rạch ròi! Địch - Ta, Chính - Tà....'*

Nhân đây, người đọc Bên Giòng Sông Hằng thấy cần phải thương xác một lần về cách ứng xử niềm tin của nhân vật Đại Tân, đặc biệt trong thiên chức Linh mục của anh. Nếu xét về mặt Tin, chúng ta đồng ý là khó ai qua mặt Đại Tân thì trong cách sống niềm tin của nhân vật này dường như người ta lại phát hiện những điều không ổn. Qua tác phẩm, ta thấy Đại Tân là một Kitô hữu thuần thành, hơn thế lại can đảm đáp lời mời gọi đi tu một cách quyết liệt trong cái thong dong tự do của con cái Chúa. Trong lần gặp lại Mỹ Tân Tử thời gian tu học ở Lyon, anh đã không ngần ngại bộc lộ tâm trạng vui mừng và biết ơn cô, vì nhờ cô mà anh quyết định bước vào cuộc sống tu trì. Chính anh đã tâm sự: *'... Chúa, như một ảo thuật gia, biến hóa được mọi sự, kể cả sự yếu hèn và tội lỗi của tôi'* (trang 97). Thông thường khi đã lựa chọn đi tu thì phải trải qua một tiến trình đào luyện. Muốn được đào luyện chu đáo thế tất không thể không thông qua ngưỡng

cửa của hệ thống học đường, chủng viện trong Giáo hội. Nhưng với Đại Tân thì khác. Ngay từ những ngày ngu ngơ bước vào chủng viện, vì bị dằn vặt bởi những mâu thuẫn nội tâm, anh đã có ý tưởng muốn thoát ly Giáo hội. '... *cái mà tôi tìm kiếm chính là Tình Yêu của Củ Hành chứ không phải những tín điều phát xuất từ miệng của cái gọi là Giáo hội'* (trang 175). Phát biểu như thế nhưng Đại Tân vẫn nhận mình là Linh mục Công giáo và ít nhiều anh vẫn giữ những quy luật căn bản của Giáo hội. Sau khi rời tu viện sống giữa những Sàddhu (những tín đồ Ấn giáo về già thoát ly gia đình đi vào đời tu khổ hạnh lang thang), mỗi sáng trước khi dấn thân vào các ngõ ngách để mang vác những xác chết đem ra sông Hằng, Đại Tân vẫn chăm chỉ dâng lễ Misa theo truyền thống Giáo hội Công giáo. Cùng lúc ấy, anh tiếp tục cách sống niềm tin bên lề Giáo hội! Phải chăng đấy là phản ứng cương ngạnh phát xuất từ một trạng thái tâm hồn chất chứa quá nhiều mâu thuẫn, bất nhất, thứ mâu thuẫn, bất nhất của những nhà thần học nuôi quá nhiều ảo tưởng? Về điểm này, Giáo sư Tri nhận định: *"Đại Tân sống như ngoài Giáo hội. Trong Giáo hội có chỗ đứng cho Đại Tân. Nếu không có, Đại tân phải giành lấy chỗ đứng cho mình. Vì cho dù với tất cả mọi tật xấu, Giáo hội vẫn là phương tiện Thiên Chúa dùng để đến với nhân loại. Không ai có thể là Kitô hữu một mình... Trở lại vấn đề thần học, câu nói đáng chú ý nhất đối với tôi là một nhận xét của Mỹ Tân Tử khi nàng nghe Đại tân nói như thì thầm với mình về Kitô Củ hành: 'Đại tân thì thầm như đang đọc chuyện từ một cuốn truyện tranh đang mở cho những em bé nghèo hèn nghe'. Chúng ta đều là những em bé nghèo hèn. Thần học chẳng qua là suy nghĩ về niềm tin của mình. Thần học Kitô giáo suy nghĩ về cuộc đời, về những lời giảng dạy của Chúa Giêsu Cứu Thế. Dĩ nhiên, khi suy nghĩ không thể cho vào ngoặc cả một truyền thống cổ kính và đa dạng của các Giáo hội Kitô giáo. Nhưng để suy nghĩ, không nhất thiết cứ phải vịn vào triết học, dù là triết học Á đông. Mà Á đông nào nhỉ? Tôi thích một Đại Tân đọc chuyện. Kinh Thánh - Tân Ước, Cựu ước - phần lớn là những câu chuyện. Những câu chuyện kể về thân phận con người, về cội nguồn và cứu cánh, về ý nghĩa của cuộc đời, của cái có, cái không. Vì một mầu nhiệm nào, trải qua bao thế kỷ, những câu chuyện ấy đã và vẫn được lắng nghe như một Lời mạc khải..."*

Từ những suy tư của triết gia họ Đỗ, người đọc liên tưởng tới một đoạn trong bài của Giáo sư Nguyễn Ngọc Lan viết trong thời gian có cuộc tranh luận về vấn đề tuyên Thánh cách đây hơn 10 năm: 'Nói Chuyên *Tử Đạo* Với Ông Nguyễn Khắc Viện'. Bài viết nằm trong bối cảnh truyền đạo và tin đạo của tiền nhân Việt Nam, nhưng về ý nghĩa nó giúp lý giải thêm cho Phép Lạ Đại Hàn và phần nào góp phần củng cố cho luận điểm trên đây của Đỗ Mạnh Tri. *'Điều may mắn cho lịch sử Giáo hội chúng tôi là suốt giòng lịch sử của mình, vẫn còn tồn tại một đường hướng truyền giáo khác, đúng như lời dạy của Chúa Giêsu hơn: rao giảng Tin Mừng cho người nghèo khó, đến với từng người mù, kẻ què, người phong hủi, kẻ bệnh tật... Và đây là chỗ một Kitô hữu như tôi có thể thật vui vẻ và thật hiên ngang trước lời nhận xét của Clémentin: Ở Việt Nam cái khuynh hướng để tạo nên một Constantinus đã hoàn toàn thất bại, chẳng đi tới đâu. Cha ông chúng tôi trong đức tin hầu hết là tầng lớp 'vô sản mạt hạng', thành phần cùng khổ, thất học, trắng tay, không quyền lực, không của cải trên đất nước này. Tin Mừng quả đã được rao giảng cho người nghèo khó, đúng theo ý Chúa. Và chính 'tầng lớp vô sản mạt hạng' đó đã chết vì đạo (chứ như những đạo trưởng đã ôm đồng hồ quả lắc vào triều hoặc như Pigneau de Béhaine thì đã dễ gì được chết vì đạo?).*

Lời kết của người đọc sách

Chiều kích tư duy của tác giả cũng như những suy nghĩ, tác động của nhân vật trong tác phẩm quá mênh mông, trải rộng trong khi khả năng của người đọc chỉ có giới hạn lại phải gói gọn trong vài trang báo, cho nên bài viết hẳn không tránh khỏi nông cạn và thiếu sót. Tuy nhiên, điều chúng tôi có thể xác quyết là, gạt qua một bên những nhận định có tính chủ quan về cá tính nhân vật và về những lấn cấn trong lãnh vực thần học, tác phẩm Bên Giòng Sông Hằng của Viễn Đằng Chu Tác, qua nghệ thuật chuyển ngữ 'rất Á đông, rất Việt Nam' của Nguyễn Văn Thực, xứng đáng là một tuyệt phẩm mà tất cả những ai yêu sách, say mê nét đẹp u trầm, bí nhiệm của Á châu, không thể bỏ qua. Riêng với những tâm hồn thường đặt cao chiều kích tâm linh của kiếp người thì, theo thiển kiến, Bên Giòng Sông Hằng là một lời mời gọi, một dịp suy tư và chiêm niệm. Không phải mấy tiếng đồng hồ phù du trầm mình trong mấy trăm trang sách, mà là... cả một đời.●

Nhà xuất bản Tân Văn Mekong Center giới thiệu năm tác phẩm mới

Gần 200 khách đã tham dự buổi ra mắt năm tác phẩm mới với sự hiện diện của các tác giả từ Miền Đông Hoa Kỳ như cụ Phạm Ngọc Lũy, từ Pháp sang như nhà văn Hồ Trường An và ông Đỗ Thông Minh từ Nhật Bản sang, tại phòng hội của Little Saigon Radio vào chiều ngày thứ Bẩy 20 tháng Giêng năm 2001.

Nhà xuất bản Tân Văn đã giới thiệu năm tác phẩm mới trong tháng Giêng năm 2001 gồm có:

1. *Nổi Trôi Theo Mệnh Nước,* 200 trang khổ lớn của cụ Phạm Ngọc Lũy.
2. *Chân Dung Những Tiếng Hát,* quyển 2 gồm 55 ca sĩ, dầy 390 trang của nhà văn Hồ Trường An
3. *Tập Truyện Ma,* 320 trang của nhà văn Hồ Trường An
4. *Từ Điển Karaoke*, 550 trang, khổ lớn của học giả Đỗ Thông Minh
5. *Anh Ngữ Đàm Thoại,* 200 trang khổ lớn gồm các tác giả Trần Hoài Bắc, Ryan Haynes và Courtney Norris.

MC Phạm Long đã điều hợp chương trình và giới thiệu ông Đỗ Thông Minh nói chuyện về tương quan văn hóa giữa Việt Nhật. Theo ông Minh, một số nhà văn hóa Nhật Bản cho biết có nhiều dấu vết văn hóa của hai quốc gia Việt Nhật có thể cùng một nguồn gốc. Ông nói đến những tương quan đã tìm thấy từ trong các truyện cổ như người Việt Nam thì có những truyện về tiên, người Nhật có những truyện liên quan đến thủy cung... cho đến những nguồn gốc của chữ Nôm.

Tiếp theo ông Đỗ Thông Minh cũng giới thiệu đến cử tọa về sự hình thành của chữ Nôm so với Hoa Ngữ và Nhật Ngữ. Đặc biệt ông Minh còn giới thiệu chương trình đánh chữ Nôm qua máy điện toán.

Sau đó, giáo sư Phạm Cao Dương giới thiệu tổng quát về tác phẩm *Nổi Trôi Theo Vận Nước* của cụ Phạm Ngọc Lũy. Một tác phẩm ghi lại những kỷ niệm từ thời niên thiếu của cụ Lũy ở ngoài Bắc cho đến lúc vào Nam và sau ngày 30 tháng Tư, cụ đã lái chiếc tàu Trường Xuân chở gần 4,000 đồng bào vượt biển định cư ở Hoa kỳ. Tác phẩm có nhiều hình ảnh đẹp của quê hương Việt Nam. Nhân dịp này, cụ Phạm Ngọc Lũy, 82 tuổi đã bùi ngùi nhắc lại những kỷ niệm không quên của cụ lúc trẻ ở miền Bắc.

Nghệ sĩ Mộng Lan lên sân khấu giới thiệu tác phẩm *Chân Dung Những Tiếng Hát* của nhà văn Hồ Trường An. Mộng Lan cho biết đây là tác phẩm thứ hai trong bộ ba cuốn viết về những tiếng hát Việt Nam qua nhận xét của Hồ Trường An, từ giọng hát, đến ngoại hình ca sĩ kể cả phong cách ăn mặc và thói quen của những nghệ sĩ mà ông có dịp quen biết hay thưởng thức. Theo Mộng Lan, tác giả Hồ Trường An có một trí nhớ rất tốt, các chi tiết nhỏ nhặt của từng nghệ sĩ đã được ông ghi nhận trong cuốn sách.

Nhà văn Hồ Trường An cũng lên cho biết ông đã học được cách thẩm âm các giọng hát qua các nhạc sĩ Nguyễn Văn A, Lê Thương; học cách diễn tả một giọng hát qua nhà văn Viên Linh; ghi chú đến ngoại hình của nghệ sĩ qua soạn giả Vạn Lý...

Ông Đỗ Thông Minh giới thiệu đến cuốn Tự Điển Karaoke mà hôm nay chưa phát hành vì ông hiện còn đang nhật tu thêm 2,000 bản nhạc trong số 20,000 bản đã thực hiện xong để cho những người sính ca hát có thể dễ dàng và nhanh chóng tìm ra những bản nhạc mà mình cần. Ngoài ra ông cũng giới thiệu cuốn Anh Ngữ Đàm Thoại do một số soạn giả Việt và Mỹ thực hiện.

Nhà xuất bản Tân Văn thuộc Mekong Center tại Nhật bản bước qua năm thứ 15 thành lập do học giả Đỗ Thông Minh chủ trương. Mỗi năm ông từ Nhật sang Hoa Kỳ một hai lần để xuất bản sách, từ 1978 đến nay đã được 35 tác phẩm. Ông cũng còn là đặc phái viên cho một số cơ sở truyền thông quốc tế như đài BBC, RFI, Little Saigon Radio...

Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) giới thiệu: Chiến Tranh Đông Dương 3 của Hoàng Dung

Buổi ra mắt tập biên khảo *Chiến Tranh Đông Dương 3 Chiến tranh Biên Giới Hoa Việt*

& Miên Việt năm 1979 của tác giả Hoàng Dung đã được tổ chức tại hội quán Thùy Dương vào chiều ngày Chủ Nhật 21 tháng Giêng năm 2001. Ngoài hội VAALA, buổi ra mắt sách này còn được bảo trợ bởi Hội Y Sĩ Việt Nam Miền Nam California và Diễn Đàn Địa Lý Nhân Văn Việt Nam cùng với sự phối hợp văn nghệ của nhóm sáng tác Vòng Tay và các thân hữu.

Mở đầu, Bác Sĩ Phạm Gia Cổn điều hợp chương trình đã giới thiệu một số diễn giả Bác Sĩ Bùi Thế Chung và Bác Sĩ Nguyễn Hoàng Quân, cùng với nhà văn Hoàng Khởi Phong và Phạm Quốc Bảo nói về tác giả và tác phẩm.

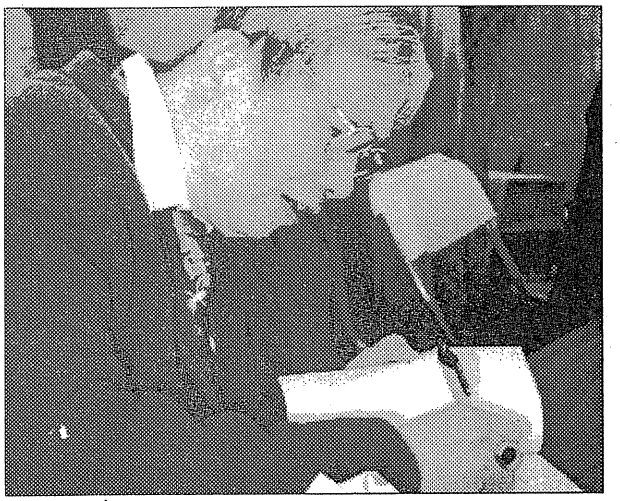

Nhà văn Hồ Trường An đang ký sách

Hoàng Dung là bút hiệu của Bác Sĩ Hoàng Xuân Trường, một người thích tìm tòi và ghi nhận những sự kiện đặc biệt của lịch sử. Sau năm 1975, ông đã ở lại miền Nam Việt Nam và đi học tập cải tạo. Sau khi ra khỏi trại tù Cộng Sản, ông đã vượt biên sang Hoa Kỳ và đi học lại để hoàn tất học vị Bác Sĩ Y Khoa.

Nhà văn Hoàng Khởi Phong đã ghi nhận sự làm việc của tác giả: "Sau giờ làm việc tại bệnh viện ông rảnh rỗi, mượn sách thư viện về nhà, tìm tòi về một đề tài mà ông rất quan tâm: Đó là những trận đánh trong chiến tranh Đông Dương hồi ba. Hồi I là Chiến Tranh Việt Pháp cho tới 1954, hồi II là chiến tranh Nam Bắc Việt Nam cho tới 1975, và hồi III là chiến tranh tại vùng biên giới, giữa các nước đã từng có thời là đồng minh trong những trận chiến Đông Dương cũ, đó là ba quốc gia đã từng có một thời là anh em, môi hở răng lạnh: Cambodia - Việt Nam - Trung Hoa..."

Chiến Tranh Đông Dương 3 - Chiến tranh Biên Giới Hoa Việt & Miên Việt 1979 dầy hơn 250 trang là tập biên khảo công phu với đầy đủ tài liệu, cần thiết cho những độc giả quan tâm đến những liên hệ giữa Việt Nam và các nước láng giềng.

Họa Sĩ Nguyễn Quỳnh nói về quan niệm sáng tác trong hội họa

Trong dịp ghé lại miền nam California đầu năm 2001, họa sĩ Nguyễn Quỳnh đã mở cuộc tiếp tân với khoảng hơn một trăm thân hữu và khách ái mộ hội họa tại Phòng Sinh Hoạt nhật báo Người Việt vào tối thứ Sáu 12 tháng Giêng năm 2001 trong bầu không khí thân mật và ấm cúng.

Sau lời giới thiệu của cô Danchi, đại diện hội nghệ thuật Mosiac, họa sĩ Nguyễn Quỳnh đã lên diễn đàn nói về quan niệm sáng tác hội họa của ông, với những hình ảnh chiếu slide trên màn ảnh qua hơn 20 tác phẩm hội họa.

Những tác phẩm trình bầy cho thấy Nguyễn Quỳnh là một họa sĩ thuộc trường phái trừu tượng. Qua những tác phẩm lúc mới định cư tại Hoa Kỳ sau ngày 30 tháng Tư năm 1975, tuy là tranh trừu tượng nhưng họa sĩ Nguyễn Quỳnh cũng đã thể hiện tấm lòng của ông đối với quê hương bằng những hình tượng cánh diều, con sông của quê hương cho đến những tác phẩm ghi đậm dấu vết thời gian khi còn ở quê nhà.

Họa sĩ Nguyễn Quỳnh là một trong những họa sĩ trẻ hoạt động trong ngành hội họa từ trước năm 1975. Tranh của ông đã được triển lãm nhiều lần tại các Trung tâm Văn hóa Đức và Trung tâm Văn hóa Pháp. Ông cùng vài người bạn thân thực hiện phòng triển lãm riêng mang tên Ordages Gallery. Sau năm 1975, họa sĩ Nguyễn Quỳnh sang định cư tại Hoa Kỳ và tiếp tục công việc học về các ngành mỹ thuật, giáo dục, triết lý cũng như về vật lý và luận lý học hiện đại. Ông đã đạt được học vị Tiến Sĩ tại trường Đại Học Columbia, New York.

Trong thời gian này, họa sĩ Nguyễn Quỳnh vẫn tiếp tục sáng tác và đã nhiều lần triển lãm tại New York và một số trường đại học gây được tiếng vang trong ngành hội họa. Tác phẩm của ông được nhận vào bộ sưu tập thường trực của viện bảo tàng nổi danh Hoa Kỳ Solomon R. Guggenheim Museum tại thành phố New York từ năm 1983 và được liệt kê trong "Triển Lãm Sưu Tập 50 năm" 1987 của Guggenheim Museum.●

VÀI CẢM NGHĨ KHI ĐỌC CUỐN "THE TIANANMEN PAPERS"

LÊ MẠNH HÙNG

Những sự kiện xảy ra vào tháng 6 năm 1989 tại Quảng Trường Thiên An Môn của Bắc Kinh có thể nói là những sự kiện có tính quan trọng nhất trong lịch sử Trung Quốc hiện đại. Điều mà ban đầu chỉ là một cuộc biểu tình ôn hòa để tưởng nhớ cái chết của vị lãnh tụ cải cách Hồ Diệu Bang đã mau chóng trở thành một phong trào đòi dân chủ chủ khoáng đại với Quảng Trường Thiên An môn là tiêu điểm. Vào lúc hàng trăm ngàn sinh viên và công nhân đổ xuống các đường phố Bắc Kinh và tiến vào quảng trường thì chính trong nội bộ chính phủ Trung Quốc đã chia rẽ không biết dùng biện pháp gì để giải tỏa. Sau cùng khi lệnh Thiết Quân Luật cũng không làm sao đe dọa được phong trào, chính quyền đã phải dùng đến biện pháp cuối cùng, đưa Giải Phóng Quân vào dùng võ lực dập tắt phong trào chống đối. Vừa qua cuốn *The Tianmen Papers* (1) do Zhang Liang sưu tập và hai học giả Mỹ, Andrew J Nathan và Perry Link hiệu đính được nhà Little Brown xuất bản đã cho thấy một số những dữ kiện chưa hề được công bố trong vụ này.

Cuốn sách "The Tiananmen Papers" này cho ta nhìn vào một cách trung thực những gì xảy ra tại chính nơi trung tâm quyền lực của Trung Quốc, Thường Vụ Chính Trị bộ. Các tác giả đã rút ra những tài liệu từ khoảng một ngàn văn kiện từ biên bản của các phiên họp cho đến những cuộc nói chuyện riêng giữa các lãnh tụ để cho ta thấy tiến trình dẫn đến những quyết định định mệnh trong những ngày nói trên. Nhưng những tài liệu đưa ra ở đây có thật hay là ngụy tạo? Đó là một điều mà ngay chính những tác giả đưa ra cuốn sách này cũng không dám hoàn toàn khẳng định. Trung Quốc là một nơi mà từ xưa đến nay, những chuyện xảy ra trong các chốn cao siêu của quyền lực không bao giờ được công bố ra ngoài. Và nghề ngụy tạo các tài liệu vốn vẫn là sở trường của các nước Cộng Sản. Tuy nhiên việc tiết lộ những chuyện cung đình, thâm cung bí sử ra ngoài cho các mục tiêu tư riêng cũng lại là một truyền thống khác của Trung Quốc. Trong phần giới thiệu, Andrew J. Nathan cho biết, người sưu tập các tài liệu này, Zhang Liang (tên giả) là một nhân vật quan trọng trong chính giới Trung Quốc thuộc phe cải cách và ông ta muốn công bố những tài liệu này để làm sáng tỏ lịch sử và cho thấy sự sai trái của các luận điệu chính thức của nhà nước Trung Quốc rằng vụ đàn áp tại Thiên An Môn là một hành động chính thống của chính phủ nhằm chống lại một cuộc bạo loạn của sinh viên.

Vậy cứ tin theo những tác giả rằng những tài liệu này là thật, thì chúng ta thấy đây quả là một bi kịch mà các người trong đó, cả những sinh viên chống đối cũng như những giới chức lãnh đạo bị kéo một cách không cưỡng lại được vào một cuộc đối đầu không lối thoát mà kết quả độc nhất như đã diễn ra. Điều đầu tiên làm chúng ta ngạc nhiên khi đọc tài liệu này là tính cách lễ độ và khuôn phép của các cuộc thảo luận tại Trung Nam Hải. Có vẻ như là truyền thống của các triều đình Trung Quốc thời xưa vẫn còn đè nặng trên những người thừa kế xã hội chủ nghĩa của họ. Một điều tương tự nữa đối với các triều đình thời xưa là vai trò của ông Đặng Tiểu Bình.

Tài liệu cho thấy, mọi chuyện quan trọng đều do ông Đặng quyết định, đôi khi với sự tham khảo một vài cựu lãnh đạo già nua khác như Trần Vân hoặc Lý Tiên Niệm. Dương Thượng Côn, mặc dầu chức vụ chính thức là chủ tịch nước, nguyên thủ quốc gia, nhưng trên thực tế chỉ là người đại diện cho ông Đặng tại các buổi họp và thông báo cho những người khác biết quyết định mà ông Đặng đưa ra. Những quyết định quan trọng nhất xảy ra tại nhà ông Đặng chứ không phải tại Trung Nam Hải. Chính Đặng đã quyết định rằng cuộc biểu tình của sinh viên là một cuộc nổi loạn chứ không phải là một cuộc tranh đấu bình thường mặc dầu phải nói rằng khi ông Đặng làm quyết định này đã có những sự đóng góp qua những báo cáo của Lý Bằng và những người bảo thủ theo ông Lý tại Bộ Chính Trị. Cũng chính ông Đặng quyết định việc thiết quân luật, cách chức Triệu Tử Dương cùng lựa chọn Giang Trạch Dân lên thay mặc dầu Giang chưa hề được làm việc tại Trung Ương và nếu theo truyền thống thì Lý Bằng phải là người được chọn lên thay thế. Và sau cùng cũng chính ông Đặng ra lệnh cho quân đội dẹp tan các cuộc biểu tình.

Nhưng mọi chuyện phức tạp chứ không phải hoàn toàn trắng đen. Lý Bằng, kẻ thù số

một của các sinh viên và được coi như là chịu trách nhiệm chính trong việc đổ máu tại Thiên An Môn đã xuất hiện trong những tài liệu này như là nhà chính trị có khả năng và quyết đoán nhất trong toàn bộ chính giới Trung Quốc. Nếu Lý có cho rằng phong trào đòi dân chủ này là một thách thức chí mạng cho chế độ thì lịch sử như đã diễn ra tại các nước Đông Âu cũng cho thấy rằng điều nhận định của Lý không phải là hoàn toàn sai. Nếu Dương Thượng Côn là một nhân vật khác mà người ta cho rằng phải chịu trách nhiệm về cuộc đổ máu thì các tài liệu này cho thấy Dương ngược lại là một nhân vật ôn hòa, và điều đáng ngạc nhiên là chính Dương đã là một trong những người cuối cùng còn ủng hộ Triệu Tử Dương trong giới lãnh đạo, và chính Dương đã tìm cách thuyết phục Đặng Tiểu Bình đừng cách chức Triệu.

Triệu Tử Dương, người được thần tượng hóa trong vụ này, ngược lại đã tỏ ra là một nhân vật thiếu quyết đoán và đã quá coi nhẹ thách thức của các sinh viên đối với nhà nước. Thái độ của Triệu Tử Dương về sau, trước khi bị cách chức, lánh mặt, từ chối không chịu tham gia vào cả việc đàn áp cũng như là chống lại việc đàn áp khiến người ta nghĩ đến những vị quan nhà Nho thời xưa, đành treo ấn từ quan khi phải lựa chọn trước việc hoặc đi theo trách nhiệm của mình đối với dân hoặc giữ lòng trung với chúa. Đúng là quân tử Tàu!

Dương Thượng Côn đại biểu cho một loại quan khác. Mặc dầu đồng ý với Triệu Tử Dương, nhưng một khi Đặng Tiểu Bình quyết định, ông đã thực hiện triệt để những gì ông Đặng quyết định dù rằng có phải mang tiếng là khát máu.

Đặng Tiểu Bình có lẽ là nhân vật đáng thương nhất. Trong chính quyền Trung Quốc lúc đó ông Đặng có thể coi như là hoàng đế. Nhưng ông Đặng đã không tỏ ra vui sướng gì khi phải lãnh vai trò này. Ngày 19 tháng 5 chẳng hạn, ông Đặng đã than thở với Dương Thượng Côn:

"Chú biết đó, tôi đã bị chỉ trích nhiều trong đảng kể từ khi vụ này nổ ra. Quyết định quan trọng nào người ta cũng phải đưa lên cho tôi. Tôi nắm quyền quá lớn và điều đó không tốt gì cho Đảng và cho nhà nước. Tôi phải tính chuyện về hưu. Nhưng làm sao tôi có thể làm được vào lúc này? Về hưu thật không phải là một chuyện dễ làm."

Ông Đặng đã để cho Triệu Tử Dương một tháng để tìm cách đối thoại với các sinh viên và chỉ khi thấy không còn đối thoại được nữa mới cho ra lệnh đàn áp. Và sau đó ông Đặng đã phải dùng hết sức mình để giữ cho chính sách cải tổ kinh tế vẫn tiếp tục được áp dụng.

Thiên An Môn khởi đầu là một cố gắng của các sinh viên Bắc Kinh nhằm khuyến khích chính phủ tiếp tục đường lối cải tổ kinh tế và tự do hóa, nhưng chẳng mấy chốc đã biến thành một đòi hỏi cải tổ chính trị sâu rộng. Các tài liệu cho thấy nếu để tự nhiên, đa số trong thường vụ bộ chính trị đảng Cộng Sản Trung Quốc muốn tiếp tục đối thoại và thương thuyết với sinh viên thay vì thiết quân luật. Nếu làm như vậy, lịch sử hiện đại Trung Quốc và thế giới chắc sẽ khác hẳn. Có thể Trung Quốc sẽ là một đất nước cởi mở và tự do hơn hoặc ngay cả trở thành một nước dân chủ kiểu Tây phương như những tác giả trong sách kỳ vọng. Nhưng mặt khác Trung Quốc có thể tan rã thành một tình trạng sứ quân cát cứ gây rối loạn cho toàn thể Á châu và thế giới như Đặng Tiểu Bình e sợ.

Dù sao chăng nữa, Thiên An Môn đúng là một bi kịch kiểu Hy Lạp trong đó các nhân vật không còn quyền tự chủ. Các sinh viên không hề muốn đưa ra một thách đố tính lật đổ chế độ, một điều mà ngay chính họ cũng biết là nguy hiểm, trong khi chính quyền, từ ông Đặng tiểu Bình trở xuống cũng không muốn dùng vũ lực đối với sinh viên. Cả hai bên cùng chia xẻ rất nhiều mục tiêu và dùng những ngôn ngữ giống nhau. Nhưng qua những hiểu nhầm và quan trọng hơn nữa, trong một bầu không khí e ngại và nghi ngờ lẫn nhau họ đã đẩy nhau vào những vị thế mà những dung nhượng có thể được càng ngày càng mất đi. Đã có một số lúc mà người ta thấy mọi chuyện có thể được giải quyết một cách ôn hòa, nhưng vào phút chót những cơ hội đó lại tan biến. Và điều mỉa mai là máu đã đổ tại Thiên An môn mặc dù không ai muốn. Những mệnh lệnh của tất cả các cấp chỉ huy quân sự đưa ra đều nói rõ, không được dùng súng bắn vào dân chúng, nhưng điều đó đã xảy ra khi những binh lính không được huấn luyện đầy đủ gặp phải những chống đối mà họ chịu không nổi.

Có lẽ bài học căn bản cho những người muốn nhìn vào lịch sử là vai trò của những lực lượng vũ trang, quân đội và công an. Những chuyện xảy ra sau đó tại Đông Âu cho thấy, những chế độ Cộng Sản tại các nước này đã chỉ sụp đổ khi những giới lãnh đạo không sử sụng được vũ lực để đàn áp các phong trào đấu tranh đòi dân chủ vì, hoặc họ không còn ý chí chống trả, hoặc các lực lượng vũ trang đã từ chối không còn tuân theo mệnh lệnh của họ nữa.

Chú thích

1. *The Tiananmen Papers* compiled by Zhang Liang, Eds A.J. Nathan và P. Link, LittleBrown and Co London, January 2001

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

NGUYỄN HÙNG VŨ

Hỗn Mang và Hài Hòa (Chaos and Harmony)

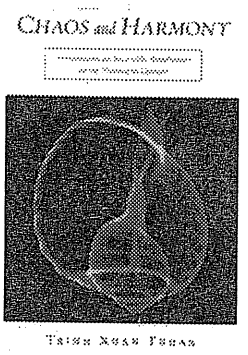

biên khảo khoa học của giáo sư thiên văn gia **Trịnh Xuân Thuận.** Sách viết bằng tiếng Pháp, dịch giả Alex Reisinger chuyển Anh ngữ, 366 trang, ấn bản năm 2001 do nhà xuất bản Oxford, giá 35MK.

Một cuốn sách khoa học phổ thông viết cho đại chúng, cũng như cuốn "Giai điệu Bí Mật" nổi tiếng ông viết cách đây mấy năm. Đây là một tổng quan khoa học khá đầy đủ, gói ghém hầu hết những khám phá căn bản vật lý, từ vật lý vi hạt, nguyên lượng, hóa học, sinh học, cho đến thiên văn học lẫn vũ trụ học. Gs Thuận trình bày khái quát những quan niệm của con người về thiên nhiên từ thời cổ Hy Lạp cho đến cuối thế kỷ 20, và ông dùng sự nghiệp của những khoa học gia uy tín qua nhiều thế kỷ để đi đến một đúc kết khá chi tiết về tình trạng của vũ trụ hiện hành.

Chủ đề chính của cuốn sách nhắm vào hai sự kiện nổi bật trong vũ trụ ta đang sống, đó là "Hỗn mang" và "Hài hòa." Khi nói đến hai sự kiện này, giáo sư Thuận nhìn vũ trụ như một tấm vải vẽ và thiên nhiên như một cây cọ để giải thích tính chất hằng hữu của hỗn mang trong tất cả sự vật. Rất nhiều quan niệm lớn về không thời gian lẫn vật chất được ông đề cập và giải thích một cách thỏa đáng. Tuy là sách khoa học, nhưng những vấn nạn nan giải có tính siêu hình của con người như nguồn gốc và sự hình thành của vũ trụ, về sự sống trên địa cầu, quan niệm về freewill cũng đã được ông giải thích một cách tường tận, khúc chiết. Những ngộ nhận về ngôn ngữ về những vấn đề triết lý của thần học Tây phương được ông hóa giải và tháo gỡ qua lối giải thích về ý nghĩa của hỗn mang. Đây là điểm đặc sắc của Gs Thuận, một trí thức Phật giáo và một tâm hồn Á đông chịu ảnh hưởng triết lý duyên nghiệp. Triết lý Phật giáo càng ngày càng được thịnh hành ở Âu Châu, vốn là cái nôi của tiến bộ trí thức của nhân loại qua bao thế kỷ. Những khám phá mới mẻ về khoa học, từ vũ trụ học cho đến tiến hóa, môi sinh học và những ngành nghiên cứu về hiện tượng tổng thể của tâm thức (neuralnet theories) đã làm rung chuyển và sụp đổ cả một hệ thống thần học/siêu hình học Tây phương, từ Aristotle cho đến Descartes. Triết lý Phật giáo ngày càng bén rễ vào thế giới Tây phương, *Hỗn Mang và Hài Hòa* có thể xem là một biểu hiện của hiện tượng ấy, một kết quả tư duy kết hợp vừa triết học vừa khoa học.

Là một cuốn sách khoa học, dĩ nhiên ông tránh không đề cập đến tôn giáo hay ý nghĩa thần thánh một cách trực tiếp, nhưng người đọc cảm nhận được hương vị triết lý Đông phương bàng bạc trong cuốn sách qua những quan niệm của ông về thiên nhiên và những định luật vật lý vận hành trong vũ trụ.

Người đọc cần có một trình độ khoa học trung học để nắm vững và đả thông những quan niệm khó khăn như phá đối xứng(symmetry breaking), tiên định và tình cờ, bất định lượng tử, nguyên lý tương quan, thuyết tương đối, thuyết hỗn mang, ảnh hưởng cánh bướm, sự biến thiên của hỗn mang mang tính phi tuyến (non-linear), fractals, hiện tượng ngẫu hiện (emergent properties), hiện tượng tự phối trí của vật chất, hiện tượng đa dạng hóa(variation) và phức tạp hóa (complextification) của thuyết tiến hóa, sự tự xuất hiện, bộc phát và bành trướng của vũ trụ qua quan niệm tiềm dẫn vi lượng (tunneling), phân rã dương tử, và những quan niệm mới về không thời gian và bản thể sự vật như thuyết vi tuyến. Bao nhiêu câu hỏi "tại sao?" được ông trả lời thỏa đáng.

Một cuốn sách viết chi tiết, súc tích nhưng tương đối dễ đọc. Gs Thuận đề cập đến rất nhiều lãnh vực mới đòi hỏi người đọc nhiều nghiền ngẫm và suy tư. Đối với những độc giả yêu chuộng khoa học và kiến thức chung thì đây sẽ là một kho tàng vô giá của một trí thức có tầm vóc quốc tế. Cuốn sách là một công trình biên soạn công phu, có khả năng truyền đạt rất cao, có thể giúp cho độc giả nhận ra ý nghĩa sự sống trong vũ trụ, tạo cho mình một nền tảng kiến thức khoa học làm vốn liếng căn bản cho suy tưởng của mình. Song song với cuốn này, người đọc có thể tham khảo những

cuốn như "Timeless Reality" của Victor Stenger và "The end of time" của Julian Barbour để bổ túc.

Bè Bạn Gần Xa

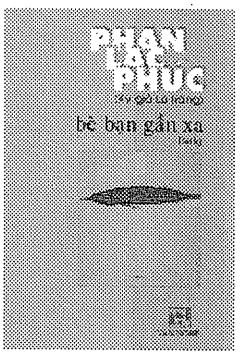

bút ký của nhà văn/ký giả **Phan Lạc Phúc,** thường được biết qua bút hiệu "Ký Giả Lô Răng," Văn Nghệ xuất bản, 460 trang, giá 22MK, ngoài Mỹ 25MK.

Trong *Bè Bạn Gần Xa* ký giả Lô Răng, bằng một giọng văn chân tình nhưng không kém lưu loát bặt thiệp, đã gửi đến độc giả bao nhiêu chuyện trong cuộc đời thăng trầm của ông qua kinh nghiệm sống và kiến thức dày dặn về thế thái nhân tình. Người đọc lớp tuổi 40 trở lên sẽ như bắt gặp lại một quãng đời mình trong bút ký này, với bao nhiêu chuyện vui buồn xoay vần trong hơn ba thập niên vừa qua tại mảnh đất tang thương dâu bể gọi là Việt Nam. Mỗi bút ký của ông là một mảnh kỷ niệm gợi chúng ta nhớ lại quê nhà trong thời chiến và thời hậu chiến. Tâm tình của ông chứa chan và ngòi bút ông có mãnh lực truyền đạt cái tâm tình đó đến người đọc, vì thế rất dễ đọc độc giả sẽ rất dễ cảm động và thân thiện với ông.

"Nhân vật" trong truyện, "bè bạn gần xa" như tựa đề đã nói lên, là những con người có thực, thân cũng như sơ, những bè bạn, chiến hữu ông đã từng sống chung, làm việc chung hoặc đã cùng trải qua những kinh nghiệm cay đắng trong thời gian đi tù cải tạo cộng sản.

Người đọc nhận ra rằng đối với ông, tình bằng hữu có lẽ là một yếu tố làm cho ông cảm thấy đáng sống và đáng lưu giữ hơn nhiều thứ khác. Ông viết, "... Được, thua, lên voi, xuống chó, bạc tiền danh vọng... tất cả rồi sẽ qua đi. Trong tâm hồn chúng ta, già rồi mới thấy, chỉ còn lại một vài điều đáng nhớ..." Thật là những lời tâm sự thấm thía!

Bút ký trải ra như một cuốn phim, một thiên tự sự, cho thấy những thăng trầm của một cá nhân, của bằng hữu, đất nước, dân tộc, khi người viết tuổi tác đã bắt đầu xế bóng.

Tà Áo Văn Quân.

tuyển tập truyện ngắn của **Nguyễn Đức Tường,** Thế Kỷ xuất bản, 286 trang, giá 16MK. Liên lạc: báo Thế Kỷ 21.

Tuy lần đầu tiên in sách, nhưng tác giả Nguyễn Đức Tường đã là một cây bút khá quen thuộc, với các truyện ngắn đăng báo. Cách đây mấy năm truyện "Tà Áo Văn Quân" đã xuất hiện trên *Thế Kỷ 21* và nay được dùng làm tựa đề cho cuốn sách này.

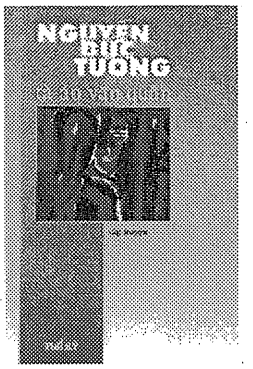

Qua bảy truyện ngắn, tác giả gây ấn tượng nơi người đọc một bằng một văn phong gọn ghẽ, sắc sảo của một người cầm bút chuyên nghiệp và từng trải. Những nhân vật qua ngòi bút anh đều có một sắc thái riêng, có cá tính vững chãi và độc lập. Mỗi chuyện là một mảnh đời sống riêng tư của nhân vật, một giai đoạn nào đó thật có ý nghĩa - có lẽ là ý nghĩa nhất - trong đời họ.

Bắt đầu từ truyện ngắn "Kibbutz" cho đến chuyện cuối "Chung Cư," có thể nói mỗi truyện đều có một nét thành công riêng, từ bút pháp, kỹ thuật viết cho đến tinh thần và thông điệp mà tác giả muốn chuyên chở.

"Đường Đi Chưa Đến" là một truyện thú vị, một chuyện tình, trong đó vai chính là một nữ sinh viên y khoa tên Minh. Với một đầu óc mới mẻ, một cá tính khá bản lãnh, và một tâm hồn nóng hổi những đam mê, Minh đã "nhập nhằng" với một người tình tên Tuấn. Câu chuyện nhập nhằng ấy kéo dài khá lâu nhưng rồi cũng không đi đến đâu. Không đi đến đâu không phải tại duyên số, cũng chẳng phải tại vì yêu nhau không đủ mặn nồng. Đúng ra, nhân vật chính tuy yêu, nhưng dường như tác giả chủ ý cố tình cho nhân vật nữ xem thường người tình của mình qua những phát biểu kiểu như *"Thiện ý! Thiện ý! Bao giờ Tuấn cũng đầy thiện ý. Nhưng thiện ý là viên gạch thường được dùng để lát những con đường đi vào địa ngục," "Tôi đọc ở đó một ngu tối, một sự hy sinh phi lý, không cần thiết; nói tóm lại, một phí phạm."* Đoạn cuối, nhân vật tên Minh viết cho người tình một bức thư chia tay cứng rắn giống như cá tính của nàng, khi quyết định lập gia đình với người không phải là người tình. *"Tôi viết cho Tuấn như vậy. Hai tuần nữa tôi sẽ về lập gia đình; một ân hận rất lớn của đời tôi là không mang theo được những ước vọng, những đam mê vào trong hôn nhân, và mặc dầu cố gắng, tôi vẫn bị chi phối bởi những định luật của thống kê. Sức chịu đựng của cơ thể tôi đến đấy là hết."*

Thâm thúy, mỉa mai, và thực tế. Thực tế một cách buồn thảm chua chát. Những gì ý nghĩa nhất, giá trị nhất trong cuộc đời lắm khi thường bị chi phối nặng nề và quyết định bởi những gì tầm thường, tồi tàn và vô nghĩa.●

Những món quà ĐẸP và QUÝ tặng nhau dịp đầu năm

Tập truyện

TÀ ÁO VĂN QUÂN

của NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

Truyện tình. Mỗi mối tình là một sắc thái riêng, một tà áo phất phơ bay mãi trong tâm trí tác giả và người đọc.
Những tà áo bay làm xao động cả mùa Xuân,
TÀ ÁO VĂN QUÂN.
Giá (kể cả cước phí): US$16.00 trong nước Mỹ.
US$18.00 ngoài nước Mỹ

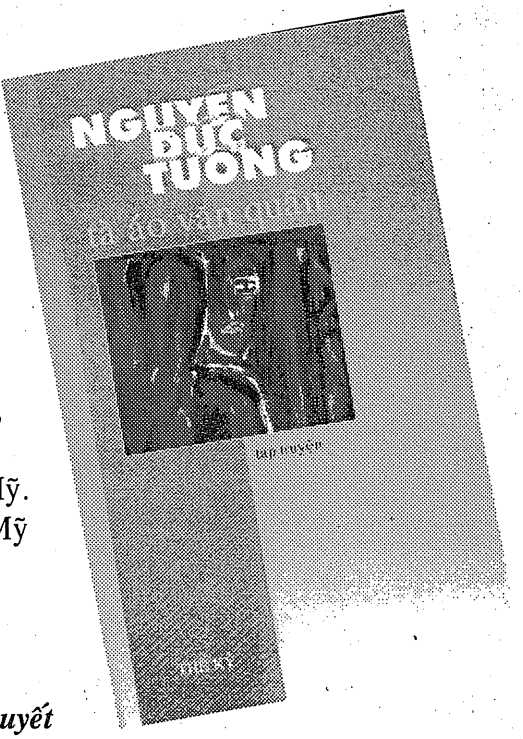

Cuốn tiểu thuyết "vào hàng hay nhất của thời đại chúng ta"

BÊN GIÒNG SÔNG HẰNG

của tác giả Nhật Bản
VIỄN ĐẰNG CHU TÁC - ENDO SHUSAKU
dịch thẳng từ bản Nhật ngữ: **NGUYỄN VĂN THỰC**

Sự khó khăn của Kitô giáo trong tiến trình hội nhập vào tâm thức Nhật Bản là đề tài lớn trong sự nghiệp sáng tác của tác giả. Nhưng phải chờ đến BÊN GIÒNG SÔNG HẰNG (Thâm Hà), kể chuyện một nhóm du khách Nhật Bản đi thăm Ấn Độ, người ta mới thấy được thị kiến về một tâm-thức-mới chuyên chở được muôn dòng sông tư tưởng và tôn giáo.
Nhóm du khách đã đến bên sông Hằng, đã chạm đến cái mênh mông của dòng sông thiêng cũng như của tâm linh muôn thuở...
Giá (kể cả cước phí): US$15.00 trong nước Mỹ.
US$17.00 ngoài nước Mỹ.

***Thư từ, tiền bạc xin liên lạc:* YEN TRAN**
9702 Bolsa Avenue # 112, Westminster CA 92683 - USA
Tel: (714) 839-8746

Orange County, California, USA

Thuh Beauty Institute

8181 Bolsa Ave.
Midway City, CA 92655

TỐT NGHIỆP Và KINH NGHIỆM

* State Board Certified in Cosmetics, CA. USA.
* Certified in Make Up + Maquillage, International Forum, Paris, France.
* Certified in Semi Permanent Make Up + Pigmentation, Biology Research, Paris, France.
* Pola Cosmetics, Tokyo, Japan.
* Lan Nomolee Cosmetics, Beijing, China.
* Member of Aestheticians International Association.
* Registered Nurse (R.N.) Cal. State Long Beach, CA, USA.
* Bachelor of Science in Nursing (B.S.N.) Cal. State San Francisco, CA, USA.
* Surgical Head Nurse & Office Manager, Plastic Surgery Clinic, Orange County, CA, USA.
* B.A. in Education (Pedagogy) and B.A. in Psychology, Univ. of Saigon, VietNam.
* International Congress of Beauty 1990, Cannes, France.
* European Festival of Aesthetics 1990, La Baule, France.
* Aesthetics World Expo 1991 + 1992 + 1993 + 1994 + 1995 + 1996 + 1997 + 1998 + 1999 + 2000 CA, USA.
* Aesthetics Congress 1991 + 1992 + 1993 + 1994 + 1995, Paris, France.
* Cosmetics Expo Kospafu 1992, Zurich, Switzeland.
* Professional Beauty 1992, Olympia 2, West London, England.
* International Congress of Beauty 1992, Ethens, Greece.
* Cosmoprof 1993, Bologna, Italy.
* International Scientific Congress of Aesthetics, 1994 Rio De Janeiro, Brazil.
* Carol Priest Natural Cosmetics 1995, Wellington, New Zealand.
* Red and Earth Product 1995, Sydney, Australia.
* Lina Bocardi and Vittess La Cosmettica1997, Madrid, Spain.
* Biofol 1998, Montreal, Canada.
* Implan Prod. 2000, Capilustro, Belgium.

Cô Bạch Thuhà
R.N., B.S.N., ESTHETICIAN
Chăm sóc và điều khiển

Tel: (714) 8-949-949
(714) 609-8018
Fax: (714) 894-0466

Email: bachthuha2000@yahoo.com

GIẢI PHẪU THẨM MỸ TẠO HÌNH

Do Bác Sĩ Chuyên Môn Đảm Nhận

✦ **GIẢI PHẪU**
- Mắt mũi, môi, cằm, tai,bàn tay.
- Căng da mặt, căng da bụng.
- Nâng ngực cao, làm ngực nhỏ lại.

✦ **PHƯƠNG PHÁP NỘI SOI:**
(Endoscopic plastic surgery)
- Sửa ngực lớn không để thẹo
- Căng da trán, nâng chân mày.

✦ **TIA LASER:**
- Xóa nếp nhăn trên mắt.
- Lấy mở mắt dưới không để thẹo.

✦ **HÚT MỠ:**
- Càm, bắp tay, lưng, mông, bụng, đùi.

✦ **CHỮA TRỊ CÁC HÌNH THỨC SILICONE.**

✦ **Giải phẫu bộ phận sinh dục đã biến dạng sau khi sanh nở.**

CHUYÊN MÔN

** Facial* ** Lột da mặt* ** Thuốc mọc tóc* ** Dầu thơm Pháp*
** Dưỡng da* ** Xâm Thẩm Mỹ* ** Mỹ phẩm & Kem Dưỡng da SOTHYS (Pháp)*
** Trang điểm: Cô dâu, dạ hội.* *JAN MARINI RESEARCH (Mỹ)*
*** Chữa trị da nám, Tàn nhang, Vết sẹo vi mụn**
** Lớp Dạy Trang Điểm và Xâm thẩm mỹ*
** Khách ở xa có xe đưa đón và chỗ ở tiện nghi.*

NHẬN VISA & MASTER CARD & TRẢ GÓP

BẰNG PHƯƠNG PHÁP ĐẶC BIỆT DO THUH BEAUTY NGHIÊN CỨU VÀ CHĂM SÓC SAU MỘT THỜI GIAN NGẮN SẼ CÓ LÀN DA TƯƠI MÁT MỊN MÀNG

2001-436

Bolsa Medical Center

10362 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 - **(714) 531-2091**

AMVI, AMVI / PROSPECT SỐ 27 & BOLSA MEDICAL GROUP

in affiliation with

FOUNTAIN VALLEY REGIONAL HOSPITAL

17100 Euclid Ave., Fountain Valley, CA 92708 - **(714) 966-7250**

TRUNG TÂM Y TẾ TOÀN KHOA

TRUNG TÂM GIẢI PHẪU NGOẠI CHẨN

PHÒNG ĐIỀU TRỊ KHẨN CẤP, QUANG TUYẾN & THỬ NGHIỆM

- Trung tâm được trang bị với các dụng cụ y tế tối tân nhất trên thị trường hiện nay, chuyên về các trường hợp giải phẫu mà bệnh nhân có thể về nhà ngay không cần ở lại đêm.
- Trung tâm có bác sĩ chuyên khoa về gây mê, bác sĩ chuyên khoa về tim thường trực để bảo đảm và theo dõi sự an toàn của quý vị.
- Trung tâm được công nhận bởi các cơ sở y tế địa phương và tiểu bang.

CHUYÊN TRỊ:

* Nội, Ngoại Thương, Sản Phụ Khoa, Nhi Khoa, Nha Khoa, Bệnh Người Già, Bệnh Đường Tiêu Hóa, Ruột....
* Các bệnh khẩn cấp, nóng sốt, tiêu chảy, ói mửa, tiểu rát, tiểu ra máu người lớn và trẻ em.
* Các tai nạn xe cộ, nghề nghiệp, ở nhà & ở sở
  - Khâu các vết thương.
* Các bệnh cấp tính đau nhức, đau xương, đau bụng, đau lưng, nhức đầu, đau mắt, bong gân, gẫy xương.
* Các bệnh khó thở, tức ngực, suyễn, sưng phổi, đau tim.

Xin mời quý vị đón nghe Chương trình Hội Thoại Y Khoa của Tổ Hợp Y Tế Bolsa Medical Group, hàng tuần vào mỗi thứ Tư, từ 2:15 PM - 3:15 PM và sáng thứ Sáu từ 6:15 AM tới 6:30 AM trên băng tần 106.3 FM, VNCR. Chúng tôi sẽ giải đáp tất cả những vấn đề liên quan đến sức khỏe của quý vị.

* *Nhận Medi-Cal, Cal OPTIMA, Medi-Care, HMO & PPO & hầu hết các loại bảo hiểm.*
* *Giá đặc biệt cho khách trả tiền mặt hoặc thẻ tín dụng với các dịch vụ giải phẫu & săn sóc thai nhi.*
* ***Có xe chuyên chở cho quý vị không có phương tiện di chuyển (Xin lấy hẹn)***
* *Có chỗ đậu xe rộng rãi và an toàn đằng sau Trung Tâm.*

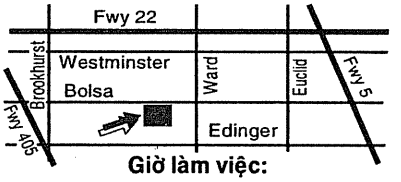

Giờ làm việc:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9 AM - 8 PM & Thứ Bảy: 9 AM - 4 PM

AMVI Medical Group, Fountain Valley Regional Hospital and Medical Center, affiliated with Telnet HealthSystem

DANH SÁCH CÁC BÁC SĨ CỦA BOLSA MEDICAL GROUP

B.S. PHẠM ĐĂNG LONG CƠ, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn

B.S. BÙI THỊ LÃM THÚY, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. NGUYỄN HỮU HÙNG, M.D.
Nội Khoa, Bệnh Người Già

B.S. VĂN KỲ CHƯƠNG, M.D.
Giải Phẫu Tổng Quát

B.S. NGUYỄN VĂN LỘC, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên

B.S. DƯƠNG HỒNG TẠO, M.D.
Tim Mạch, Nội Thương

B.S. HOÀNG THANH VINCENT, M.D.
Nội Khoa và Y Khoa Gia Đình

B.S. HOÀNG THẢO CHRISTINE, M.D.
Sản Phụ Khoa

B.S. NGÔ NGỌC TRÂN, M.D.
Chỉnh Xương

B.S. DAVID NGUYỄN, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên

B.S. PHẠM VIỆT ANH, M.D.
Gia đình, Gây mê, Đau nhức

B.S. PHAN QUỐC QUANG, M.D.
Bệnh Bao Tử, Đường Ruột

B.S. QUẢN TRỌNG THANH LAN, M.D.
Nhãn Khoa

B.S. PETER NGUYỄN, M.D.
Giải Phẫu Thẩm Mỹ

B.S. VŨ QUỐC ĐỊNH, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn

B.S. BÙI THIỆN TRIỆU, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Trẻ Em

BS. NGUYỄN SONG ANH TÚ, M.D.
Nội Khoa, Y Khoa Gia Đình

B.S. LƯU THỊ LỢI, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. LAUREN YẾN CHÂU TRẦN, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. HOÀNG QUÝ MINH, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng

B.S. NGUYỄN THANH THÙY, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng

Khi quý vị chọn BOLSA MEDICAL GROUP, quý vị đã chọn một Trung Tâm Y Tế có khả năng đem lại cho quý vị những dịch vụ y tế đầy đủ và phẩm chất cao. Trung Tâm Y Tế Bolsa được trang bị bởi những dụng cụ tối tân nhất như hệ thống Laser, Video và đặt trọng tâm vào lãnh vực săn sóc sức khỏe, chẩn và trị bệnh cho cộng đồng Việt Nam. Ngoài Phòng Thử Nghiệm và Phòng Quang Tuyến tối tân đúng tiêu chuẩn của Cơ Quan Y Tế Tiểu Bang California, Trung Tâm Giải Phẫu Ngoại Chẩn của Bolsa Medical Group còn chuyên về các dịch vụ giải phẫu mà bệnh nhân không cần ở lại qua đêm, giúp quý vị tiết kiệm thời gian và tiền bạc.

PRESORTED
STANDARD
U.S. POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN WESTMINSTER

Bác Sĩ LÊ VĂN GIAO M.D.

(Nguyên Giáo Sư Đại Học Y Khoa USC)

15550 BROOKHURST ST., STE #A, WESTMINSTER, CA 92683

(Góc McFadden, đối diện Jack In The Box)

(714) 839-4311 * (714) 839-4321

- *Trung Tâm định bệnh và truy tầm các chứng bệnh nội ngoại thương, các loại ung thư Nam Nữ và Trẻ em bằng phương pháp:* ***QUANG TUYẾN, SIÊU ÂM, SPIRAL CAT SCAN và OPEN MRI mới nhất và tối tân nhất hiện nay.***
- ***Trung Tâm Quang Tuyến Bác Sĩ Giao*** *đang hợp tác với các Bác Sĩ gia đình và chuyên khoa phục vụ quý vị tại Quận Cam cùng các nơi xa đến trên 10 năm nay.*
- *Trung Tâm tọa lạc tại một địa điểm khang trang, rộng rãi, lịch sự và đặc biệt được trang bị những máy móc tối tân nhất và duy nhất tại Cộng Đồng người Việt tại hải ngoại.*

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN WESTMINSTER

1- ***MÁY GE-DMR PLUS MAMOGRAPHIC SYSTEM*** - Truy tầm ung thư vú - Đây là loại máy Digital mới nhất hiện nay, giúp định bệnh vô cùng chính xác với số lượng quang tuyến rất thấp, do nữ chuyên viên có bằng cấp thực thụ đảm nhiệm. Trung Tâm đã được sự chỉ định và ban khen của Hội Ung Thư Hoa Kỳ, thêm nữa **Bác Sĩ Giao** luôn có mặt tại chỗ để hướng dẫn giải đáp mọi thắc mắc của quí bà và quí cô.

2- MÁY GE-LUNAR PRODIGY-BONE DENSITOMETER (Máy đo xốp xương): Máy Lunar tối tân và chính xác nhất để truy tầm bệnh xốp xương của mọi lứa tuổi.

3- MÁY SIÊU ÂM MẠCH MÁU - Để truy tầm các bệnh ung thư nội ngoại thương và đặc biệt bệnh nghẽn mạch máu toàn thân. Máy này cũng do nữ chuyên viên có bằng thực thụ điều khiển.

4- MÁY SPIRAL CAT SCAN HOẶC HELICAL CAT SCAN - Loại mới nhất hiện nay do hãng SIEMENS của Đức chế tạo và chỉ có duy nhất tại Cộng Đồng Việt Nam. Máy này chỉ cần một phút là định được chính xác những bộ phận nào bị hủy hoại, suy yếu trong cơ thể. Quí vị nào dễ bị chứng ngộp ngạt (Claustrophobia) khi phải nằm trên những máy móc khác quá lâu, nay với máy này sẽ cảm thấy thật thoải mái.

5- MÁY HITACHI OPEN MRI - Mặc dầu không nhanh bằng máy SPIRAL nhưng khi định bệnh những bộ phận mềm thì rất là xuất sắc. Thêm nữa vì là OPEN MRI nên bệnh nhân không bị ngộp thở, gò bó như máy khác. Trung Tâm còn nhiều loại máy tối tân khác để phục vụ quí vị và sẵn sàng đón nhận và giải đáp những thắc mắc của quí vị.

Ấn Phí: 5 Mỹ Kim